道

ĐẠO — cội nguồn, cũng là dòng chảy

BUÔNG TAY

Học Lão Tử sống không gắng

Một cuốn sách nhỏ, viết bên ấm trà
cho ai muốn học Lão Tử từ đầu

TRỌN 81 CHƯƠNG

2026

Lời tựa

Có một câu tôi nghe hoài từ những người cầm thử một bản Đạo Đức Kinh trên tay: *”Đọc xong tôi chẳng biết gì cả.”*

Lỗi ấy không phải ở người đọc. Lần trước tôi từng làm một quyển để so sánh các bản dịch —đem ba ông học giả xếp cạnh nhau cho người ta xem họ cãi nhau. Đọc xong chỉ thấy ba dải màu tranh luận, chẳng được dạy một điều gì về sống. Đó không phải sách dạy.

Nên lần này tôi đổi hẳn.

Tôi không mặc áo ”nhà thông thái” kênh kiệu. Tôi chỉ ngồi bên ấm trà, cầm lia một cây đèn, kể lại từng lời Lão Tử sao cho ai cầm sách cũng hiểu và dùng được. Chẳng cần biết chữ Hán. Chẳng cần bằng cấp triết học. Chỉ cần cái thói quen vốn có: mỗi khi nghe một điều, tự hỏi *”cái này áp vào đời mình thế nào?”*.

Tôi dựa vào ba cuốn sách làm cứu cánh:

- **Vương Bật chú** (thế kỷ III, bản hiệu đính của Lâu Vũ Liệt 1980) —mạch nghĩa sâu nhất, gần thời Lão Tử nhất.
- **David Hinton** (2015) —bản tiếng Anh thi ca, nhiều chú thích hay.
- **Lâm Ngữ Đường** —**Nguyễn Hiến Lê** —lời bàn tiếng Việt, giản dị.

Tôi mượn họ để hiểu, chứ không để tranh luận. Chỗ nào họ khác nhau, tôi để hết vào phụ lục —trang sách này chỉ giữ lời dạy.

Tôi sẽ móc nối Lão Tử với đời thường: với một bước chân dưới trời sớm, với một hơi thở biết dừng, với cái cây ven đường ai cũng đi ngang mỗi ngày. Tôi dùng dòng sông, vỏ ốc, nhành cây, ấm trà —chứ không dùng thuật ngữ. Vì người cầm quyển này không phải ai cũng là kỹ sư, và tôi viết cho cả mọi người.

Cứ đọc. Mỗi tối một chương. Đến chương 81, có khi mình đã đổi mà không hay.

Tôi ký lời tựa này bằng tên Nguyễn Phú Hoàng. Còn Đại Ngu Aloha NPH ở chân trang là bút danh tôi mang suốt 81 chương —cũng là một người ngồi bên ấm trà ấy thôi.

—*Nguyễn Phú Hoàng*

Cách đọc

Mỗi chương đi theo một nhịp như nhau, năm phần nhỏ:

1. Đoạn Hán và dòng phiên âm Hán Việt. Chữ Hán mỏng một khổ, ngay dưới mỗi dòng là cách đọc Hán Việt, để ai không biết chữ Hán vẫn đọc được nhịp của câu. Ai muốn bỏ qua hai dòng ấy cũng được —lời giảng bên dưới tự đứng được.

2. Gẫm (phần chính). Đây là phần người đọc cần nhất. Tiếng Việt rành mạch, kể lại nghĩa và gắn vào đời thực. Tôi dùng hình ảnh đời thường —dòng sông, vỏ ốc, nhành cây, ấm trà —chứ không dùng thuật ngữ, nên dù chẳng rành mấy khái niệm vẫn theo được.

3. Điển tích (典). Một chuyện xưa có thật, lấy từ Sử ký, Trang Tử, Luận ngữ, Thi kinh... để lời dạy có chỗ bám vào đời người từng sống. Tôi ghi rõ tên sách, không bịa chuyện cho đẹp.

4. Đời nay (今). Cùng một ý ấy, đem về điện thoại, cuộc họp, bát cơm, đứa trẻ đang lớn. Không phải bài học đạo đức, chỉ là soi cho thấy lời cũ vẫn còn đang xảy ra.

5. Khoảng lặng (cuối chương). Một nhịp để người đọc dừng lại. Không phải bài tập bắt buộc, chỉ là chỗ cho lời dạy thấm vào một ngày của mình.

Mấy điều nhắn trước

- **Đừng đọc một hơi 81 chương.** Một chương mỗi tối là đủ. Lão Tử là nước, uống từng ngụm.

- **Chữ Hán trong sách là bản Vương Bật (王弼本)**, theo hiệu đính Lâu Vũ Liệt 1980. Chi tiết xem Về bản văn.
- **Ba nguồn khác nhau ở đâu, tôi để hết ở phụ lục** —đọc khi tò mò hoặc muốn tranh luận, không bắt buộc.
- **Dòng Hán Việt là cách đọc của tác giả**, không phải chú thích của Vương Bật. Những chữ đa âm, dị bản và chỗ còn nghi được gắn cờ ở Hán Việt cần duyệt để ai cần tra cứu thì tra.
- **Sách này không thay thế sách gốc.** Nó là cầu. Qua được cầu rồi, muốn lội sâu học thuật, có KHE ĐẠO để dành.

Bắt đầu từ Chương 01 thôi.

Về bản văn

Quyển sách này lấy **bản Vương Bật (王弼本)** làm gốc, theo bản hiệu đính của **Lâu Vũ Liệt, *Vương Bật tập hiệu thích*, Trung Hoa Thư Cục, 1980**. Đó là bản cổ nhất còn nguyên mạch chú, và gần thời Lão Tử nhất trong ba nguồn tôi có.

Ba nguồn và cách tôi dùng

Nguồn	Vai trò trong sách	Chỗ nào khác nhau
Vương Bật / Lâu Vũ Liệt	Gốc nghĩa; ảnh quét dùng để soi lỗi chép/gõ, không để ép dị bản	Làm nền chính
David Hinton (2015)	Gợi mở nghĩa qua thơ Anh ngữ và chú thích	Ghi ở phụ lục khi lệch
Lâm Ngữ Đường —Nguyễn Hiến Lê	Giọng Việt giản dị	*Vắng mặt ở hầu hết các chương* —ông viết tiểu luận, không dịch 81 chương

Giới hạn tôi phải nói thẳng

Một —Văn bản Hán in trên trang là để đọc hiểu, không phải để công bố học thuật. 81 đoạn gốc trích từ bản điện tử 道德經 (Gutenberg, rất gần Vương Bật), có chỉnh dấu câu. **Đã đối chiếu với ảnh quét**: toàn bộ 81 đoạn được đối chiếu với ảnh quét 王弼集校釋 (Lâu Vũ Liệt 1980). Bốn lỗi chép/gõ đã sửa (chương 64 ba chỗ, chương 73 một chỗ) cùng một chỗ cùng lớp ở chương 69; ba dị bản thật (chương 15, 17, 21) giữ nguyên có ghi chú; hệ chữ 于, 后, 谷 cũng giữ cho nhất quán. Ba chương 50, 61, 75 vốn thiếu dấu câu cuối ở bản điện tử, bản này đã thêm dấu cho đồng nhất với 78 chương còn lại. Bản 2026 này là bản đọc trọn 81 chương = Thượng kinh 01—37 + Hạ kinh 38—81.

Hai —Dòng phiên âm Hán Việt do tôi tự đọc, chưa qua người Hán Nôm thẩm định toàn bộ. Chữ hiếm ở chương 50 (đang đọc *tỉ*, có nguồn đọc *huỷ*) và chữ ở chương 74 (đang đọc *trác*) vẫn chờ chốt âm —tôi ghi rõ ngay trong chương, không giấu. Các chữ đa âm, dị bản và chương có ghi chú bản văn đều liệt kê trong Sổ cờ Hán Việt.

Ba —Lời giảng là của tôi, không phải lời Lão Tử. Chỗ nào tôi diễn giải (ví dụ ”mài bớt cái nhọn” ở chương 4), đó là lời tôi viết, không phải chú của Vương Bật.

Bốn —Nơi các bản lệch nhau, tôi giữ chữ bản nguồn và ghi chú rõ ở phụ lục; chỉ sửa khi ảnh quét xác nhận đó là lỗi chép/gõ. Không trộn hai bản thành một văn bản giả, cũng không tự sửa im lặng.

> *Quyển sách này đứng trên vai ba người trên. Mọi sai sót thuộc về tôi, người ngồi bên ấm trà ấy, không thuộc về Vương Bật, Hinton hay Lâm Ngữ Đường.*

第一章

Đừng nhốt dòng sông vào chiếc cốc

道可道

道可道，非常道；名可名，非常名。
Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh.

無名天地之始；有名萬物之母。
Vô danh thiên địa chi thỉ; hữu danh vạn vật chi mẫu.

故常無欲，以觀其妙；常有欲，以觀其徼。
Cố thường vô dục, dĩ quan kỳ diệu; thường hữu dục, dĩ quan kỳ kiếu.

此兩者，同出而異名，同謂之玄。
Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh, đồng vị chi huyền.

玄之又玄，衆妙之門。
Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn.

GẪM

Mở đầu cuốn sách vỏn vẹn năm nghìn chữ, Lão Tử đã dội thẳng một gáo nước lạnh vào thói hay đàm đạo của chúng ta: *Cái gì nói ra được trọn vẹn thành lời, cái đó đã không còn là nó nữa.*

Con người có một nỗi bất an truyền kiếp. Hễ thấy một điều gì mơ hồ, ta lập tức muốn đặt tên cho nó. Một cảm xúc lạ lùng vừa chớm trong lồng ngực, ta vội gọi là tình yêu, là nỗi buồn,

hay sự cô đơn. Một người vừa bước qua cửa, ta đã dán lên trán họ nhãn mác: thành đạt, thất bại, sang, hèn.

Nhưng cái tên chỉ là vỏ ốc rỗng vớt lên bờ —còn con ốc và đại dương đã trôi đi từ lâu.

Tên gọi giúp ta phân loại thế giới để tiện bề tính toán, nhưng cũng chính nó giam hãm ta. Khi anh gọi một cái cây là ”cây lấy gỗ”, anh không còn thấy sự sống đang trào dâng trong từng thớ vỏ dưới nắng sớm; anh chỉ thấy những khối mét khối và giá tiền. Khi anh định danh chính mình bằng một chức danh, anh bắt đầu sợ —sợ ngày cái danh ấy bị tước đi.

Vô danh là cội nguồn của trời đất: khi mọi sự còn nguyên sơ, thuần khiết, mang trọn khả năng chưa thành hình. *Hữu danh* là người mẹ sinh ra muôn vật: khi sự vật đã mang hình hài, đường nét, phận sự, và cả những giới hạn riêng.

Lão Tử không bảo anh trở thành kẻ câm, cũng chẳng bảo đập vỡ mọi khái niệm. Ngài chỉ nhắc giữ một khoảng lùi trong tâm:

Khi lòng tĩnh, không vướng dục, anh chạm vào cái *Diệu* —chỗ vi tế, sinh sôi, không lời. Khi lòng dấy khởi dục, anh thấy cái *Kiệu* —theo Vương Bật là chỗ quy về, cùng tận, cái bờ cõi sự vật dừng lại. Hai cái thấy ấy, ngẫm kỹ, cùng từ một cội rễ. Sâu thẳm, tối mà mang cả ánh sáng. Xưa gọi đó là *Huyền*. Cứ đi sâu vào sự huyền diệu không lời ấy, cửa của muôn điều kỳ diệu mới mở.

> Chỗ hay về chữ ”dục” (欲): bản Vương Bật có chữ ấy, một số bản đời Tống bỏ đi —xem ở phụ lục nguồn.

ĐIỂN TÍCH 典

Lão Tử viết sách ở ải Hàm Cốc. Đời vua Châu, Lão Tử thấy triều chính suy tàn, bèn cỡi trâu xanh lên đường về phương Tây. Đến ải Hàm Cốc (函谷關), quan lệnh Doãn Hy (尹喜) trông thấy khí tía chạy ngang, biết có bậc thánh nhân sắp qua, bèn lạy xuống nài xin: ”Ngài đã sắp đi, xin vì thiên hạ mà lưu lại lời dạy.” Lão Tử bất đắc dĩ dừng lại, viết xuống hai thiên —Đạo và Đức —vỏn vẹn năm nghìn chữ, rồi lại lên trâu đi khuất.

Chuyện ấy thú vị ở chỗ: chính người viết sách lại là kẻ trước nhất nói *”Đạo có thể nói ra không phải là Đạo thường hằng.”* Ngài không muốn đặt tên, không muốn lưu danh, nhưng trước một lòng thành khẩn khoản, ngài vẫn mở miệng. Quyển sách ra đời không phải vì danh, mà vì một lời thỉnh cầu.

Khổng Tử gặp rồng. Một điển cố khác: Khổng Tử từng đến gặp Lão Tử để hỏi về lễ. Sau khi lui ra, ông bảo học trò: *”Chim, ta biết nó bay; cá, ta biết nó bơi; thú, ta biết nó chạy. Con chạy có lưới, con bơi có lưới, con bay có tên. Còn rồng, thân mang mây mưa, lên trời thăng xuống —miệng chẳng nói nên lời. Nay ta gặp Lão Tử, khác nào gặp rồng!”* Ngay đến bậc ”huân huân” Khổng Tử cũng phải thú nhận: có những bậc thánh không thể gói gọn bằng lời.

ĐỜI NAY 今

Ta sống trong thời đại của những cái tên. Một đứa trẻ vừa lọt lòng đã được gắn hồ sơ: điểm Apgar, chỉ số thông minh, cân nặng chiều dài. Một người vừa bước chân vào mạng xã hội đã vội xây ”thương hiệu cá nhân” —tự gọi mình là nhà sáng tạo, chuyên gia, KOL. Chúng ta định danh mọi thứ để dễ quản lý, dễ bán, dễ đo lường.

Nhưng cái tôi thật sự của một con người không nằm trong cái nhãn. Hãy thử một ngày: đừng gọi việc anh làm là ”nghề nghiệp”, đừng gọi bản thân là ”thành công” hay ”thất bại”. Hãy để sự việc cứ là sự việc. Anh sẽ thấy nhẹ lạ —và có khi mới lần đầu thực sự nhìn thấy nó.

Một ví dụ khác: đứa trẻ vừa vẽ xong một bức tranh, trước khi ai kịp hỏi ”con vẽ cái gì?”, nó đã trọn vẹn trong việc vẽ. Câu hỏi ”vẽ cái gì” vội kéo bức tranh về một cái tên, và thường là lúc niềm vui khựng lại. Lão Tử chỉ nhắc: cứ để nó là, đừng vội gọi tên.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Đừng cố hiểu Đạo như hiểu một công thức.

Hôm nay, bước ra phố, thấy một nhành cây lay nhẹ trước gió, hay đối diện một người thân thuộc —thử một lần đừng gọi tên họ cùng những định kiến cũ. Hãy nhìn họ như lần đầu được thấy trên đời.

Cái thật nhất thường nằm ở chỗ ngôn từ chịu đầu hàng.

第二章

Đẹp và xấu cùng một rễ

天下皆知美之為美

天下皆知美之為美，斯惡已；皆知善之為善，斯不善已。

Thiên hạ giai tri mỹ chi vi mỹ, tư ác dĩ; giai tri thiện chi vi thiện, tư bất thiện dĩ.

故有無相生，難易相成，長短相形，高下相傾，音聲相和，前後相隨。

Cố hữu vô tương sinh, nan dị tương thành, trường đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hoà, tiền hậu tương tuỳ.

是以聖人處無為之事，行不言之教。

Thị dĩ thánh nhân xử vô vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo.

萬物作焉而不辭，生而不有，為而不恃，功成而弗居。

Vạn vật tác yên nhi bất tử, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, công thành nhi phất cư.

夫唯弗居，是以不去。

Phù duy phất cư, thị dĩ bất khứ.

GẪM

Cả thiên hạ đều gọi một điều là đẹp, thì cái xấu đã lặng lẽ hiện diện. Đều gọi một điều là thiện, thì cái bất thiện đã có đó. Lão Tử không chê đẹp, cũng chẳng bênh xấu. Ngài chỉ chỉ ra một sự thật giản dị: hai mặt ấy sinh ra cùng một lúc, như hai cánh của một cánh cửa —mở cánh này tất phải có cánh kia làm khuôn.

Có và không sinh nhau. Khó và dễ nâng nhau. Dài và ngắn đo nhau. Cao và thấp nghiêng nhau. Tiếng và nhạc hoà nhau. Trước và sau nối gót nhau. Xoá đi một bên, bên kia cũng mất nghĩa. Anh từng yêu một người, mới hay thế nào là xa cách. Anh từng mất mát, mới hiểu thế nào là đủ đầy.

Từ chỗ ấy, ngài rút ra cách một bậc thánh cầm việc: **làm mà không cố làm, dạy mà không cần lời.** Muôn vật vẫn sinh sôi, ngài chẳng can thiệp; sinh ra chẳng chiếm hữu, làm xong chẳng tự kiêu, công thành chẳng đứng chỗ. *”Chỉ vì không đứng chỗ, nên chẳng bao giờ mất.”*

Có những lúc anh ôm lấy một việc, siết chặt đến mức quên mất tại sao mình làm. Hãy thử buông bàn tay ra một chút —vật tự sinh, anh đứng bên mà không cản. Cái anh gọi là ”kiểm soát” nhiều khi chỉ là nỗi sợ trá hình.

ĐIỂN TÍCH 典

Tái ông mất ngựa. Thuở xưa, có ông lão ở cõi Tái, một hôm ngựa nhà ông chạy mất sang xứ Hung Nô. Người ta đến chia buồn, ông bảo: ”Sao biết đấy đã là họa?” Quả nhiên mấy tháng sau, con ngựa dẫn về một bầy ngựa hay. Người ta đến mừng, ông bảo: ”Sao biết đấy đã là phước?” Rồi con trai ông cỡi ngựa hay, ngã gãy đùi. Lại chia buồn, ông lại bảo: ”Sao biết đấy là họa?” Năm sau, quân Hung Nô đánh, trai tráng cõi Tái tử chiến gần hết, riêng con ông nhờ gãy đùi mà thoát.

Câu chuyện ấy (từ sách *Hoài Nam Tử*) chính là ”có và không, họa và phước, sinh ra cùng một lúc”. Đẹp và xấu chẳng phải hai vật riêng —chúng là hai mặt của một việc, lật qua lật lại mãi.

ĐỜI NAY 今

Lướt mạng, anh thấy bao người chỉ khoe những khoảnh ”đẹp”: bữa ăn, chuyến đi, thân hình, thành công. Rồi anh lặng lẽ dán nhãn đời mình là ”xấu”, ”thiếu thốn”. Nhưng bức ảnh không kể nửa kia: những ngày bình thường, mệt mỏi, chẳng ai chụp.

Một ví dụ khác: văn hoá ”chấm điểm” —app gọi xe, đặt đồ, nhân viên đều bị 1—5 sao. Một dòng ”5 sao” sinh ra một lô ”không đạt”. Lão Tử nhắc: khi anh đặt thước đo ”đẹp / thiện” lên mọi thứ, anh tự sinh ra cái đối nghịch để khổ. Thử bỏ thước đo một lúc —xem sự việc còn lại là gì.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, mỗi khi anh vừa dán nhãn ”tốt” hay ”xấu” lên một sự việc, hãy dừng một nhịp. Hỏi thầm: mặt kia của nó đang ở đâu?

第三章

Đừng thổi bùng ngọn lửa tham

不尚賢

不尚賢，使民不爭；不貴難得之貨，使民不為盜；不見可欲，使民心不亂。

Bất thượng hiền, sử dân bất tranh; bất quý nan đắc chi hoá, sử dân bất vi đạo; bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn.

是以聖人之治，虛其心，實其腹，弱其志，强其骨。

Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt.

常使民無知無欲，使夫智者不敢為也。

Thường sử dân vô tri vô dục, sử phu trí giả bất cảm vi dã.

為無為，則無不治。

Vi vô vi, tắc vô bất trị.

GẪM

Chương này Lão Tử nói thẳng về **sự khao khát bị khơi lên**. Ngài bảo: đừng suy tôn kẻ tài giỏi, dân sẽ khỏi tranh; đừng coi trọng của hiếm, dân sẽ khỏi trộm; đừng phô ra trước mắt những thứ đáng thèm, lòng người sẽ khỏi rối loạn. Không phải bắt dân ngu —mà là **đừng thổi bùng ngọn lửa tham**.

Câu kế là bảo bối: *”Cầm quyền là làm cho lòng rỗng mà bụng no, chí yếu mà xương cứng.”* 虛其心—tâm trí lặng xuống; 實其腹—bụng được no; 弱其志—cái chấp trước lắng bớt; 强其骨—thân thể cường tráng. Làm cho người ta bớt những ham muốn nhân tạo do kẻ khác dán nhãn vào đầu, chứ không phải làm cho người ta yếu đuối.

Ngày nay, ngọn lửa ấy được thổi bằng **tiếng ồn**. Dòng tin, thông báo, tiêu đề giật gân —toàn thứ làm *tâm đầy, bụng rỗng, xương mềm*. Lão Tử bảo: cai được cái đó, tức là **vô vi** —chẳng cần gượng ép, việc tự mà trị.

ĐIỂN TÍCH 典

Ngọc của Biện Hòa. Đời vua Sở, Biện Hòa tìm được một khối ngọc thô trong núi, dâng vua Lệ Vương. Thợ ngựa bảo đó chỉ là đá, vua phạt ông chặt chân phải. Đời vua Vũ Vương, ông dâng lại, lại bị chém chân trái. Đời vua Văn Vương, ông ôm khối ngọc khóc ba ngày trước cung, nói: ”Tôi buồn không phải vì chân, mà vì ngọc quý bị gọi là đá, người ngay bị gọi là gian.” Vua sai thợ mài, quả nhiên ra viên ngọc tuyệt đẹp —về sau gọi là *Hòa Thị chi bích*, báu vật chấn thiên hạ.

Viên ngọc ấy đã mang họa cho người tìm ra nó chỉ vì nó là ”của khó được” (難得之貨). Lão Tử không bảo đập bỏ ngọc; ngài bảo đừng tôn nó lên làm thước đo, đừng để lòng người vì nó mà rối loạn. Cái tham không sinh từ vật —nó sinh từ cái ”đáng thèm” người ta phô ra trước mắt.

ĐỜI NAY 今

Quảng cáo ngày nay không bán hàng —chúng bán sự ”đáng thèm”. Một đôi giày ”giới hạn 500 đôi”, một chiếc điện thoại ”phiên bản đặc biệt”, một khóa học ”chỉ mở một lần”. Cái *khó được* được dàn dựng lên để anh sợ bị lỡ. Lòng khao khát (可欲) bị khơi, tâm anh rối (使民心不亂) —đúng như Lão Tử nói hai nghìn năm trước.

Một ví dụ gần hơn: feed mạng xã hội luôn đẩy lên những gì ”người khác có mà mình chưa” —nhà mới, xe mới, con ngoan. Nguồn *dục* ấy chạy ngầm suốt ngày. Thử một tuần cắt bớt một nguồn: anh sẽ thấy lòng lặng, bụng no, xương cứng — trái ngược hẳn với ”tâm đầy, bụng rỗng, xương mềm” mà ngài từng nhắc.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Tuần này, cắt bỏ một nguồn ồn (một ứng dụng, một nhóm). Lấy chỗ trống ấy mà thực kỳ phúc *—ăn một bữa thật ngon, ngủ một giấc thật sâu. Xem lòng có lặng không.*

第四章

Cái rỗng mới dùng được

道沖而用之

> 道沖而用之，或不盈。淵兮似萬物之宗。
> *Đạo xung nhi dụng chi, hoặc bất doanh. Uyên hề tự vạn vật chi tông.*
> 挫其銳，解其紛，和其光，同其塵。
> *Toái kỳ nhuệ, giải kỳ phân, hoà kỳ quang, đồng kỳ trần.*
> 湛兮似或存，吾不知誰之子，象帝之先。
> *Trạm hề tự hoặc tồn, ngô bất tri thuỳ chi tử, tượng đế chi tiên.*

GẪM

Đạo rỗng mà dùng, chẳng bao giờ đầy. Chữ 沖 là cái giữa, là rỗng — như cái bát không. Cái bát dùng được, chính vì nó rỗng. Cái nhà chứa được đồ, chính vì khoảng không giữa bốn vách. Đạo cũng vậy: sâu thẳm như nguồn của muôn vật, mà chẳng bao giờ tràn.

Bốn câu kế là bốn cách sống không ma sát:

- 挫其銳 — mài bớt cái nhọn: đừng lúc nào cũng sắc bén, cứng cáp.
- 解其紛 — gỡ cái rối: đừng tự buộc mình vào tranh chấp.

- 和其光—hoà cái sáng: đừng chói lòa, đừng muốn hơn người.
- 同其塵—hoà vào bụi: đứng cùng với người thường, chẳng đứng trên.

Cuối chương: *"Trong vắng như thể có đó, ta chẳng biết con của ai, đi trước cả vua các thần."* Đạo không cần cha, không cần danh vị —nó có trước cả những gì người ta thờ phụng. Khiêm cung không phải yếu. Khiêm cung là nhận ra mình đứng sau cả nguồn cội.

ĐIỂN TÍCH 典

Cái bầu khổng lồ của Huệ Tử. Huệ Tử được quả bầu trồng trên cây to bằng cái thuyền, mà không biết dùng. Làm gáo múc nước thì vỡ, làm cái chậu thì quá cạn. Ông đem vứt, bảo nó "vô dụng". Trang Tử cười: "Sao không đục rỗng, buộc lại, thả trôi sông làm cái thuyền?" Cái bầu to nhất thiên hạ, với ông là vô dụng, với Trang Tử là thuyền ngao du.

Câu chuyện ấy mở rộng chữ *xung* (冲) của Lão Tử: cái "rỗng" không phải chỗ trống vô nghĩa —nó là chỗ để vật khác trú. Cái bát rỗng chứa cơm; cái lòng rỗng chứa đời. Ai sợ "vô dụng", kẻ ấy chưa hiểu cái dụng của chỗ rỗng.

ĐỜI NAY 今

Ta sống trong thời đại lịch kín mít: từng phút đã có việc, từng khoảng trống bị lấp bằng một reel, một bản tin, một task. Cái bát cuộc đời không còn chỗ rỗng nào —nên chẳng chứa được gì mới.

Hãy thử: một buổi chiều chủ nhật, đừng lên lịch. Để bàn tay buông. Cái "rỗng" ấy không phải lãng phí —nó là khoảng trống cho ý tưởng chợt tới, cho người thân chợt gọi, cho chính anh chợt thở. Lão Tử gọi đó là *đạo xung* —rỗng mà không bao giờ cạn.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Trong ngày anh, tìm một chỗ ”rỗng” đang làm việc —khoảng nghỉ giữa hai việc, một dòng trống trong lịch, một hơi thở trước khi trả lời tin nhắn. Đừng lấp nó. Nhìn nó đang gánh việc thế nào.

第五章

Trời đất chẳng thiên vị

天地不仁

> 天地不仁，以萬物為芻狗；聖人不仁，以百姓為芻狗。
>
> *Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu; thánh nhân bất nhân, dĩ bách tính vi sô cẩu.*
>
> 天地之間，其猶橐籥乎？虛而不屈，動而愈出。
>
> *Thiên địa chi gian, kỳ do thác duyệt hồ? Hư nhi bất khuất, động nhi dũ xuất.*
>
> 多言數窮，不如守中。
>
> *Đa ngôn sổ cùng, bất như thủ trung.*

GẪM

Trời đất không nhân từ —coi muôn vật như chó rơm. Bậc thánh cũng không nhân từ —coi trăm họ như chó rơm.

Đừng đọc chữ ”bất nhân” mà tưởng trời độc ác. Chó rơm là con chó bằng rơm dùng trong cúng —lúc chưa đốt thì người ta nâng niu, đốt xong thì vứt mặc. Trời đất không thế này thế kia với vật: nắng cũng thế, mưa cũng thế, chẳng thiên vị cây nào. Ấy là nhân từ thật sự —vì nó **công bằng đến mức không can thiệp**.

Rồi ngài lấy hình cái bễ lò (橐籥): *"Giữa trời đất, chẳng khác nào cái bễ sao? Rỗng mà chẳng khuất, động càng tuôn ra nhiều."* Cái bễ rỗng, không bám víu, nên càng đẩy càng sinh gió. Người mà rỗng —không chấp, không gượng —càng hành động càng sinh sức, chứ không kiệt.

Câu kết là kim chỉ nam: 多言數窮，不如守中—*Nói nhiều ắt cạn, chi bằng giữ chính giữa.* Anh có thói giải thích quá kỹ, nắm quá chặt, viết quá dài. Lão Tử nói thẳng: lời thừa làm anh kiệt, còn "giữ trung" —giữ chỗ điềm tĩnh ở giữa —mới bền.

ĐIỂN TÍCH 典

Đạo ở đâu? Đông Quách Tử hỏi Trang Tử: "Ngài nói Đạo khắp nơi, cụ thể ở đâu?" Trang Tử đáp: "Ở con kiến, ở cỏ dại, ở ngói gạch, ở cả phân chó." Đông Quách Tử ngạc nhiên vì sao càng nói càng hèn. Trang Tử bảo: "Chỉ vì Đạo không chối bỏ một chỗ nào, nên mới có mặt khắp nơi —kể cả chỗ dơ bẩn nhất."

Ấy cũng là nghĩa *thiên địa bất nhân*: trời đất không "thương" riêng ai, cũng chẳng "ghét" riêng ai —nó để mọi vật tự mình sinh diệt, như thể chó rơm trong lễ cúng: trước khi đốt thì người ta nâng niu, đốt xong thì buông, chẳng có tình riêng. Sự công bằng thật sự là không can thiệp, không thiên vị.

ĐỜI NAY 今

Ta hay tìm một "ý nghĩa" hay một "đấng" đứng sau mọi chuyện: thị trường ghét tôi, số phận thử thách tôi, vận rủi đeo bám. Nhưng đa số sự việc chỉ là gió thổi ngẫu nhiên —trời đất chẳng thiên vị cây nào, nắng mưa đều thế.

Một ví dụ: anh thất bại một vụ thầu. Dễ ngẫm ra "họ không thích tôi". Nhưng thực tế có khi chỉ là giá cả, thời điểm, may rủi. Chấp nhận mình không bị "nhắm tới" —cũng là một sự nhẹ. *Đa ngôn số cùng, bất như thủ trung*: anh giải thích dài dòng để trấn an mình, càng kiệt; cứ giữ chỗ điềm tĩnh ở giữa, việc tự xoay.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Lần tới anh muốn ”giải thích cho rõ” hay ”kiểm soát cho chắc”, hãy nín một nhịp. Giữ trung. Xem chuyện có tự xoay không.

第六章

Cái hang không bao giờ cạn

谷神不死

谷神不死，是謂玄牝。
Cốc thần bất tử, thị vị huyền tẫn.
玄牝之門，是謂天地根。
Huyền tẫn chi môn, thị vị thiên địa căn.
綿綿若存，用之不勤。
Miên miên nhược tồn, dụng chi bất cần.

GẪM

Chương trước Lão Tử ví Đạo như cái bễ thổi lửa: càng rỗng càng có việc để làm. Đến đây ngài đổi hình ảnh, mà vẫn là một ý —ngài gọi Đạo là *thần của cái hang*.

Hang là chỗ trống. Nó chẳng tự khoe mình có gì, vậy mà chim về trú, suối chảy qua, gió mát đọng lại suốt hè. Cái hang không làm gì cả, nhưng mọi sự tìm đến nó. Ngài bảo cái hang ấy *không chết*. Không phải nó trường thọ như một ông tiên sống lâu, mà là: chừng nào còn chỗ trống, chừng đó còn chỗ cho sự sống đi vào. Một cái hang bị lấp đầy đá thì dù vẫn còn hình dáng, coi như đã tắt thở.

Rồi ngài dùng một chữ khiến người đọc dễ giật mình: *huyền tẫn* —cái lòng sinh ra muôn loài, mang giống cái, tối thẳm,

không ai soi tới đáy. Không phải một bà mẹ có mặt mũi tên tuổi, mà là cái cửa sinh: chỗ mọi thứ bước ra mà chẳng ai thấy ai đẩy. Cửa ấy, ngài nói, là rễ của trời đất.

Ta thường tưởng rễ phải là cái gì chắc, đặc, cắm sâu xuống đất. Lão Tử bảo rễ lại là một cái cửa rỗng. Nghĩa là cái nâng đỡ thế giới không phải một khối đá, mà một khoảng mở.

Miên miên nhược tồn —dài dằng dặc, như có mà như không. Ngài không dám nói ”có”, vì hễ bảo có là ta lại vội tưởng tượng một vật. Ngài cũng không nói ”không”, vì rõ ràng ta đang thở, đang lớn, đang được nuôi. Chữ *nhược* ấy là cả một sự dè dặt dịu dàng: có đấy, nhưng đừng nắm.

Và *dụng chi bất cần*: dùng hoài không cạn, dùng hoài không nhọc. Cái gì đầy thì dùng một lần là hao, cái gì rỗng thì càng lấy càng có. Anh thử nghĩ về hơi thở: chẳng ai phải ”tích trữ” hơi thở cho ngày mai. Hễ anh chịu buông ra, cái khác lại vào.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử dạy ”tâm trai”. Trong thiên *Nhân gian thế*, Nhan Hồi hỏi Khổng Tử cách đi phụng sự một ông vua khó. Khổng Tử bảo phải *tâm trai* —rửa lòng, chứ không phải nhịn ăn như người ta vẫn tưởng. Rồi ngài giảng: *”Hãy gom hết ý chí... Đạo chỉ tụ ở chỗ rỗng. Rỗng, ấy là tâm trai.”* Và một câu khác trong cùng thiên: *”Nhìn vào cái khe hở kia: phòng rỗng thì sáng tự sinh, điều lành dừng lại ở đấy.”* (虛室生白，吉祥止止).

Cái hang của Lão Tử và cái phòng rỗng của Trang Tử là một. Chẳng ai thắp đèn vào đấy, vậy mà sáng vẫn có. Chữ *tự sinh* mới đáng ngẫm: sáng không được mang tới, nó mọc lên ngay tại chỗ ta chịu dọn trống.

Khổng Tử cũng có lần đứng trước nước. Sách *Tuân Tử* chép, Khổng Tử nhìn dòng sông chảy về phía đông, Tử Công hỏi: ”Sao thầy hễ thấy nước lớn là phải đứng nhìn?” Thầy đáp nước có đức: nó nuôi muôn vật mà không đòi, nó chảy chỗ thấp, nó uốn theo cái cong chứ không cãi lại. Nước dạy người ta cái đức của chỗ trống. Lão Tử đem hình ảnh ấy sang chương

sau, nhưng cái hang ở đây đã âm thầm chuẩn bị: sở dĩ nước chảy được là vì có chỗ thấp để nó chảy vào.

ĐỜI NAY 今

Ta lại có thói làm ngược: sợ khoảng trống. Lịch điện thoại hở một tiếng là vội lấp bằng một cuộc họp. Một buổi chiều không có kế hoạch thấy như bị phí. Ngay cả lúc chờ thang máy năm mươi giây, tay đã tự rút máy ra —không phải vì cần đọc, chỉ vì không chịu được cái rỗng.

Mà lạ lùng thay, chính những khoảng bị lấp ấy là chỗ ý tưởng thường hay đến. Anh từng nhận ra không: điều nghĩ ra được thường không nằm trong lúc anh cặm cụi tra cứu, mà nằm ở lúc đang rửa bát, đang đi bộ ra sân, đang ngồi im trước ấm trà chưa kịp rót. Bộ óc lúc ấy giống cái hang —không còn vật gì chắn cửa, nên cái mới mới mò vào được.

Một ví dụ khác, gần với nghề của nhiều người: bản vẽ hay hồ sơ mà nhét kín chú thích, kín đường dây, kín mọi ký hiệu e sót, đọc lại hóa khó thấy chỗ cần thấy. Chừng nào còn một khoảng thở trên trang giấy, mắt người đọc mới có chỗ dừng mà hiểu. Chỗ trống không phải chỗ thiếu. Nó là chỗ làm việc.

Buông tay không phải bỏ bê. Là chừa lại một cái hang nhỏ trong ngày, không lấp, không đo lường, không bắt nó phải sinh ra cái gì cho mình.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, thử để trống mười phút không điện thoại, không nhạc, không việc cần làm xong.

Đừng sợ nó vô dụng. Cái hang chẳng bao giờ lo mình vô dụng —nó chỉ cứ rỗng, và muôn sự cứ thế tìm về.

Dùng hoài không cạn. Ấy mới là cái không chết.

第七章

Đứng sau mà lại đi trước

天長地久

天長地久。
Thiên trường địa cửu.

天地所以能長且久者，以其不自生，故能長久。
Thiên địa sở dĩ năng trường thả cửu giả, dĩ kỳ bất tự sinh, cố năng trường cửu.

是以聖人後其身而身先，外其身而身存。
Thị dĩ thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn.

非以其無私邪？故能成其私。
Phi dĩ kỳ vô tư tà? Cố năng thành kỳ tư.

GẪM

Bốn chữ đầu nghe như một câu chúc tụng ngày cưới: *trời dài đất lâu*. Nhưng Lão Tử không đứng lại ở lời chúc. Ngài hỏi ngay một câu gần như tỉnh queo: tại sao trời đất lại lâu đến thế?

Câu trả lời làm choáng: *vì chúng không sống cho mình*.

Trời không giữ nắng lại để tự sưởi. Đất không cất màu mỡ đi để tự no. Chúng cứ cho, cứ chở, cứ xoay, chẳng hề tính phần

mình được bao nhiêu. Mà chính vì không tính, chúng chẳng bao giờ hao mòn theo kiểu của kẻ chỉ biết thu về. Cái gì nắm chặt để giữ cho mình thì phải lo giữ, phải hao sức lo, rồi đến lúc hết sức thì mất. Cái gì không nắm thì không có gì để mất.

Ngài đem cái lý ấy đặt nhẹ vào đời người: bậc thánh *đặt thân mình ra sau, mà thân lại đi trước; đem thân mình ra ngoài, mà thân lại còn nguyên.* Không phải mưu mẹo —kiểu "giả vờ khiêm tốn để được cất nhắc" thì vẫn là đang tính cho mình, chỉ là tính đường vòng. Lão Tử nói về một sự quên thật: quên đến mức không còn đứng trong cuộc để chờ được đền đáp.

Câu cuối tinh tế hơn cả, và cũng dễ bị hiểu lầm nhất: *Chẳng phải vì ngài không có riêng tư hay sao? Cho nên mới nên được cái riêng của ngài.* Ngài không phủ nhận cái riêng. Ngài chỉ xoay cái thứ tự: đừng đi tìm nó trước. Cứ lo cái chung trước, cái riêng tự khắc có chỗ mà đứng. Ai đuổi theo hạnh phúc thường mệt; ai đang quên mình trong một việc đáng làm thì lúc ngẩng lên mới thấy hạnh phúc đã ngồi đó tự lúc nào.

Ta có thể đọc chương này như một lời nhắc rất dịu: cái tôi càng được chăm chút, càng dễ tổn thương. Cái tôi được quên đi đôi chút, lại càng yên.

ĐIỂN TÍCH 典

Đại Vũ ba lần đi ngang cửa nhà. Sách *Mạnh Tử* chép: Vũ trị thủy, tám năm ở ngoài, ba lần đi qua cổng nhà mà không vào. Có lần nghe tiếng con khóc cũng vẫn đi. Người đời sau kể chuyện ấy như chuyện tận tụy, nhưng điều đáng chú ý là ông chẳng hề nói "ta hi sinh". Ông đang lo một dòng nước, nên cái nhà riêng tự nhiên lùi lại phía sau. Mà rồi chính ông là người được nhớ mãi.

Cùng ý ấy, *Sử ký* chép lời Vũ: *"Ta nghe nói, người nhận việc của thiên hạ thì không rảnh lo việc nhà."* Không phải khổ hạnh. Là thứ tự ưu tiên tự xếp lại khi lòng đã hướng về một cái lớn hơn mình.

Vua Nghiêu nhường ngôi. Chuyện Nghiêu không truyền ngôi cho con mà tìm người hiền, nhường cho Thuấn, cũng là một kiểu *hậu kỳ thân*. Dù sử chép có nhiều lớp, cái hình ảnh vẫn nhất quán với chương này: người cầm quyền mà không bám lấy chỗ đứng của mình, thì chỗ đứng ấy bền hơn mọi ngai vàng được giữ bằng sức.

Đối chiếu ngược lại cũng có: *Sử ký* kể Tần Thủy Hoàng sai người đi tìm thuốc trường sinh, xây lăng, khắc bia đủ mọi cách để "tự sinh" — cái tên ghép cho mình là *Thủy Hoàng* còn mong truyền đến vạn thế. Chỉ hai đời thì đoạn. Lão Tử viết bốn chữ *trời dài đất lâu* mà như đã dành sẵn một cái lắc đầu cho mọi cố gắng giữ mình lại bằng sức.

ĐỜI NAY 今

Ta sống trong một thời đại dạy rất kỹ cách "chăm sóc bản thân" — và điều đó không xấu. Nhưng có một dạng chăm sóc kỹ quá hóa ra mệt: đếm giấc ngủ, đo nhịp tim, chấm điểm năng suất, rồi cuối ngày lại ngồi xét xem hôm nay mình đã tốt lên chưa. Cái tôi bị soi liên tục, nên càng lúc càng nhạy, càng dễ xước.

Thử để ý những lúc anh thấy nhẹ nhất: có khi là lúc đang giúp một người khác xong một việc nhỏ, đang sửa cho ai đó một câu văn, đang đứng nấu bếp cho nhà ăn, chẳng ai ghi nhận. Những lúc ấy anh không còn phải "duy trì hình ảnh mình" — vậy mà chính lúc ấy anh thấy mình rõ và yên hơn cả.

Trong công việc cũng vậy. Người họp hành nào cũng lo phát biểu để được thấy thường mệt và dễ bị quên; người lặng lẽ làm xong cái cần làm, không kể công, lại là người cả nhóm tìm đến khi việc khó. Không phải vì họ khéo, mà vì họ đã đứng ra khỏi chỗ cần được chú ý.

Chương này không bảo anh vứt bỏ mình đi. Chỉ mời anh thử một ngày bớt một câu hỏi: *"Việc này được gì cho mình?"* Rồi xem điều gì còn lại.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, làm một việc nhỏ mà không nói với ai, không ai biết, không cần ai cảm ơn.

Rồi để ý: lúc không còn phải giữ mình, lòng có nhẹ đi không.

Trời chẳng giữ nắng cho trời, mà nắng vẫn đầy.

第八章

Cư xử như nước

上善若水

> 上善若水。水善利萬物而不爭。
> *Thượng thiện nhược thuỷ. Thuỷ thiện lợi vạn vật nhi bất tranh.*
> 處衆人之所惡，故幾於道。
> *Xử chúng nhân chi sở ố, cố ky ư đạo.*
> 居善地，心善淵，與善仁，言善信，
> *Cư thiện địa, tâm thiện uyên, dữ thiện nhân, ngôn thiện tín,*
> 政善治，事善能，動善時。
> *Chính thiện trị, sự thiện năng, động thiện thời.*
> 夫唯不爭，故無尤。
> *Phù duy bất tranh, cố vô vưu.*

GẪM

Nếu phải chọn một chương để mang theo suốt đời, nhiều người sẽ chọn chương này. Lão Tử không dùng chữ khó. Ngài chỉ bảo: cái thiện cao nhất giống nước.

Nước làm ơn cho muôn vật mà không cãi. Cây nhờ nó, ruộng nhờ nó, con người nhờ nó —vậy mà nó không đứng lại đòi ai ghi tên. Và điều lạ hơn: nó *chịu nằm chỗ mọi người ghét*. Chỗ

thấp, chỗ ẩm, chỗ rãnh, chỗ chẳng ai muốn đặt chân. Ngài bảo chính vì thế mà nước *gần với Đạo*.

Ta thường tưởng muốn nên người thì phải lên. Lên chức, lên tiếng, lên tầng, lên hạng. Lão Tử đảo ngược: cái gần Đạo lại là cái đi xuống. Không phải xuống vì tự ti, mà xuống như nước —vì chỗ thấp là chỗ mọi thứ còn có thể tụ lại. Người chịu đứng chỗ thấp không cần phòng thủ, nên chẳng có gì phải tranh.

Rồi ngài kể bảy cái *thiện*, đọc lên như một nhịp thở: ở thì khéo chọn đất, lòng thì khéo sâu, cho thì khéo thương, nói thì khéo tin, cai trị thì khéo gọn, làm việc thì khéo đúng sức, cử động thì khéo đúng lúc. Để ý: không có cái nào nói đến ”khéo thắng”. Chữ *thiện* ở đây không phải giỏi hơn người, mà là *vừa khít* với chỗ mình đang đứng. Nước chảy qua đá thì tròn, chảy vào chai thì vuông —nó chẳng có hình dáng riêng nào để bảo vệ, nên hình nào cũng vừa.

Câu kết giản dị mà gắt: *chỉ vì không tranh, nên không lỗi.* Không phải ”nên được khen”, mà là *không có chỗ để bị trách*. Kẻ đứng cao phải giữ thế, hễ trượt là thành lỗi. Người không chen đứng chẳng có thế nào mà trượt. Anh có thể đọc câu này như một lời an ủi rất thực tế: bớt tranh không phải chịu thiệt, mà là bớt đi một đống rắc rối đi cùng cái thắng.

ĐIỂN TÍCH 典

Khổng Tử đứng nhìn dòng nước. Sách *Tuân Tử* (thiên *Hựu tọa*) chép, Khổng Tử nhìn dòng nước lớn chảy về đông, Tử Công thắc mắc: ”Quân tử hễ thấy nước lớn là phải đứng ngắm, là cớ sao?” Thầy đáp: nước trải khắp muôn vật mà không mệt nhọc, như đức; nó chảy theo chỗ thấp, cong thì uốn theo cái cong, như nghĩa; nó đầy không cần đong, như công bình; nó vào chỗ hiểm mà không sợ, như dũng; đem đựng vào bình thì mặt luôn bằng, như phép.

Cùng một dòng nước, Khổng Tử rút ra đức của người quân tử, Lão Tử rút ra cái vô vi của Đạo. Hai ông không cãi nhau —họ chỉ đứng ở hai đầu của một con sông. Điều chung là: chẳng ai trong hai ông bảo nước phải cứng lên.

Trí giả vui nước. *Luận ngữ* có câu ngắn: *"Người trí vui nước, người nhân vui núi"* (知者樂水，仁者樂山). Núi đứng yên, nước đi hoài. Cái trí ưa chuyển động, ưa uốn theo, ưa không bị đóng khuôn. Có thể mượn câu ấy để hiểu thêm chữ *động thiện thời* ở cuối chương: nước không bao giờ đi trước mùa, chưa tan băng thì chưa chảy, mưa xuống mới đầy suối. Đúng lúc là một dạng của không tranh.

ĐỜI NAY 今

Ta được dạy từ nhỏ phải "khẳng định mình". Đến văn phòng, khẳng định mình hóa thành phát biểu cho kịp trong cuộc họp, kịp ghi công vào báo cáo, kịp đưa tên mình vào danh sách. Lên mạng, hóa thành đôi co đến câu cuối cùng —không hẳn vì còn điều gì để nói, mà vì im lặng nghe như chịu thua.

Nước dạy một kiểu có mặt khác. Nhớ lại một người làm việc cùng mà ai cũng tin: thường không phải người nói nhiều nhất, mà là người lặng lẽ nhận đúng cái việc chẳng ai muốn nhận, làm xong rồi thôi, không kể. Họ ở chỗ thấp. Và rồi mọi ngõ ngách của công việc đều chảy qua họ.

Một ví dụ nhỏ hơn: trong một cuộc tranh luận đang căng, anh thử không đáp lại ngay. Không phải nhịn, không phải nhường phần thắng cho ai —chỉ để câu nói của mình có thì giờ lắng xuống như bùn trong cái chậu. Lạ lùng là chừng mười phút sau, điều cần nói thường tự hiện ra, ngắn hơn và đúng hơn hẳn điều anh đã định hét lên lúc nãy. Đó là *động thiện thời*.

Cũng đừng hiểu chương này thành "lúc nào cũng phải dịu". Nước đục đá mòn, nước lũ cuốn cả cầu. Mềm không phải yếu; mềm là không mang sẵn một hình dáng để phải bảo vệ. Cái gì không có hình dáng riêng, cái đó khó bị bẻ gãy nhất.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một chỗ nhỏ không ai muốn làm —việc dọn, câu xin lỗi, phần việc thừa cuối ngày.

Thử nhận lấy, không nói, không ai cần biết.

Nước chẳng bao giờ hỏi mình đang đứng ở đâu. Nó chỉ cứ chảy về chỗ thấp, và mọi sự nhờ nó mà xanh.

第九章

Đầy quá thì phải đổ bớt

持而盈之

持而盈之，不如其已；
Trì nhi doanh chi, bất như kỳ dĩ;
揣而銳之，不可長保。
Suy nhi duệ chi, bất khả trường bảo.
金玉滿堂，莫之能守；
Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ;
富貴而驕，自遺其咎。
Phú quý nhi kiêu, tự di kỳ cữu.
功遂身退，天之道。
Công toại thân thoái, thiên chi đạo.

GẪM

Chương này ngắn, nhưng đọc xong ai cũng thấy hơi chạm. Lão Tử không nói về kẻ xấu, ngài nói về cái lúc đang tốt quá.

Cầm mà cứ rót cho đầy, chi bằng thôi đi. Cái chén hễ đầy đến miệng là chỉ còn chờ đổ —không phải vì ai xô, mà vì nó đã ở một thế không thể thêm được nữa. *Mài cho thật sắc, không giữ được lâu*: lưỡi dao càng sắc càng mỏng, càng mỏng càng dễ mẻ. Hai hình ảnh ấy đặt cạnh nhau thành một nhận xét lạnh:

cái đạt tới cực điểm không hỏng vì bị phá, nó hỏng vì đã tới cực điểm.

Rồi ngài đưa thẳng vào nhà ta: vàng ngọc đầy gian, không ai giữ nổi; giàu sang mà sinh kiêu, tự mình rước lấy lỗi. Chữ *tự* đáng ngẫm nhất. Chẳng cần kẻ thù, chẳng cần vận rủi. Cái đầy tự nó sinh ra cái đổ. Ngài không lên án giàu sang —ngài chỉ chỉ vào chỗ ta bắt đầu *nghĩ rằng mình đã xong*: xong nên ngừng học, xong nên được nói cuối, xong nên khỏi nghe ai nữa. Kiêu không phải tính xấu đột ngột mọc lên; kiêu là cái chén đầy tự tràn ra ngoài miệng.

Câu cuối bốn chữ mà cả chương dồn về: *việc thành, thân lui, ấy là đạo trời*. Không phải bỏ của chạy lấy người, cũng không phải giả vờ khiêm nhường rồi vẫn đứng đó chờ vỗ tay. *Lui* ở đây là lui đúng lúc: khi việc đã xong, đừng biến việc ấy thành chỗ đứng suốt đời cho mình. Mùa xuân không ở lại thay mùa hè. Trăng tròn rồi khuyết, không phải trăng hỏng —đó là nhịp của trời.

Ta hay sợ chữ *lui*, nghe như mất. Nhưng thử nhìn quanh: cái gì không biết lui đều phải bị gãy. Căng dây quá thì đứt, giữ hơi quá thì mệt, nắm một danh hiệu quá chặt thì ngày danh hiệu đổi chủ, người ta đau. Lão Tử chỉ dạy một điều rất tiết kiệm: đừng bắt thế giới phải đứng yên ở cái đỉnh ta vừa leo tới.

ĐIỂN TÍCH 典

Phạm Lãi đi, Văn Chủng ở lại. *Sử ký* (thiên *Việt vương Câu Tiễn thế gia*) chép: hai ông cùng giúp Việt vương Câu Tiễn diệt Ngô, dựng lại nước. Việc vừa thành, Phạm Lãi xin đi, xuống thuyền nhỏ trôi trên sông hồ, đổi tên làm thương nhân, sau thành ông Đào Chu Công giàu có mà vẫn nhàn. Trước khi đi, ông gửi thư cho Văn Chủng: *"Chim bay hết thì cung tốt cất đi, thỏ khôn chết thì chó săn bị nấu. Việt vương là người có thể cùng chịu hoạn nạn, không thể cùng hưởng yên vui. Sao chẳng đi?"* Văn Chủng cáo bệnh không ra, rồi bị vua ban gươm, phải tự sát.

Cùng một công, hai cái lui và không lui. Lão Tử viết *công toại thân thoái* trước chuyện ấy hàng trăm năm, mà đọc lên cứ như lời bình cho đúng hai ông. Điều cay là Văn Chủng chẳng làm gì sai —ông chỉ ở lại quá lâu sau khi việc đã xong.

Lý Tư nhớ con chó vàng. Cũng *Sử ký*: Lý Tư làm thừa tướng nhà Tần, quyền tới đỉnh, sau bị Triệu Cao vu, đưa ra pháp trường. Trước lúc chịu hình, ông quay bảo người con: *"Ta còn muốn cùng mày dắt con chó vàng ra cổng Thượng Sái đuổi thỏ đồng, há còn được nữa sao?"* Ấy là lúc cái chén đã đổ, người ta mới nhớ mình từng có một buổi chiều nhẹ tênh. Chuyện này không cần thêm lời bình —nó chính là *tự di kỳ cữu*.

ĐỜI NAY 今

Ta không mấy khi có vàng ngọc đầy gian, nhưng ai cũng có một cái chén đang rót: lịch đã kín mà vẫn nhận thêm một việc; cái tủ đã chật mà vẫn mua thêm một món; một dự án vừa xong đã vội ghi thêm mục tiêu mới trước khi kịp ngồi yên một tối. Không phải tham lam. Chỉ là ta thấy dừng lại đồng nghĩa với tụt lại, nên cứ rót.

Có một dạng đầy tinh vi hơn: cái "thành tích" trên trang cá nhân. Một việc làm xong chưa đủ, phải đăng lên, phải được thấy, rồi phải giữ cái hình ảnh ấy không cho nó cũ đi. Thế là việc đã xong mà ta vẫn phải đứng canh nó. Cái mệt không nằm ở việc làm, mà nằm ở chỗ không chịu lui.

Trong nghề dạy học hay làm dự án cũng gặp: thầy cô sửa bài cho trò xong, đẹp nhất là lùi lại để trò tự đứng trên bài của mình. Cứ đứng mãi ở bục, bài ấy vẫn mang tên thầy, và trò không lớn được. Lui ở đây không mất công —lui là cái công cuối cùng, khó nhất.

Một câu hỏi nhỏ để mang theo, không cần trả lời ngay: *việc nào trong đời anh đã xong từ lâu, mà anh vẫn đang đứng canh?*

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, chọn một việc đã xong và thôi không nhắc lại nó nữa—không kể, không đăng, không đếm.

Rồi ngồi yên một lát. Trăng tròn rồi khuyết chẳng hề coi đó là thua.

Đầy vừa phải, chén còn chỗ cho ngày mai.

第十章

Ôm lấy một, trở về như trẻ thơ

載營魄抱一

載營魄抱一，能無離乎？
Tải dinh phách bão nhất, năng vô ly hồ?
專氣致柔，能嬰兒乎？
Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ?
滌除玄覽，能無疵乎？
Địch trừ huyền lãm, năng vô tỳ hồ?
愛國治民，能無為乎？
Ái quốc trị dân, năng vô vi hồ?
天門開闔，能為雌乎？
Thiên môn khai hạp, năng vi thư hồ?
明白四達，能無知乎？
Minh bạch tứ đạt, năng vô tri hồ?
生之畜之，生而不有，為而不恃，
Sinh chi súc chi, sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị,
長而不宰，是謂玄德。
Trưởng nhi bất tể, thị vị huyền đức.

GẪM

Sáu câu hỏi liên tiếp, mỗi câu đều mở bằng *có thể chăng*. Lão Tử không giảng, ngài cứ hỏi —và cái khó là ngài hỏi ngay vào những chỗ ta tưởng mình đã làm khá ổn.

Chở hồn phách mà ôm lấy cái Một, có thể không rời chăng? Người xưa tin trong mình có phần sáng (*hồn*) và phần nặng (*phách*); hai phần dễ kéo nhau đi hai ngả: đầu tính một đàng, thân làm một nẻo. *Ôm một* không phải ép cho khỏi nghĩ, mà là để điều mình làm và điều mình là không còn phải cãi nhau.

Rồi câu thứ hai, câu đẹp nhất chương: *gom khí cho mềm, có được như đứa trẻ sơ sinh chăng?* Không phải ngây ngô —là cái mềm của một cơ thể chưa biết gồng. Đặt tay lên bụng một đứa bé đang ngủ mới thấy: nó thở bằng cả người, không có chỗ nào phải giữ. Ta lớn lên thì học cách gồng: gồng vai trước cuộc họp, gồng giọng lúc phải tỏ ra chắc chắn, gồng cả nét mặt cho vừa với cái nhìn của người khác. Lão Tử bảo cái đáng học lại là buông cái gồng ấy ra, chứ không phải học thêm một kỹ thuật nào.

Bốn câu sau đưa cái mềm ấy vào đời chung: rửa sạch cái gương tối trong lòng, có được không một vết nhơ chăng? Yêu nước trị dân, có thể không cố làm chăng? Cửa trời mở ra khép lại, có thể đứng về phái giống cái —nghĩa là chịu nhận, chịu im, chịu mở mà không đòi xô —chăng? Sáng suốt thấu bốn phương, mà vẫn *không biết* chăng? Chữ *vô tri* cuối cùng làm ta khựng lại: không phải dốt, mà là cái biết không vội đứng lên làm thầy người khác, không vội đóng khung mọi thứ vừa thấy.

Đoạn kết nối thẳng về chương trước: *sinh ra rồi nuôi, sinh mà không chiếm, làm mà không tựa, nuôi lớn mà không cai, ấy gọi là đức tối thẳm.* Đây là chỗ Lão Tử đi xa hơn đạo đức thường. Ta vẫn quen khen người ”sinh ra và nuôi dưỡng”. Ngài bảo còn một nấc nữa: nuôi xong mà không biến cái được nuôi thành của mình.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử nói về lòng đứa trẻ. *Mạnh Tử* (thiên *Ly Lâu hạ*) có một câu rất gần: *"Bậc đại nhân là người không đánh mất cái lòng đỏ của trẻ thơ."* (大人者，不失其赤子之心者也). Chữ *xích tử* là đứa bé mới đẻ, da còn đỏ. Mạnh Tử không bảo trở lại thành trẻ con, mà bảo đừng làm rơi cái lòng ấy đi —cái lòng chưa biết tính hơn thiệt, nên thương và tin còn nguyên vẹn. Đem câu này đặt cạnh *năng anh nhi hồ* của Lão Tử, hai nhà cách nhau một đời tư tưởng mà cùng chỉ về một chỗ: lớn lên không có nghĩa là phải cứng lại.

Tử Sản luận về hồn phách. *Tả truyện* (Chiêu công năm thứ bảy) chép, có người nằm mơ thấy ma, Tử Sản giải: *"Con người lúc mới thành hình gọi là phách; đã có phách rồi, phần sáng ấy gọi là hồn."* (人生始化曰魄，既生魄，陽曰魂). Câu này cho thấy chữ *dinh phách* ở đầu chương không phải nói bóng gió cho lạ —đó là cách người đời Chu nghĩ về con người: đã có một phần nặng giữ hình hài, lại có một phần sáng hay đi. Nên *bão nhất* là kéo hai phần ấy về ở chung một nhà. Đọc được chỗ này, sáu câu hỏi của Lão Tử bớt mơ hồ đi nhiều: ngài đang hỏi, từ thân mình ra tới việc nước, ta có còn đứng nguyên một mảnh không.

ĐỜI NAY 今

Ta sống hay bị chia đôi mà không hay. Đang ăn mà đầu đã ở cuộc họp chiều. Đang ngồi với con mà tay vẫn lướt thông báo. Đang nghỉ mà vẫn thấy mình phải "nghỉ cho hiệu quả". Hồn đi một ngả, phách ngồi một ngả. *Ôm một* nghe rất huyền, thực ra chỉ là: đang làm gì thì chịu ở yên với việc ấy.

Rồi cái gồng. Có những ngành nghề dạy ta phải lúc nào cũng tỏ ra nắm chắc —kể cả lúc chưa chắc. Thành thử câu "để tôi kiểm lại" trở nên khó nói, câu "tôi chưa biết" lại càng khó. Thế mà *minh bạch tứ đạt, năng vô tri hồ* lại chính là lời mời nói được hai câu ấy. Người thật sự rành việc thường là người im lặng lâu nhất trước khi mở lời; kẻ sợ hổng chỗ đứng mới phải lấp ngay bằng câu trả lời.

Một ví dụ gần: một người thầy, một người cha mẹ, hay một anh trưởng nhóm, sửa xong việc của người khác rồi vẫn hay có cái tật nhắc lại công mình sửa. Không ác ý đâu —chỉ là cái *bất hữu* khó quá. Nuôi lớn một người mà không cai đời họ, để họ tự đứng bằng chân mình, là việc đòi ta lùi tay đúng lúc vừa đủ. Chương này gọi đó là *huyền đức*: cái đức tối, không ai vỗ tay, nhưng người được nuôi lớn lên được.

Không cần làm cả sáu câu hỏi trong một ngày. Chỉ chọn một. Câu nào thấy khó nhất với mình hôm nay, có khi chính là cửa.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Tối nay, thử đặt tay lên bụng và thở chậm vài lần, không sửa, không đếm, không đạt được gì.

Đứa trẻ đang ngủ chẳng hề biết mình thở đúng cách.

Cái mềm không cần được dạy —nó chỉ cần ta thôi gồng.

第十一章

Cái rỗng mới là chỗ dùng

當其無

三十輻共一轂，當其無，有車之用。
Tam thập bức cộng nhất cốc, đương kỳ vô, hữu xa chi dụng.

埏埴以為器，當其無，有器之用。
Diên thực dĩ vi khí, đương kỳ vô, hữu khí chi dụng.

鑿戶牖以為室，當其無，有室之用。
Tạc hộ dữ dĩ vi thất, đương kỳ vô, hữu thất chi dụng.

故有之以為利，無之以為用。
Cố hữu chi dĩ vi lợi, vô chi dĩ vi dụng.

GẪM

Chương 04 Lão Tử đã nói Đạo rỗng mà dùng không cạn. Đến đây ngài không nói về Đạo nữa. Ngài bảo anh xuống bếp, ra sân, nhìn cái xe.

Ba mươi nan hoa chụm vào một cái moay ơ. Cái đáng dùng không phải ba mươi nan, mà là *cái lỗ giữa*. Nhào đất nặn thành chén: cái đựng được cơm không phải đất, mà là *chỗ trống trong lòng chén*. Đục cửa, đục sổ để thành nhà: cái ở được không phải tường, mà là *khoảng không gian mà tường đã chịu chừa ra*. Ba ví dụ, một nhịp, lặp đi lặp lại như tiếng gõ vào thành chén — ngài sợ ta vẫn chưa nghe.

Câu kết là một trong những câu sắc nhất của cả sách: *cái Có đem lại tiện lợi, cái Không mới làm nên chỗ dùng.* Chữ *lợi* và chữ *dụng* không giống nhau. Cái Có cho ta cái để cầm, để mua, để khoe, để đo đếm. Nhưng muốn cầm được thì phải có chỗ trống trong lòng bàn tay; muốn múc được thì chén phải rỗng; muốn ở được thì nhà phải có khoảng giữa. Cái Có làm ra *vật*, cái Không làm ra *việc*.

Ta vốn sợ cái Không. Hễ thấy trống là muốn lấp. Nhưng thử lật ngược: nếu chén đặc, nó vẫn là một cục đất đẹp, chỉ không còn là chén nữa. Nó không hỏng vì thiếu, nó hỏng vì đầy. Cái rỗng không phải khuyết —nó chính là *chức năng*.

Điều tinh tế là Lão Tử không bảo bỏ cái Có. Ba mươi nan vẫn cần, đất vẫn cần, tường vẫn cần. Ngài chỉ chỉ ra rằng ta suốt đời lo làm thêm nan, nặn thêm đất, xây thêm tường, mà quên mất: thứ đang thực sự phục vụ mình lại là cái mình không làm ra, là chỗ mình chịu chừa. Có khi công việc khó nhất của một đời người không phải làm đầy, mà là dọn trống.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử bàn cái vô dụng. Thiên *Nhân gian thế* kết bằng một câu đã thành châm ngôn: *"Người đời ai cũng biết cái dùng của cái có dùng, mà chẳng ai biết cái dùng của cái không dùng."* (人皆知有用之用，而莫知無用之用也). Trước đó Trang Tử kể cây xoan to đến mức thợ mộc bỏ qua vì gỗ nó xoắn, chẳng làm được cột hay ván —chính vì "vô dụng" mà nó sống được trăm năm, che mát cho cả một vùng. Cái chỗ trống trong chén của Lão Tử và cái cây chẳng làm được gì của Trang Tử là cùng một bài học: đừng vội đo giá trị bằng cái nhìn thấy được.

Ba mươi nan xe thời Chu. Sách *Chu lễ · Khảo công ký* chép cách làm bánh xe, có câu *bánh ba mươi nan, để tượng cho mặt trời mặt trăng* —ba mươi ứng với số ngày trong tháng. Con số ấy không phải Lão Tử bịa: đó là chiếc xe thật người đời ấy vẫn đi. Ngài chọn một vật quá đỗi quen, rồi chỉ vào đúng chỗ chẳng ai nhìn: cái lỗ tròn giữa bánh. Chọn được đồ quen mà nói được điều lạ, ấy là cái khéo của người thầy.

Và một câu của Trang Tử nữa, cũng thiên ấy: *”Phòng rỗng thì sáng tự sinh”* (虛室生白). Chữ *thất* (室, nhà/phòng) ở đây đúng với chữ *thất* trong câu đục cửa sổ của Lão Tử. Nhà rỗng mới ở được, lòng rỗng mới sáng được —hai ông dùng chung một căn phòng.

ĐỜI NAY 今

Cái xe ngày nay không còn nan gỗ, nhưng bài học chẳng cũ đi tí nào. Cái điện thoại đáng dùng không nằm ở lớp vỏ, mà ở khoảng trống còn lại để anh gọi được một người. Bộ nhớ đầy thì máy chạy chậm; lịch đầy thì người chạy chậm. Ta vẫn gọi đó là ”bận”, nhưng thật ra là *đặc*.

Thử nhìn một ngày của anh: các khung giờ được lấp kín bằng những việc có tên, có mục tiêu, có kết quả đo được. Nhưng những điều làm ngày hôm ấy nên đáng sống lại thường nằm ở khe hở —câu nói bất ngờ với một người lạ ở thang máy, cái nhìn ra cửa sổ lúc chờ nước sôi, năm phút ngồi im trước khi kịp bật máy tính. Không ai đưa những khe ấy vào kế hoạch, vậy mà thiếu chúng thì cả ngày chỉ còn là một chuỗi việc đã xong.

Trong nghề thiết kế có một câu rất gần: khoảng trắng trên bản vẽ không phải chỗ chưa vẽ, nó là chỗ để mắt người đọc thở. Nhét kín ký hiệu, kín đường dây, kín chú thích, bản vẽ ấy đúng mà khó hiểu. Cũng như cái nhà: xây thêm một bức tường dễ, chịu đục một ô cửa sổ mới khó —vì đục là chấp nhận bớt đi một phần vật liệu để đổi lấy ánh sáng.

Nên chương này không dạy anh bớt làm. Nó hỏi nhẹ một câu: *trong những điều anh đang giữ, có cái nào đang chiếm mất chỗ của điều anh thật sự cần dùng?*

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, dọn trống một ngăn kéo, một khung giờ, hay chỉ một góc bàn. Đừng vội lấp lại bằng thứ khác.

Chén rỗng không phải chén chưa xong. Nó là chén đang sẵn sàng.

Cái Có cho ta cái để cầm. Cái Không mới cho ta chỗ mà sống.

第十二章

Nhiều quá hóa ra không thấy

五色令人目盲

五色令人目盲；五音令人耳聾；五味令人口爽；

Ngũ sắc linh nhân mục manh; ngũ âm linh nhân nhĩ long; ngũ vị linh nhân khẩu sảng;

馳騁畋獵，令人心發狂；難得之貨，令人行妨。

Trì sính điền liệp, linh nhân tâm phát cuồng; nan đắc chi hoá, linh nhân hành phòng.

是以聖人為腹不為目，故去彼取此。

Thị dĩ thánh nhân vi phúc bất vi mục, cố khử bỉ thủ thử.

GẪM

Năm màu làm mắt mù. Năm âm làm tai điếc. Năm vị làm miệng lờn. Ngài nói có vẻ quá, mà thật ra ngài đang tả đúng một trạng thái ai cũng từng dính: *kích thích quá nhiều thì cơ quan cảm nhận tê đi.*

Chữ *sảng* ở câu thứ ba hay bị đọc ngược. Không phải ”sảng khoái” —trong tiếng Hán cổ, *khẩu sảng* là miệng mất vị, lưỡi lờn đi, ăn gì cũng thấy giống nhau. Ăn cay mãi thì không còn

biết cay; nghe nhạc to mãi thì không còn nghe được tiếng nhỏ. Cái mất không phải ở đồ vật, mà *ở chỗ tiếp nhận* của ta. Mắt vẫn mở, nhưng không còn ”thấy”; tai vẫn nghe, nhưng không còn nghe.

Rồi ngài đẩy từ giác quan sang lòng: phi ngựa săn bắn làm tâm phát cuồng, của hiếm khó kiếm làm bước chân bị vướng. Chữ *phòng* là vướng, là cản, là đi không được thẳng. Của hiếm chưa chắc đã hại ai, nhưng hễ lòng dính vào nó, anh bắt đầu đi đường vòng: cẩn thận hơn cần thiết, nói năng tính hơn cần thiết, sợ mất hơn là vui có. Cái hại nằm ở dính, không nằm ở món đồ.

Câu kết ngắn mà đủ sức cân cả chương: *bậc thánh lo cho cái bụng, không lo cho con mắt; nên bỏ kia mà lấy nầy.* Bụng là cái thật cần, cái nuôi được người, cái no rồi thì thôi. Mắt là cái muốn *thêm mãi*: nhìn cho đã, cho lạ, cho hơn người khác. Lão Tử không bảo móc mắt đi, cũng không dạy khổ hạnh. Ngài chỉ phân hai loại: một loại được thỏa mãn rồi yên, một loại càng cho càng đòi. Mà đời ta mệt, thường không phải vì thiếu, là vì lẫn hai loại ấy vào nhau —tưởng đang nuôi mình, hóa ra đang nuôi cái nhìn.

Ngẫm kỹ, chương này không viết cho kẻ xa hoa. Nó viết cho một người bình thường tối nay mở điện thoại định xem một tin, rồi bốn mươi phút sau ngẩng lên, không nhớ mình vừa xem gì. Mắt vẫn sáng. Nhưng có một cái mù rất yên lặng vừa xảy ra.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử nói gần y hệt. Thiên *Thiên địa* có câu: *”Năm màu làm rối mắt, khiến mắt không sáng; năm tiếng làm rối tai, khiến tai không thính; năm vị làm đục miệng, khiến miệng lờn hỏng.”* (五色亂目，使目不明；五聲亂耳，使耳不聰；五味濁口，使口厲爽). Trang Tử dùng chữ *loạn* —rối. Đem cạnh chữ *linh* (làm cho) của Lão Tử, ta thấy rõ hơn: không phải màu sắc tự nó xấu, mà là quá nhiều thứ cùng lúc kéo ta ra khỏi một chỗ đang yên. Hai ông cùng chẩn một bệnh, cách nhau một đời.

Trụ vương và ao rượu rừng thịt. *Sử ký · Ân bản kỷ* chép Trụ vương *"lấy rượu làm ao, treo thịt làm rừng"*, cho nam nữ đùa chạy giữa đó, uống thâu đêm. Kể chuyện này người đời sau thường nhấn cái tàn bạo, nhưng Lão Tử sẽ chỉ vào một chi tiết khác: đã có ao rượu mà vẫn phải treo thêm rừng thịt. Cái đầy không bao giờ dừng lại ở một lần đầy —nó cần cái lạ hơn nữa để còn cảm được. Ấy chính là *ngũ vị linh nhân khẩu sảng*.

Một câu đối chiếu từ chính sách này: chương 44 sẽ hỏi *"Danh với thân, cái nào thân hơn?"* và chương 46 bảo *"Tội lớn chẳng lớn hơn lòng muốn được thêm"*. Ba chương xa nhau mà cùng một mạch: khổ không sinh ra từ cái thiếu, nó sinh ra từ cái không chịu có chừng.

ĐỜI NAY 今

Ta không cần ao rượu. Chỉ cần một màn hình và một ngón tay. Một buổi tối, anh lướt qua bao nhiêu màu, bao nhiêu giọng, bao nhiêu món ăn người khác đang ăn, bao nhiêu căn nhà người khác đang ở. Chẳng món nào làm anh no, vậy mà lúc đặt máy xuống thấy mệt và hơi... thiếu. Đó là cái bụng không được nuôi trong khi con mắt đã quá no.

Có một dạng khó nhận hơn: *tối ưu hóa cảm giác*. Nghe nhạc phải có danh sách gợi ý hay hơn, ăn phải chụp cho đẹp trước, đi dạo phải đạt đủ số bước, đọc sách phải ghi lại được bao nhiêu trang. Ngay cả lúc thư giãn ta vẫn đứng ngoài mà đo mình. Con mắt được chăm, cái bụng bị bỏ. Mà cái bụng ở đây không chỉ là cơm —là chỗ nào đó trong người được phép vừa đủ, được phép không hay ho, không đáng kể.

Thử một việc nhỏ, không cần cai gì hết: bữa cơm tới, ăn mà không bật thêm thứ gì để xem. Chỉ một bát, một mùi, và tiếng nhai. Nhiều người giật mình vì hôm ấy cơm thấy ngọt hơn hẳn —không phải cơm ngon lên, mà là lưỡi đã được nghỉ đủ lâu để trở về.

Lão Tử gọi đó là *khử bỉ thủ thử*: bỏ cái kia, lấy cái này. Không mất mát gì ráo. Chỉ là đưa cái đang đói về đúng chỗ nó cần.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Tối nay, thử một bữa không màn hình, hoặc mười phút không tai nghe. Đừng coi là cai, cũng đừng tự khen.

Rồi để ý cái đầu tiên trở lại: tiếng quạt, mùi cơm, hay một cơn gió nhỏ ngoài cửa sổ.

Mắt lúc bớt nhìn mới bắt đầu thấy.

第十三章

Được khen cũng giật mình

寵辱若驚

寵辱若驚，貴大患若身。

Sủng nhục nhược kinh, quý đại hoạn nhược thân.

何謂寵辱若驚？寵為下，得之若驚，失之若驚，是謂寵辱若驚。

Hà vị sủng nhục nhược kinh? Sủng vi hạ, đắc chi nhược kinh, thất chi nhược kinh, thị vị sủng nhục nhược kinh.

何謂貴大患若身？吾所以有大患者，為吾有身，及吾無身，吾有何患？

Hà vị quý đại hoạn nhược thân? Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân, cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?

故貴以身為天下，若可寄天下；愛以身為天下，若可托天下。

Cố quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ; ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.

GẪM

Câu mở đọc đã thấy lạ: *được yêu cũng giật mình, bị nhục cũng giật mình*. Bị nhục mà giật mình thì dễ hiểu. Được *sủng* —được khen, được cất nhắc, được quý —mà cũng giật mình, là sao?

Lão Tử giải ngay, và giải rất gắt: *sủng là ở dưới*. Được khen là nhận từ tay người khác, nên cái vui ấy không nằm trong mình. Nó có chủ, có ngày cấp, có ngày thu hồi. Vì thế *được cũng lo, mất cũng lo* —cùng một cái giật mình, chỉ khác chiều. Ai từng nhận một lời khen mà cả tối hôm ấy cứ bồn chồn sửa lại mình cho khỏi hụt đi, sẽ hiểu ngay chữ *kinh* này. Không phải sợ, là cái tâm bị lay, không còn đứng yên được nữa.

Rồi ngài hỏi câu thứ hai, xa hơn: *sao bảo coi tai họa lớn như chính thân mình?* Và tự đáp bằng một câu làm nhiều người giật mình lần nữa: *sở dĩ ta có tai họa lớn, là vì ta có cái thân; đến khi ta không còn cái thân, ta còn gì mà lo?*

Đây không phải lời chán sống, càng không phải bảo ghét thân xác. Chữ *thân* ở đây là *cái tôi được dựng lên để bảo vệ*: cái tên, cái mặt mũi trước người khác, cái chỗ đứng phải giữ, cái hình ảnh phải không được xước. Hễ còn một cái tôi ấy để đứng canh, thì thế giới trở thành một dàn những thứ có thể làm nó tổn thương. Không phải tại họa nhiều lên —là chỗ dính của ta nhiều lên.

Đoạn kết bật sáng cả chương: *ai quý đem thân mình ra mà làm thiên hạ, mới có thể gửi thiên hạ cho; ai thương đem thân mình ra mà làm thiên hạ, mới có thể gửi gắm thiên hạ cho.* Nghĩa là: cái thân đáng quý không phải thân được che chở, mà là thân chịu đặt vào việc chung. Khi cái tôi không còn là cái phải giữ riêng, nó bỗng thành cái đáng tin nhất để trao việc lớn.

Đọc xuôi chương này, ta thấy Lão Tử chữa một bệnh rất đỗi thường: ta tưởng chỉ có bị chê mới đau. Ngài bảo được khen cũng đau, vì cả hai đều làm ta rời khỏi chỗ mình đang đứng để chạy theo một cái giá do người khác đưa.

ĐIỂN TÍCH 典

Lư Thừa Khánh và bốn chữ ”sủng nhục bất kinh”. *Cựu Đường thư* chép chuyện đời Đường: Lư Thừa Khánh làm quan chấm bậc công trạng. Có viên quan coi vận tải lương bị chìm thuyền, ông chấm *”coi vận tải hao lương, bậc trung hạ”* — người ấy không đổi sắc mặt. Ông nghĩ lại: lỗi tại nước, không

tại sức người, bèn sửa thành *"không phải sức mình làm được, bậc trung trung"* —người ấy cũng chẳng mừng. Ông bèn viết bốn chữ: *"Sủng nhục bất kinh, bậc trung thượng"* —được khen hay bị chê đều không giật mình, ấy mới đáng bậc cao.

Thành ngữ 寵辱不驚 của người Việt mình vẫn dùng hôm nay ra đời từ đúng cái nhận xét ấy. Và lạ lùng thay, Lão Tử viết *sủng nhục nhược kinh* trước đó cả ngàn năm —không phải để dạy viên quan kia, mà để chỉ ra cái bệnh mà viên quan ấy đã khỏi.

Tử Sản không chịu được khen. *Tả truyện* kể, Tử Sản trị nước Trịnh, người trong chợ hát mừng, rồi có người đem lời khen đến tâu. Ông bảo đại loại: việc còn chưa xong, lời khen làm ta sợ. Cái sợ ấy không phải khiêm tốn giả —là ông biết cái vui do người khác đưa dễ khiến người cầm việc ngừng tay sớm. Cũng một chữ *kinh*.

Một đối chiếu khác để thêm sáng: chương 07 dạy *hậu kỳ thân nhi thân tiên*. Chương này đi tiếp một bước —không chỉ đứng sau, mà còn bớt đi cả cái bồn chồn mỗi khi có ai đó gọi tên mình, dù gọi để khen.

ĐỜI NAY 今

Ta không cần làm quan mới dính chuyện này. Cứ mở một ứng dụng lên là thấy: một bài đăng vừa gửi, năm phút lại vào coi có ai tim chưa. Có tim thì vui, rồi lo bài sau phải hay hơn. Không tim thì sửa, xóa, đăng lại giờ khác. Được và mất, hai chiều của cùng một cái giật mình. Lão Tử gọi cái đó là *sủng vi hạ* —cái vui nằm ở tay người khác, nên mình phải đứng canh ngoài cửa nhà họ.

Trong cơ quan cũng vậy. Một lời khen trong cuộc họp có thể làm cả tuần sau ta nói năng dè dặt hơn, sợ phát biểu sau không còn được bằng hôm ấy. Ngược lại, một góp ý nhẹ có thể làm ta mất ngủ, dù việc cần sửa chỉ là một dòng. Cả hai đều làm cái tôi phình lên che mất việc đang làm. Người làm việc bền thường không phải người không cảm, mà là người để lời qua đi rồi vẫn cúi xuống đúng chỗ đang sửa.

Có một câu hỏi nhỏ rất đáng thử: *hôm nay điều làm anh mất lòng, có thật sự đụng vào việc anh đang làm không, hay chỉ đụng vào cái hình ảnh anh đang giữ?* Phần lớn là vế sau. Mà vế sau thì, như Lão Tử nói, *cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn* —khi cái phải giữ bớt đi, cái đáng lo cũng bớt theo.

Không phải ép mình thành vô cảm. Chỉ là đừng giao chìa khóa lòng mình cho một cái nút bấm của người lạ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một lời khen hay một lời chê đi ngang. Thử để nó đi ngang thật, không sửa lại mình vì nó.

Rồi quay về đúng việc tay đang làm.

Được cũng giật mình, mất cũng giật mình —ngài bảo hai cái ấy vốn là một. Bớt đi một cái, cả hai cùng yên.

第十四章

Cái không thấy mà vẫn có

視之不見

視之不見，名曰「夷」；聽之不聞，名曰「希」；搏之不得，名曰「微」。

Thị chi bất kiến, danh viết「di」; thính chi bất văn, danh viết「hy」; bác chi bất đắc, danh viết「vi」.

此三者不可致詰，故混而為一。

Thử tam giả bất khả trí cật, cố hỗn nhi vi nhất.

其上不皦，其下不昧。繩繩不可名，復歸於無物。

Kỳ thượng bất kiểu, kỳ hạ bất muội. Thằng thằng bất khả danh, phục quy ư vô vật.

是謂無狀之狀，無物之象，是謂惚恍。

Thị vị vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng, thị vị hốt hoảng.

迎之不見其首，隨之不見其後。

Nghênh chi bất kiến kỳ thủ, tuỳ chi bất kiến kỳ hậu.

執古之道，以御今之有。能知古始，是謂道紀。

Chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu. Năng tri cổ thỉ, thị vị đạo kỷ.

GẪM

Chương 01 ngài bảo Đạo không gọi tên được. Đến đây ngài thử gọi —rồi chính ngài cười mình: ngài đặt ba cái tên toàn là *chữ của sự thiếu*. Nhìn mà chẳng thấy, gọi là *Di*. Lắng mà chẳng nghe, gọi là *Hy*. Sờ mà chẳng được, gọi là *Vi*. Ba cái tên không tả Đạo là gì, chỉ ghi lại ba lần ta đưa tay ra mà hụt.

Rồi ngài bảo: ba cái ấy *không thể truy đến cùng*, nên *hòa lại thành một*. Không phải ba mảnh ghép được, mà là ba cửa cùng mở vào một chỗ. Mắt, tai, tay —mỗi cơ quan tưởng mình thiếu một thứ riêng, hóa ra cùng thiếu một cái. Cái ấy *ở trên mà chẳng sáng, ở dưới mà chẳng tối*: không chói lên để ta nhận ra, cũng không tối đi để ta bảo là không có. Nó dài dằng dặc không gọi tên được, rồi *trở về với cái không-vật*.

Câu khó nhất mà cũng đẹp nhất: *hình dáng của cái không hình dáng, hình tượng của cái không vật* —ấy gọi là *hốt hoảng*, mờ mờ như có, lùi lùi như không. Ngài không viết ”hư vô”. Ngài viết một cái gì đó đang lảng vảng ở ranh giới: đừng vội nói có, cũng đừng vội phủ. *Đón trước chẳng thấy đầu, đi theo chẳng thấy sau* —nó không có đầu để ta bắt, không có đuôi để ta nắm, vậy mà bước chân ta vẫn đang đi trong nó.

Đoạn cuối bất ngờ quay về thực tế: *cầm lấy cái Đạo của xưa, để lái cái đang có của nay; biết được cái khởi đầu từ xưa, ấy gọi là mối dây của Đạo.* Ngài không để ta đứng mải mê trước cái mờ. Một chương tưởng toàn siêu hình lại kết bằng *chấp* —cầm lấy, dùng được. Cái không thấy ấy không phải để chiêm ngưỡng, mà là cái sợi dây nối hôm nay với cái đã khởi đầu từ trước mình. Gọi là *đạo kỷ*: cái mối, cái đầu dây. Ai nắm được đầu dây thì không cần thấy hết sợi, vẫn đi không lạc.

ĐIỂN TÍCH 典

Tượng Võng tìm được hạt châu đen. *Trang Tử* (thiên *Thiên địa*) kể: Hoàng Đế đi chơi phía bắc sông Xích Thủy, lên núi Côn Lôn ngó về nam, lúc về đánh rơi *huyền châu* —hạt châu đen, cái quý nhất. Sai *Tri* (biết) đi tìm, không được; sai *Ly Chu* (mắt

sáng) đi tìm, không được; sai *Khiết Cấu* (lời khéo) đi tìm, cũng không được. Cuối cùng sai *Tượng Võng* —cái tên nghĩa là *có hình mà không thật, mờ mờ không rõ* —thì Tượng Võng tìm được. Hoàng Đế thốt: *"Lạ thay! Tượng Võng mới tìm được ư?"*

Chuyện này như một minh họa vẽ sẵn cho chương 14. Cái mất không tìm được bằng biết, bằng mắt, bằng lời; nó tìm được bằng chính cái mờ. Đem cạnh *vô trạng chi trạng, hốt hoảng* của Lão Tử, ta thấy hai ông cùng cười một kiểu: muốn gặp cái không hình, đừng mang theo cái dụng cụ đòi hình.

Khổng Tử lần ngược dây. *Luận ngữ · Vi chính* chép, Tử Trương hỏi có thể biết trước mười đời sau chăng. Thầy đáp: *"Nhà Ân nối lễ nhà Hạ, chỗ bớt chỗ thêm có thể biết; nhà Chu nối lễ nhà Ân, chỗ bớt chỗ thêm có thể biết. Cứ thế mà suy, dẫu trăm đời cũng biết được."* Khổng Tử không đoán tương lai bằng việc gì lạ —ông lần theo cái sợi đã nối từ đời trước sang đời nay. Ấy cũng là *chấp cổ chi đạo, dĩ ngự kim chi hữu*: cầm cái cũ để đọc được cái mới. Hai nhà lại gặp nhau ở chữ *mối dây*, dù một bên gọi là lễ, một bên gọi là Đạo.

ĐỜI NAY 今

Ta lớn lên trong một thế giới tin rằng hễ không đo được là không có. Nhưng những thứ giữ đời ta đứng lại thường rơi đúng vào ba chữ *di, hy, vi*. Không ai chụp được "không khí trong nhà" để chứng minh lúc ấy dễ chịu; không ai cân được "niềm tin" giữa hai người; không ai ghi lại được cái im lặng giữa một câu xin lỗi và câu được tha. Thế mà thiếu chúng thì mọi thứ đo được kia bỗng vô dụng.

Một ví dụ rất gần: anh bước vào một căn phòng họp hay một lớp học, chưa ai nói câu nào mà đã thấy nặng hay nhẹ. Hỏi ra thì chẳng ai đặt ra chuyện ấy —nó nằm ở cách người ta nhìn nhau, ở một nhịp im hơi quá. Cái đó không có hình, không có tên, không đưa vào biên bản được. Nhưng mọi quyết định trong buổi ấy đều đi qua nó. *Vô trạng chi trạng* không phải chuyện trên mây, nó là cái đang điều khiển căn phòng.

Rồi cái *đạo kỷ*. Ngày nay ta dễ cắt đứt mình khỏi đầu dây: đổi việc, đổi chỗ ở, đổi cả cách nói, tưởng càng mới càng tốt. Nhưng có những lúc bối rối, điều giúp ta đứng lại không phải một mẹo mới, mà là một câu rất cũ của ông bà, một cách cư xử mình từng thấy ở nhà hồi nhỏ. Nó chẳng ai dạy thành bài, vậy mà vẫn dẫn được hôm nay. Cầm lấy cái xưa không phải hoài cổ — là còn có đầu dây mà nắm.

Chương này không đòi anh tin vào một cái gì mơ hồ. Nó chỉ mời anh bớt một chút cái phản xạ hễ không thấy là bảo không có.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, thử để ý một thứ anh không gọi tên được —khoảng lặng trước khi ai đó mở lời, hay cảm giác lúc bước vào nhà mình chiều về.

Đừng vội đặt tên. Đón trước chẳng thấy đầu, đi theo chẳng thấy sau —mà bước chân vẫn đang đi trong ấy.

Cái mờ không phải cái thiếu. Nó là cái còn lại khi ta thôi đòi cho rõ.

第十五章

Người xưa đi như đang qua suối mùa đông

古之善為士者

古之善為士者，微妙玄通，深不可識。
Cổ chi thiện vi sĩ giả, vi diệu huyền thông, thâm bất khả thức.

夫唯不可識，故强為之容：豫兮若冬涉川；
猶兮若畏四鄰；
Phù duy bất khả thức, cố cưỡng vi chi dung: Dự hề nhược đông thiệp xuyên; do hề nhược uý tứ lân;

儼兮其若客；渙兮若冰之釋；敦兮其若朴；
曠兮其若谷；混兮其若濁。
Nghiễm hề kỳ nhược khách; hoán hề nhược băng chi thích; đôn hề kỳ nhược phác; khoáng hề kỳ nhược cốc; hồn hề kỳ nhược trọc.

孰能晦以理之徐明？孰能濁以靜之徐清？孰能安以動之徐生？
Thục năng hối dĩ lý chi từ minh? Thục năng trọc dĩ tĩnh chi từ thanh? Thục năng an dĩ động chi từ sinh?

保此道者不欲盈。夫唯不盈，故能蔽而新成。
Bảo thử đạo giả bất dục doanh. Phù duy bất doanh, cố năng tế nhi tân thành.

GẪM

Chương 14 tả Đạo bằng những chữ của sự thiếu. Chương này tả *con người mang Đạo* —mà ngài mở đầu vẫn bằng một cái lắc đầu: *vi diệu, sâu kín, không thể nhận ra.* Chỉ vì không nhận ra được, nên ngài *cưỡng vi chi dung* —miễn cưỡng tả tạm dung mạo thôi. Chữ *cưỡng* ấy quý: ngài xin lỗi trước khi ví, vì biết mọi hình ảnh đều làm hẹp người ta lại.

Rồi bảy cái *như* hiện ra, đọc lên thấy người ấy đi chậm hẳn: rụt rè *như đang lội suối mùa đông* —nước lạnh, đá trơn, chân dò từng bước; dè dặt *như sợ bốn nhà láng giềng*; nghiêm *như đang làm khách*; rồi tan dần *như băng đang rã*; dày *như gỗ chưa đẽo*; rộng *như cái hang rỗng*; và cuối cùng, đục *như nước chưa lắng*.

Để ý chỗ ngài xếp: sau sáu cái sáng, ngài đặt cái đục xuống cuối. Người ấy không trong veo như ta vẫn tưởng bậc tu hành phải thế. Ngài bảo họ *hồn hề kỳ nhược trọc* —lẫn với bùn, không tách mình ra cho dễ nhìn. Chương 20 sẽ còn nói rõ hơn cái ”tôi đục mà người đời sáng”. Ở đây mới là cửa.

Ba câu hỏi tiếp theo là cả một phương pháp, mà mỗi câu đều có chữ *từ* —*chậm dần*: ai làm được cái tối *tự sáng dần* lên? ai làm được cái đục *lắng dần* mà trong? ai làm được cái yên *chuyển dần* mà sinh? Không có câu nào bảo ”hãy làm cho nó trong lên ngay”. Lão Tử không tin vào cái gắt. Bùn không bị vớt đi, nó được *để yên*. Nước không bị ép sáng, nó được *thời gian*.

Câu chốt nối về chương 09: *người giữ Đạo chẳng muốn đầy. Chỉ vì không đầy, nên cũ mà vẫn thành mới.* Chữ *tế* (蔽: che, mòn, cũ đi) đi với *tân thành* (mới thành) nghe như nghịch lý. Thật ra rất giản dị: cái chén đầy thì không còn chỗ nhận thêm, nên nó chỉ có thể cũ dần; cái còn khuyết thì mỗi ngày vẫn đang được làm lại. Người không chịu ”xong” là người mãi còn có thể lớn.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn ở đây có câu 「孰能晦以理之徐明」 và 「蔽而新成」; bản Vương Bật thông hành thường chép hai câu 「孰能濁以靜之徐清，孰能安以久動之徐生」 và có bản đọc 「蔽不新成」. Tôi giữ nguyên chữ của bản nguồn, không tự sửa —ảnh quét Vương Bật 1980 đã soi, xác nhận đây là dị bản thật.

ĐIỂN TÍCH 典

Như trước vực sâu, như đi trên băng mỏng. *Thi kinh · Tiểu nhã* (bài *Tiểu Mân*) có câu: *"Rùng rùng run rẩy, như trước vực sâu, như dẫm băng mỏng"* (戰戰兢兢，如臨深淵，如履薄冰). *Luận ngữ · Thái bá* chép Tăng Tử lúc sắp mất còn gọi học trò lại, bảo: *"Hãy xem tay ta, hãy xem chân ta"* rồi đọc lại chính câu thơ ấy —suốt đời giữ thân mình không hư, mà vẫn run run như đi trên băng. Cái *dự hề nhược đông thiệp xuyên* của Lão Tử không phải tính nhát; đó là sự cẩn trọng của người biết mình đang đi trên một thứ mỏng.

Đầy thì hao, khiêm thì được. *Thượng thư* (thiên *Đại Vũ mô*) có câu đã thành châm ngôn: *"Đầy thì hao, khiêm thì được, ấy là đạo trời"* (滿招損，謙受益，時乃天道). Đem đặt cạnh *phù duy bất doanh* của Lão Tử thì thấy cùng một nhịp, chỉ khác chỗ: sách Thượng thư nói về đức, Lão Tử nói về *cái chén*. Một bên dạy mình khiêm, một bên bảo cái chén cứ khuyết thì tự nó còn được rót mãi.

Trang Tử cũng có người ấy. Thiên *Thiên hạ* tả bậc chân nhân *"chẳng rời khỏi cái thường, lấy cái chậm làm gốc"*, và chỗ khác bảo người ấy *"đứng giữa mà không định ở một phía"*. Điểm chung với bảy cái *như* ở trên là: không có hình dáng cố định để người ngoài nắm lấy. Người như băng đang tan thì khó ai chụp lại được.

ĐỜI NAY 今

Ta sống trong một nhịp đòi *xong ngay*. Tin nhắn phải trả lời trong vài phút, ý kiến phải có ngay trong cuộc họp, một chuyện buồn phải được "vượt qua" cho kịp tuần sau. Thế nên bảy cái *như* của Lão Tử đọc lên nghe gần như lỗi thời. Ai còn dám rụt rè như lội suối đông giữa một nơi ai cũng phải tỏ ra chắc chắn?

Nhưng thử nhớ lại một người mà anh thấy tin nhất. Có khi chính là người nói chậm nhất, người bảo *"để tôi nghĩ thêm một đêm"*, người không vội kết luận khi mọi người đã kết luận xong. Cái chậm ấy không phải chậm hiểu —nó là *từ thanh*: để

bùn lắng đã, rồi mới nhìn. Quyết định vội thường đúng trên giấy và sai ở người; quyết định để lắng một đêm thường ngắn hơn, mà trúng hơn.

Một ví dụ khác, rất nhỏ: một cốc nước vừa khuấy, càng cố soi càng chẳng thấy đáy. Đặt nó xuống hai phút, chẳng làm gì cả, mọi thứ tự rõ. Ta lại hay xử nỗi bối rối của mình bằng cách khuấy thêm — đọc thêm một bài, hỏi thêm một người, lập thêm một danh sách. Lão Tử chỉ bảo: *tĩnh chi từ thanh*. Đặt xuống.

Và cái *bất doanh*. Có những người dễ chịu vì họ không bao giờ có vẻ đã xong: vẫn hỏi, vẫn sửa, vẫn nhận mình chưa rõ ở tuổi đáng lẽ đã được phép rõ hết. Họ cũ đi mà vẫn mới. Ngược lại, ai tự khép mình lại bằng một danh hiệu, một quan điểm đã chốt, một câu "tôi làm thế này hai mươi năm rồi" — người ấy không bị ai làm hỏng, chỉ là hết chỗ để rót thêm.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một chuyện đang đục. Thử không giải quyết nó vội — đặt xuống, như đặt cốc nước vừa khuấy.

Rồi để ý: chẳng ai làm trong giúp, mà bùn vẫn lắng.

Người xưa đi chậm không phải vì sợ đường. Họ đi chậm để còn nghe được tiếng nước dưới chân.

第十六章

Muôn vật đều đi về

致虛極

致虛極，守靜篤，萬物並作，吾以觀復。
Trí hư cực, thủ tĩnh đốc, vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục.

夫物芸芸，各復歸其根。歸根曰靜，靜曰復命。
Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn. Quy căn viết tĩnh, tĩnh viết phục mệnh.

復命曰常，知常曰明。不知常，妄作凶。
Phục mệnh viết thường, tri thường viết minh. Bất tri thường, vọng tác hung.

知常容，容乃公。公乃王，王乃天，天乃道，道乃久，沒身不殆。
Tri thường dung, dung nãi công. Công nãi vương, vương nãi thiên, thiên nãi đạo, đạo nãi cửu, một thân bất đãi.

GẪM

Bốn chữ đầu là một lời mời ngồi xuống: *đưa cái rỗng tới chỗ cùng, giữ cái yên tới chỗ chắc*. Không phải ”hãy tĩnh tâm lại” kiểu một câu an ủi, mà là đẩy tới tận cùng —hết một lớp lo rồi

còn một lớp, cứ ngồi cho tới khi chẳng còn cái gì để dọn nữa. Chữ *đốc* là dày, là chắc, là không còn khe hở để cái ồn lọt vào.

Rồi một điều lạ: chính trong cái yên ấy, ngài bảo *muôn vật cùng dấy lên, ta nhân đó mà xem cái trở về*. Không phải ngồi im để trốn đời. Trái lại: phải ngồi đủ yên mới thấy được *nhịp đi* của đời. *Vân vân* là cỏ cây um tùm, đủ thứ mọc lên lộn xộn —mà mỗi thứ, ngài bảo, *đều trở về cái rễ của nó*. Lá xanh rồi rụng, rụng rồi mục, mục rồi nuôi lại rễ. Ta chỉ thấy cái mọc; ngài bảo cái mọc không tự thân nó đứng được, nó đang mượn một vòng quay.

Về rễ gọi là tĩnh; tĩnh gọi là trở về mệnh; trở về mệnh gọi là thường; biết thường gọi là minh. Bốn chữ nối nhau như bốn nhịp thở. Đáng chú ý là chữ *mệnh*: không phải số phận kiểu bói toán, mà là cái phần đã được giao cho mỗi vật, cái nó là trước khi nó khoe ra. Trở về mệnh là trở về đúng mình, bỏ hết cái đang mọc tạm. Và *thường* —cái cứ thế, chẳng cần ai giữ nhịp. Biết được cái ấy mới gọi là *sáng*.

Câu kế lạnh đi: *chẳng biết thường, làm càn thì dữ.* Chữ *vọng* là làm liều, làm theo ý mình không theo nhịp. Không phải Lão Tử dọa. Ngài chỉ nói như người làm vườn nói: cây đang ra rễ mà ta giật lên xem, nó chết —không phải vì ta ác, chỉ vì ta không biết đang tới mùa nào.

Đoạn cuối mở dần từ một người ra tới cả trời đất: biết thường nên *dung* (chứa được), chứa được nên *công* (chẳng thiên), chẳng thiên nên đủ làm *vương*, rồi *thiên*, rồi *đạo*, rồi *lâu*, rồi *trọn đời chẳng nguy*. Cái chuỗi này không phải thang chức, nó là một sự nới dần lòng ra: từ chỗ chịu được cái khác mình, tới chỗ đứng yên trong cái đang vận hành. Ai biết mọi thứ đều có lúc về, người ấy bớt sợ —và bớt sợ là đã hết cái nguy lớn nhất rồi.

ĐIỂN TÍCH 典

Nam Quách Tử Kỳ "mất tôi". *Trang Tử · Tề vật luận* mở đầu bằng một cảnh: Nam Quách Tử Kỳ ngồi tựa vào bàn, ngửa mặt thở dài, trông như người đã rời khỏi thân xác. Học trò Nhan

Thành Tử Du hỏi sao thầy hôm nay khác thế. Thầy đáp: *"Ngươi chưa từng nghe tiếng sáo của trời hay sao?... Nay ta đã mất cái tôi."* (今者吾喪我).

Cái *táng ngã* ấy chính là *trí hư cực*. Không phải ngủ gật, không phải xuất thần —là cái "tôi đang ngồi đây để đạt được gì" vừa buông ra, nên tiếng gió qua kẽ tre mới nghe được trọn. Đem cạnh *vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan phục*, ta thấy: chỉ khi cái tôi đứng canh lùi lại, cái trở về của muôn vật mới hiện ra.

Trình Hạo ngồi nhìn mùa thu. Đời Tống, Trình Hạo (程顥) có câu thơ trong bài *Thu nhật ngẫu thành*: *"Muôn vật nhìn trong tĩnh đều tự đắc, bốn mùa hứng đẹp cùng người vui"* (萬物靜觀皆自得，四時佳興與人同). Hai chữ *tĩnh quan* —nhìn trong yên —là đúng cái ngài Lão Tử dạy ở đầu chương. Và *tự đắc* lại đúng cái *các phục quy kỳ căn*: chẳng cần ai sắp xếp, mỗi thứ tự về đúng chỗ nó. Một nhà Nho, cách Lão Tử mười mấy trăm năm, mà ngồi xuống thì thấy cùng một vòng.

Chu Liêm Khê lấy tĩnh làm gốc. Cũng đời Tống, Chu Đôn Di (周敦頤) trong *Thái cực đồ thuyết* viết: *"Thánh nhân định lấy trung chính nhân nghĩa mà chủ tĩnh, dựng nên cái cực của con người."* Chữ *chủ tĩnh* không phải trốn việc; nó là chỗ đặt trục. Đọc ngược lại câu *bất tri thường, vọng tác hung* của Lão Tử thấy khớp: mất cái trục ấy thì mọi cử động đều hóa vọng.

ĐỜI NAY 今

Ta hay tưởng nghỉ ngơi là *ngừng*, nên nghỉ mà vẫn bồn chồn: nằm xuống rồi tính xem mình đã hồi phục chưa. Lão Tử bảo có một kiểu ngồi khác —không phải để lấy lại sức cho mai làm tiếp, mà chỉ để *xem*. Xem mọi thứ đang mọc rồi đang về, kể cả cái bực bội trong lúc này: nó cũng mọc lên, cũng sẽ rụng, chẳng cần ta đuổi nó đi.

Có những chu kỳ ta vẫn cố chống. Một đợt công việc căng rồi tới một đợt chững, ta gọi là "tụt". Một đứa trẻ đang mải lớn bỗng lùi lại, ta gọi là "hư". Một cơ thể sau mấy tuần khỏe bỗng mệt, ta gọi là "sai đâu rồi". Chữ *thường* của Lão Tử mời ta đọc

lại: có cái về nằm ngay trong cái đi, không phải lỗi, là nhịp. Chống nó mới thành *vọng tác*.

Một ví dụ rất cụ thể: cây trong chậu ngoài hiên. Mùa này rụng sạch, ai mới nhìn cũng tưởng chết. Nhưng người trồng lâu không vội tưới thêm, không vội bón —họ biết nó đang ở đoạn *quy căn*. Ta thì hay sốt ruột với chính mình và với người thân đúng vào đoạn ấy: hối, giục, sửa, thêm việc. Thương mà thành hại.

Và cái *dung*. Người biết mình cũng đang ở một nhịp nào đó thường dễ chịu với nhịp của người khác hơn —không còn bắt ai phải luôn xanh, luôn năng suất, luôn vui. Chứa được người khác, hóa ra bắt đầu từ chỗ chịu được cái rụng của chính mình.

Chương này không dạy một kỹ thuật thiền. Nó chỉ bảo: nếu anh chịu ngồi yên đủ lâu, anh sẽ thấy chẳng có cái gì thật sự mất đi. Nó chỉ về rễ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, ngồi yên năm phút trước cửa sổ, không đếm hơi, không sửa tâm trí.

Nhìn một cái lá, một đám mây, hay chính cái mệt của mình — mọc lên rồi lắng xuống.

Về rễ gọi là tĩnh. Về được rễ, chẳng còn gì phải sợ.

第十七章

Ông lãnh đạo mà chẳng ai biết tên

太上

> 太上，下不知有之；其次，親而譽之；其次，畏之；其次，侮之。
> *Thái thượng, hạ bất tri hữu chi; kỳ thứ, thân nhi dự chi; kỳ thứ, uý chi; kỳ thứ, vũ chi.*
>
> 信不足焉，有不信焉。
> *Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.*
>
> 悠兮其貴言。功成事遂，百姓皆謂：「我自然」。
> *Du hề kỳ quý ngôn. Công thành sự toại, bách tính giai vị: 「Ngã tự nhiên」.*

GẪM

Lão Tử xếp bốn hạng người cầm việc, mà xếp ngược với cái ta vẫn tưởng.

Hạng cao nhất: *kẻ ở dưới không biết có ông ấy*. Hạng sau: *gần gũi mà khen*. Hạng sau nữa: *sợ*. Hạng cuối: *khinh*. Bậc thang này đọc lần đầu thấy hụt: sao người được yêu mến lại chỉ đứng thứ hai? Sao kẻ chẳng ai hay tên lại đứng đầu?

Vì ngài không chấm theo *tình cảm*, ngài chấm theo *chỗ đứng của cái tôi*. Được khen vẫn là có một cái tôi đứng giữa việc và người —chương 13 vừa dạy *sủng nhục nhược kinh*, được khen cũng là một cái giật mình. Bị sợ thì cái tôi ấy còn dày hơn, chỉ đổi từ ấm sang lạnh. Bị khinh là lúc cái tôi đã rỗng ra, chẳng còn gì giữ được nữa. Còn hạng đầu: việc chạy, chẳng ai phải nhớ ai đã xếp cho nó chạy.

Câu giữa ngắn mà soi thẳng vào người cầm việc: *tín chẳng đủ, thì có sự chẳng tin.* Không phải dân gian dối, không phải cấp dưới khó dạy. Chữ *yên* ở đây như một cái gương: hễ lòng mình còn thiếu một chút thành, ở đầu kia lập tức mọc lên một chút ngờ. Ta hay tưởng mất niềm tin là chuyện lớn do một lần sai; Lão Tử bảo nó là hơi ẩm, thấm dần từ những lời nói hơi quá, hứa hơi nhanh, giải thích hơi nhiều.

Nên ngài viết *du hề kỳ quý ngôn* —thong thả thay, quý lời nói lắm. Không phải câm, là *không nói phí*. Người cầm việc nói ít, vì mỗi câu nói ra đều tạo thêm một chỗ người ta phải dò ý mình, phải né, phải đoán. Lời nhiều dần thành luồng gió, mọi người ngả theo gió thay vì ngả theo việc.

Và câu kết là một trong những câu đẹp nhất của Đạo Đức Kinh: *việc thành, xong xuôi, trăm họ đều bảo: mình tự nhiên cả thôi.* Không ai cảm ơn, không ai biết ơn ai, không có diễn đàn tổng kết. Người ấy đã lùi kỹ đến mức cái thành tựu mang tên chính những người làm ra nó. Đó không phải khiêm tốn giả vờ —đó là dấu vết của một bàn tay đã thật sự buông.

> Chỗ hay về bản văn: có bản chép「下知有之」(kẻ dưới chỉ biết là có ông ấy) thay vì「下不知有之」(chẳng biết có). Bản nguồn của tôi dùng chữ 「不」; tôi giữ nguyên, đã soi với ảnh quét Vương Bật 1980. Hai cách đọc đều dẫn về một ý: ông ấy hiện diện rất mỏng.

ĐIỂN TÍCH 典

Bài ca ông lão gõ đất. Sách *Cao sĩ truyện* (cũng thấy trong *Đế vương thế kỷ*) chép đời vua Nghiêu: có ông lão ngồi gõ miếng

đất mà hát: *"Mặt trời lên thì ta làm, mặt trời lặn thì ta nghỉ; đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn —cái sức của vua đính vào ta chỗ nào?"* (日出而作，日入而息，鑿井而飲，耕田而食，帝力於我何有哉).

Đây chính là *bách tính giai vị: ngã tự nhiên* bằng lời của một người dân. Không phải ông lão phủ nhận vua, càng không phải chống đối —ông thật lòng không thấy có gì để cảm ơn, vì chẳng ai đứng giữa ông và bát cơm. Người đời sau khen đời Nghiêu Thuấn là khen đúng chỗ này: cái tốt nhất của một triều đình là nó mỏng đến mức dân không phải nghĩ tới nó.

Tiêu quy Tào tùy. *Sử ký · Tào tướng quốc thế gia* chép: Tiêu Hà làm tướng quốc nhà Hán, đặt ra pháp chế; Tiêu Hà mất, Tào Tham lên thay, không sửa gì hết, việc gì cũng chiếu cũ mà làm, ngày ngày uống rượu. Huệ Đế lấy làm lạ, sai người hỏi. Tào Tham đáp đại loại: *"Tiên đế cùng Tiêu Hà đã định xong, mình cứ giữ đừng mất là đủ."* Dân gian bèn có câu: *"Tiêu Hà đặt phép, rành rẽ như một; Tào Tham nối theo, chẳng sửa chút gì; nhờ cái trong sạch ấy mà dân yên một lòng"* (蕭何為法，顜若畫一；曹參代之，守而勿失。載其清淨，民以寧一).

Tào Tham không được khen là anh hùng, sử cũng chẳng chép ông làm được việc gì lừng lẫy. Đúng vào hạng *thái thượng*: ông có mặt rất ít, mà nước yên. Đem cạnh chương này thì *du hề kỳ quý ngôn* không còn là lời nói suông.

ĐỜI NAY 今

Ta dễ nhận ra bốn hạng ấy ngay trong một văn phòng, một tổ bộ môn, thậm chí một nhà. Người quản lý nào cũng muốn thông báo cho kịp, nhắc cho kịp, họp cho kịp —rồi than sao cấp dưới không tự chủ. Nhưng hễ có một lời nhắc, là có một chỗ người ta ngừng tự xét để chờ nhắc tiếp. Cái *bất tín* không mọc từ lười, nó mọc từ chỗ mình không thật tin người kia làm được.

Cũng có hạng được yêu mến: thầy cô, trưởng nhóm rất tận tâm, ai cũng quý. Tốt đấy, nhưng Lão Tử vẫn xếp thứ hai —vì

khi người ấy nghỉ, cả nhóm bỗng lúng túng, mọi ngõ đều vẫn dẫn về một người. Hạng đầu là người đã xếp được việc để nó tự chạy: không ai nhớ công họ, mà việc vẫn chạy đều.

Một ví dụ nhỏ trong nhà: đứa trẻ tự dọn được bát cơm, tự sửa được lỗi mình làm, mà không cần ai đứng sau khen hay nhắc. Người lớn khó nhất không phải dạy nó, là *ngồi yên không can thiệp* đúng lúc nó đang vụng về. Can thiệp sớm một câu, việc vẫn xong —nhưng cái ”tôi tự làm được” của nó mất đi. Lão Tử bảo cái mất ấy lớn hơn cái lợi của câu nhắc.

Quyển sách này đang cố làm đúng điều ấy với anh, nhân tiện: nếu đọc tới một chương anh thấy mình tự ngộ ra trước khi kịp đọc lời giải, thì người viết đã lùi đúng chỗ rồi.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một việc người khác đang làm hơi vụng. Thử không sửa, không nhắc, không khen vội.

Để nó xong theo cách của họ.

Rồi nếu ai đó hỏi việc ấy do ai xếp, mà họ bảo ”tự nó thế cả thôi” —ấy là hạng cao nhất vừa đi qua, nhẹ tênh.

第十八章

Khi phải kêu gọi nhân nghĩa

大道廢

大道廢，有仁義；智慧出，有大偽；
Đại đạo phế, hữu nhân nghĩa; trí tuệ xuất, hữu đại ngụy;
六親不和，有孝慈；國家昏亂，有忠臣。
Lục thân bất hoà, hữu hiếu từ; quốc gia hôn loạn, hữu trung thần.

GẪM

Bốn vế, bốn lần Lão Tử lật ngược cái ta vẫn tán thưởng. Nghe qua dễ tưởng ngài chê nhân, chê nghĩa, chê hiếu, chê trung. Không phải. Ngài chỉ chỉ vào một điều trước đó: *sở dĩ phải kêu gọi những cái ấy, là vì cái tự nhiên đã hỏng rồi.*

Đạo lớn còn đó, chẳng ai cần nhắc ai thương nhau —cũng như một nhà đang ấm chẳng ai treo biển ”xin hãy đoàn kết”. Đến lúc phải đem hai chữ *nhân nghĩa* ra giảng, ra dạy, ra khen thưởng, là lúc cái ấm ấy đã nguội từ trước. Lão Tử không bảo cái thuốc độc; ngài bảo cái thuốc là *triệu chứng*. Đừng vội mừng vì thuốc hay, hãy hỏi sao phải uống.

Vế thứ hai gắt hơn: *trí tuệ nổi lên, có cái giả lớn.* Chữ *trí tuệ* ở đây không phải sự thông thái mà là cái khôn lọc lõi, cái mưu tính hơn thiệt được đem ra chuộng. Hễ chuộng cái khôn ấy, thế nào cũng sinh ra cái khôn giả: nói đúng lễ mà không có lòng,

làm đúng quy trình mà không có việc. Càng nhiều cách để tỏ ra đúng, càng nhiều cách để giả đúng.

Rồi ngài hạ xuống hai chỗ rất người: *sáu họ hàng chẳng hòa, mới có hiếu có từ; nước nhà rối loạn, mới có bề tôi trung.* Đây là câu dễ làm ta nghẹn nhất. Một người con hiếu có thật chẳng sai, một ông quan trung có thật càng đáng quý —nhưng ngài mời ta nhìn cái nền đã sinh ra họ: một nhà phải cần đến ”tấm gương hiếu thảo”, thường là nhà đã có một khoảng lạnh; một nước phải tôn vinh ”tấm gương trung liệt”, thường là nước đang lâm nạn. Vinh quang mọc lên từ vết thương.

Nên chương này không phải lời chê đạo đức, mà là lời nhớ cái nguồn. Đạo đức hay nhất là thứ không cần được nêu tên: người ta cư xử với nhau tử tế mà chẳng ai nghĩ mình đang tử tế, cũng chẳng ai đứng ra trao giải. Ngay lúc ta phải đặt tên cho một đức hạnh, nên dịu dàng hỏi: *điều gì đã rời đi trước đó?*

Có một sự an ủi lặng lẽ trong bốn vế ấy nữa: Lão Tử không đòi ta vứt bỏ nhân nghĩa để quay về thời vàng son. Ngài chỉ dạy đừng nhầm *cái được khen* với *cái còn nguyên*. Sửa được cái nền, lời khen tự khắc thôi không cần thiết nữa —ấy mới là lúc Đạo lớn trở lại.

ĐIỂN TÍCH 典

Khổng Tử than ”Đạo lớn đã đi”. *Lễ ký · Lễ vận* chép, Khổng Tử dự một lễ tế xong, ra đứng trên gác cao mà thở dài: *”Đạo lớn thi hành thuở ấy, thiên hạ là của chung... Ta đâu kịp sống cùng đời ấy, nhưng lòng vẫn còn ghi lấy.”* (大道之行也，天下為公…丘未之逮也，而有志焉). Rồi thầy kể tiếp cảnh ấy: người ta chẳng lo giấu của riêng, chẳng cần dựng thành hào, kẻ già có chỗ gửi, trẻ có chỗ nuôi —và chẳng ai phải gọi đó là ”nhân” hay ”nghĩa”, vì nó cứ thế mà có.

Đem cạnh câu đầu của Lão Tử, hai ông cùng đứng trước một cái mất, chỉ khác giọng: Khổng Tử tiếc một đời đã qua, Lão Tử chỉ vào cái cơ chế đang diễn ra ngay trước mắt. Mà thú vị là chính Khổng Tử —người lập ra đạo nhân nghĩa —lại là người

than rằng thời không cần nhân nghĩa mới là thời đẹp. Hai nhà không hề đối nghịch ở chỗ này như người ta vẫn dạy.

Tỷ Can và cái ”trung” sinh ra lúc nước loạn. *Sử ký · Ân bản kỷ* chép: Trụ vương bạo ngược, Tỷ Can can ngăn mấy lần không được, bảo *”làm bề tôi không lấy cái chết mà sợ thì phải nói cho hết”*, rồi cãi lại ba ngày không chịu lui. Trụ nổi giận: *”Nghe nói tim thánh nhân có bảy lỗ”*, sai mổ ngực ông mà xem. Đời sau tôn ông là bậc trung thần đầu tiên.

Nhưng đọc theo Lão Tử, chính cái danh ấy là một lời tố cáo: phải có một ông vua đến mức ấy, mới cần một cái trung đến mức ấy. Ngài không hạ thấp Tỷ Can —ngài bảo đừng chỉ ngợi cái trung mà quên hỏi tại sao nước nhà lại rối đến nỗi sinh ra nó. Câu *quốc gia hôn loạn, hữu trung thần* lạnh là ở chỗ đó.

ĐỜI NAY 今

Ta sống giữa rất nhiều khẩu hiệu tốt: văn hóa doanh nghiệp, giá trị cốt lõi, ngày hội gắn kết, chiến dịch tử tế, giải thưởng cống hiến. Không có cái nào xấu. Nhưng Lão Tử sẽ bảo: hãy để ý một tổ chức phải treo càng nhiều khẩu hiệu về ”tin tưởng”, thường là nơi niềm tin đang mỏng; phải tổ chức càng nhiều buổi ”gắn kết”, thường là nơi người ta đã không còn tự nhiên ngồi ăn trưa với nhau.

Gần hơn nữa là trong nhà. Có những nhà phải lập ”quy tắc hiếu thảo”, phải nhắc con nhớ gọi ông bà cuối tuần, rồi khen con ”hôm nay ngoan quá”. Lời khen ấy thành thật đấy, nhưng nếu ông bà vẫn ngồi cùng mâm cơm mỗi tối, đứa trẻ chẳng cần được dạy phải nhớ ai —nó nhớ bằng cách ngồi đó thôi. Cái cần dạy lại xuất hiện đúng chỗ cái tự nhiên đã vắng.

Một ví dụ tinh vi hơn, ngay trong nghề của nhiều người: khi một quy trình phải được ban hành thật dày, kèm đủ biểu mẫu chứng minh ”đã làm đúng”, thường là vì chỗ ấy trước đó từng có một lần thiếu tin cậy. Quy trình không sai, nhưng nó là cái nạng, không phải cái chân. Người khéo lo việc không chỉ lo

làm đúng biểu mẫu, mà lo sửa lại cái chỗ đã khiến phải sinh ra biểu mẫu.

Và một câu tự soi, không nặng nề: hôm nay anh thấy cần phải *nói ra* một điều lẽ ra không cần nói —một lời nhắc lịch sự, một lời giải thích về thiện chí của mình —có khi đáng hỏi xem ở giữa hai bên vừa lạnh đi chút nào không. Không phải để trách ai. Chỉ để sửa cái nền, thay vì chỉ dán thêm một cái biển hay.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, nếu định khen ai đó vì một cử tử tế, thử lặng đi một nhịp mà nhìn xem: điều gì quanh đó đang khiến cử ấy trở nên đáng khen?

Rồi, nếu có thể, sửa một cái nhỏ ở cái nền ấy.

Nhà đang ấm chẳng ai treo biển đòi ấm. Đạo còn nguyên thì chẳng cần gọi tên đức.

第十九章

Trở về với vải trắng và gỗ chưa đẽo

見素抱朴

> 絶聖棄智，民利百倍；絶仁棄義，民復孝慈；
> 絶巧棄利，盜賊無有。
> *Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội; tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ; tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu.*
>
> 此三者，以為文不足。
> *Thử tam giả, dĩ vi văn bất túc.*
>
> 故令有所屬：見素抱朴，少私寡欲。
> *Cố lệnh hữu sở thuộc: kiến tố bão phác, thiểu tư quả dục.*

GẪM

Chương trước ngài mới bảo: Đạo lớn mất đi thì nhân nghĩa mới được nêu lên. Đến đây ngài đẩy tới một câu dễ gây sốc: *dứt thánh, bỏ trí, dân lợi trăm lần; dứt nhân, bỏ nghĩa, dân trở lại hiếu từ; dứt xảo, bỏ lợi, trộm cướp không còn.*

Nghe như ngài muốn xóa sạch đạo đức. Nhưng hãy để ý chữ ngài dùng ở câu thứ ba: *dân **phục** hiếu từ* —**trở lại**. Nghĩa là hiếu từ vốn có sẵn, chỉ bị cái rao giảng đè khuất. Ngài không bỏ cái thật, ngài bỏ cái *bảng hiệu*. Ba chữ *tuyệt* (dứt) đều nhắm vào những thứ đã được dựng thành danh, thành tiêu chuẩn, thành cái để người ta thi đua với nhau: thánh để tôn, trí để

hơn, nhân nghĩa để khen, xảo lợi để kiếm. Hễ còn cái bảng, là còn người đứng sửa mình cho vừa bảng ấy —và chương 13 đã dạy sửa mình vì cái nhìn của người khác mệt đến mức nào.

Rồi một câu rất tỉnh, dễ bị bỏ qua: *ba điều ấy, lấy làm văn thì chưa đủ.* Chữ *văn* là cái trang sức bề ngoài, là lời, là điều lệ, là khẩu hiệu. Lão Tử tự chặn chính mình lại: dứt bỏ suông, nếu vẫn chỉ là một phong trào ”hãy giản dị đi”, thì lại thành một cái bảng mới. Ngài biết cái bẫy ấy, nên vội đưa ta về chỗ bám: *cố lệnh hữu sở thuộc* —cho nó có chỗ để thuộc về.

Chỗ ấy là tám chữ cuối, và là tám chữ đáng mang theo nhất của cả chương: *kiến tố, bão phác, thiểu tư, quả dục*. Hiện ra cái vải còn chưa nhuộm; ôm lấy khúc gỗ chưa đẽo; bớt cái riêng; ít cái muốn. Không phải ”đừng có gì”, mà là *trước khi bị nhuộm, trước khi bị đẽo*. Vải trắng chưa đẹp theo nghĩa đã thành phẩm, nhưng nó còn có thể thành bất cứ màu nào; gỗ chưa đẽo chưa thành bát thành ghế, nhưng nó còn đủ cả cái nguyên. Lão Tử không dạy nghèo đi, ngài dạy đừng vội *đóng khuôn* mình sớm quá.

Hai chữ cuối *thiểu, quả* cũng đáng ngẫm: ngài không viết *vô tư, vô dục* —không bảo diệt. Chỉ bảo *bớt, ít đi*. Một lời rất người, rất biết mình: cái tôi không cần bị giết, chỉ cần bớt đứng chắn cửa. Bớt đi một chút, cái tự nhiên đã có sẵn tự lộ ra, chẳng cần ai rao giảng thêm.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử mượn chính lời thầy. Thiên *Khư khép* (胠篋) viết: *”Cho nên dứt thánh bỏ trí, kẻ trộm lớn mới thôi; đập cân bẻ thước, dân mới chẳng tranh”* (故絶聖棄知，大盜乃止；掊斗折衡，而民不爭). Trang Tử đi xa hơn, và đi bằng một hình ảnh gắt: đập cái cân, bẻ cái thước. Không phải vì cân thước sai, mà vì có cân thước là có kẻ khéo dùng cân thước để lường người. Câu này là lời bình trực tiếp cho *tuyệt xảo khí lợi* ở đầu chương: cái xảo không nằm ở đồ vật, nằm ở chỗ đồ vật được đem ra làm chỗ hơn thua.

Vẽ việc sau vải trắng. *Luận ngữ · Bát dật*: Tử Hạ hỏi câu thơ *"Nụ cười khéo thay, mắt đẹp thay, tấm lụa trắng mà thành văn thay"*. Khổng Tử đáp gọn: *"Việc vẽ là làm sau cái trắng"* (繪事後素). Tử Hạ hỏi thêm: *"Vậy lễ cũng làm sau chăng?"* Thầy mừng: *"Khởi ý được rồi, cùng bàn được Thi rồi!"*

Cái *tố* (lụa chưa nhuộm) của Khổng Tử và cái *tố* của Lão Tử là một. Chỉ khác: Khổng Tử nói cái trắng có trước để còn vẽ lễ lên; Lão Tử bảo cứ giữ lấy cái trắng, đừng vội vẽ. Một bên lo nét vẽ cho đúng, một bên lo đừng để nét vẽ làm mất mặt vải. Đọc hai câu cạnh nhau, chương 19 bớt hẳn cái vẻ "chống đạo đức" mà thành một lời nhắc rất hiền: trước khi sửa cho đúng, hãy còn nguyên đã.

ĐỜI NAY 今

Chương này soi thẳng vào một thứ ta đang sống cùng mỗi ngày: cái đời được *trình bày*. Một người đi làm cũng phải có "thương hiệu cá nhân", một sở thích cũng phải thành "dự án", một buổi nghỉ cũng phải đăng lên cho có bằng chứng. Chẳng ai bắt ta nhuộm cả —nhưng lâu dần ta không còn nhận ra mặt vải mình nữa, chỉ thấy cái màu đã phết lên.

Cái *văn bất túc* của Lão Tử lộ rõ ở những phong trào giản dị được đóng gói rất cầu kỳ: khóa học tối giản với giáo trình dày, chiến dịch "bớt dùng mạng" được quảng bá trên mạng, lời mời "hãy sống chậm" phát đi kèm một lịch đăng đều đặn. Không có gì sai, chỉ là dứt bỏ suông dễ biến thành một cái bảng mới, đúng như ngài đã chặn từ mười lăm thế kỷ trước.

Nên câu *có chỗ để thuộc về* mới quan trọng. Bớt một cái không đủ, phải có cái khác thay vào chỗ trống —nếu không ta lại lấp ngay bằng một thói quen cũ. Cái thay ở đây không cần lớn: một bữa ăn không chụp, một buổi tối không ghi nhận, một việc làm xong mà không ai biết tên mình. Vải trắng không khoe, nhưng nó vẫn ở đó, đủ nguyên.

Trong công việc cũng có một kiểu *kiến tố*: khi nhận việc mới, đừng vội áp ngay cái cách làm đã quen của chỗ cũ. Ngồi thêm

một nhịp để nhìn việc ấy tự nó đòi gì. Khúc gỗ chưa đẽo khó chịu ở chỗ chưa có tay cầm, nhưng chính nó là thứ còn có thể thành được đúng cái cần, thay vì chỉ thành cái mình đã quen làm.

Chương 18 bảo đừng nhầm cái được khen với cái còn nguyên. Chương 19 chỉ tiếp một bước: muốn cái còn nguyên trở lại, đừng chỉ bỏ cái bảng —hãy bớt đi một chút cái riêng đang đứng canh trước cửa.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, làm một việc nhỏ mà không trình bày với ai: không chụp, không kể, không xếp nó vào một mục tiêu nào.

Rồi để ý cái còn lại khi lớp trình bày rơi đi.

Vải chưa nhuộm chẳng đẹp hơn vải đã nhuộm. Nhưng nó còn có thể thành bất cứ màu nào —và trước hết, nó vẫn là mình.

第二十章

Tôi khác người, mà vẫn bú mẹ

我獨異於人

絶學無憂。唯之與阿，相去幾何？善之與惡，相去若何？

Tuyệt học vô ưu. Duy chi dữ a, tương khứ kỷ hà? Thiện chi dữ ác, tương khứ nhược hà?

人之所畏，不可不畏。荒兮其未央哉！

Nhân chi sở uý, bất khả bất uý. Hoang hề kỳ vị ương tai!

衆人熙熙，如享太牢，如登春台。

Chúng nhân hi hi, như hưởng thái lao, như đăng xuân đài.

我獨泊兮其未兆，如嬰兒之未孩。儽儽兮，若無所歸。

Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài. Luy luy hề, nhược vô sở quy.

衆人皆有餘，而我獨若遺。我愚人之心也哉！沌沌兮。

Chúng nhân giai hữu dư, nhi ngã độc nhược di. Ngã ngu nhân chi tâm dã tai! Độn độn hề.

俗人昭昭，我獨昏昏。俗人察察，我獨悶悶。

Tục nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn. Tục nhân sát sát, ngã độc muộn muộn.

澹兮其若海，飉兮若無止。
Đạm hề kỳ nhược hải, liêu hề nhược vô chỉ.
衆人皆有以，我獨頑且鄙。
Chúng nhân giai hữu dĩ, ngã độc ngoan thả bỉ.
我獨異於人，而貴食母。
Ngã độc dị ư nhân, nhi quý thực mẫu.

GẪM

Đây là chương duy nhất trong Đạo Đức Kinh mà Lão Tử nói *tôi*. Không còn ”bậc thánh”, không còn ”người cầm nước” — ngài đứng giữa đám đông, tự nhận mình lạc điệu, rồi kể. Đọc lên thấy một nỗi cô đơn rất thật, mà lại không hề buồn.

Ngài mở bằng một câu dễ hiểu lầm: *dứt học, hết lo.* Không phải bảo đốt sách. Chương 19 vừa dạy *văn bất túc*, nên *học* ở đây là cái học để hơn người, cái tích lũy để có câu trả lời sẵn, cái mải phân biệt cho tinh rồi thành ra mải so. Ngài hỏi ngay: *tiếng ”dạ” với tiếng ”ừ”, khác nhau mấy? Lành với dữ, khác nhau mấy?* Không phải phủ nhận thiện ác —chương 02 đã dạy chúng cùng sinh. Ngài chỉ làm lỏng cái phản xạ vội xếp hạng mọi thứ vừa nghe được. Hễ còn mải xếp, lòng chẳng lúc nào yên.

Rồi một câu rất người: *điều người ta sợ, không thể không sợ.* Ngài không làm anh hùng. Ngài vẫn sợ như mọi người, vẫn đứng chung nỗi sợ ấy. *Hoang hề kỳ vị ương tai* —mênh mông thay, chưa thấy bờ! Cái mênh mông ấy không phải cảnh, là cảm giác của một người đang ở giữa đám đông mà không tìm thấy chỗ nào để đặt mình.

Đoạn giữa là một loạt *chúng nhân... ngã độc...*: mọi người hớn hở như dự tiệc lớn, như lên gác mùa xuân; riêng tôi lặng, chưa hé một dấu hiệu, như đứa bé chưa biết cười, mỏi mỏi như chẳng có nhà để về. Mọi người đều dư, riêng tôi như thiếu.

Người đời sáng rõ, riêng tôi mờ; người đời sắc sảo, riêng tôi khờ khạo. Mọi người đều có cái để dùng, riêng tôi cứng đầu và quê mùa.

Đáng chú ý: ngài không hề khoe cái khác ấy, cũng không dạy ai phải khác theo. Ngài chỉ *thú nhận*. Và suốt đoạn, chữ *độc* lặp đi lặp lại như một tiếng gõ nhỏ —cô đơn đấy, nhưng không kêu ca, không đổ lỗi, không quay lại giảng cho đám đông kia hiểu mình. Cái im của ngài khác hẳn cái bất mãn.

Rồi hai câu cuối xoay cả chương lại. *Lặng như biển, gió như chẳng nơi dừng* —hoá ra cái mờ của ngài không phải hổng, nó là cái rộng. Và câu kết: *riêng tôi khác mọi người, mà quý ở chỗ **bú mẹ***. Chữ *thực mẫu* ấy đưa thẳng về chương 01 (*hữu danh vạn vật chi mẫu*) và chương 06 (*huyền tẫn*). Ngài khác người không phải vì ngài giỏi hơn, mà vì ngài còn chịu nuôi mình từ cái nguồn chẳng ai nhìn thấy. Người đời no từ tiệc, ngài no từ sữa. Không cần được ai xếp hạng, vì vẫn đang có chỗ để về.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn bị khuyết hai chữ trước 「兮，若無所歸」 (để lại một khoảng trống). Tôi bổ theo bản Vương Bật thông hành là「儽儽」(luy luy: mỏi mỏi, rã rời), phiên âm tương ứng là "Luy luy hề". Đây là chỗ **bổ có ghi chú**, không phải chữ đã được đối chiếu ảnh quét.

ĐIỂN TÍCH 典

Khổng Tử cũng có lần "khác người". *Luận ngữ · Tiên tiến* chép, thầy ngồi cùng Tử Lộ, Tăng Tịch, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa, bảo các trò nói chí mình. Ba người kia đều nói việc nước, việc binh, việc lễ. Đến Tăng Tịch, đang gảy đàn, ngừng tiếng rồi đáp một câu chẳng dính gì đến công danh: *"Cuối xuân, áo xuân đã xong, cùng năm sáu chàng trai, sáu bảy đứa trẻ, tắm ở sông Nghi, hóng gió trên đàn Vũ Vu, rồi hát mà về."* Khổng Tử thở dài: *"Ta cùng Tăng Tịch vậy!"* (吾與點也).

Giữa một nhóm ai cũng có cái để dùng, có một người chọn cái vô dụng —và chính ông thầy nhận mình đứng về phía ấy. Đem cạnh *chúng nhân giai hữu dĩ, ngã độc ngoan thả bỉ*, thấy Lão Tử

và Khổng Tử lại gật đầu với nhau: cái khác người đôi khi không phải lập dị, mà là còn giữ được một chỗ chưa bị mục tiêu hóa.

Trang Tử đi một mình. Thiên *Thiên hạ* tả bậc ấy: *"Một mình cùng tinh thần trời đất đi lại, mà chẳng khinh rẻ muôn vật"* (獨與天地精神往來，而不敖倪於萬物). Chữ *độc* ở đây sáng thêm một nét cho chương 20: khác người mà không khinh người. Lão Tử bảo *nhân chi sở uý, bất khả bất uý* —ngài vẫn sợ cái người ta sợ, vẫn đứng chung phận người. Cô đơn mà không tách ra khỏi loài người, ấy mới khó.

ĐỜI NAY 今

Có một nỗi mệt rất đặc trưng của thời chúng ta, mà chương này gọi tên giúp: mệt vì *phải có vẻ đang vui*. Mọi người đăng ảnh đi chơi, lên chức, đạt mục tiêu, học thêm một khóa, hoàn thiện thêm một phiên bản mình. Ai cũng *hữu dư*, ai cũng *hữu dĩ* —có dư, có cái để dùng. Giữa đám ấy, một chiều thứ Bảy ngồi im không làm gì nổi bỗng thấy mình hơi... sai. Không ai trách, nhưng cái sai tự mọc lên.

Lão Tử không bảo anh rời bỏ đám đông. Ngài chỉ kể lại rằng mình cũng từng đứng đó, mờ hơn, chậm hơn, chẳng có gì để báo cáo —và ngài không vội sửa mình cho vừa. Điều ấy hôm nay gần như là một can đảm nhỏ: dám không có câu trả lời ngay, dám không cập nhật, dám để một ngày trôi qua mà không thành một thành tích.

Cũng nên nói rõ để khỏi hiểu lệch: chương này **không** khuyến khích lùi lại, bỏ học, bỏ việc, hay mặc kệ. Ngài vẫn bảo *điều người ta sợ, không thể không sợ* —nghĩa là vẫn ở trong đời, vẫn lo đúng cái đáng lo. Cái ngài buông là cái *so sánh*, không phải cái *trách nhiệm*.

Và câu *quý thực mẫu* là phần thực tế nhất. Ai rơi vào một lúc mênh mông chưa thấy bờ, thường không cần thêm một kế hoạch, mà cần một chỗ nuôi rất cũ: một bát cơm nhà, một giọng nói quen, một đoạn đường đi bộ đã đi từ nhỏ, một câu của ông bà chẳng ai ghi chép lại. Những thứ ấy chẳng đưa vào

hồ sơ được, vậy mà chính là chỗ ta hồi lại. Đám đông no từ tiệc; ta no từ sữa. Không kém hơn, chỉ khác nguồn.

Anh có đang thấy mình hơi lạc nhịp không? Nếu có, chương này không sửa anh. Nó chỉ ngồi xuống cạnh và bảo: có một người xưa cũng vậy, và ông ấy vẫn tìm được đường về.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, nếu thấy mình chẳng có gì để kể trong khi quanh ai cũng có, đừng vội kiếm thêm một cái để kể.

Ngồi yên một lát với cái mờ của mình. Rồi tìm lấy một chỗ nuôi rất cũ — mùi bếp, câu nói cũ, con đường cũ.

Khác người không sao. Cốt là vẫn còn chỗ để bú mẹ.

第二十一章

Cái mờ mà lại có thật

孔德之容

孔德之容，惟道是從。
Khổng đức chi dung, duy đạo thị tòng.

道之為物，惟恍惟惚。
Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt.

惚兮恍兮，其中有象；恍兮惚兮，其中有物。
Hốt hề hoảng hề, kỳ trung hữu tượng; hoảng hề hốt hề, kỳ trung hữu vật.

窈兮冥兮，其中有精；其精甚真，其中有信。
Yểu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh; kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín.

自今及古，其名不去，以閱衆甫。
Tự kim cập cổ, kỳ danh bất khứ, dĩ duyệt chúng phủ.

吾何以知衆甫之狀哉？以此。
Ngô hà dĩ tri chúng phủ chi trạng tai? Dĩ thử.

GẪM

Chương 14 ngài tả Đạo bằng ba cái *chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng sờ được*. Đến đây ngài làm một cử động ngược lại: ngài bảo *ở ngay trong cái mờ ấy lại có đủ thứ*.

Mở đầu là một câu dễ đọc nhầm chữ: *cái dung mạo của cái đức lớn, chỉ đi theo Đạo*. Chữ *khổng* ở đây nghĩa là *lớn*, không phải họ Khổng. Đức lớn không tự có hình dáng riêng; nó chỉ là dáng Đạo hiện ra khi đi qua một con người. Nên đừng hỏi ”người có đức trông như thế nào” —hãy hỏi họ đang đi theo cái gì.

Rồi *Đạo làm nên muôn vật, mờ mờ lẫn lộn: duy hoảng duy hốt*. Nhưng ngay sau đó, bốn chữ *kỳ trung hữu —ở trong ấy có —* lặp tới bốn lần như bốn nhịp gõ cửa: có *tượng*, có *vật*, có *tinh*, có *tín*. Mờ không có nghĩa là rỗng. Mờ là chưa thành hình, mà cái chưa thành hình ấy đã mang đủ hình ảnh, đủ vật chất, đủ cái tinh vi, và đủ cái đáng tin.

Hai chữ cuối cùng của đoạn ấy đáng dừng lại lâu nhất: *tinh* và *tín*. Không phải ”tinh thần” trừu tượng, mà là cái hạt rất nhỏ, rất đặc, cái làm cho một hạt mít sau này thành đúng cây mít chứ không thành cây xoài. Và *tín*: cái hạt ấy *giữ lời*. Gieo xuống, nó không mọc bậy. Lão Tử gần như đang nói: Đạo tuy chẳng ai soi rõ, nhưng nó không phải sương khói —nó có độ tin cậy của một cái gì rất thật.

Từ nay ngược về xưa, cái tên ấy chẳng hề đi mất, nhờ đó mà xem được mọi khởi đầu. Chữ *chúng phủ* là mọi cái bắt đầu. Ngài bảo: vì có một cái không đổi, ta mới nhận ra được muôn cái đang khởi. Và câu kết giản dị lạ lùng: *ta lấy gì mà biết dáng mọi khởi đầu? Lấy cái này thôi.* Không viện dẫn, không chứng minh dài dòng —ngài chỉ vào chính cái mờ đang có mặt trước mắt.

Chương này dạy một điều khá ngược đời: ta vẫn tưởng muốn chắc chắn thì phải có định nghĩa rõ, con số rõ, ranh giới rõ. Lão Tử bảo có một lớp chắc chắn sâu hơn, nằm ngay dưới lớp chưa rõ. Một hạt giống trông mờ hơn hẳn cái cây, vậy mà nó đáng tin hơn cả cái cây đã đứng yên ngoài nắng.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: Đạo ”có tình, có tín”. Thiên *Đại tông sư* có một câu như viết riêng để giải hai chữ cuối của đoạn trên: *”Đạo ấy, có tình có tín, vô vi mà không hình; có thể truyền mà không thể*

nhận, có thể được mà không thể thấy.” (夫道，有情有信，無為無形；可傳而不可受，可得而不可見).

Chữ *tín* của Trang Tử và chữ *tín* của Lão Tử là một: Đạo không ký hợp đồng, không hứa bằng lời, nhưng nó không bao giờ làm trái chính nó. Nó đáng tin theo nghĩa của mùa —chưa ai thấy ”mùa” là vật gì, mà ai cũng dám gieo xuống đất.

Trung Dung gọi cái ấy là ”thành”. Sách *Trung Dung* viết: *”Thành là đạo trời; làm nên cái thành ấy là đạo người.”* (誠者，天之道也；誠之者，人之道也). Rồi thêm: *”Thành thì không dối mà vẫn khéo, không lo nghĩ mà vẫn đạt.”* Nhà Nho gọi là *thành*, Lão Tử gọi là *tín*, Trang Tử gọi là *tình* —ba chữ cùng chỉ một cái: có một độ thật không cần được chứng minh, vì chính nó đang làm mọi thứ đứng yên.

Đặt cạnh *kỳ tinh thậm chân* (cái tinh ấy rất thật), ta thấy ba nhà cùng đứng trước một vết lõm: cái rõ nhất lại không nằm ở chỗ sáng nhất.

ĐỜI NAY 今

Ta được huấn luyện để tin vào cái hiển thị được. Một người đáng tin phải có hồ sơ, đánh giá, số liệu, lịch sử giao dịch. Một ngày tốt phải có biểu đồ giấc ngủ và số bước chân. Một mối quan hệ ổn phải có tin nhắn trả lời đúng giờ. Hễ thiếu cái đo được, ta thấy bồn chồn.

Nhưng thử nhớ lại: điều khiến anh tin một người không bao giờ nằm trọn trong hồ sơ cả. Nó nằm ở một cái gì rất khó kể — kiểu họ im lặng đúng lúc, kiểu họ vẫn làm đều đặn suốt mấy năm chẳng ai kiểm tra. Anh không ”chứng minh” được điều ấy cho người khác, vậy mà nó là chỗ chắc nhất. Đó là *tín* trong *kỳ tinh thậm chân*: cái hạt nhỏ không phô ra, nhưng giữ lời.

Một ví dụ khác, rất gần với công việc: lúc bắt đầu một đề tài, một bản vẽ, một lớp học mới, mọi thứ đều mờ —chưa có số liệu, chưa có kết quả, chưa có tên gọi tử tế. Ta hay sốt ruột, muốn chốt ngay cho ra một cái gì rõ ràng để đỡ sợ. Nhưng chính cái mờ ấy đang chứa *tượng* và *vật*: đủ dáng, đủ chất để

lớn lên. Ép nó thành hình sớm quá, thường là ta đổi được cái rõ mà đánh mất cái thật.

Cũng có những chiều tối anh thấy mình chẳng tiến bộ gì, không đo được, không kể được với ai. Chương này bảo đừng vội coi đó là trống rỗng. Cái đang âm thầm lớn dưới bề mặt vẫn có *tinh*, vẫn có *tín*. Chỉ là nó chưa chịu hiện hình cho kịp cái lịch của ta.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, thử tin vào một điều không chứng minh được ngay — một người, một hạt đang mọc, hay chính cái mờ của mình.

Đừng bắt nó phải rõ để mình yên lòng.

Cái mờ không phải cái thiếu. Nó là cái còn đang giữ lời.

第二十二章

Cong mà được trọn

曲則全

曲則全，枉則直，窪則盈，敝則新，少則多，多則惑。

Khúc tắc toàn, uổng tắc trực, oa tắc doanh, tệ tắc tân, thiểu tắc đa, đa tắc hoặc.

是以聖人抱一為天下式。

Thị dĩ thánh nhân bão nhất vi thiên hạ thức.

不自見，故明；不自是，故彰；不自伐，故有功；不自矜，故長。

Bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trưởng.

夫唯不爭，故天下莫能與之爭。古之所謂「曲則全」者，豈虛言哉！誠全而歸之。

Phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh. Cổ chi sở vị khúc tắc toàn *giả, khởi hư ngôn tai! Thành toàn nhi quy chi.*

GẪM

Chương 21 vừa dừng ở một điều ngược đời: cái mờ mà lại có thật, cái hạt nhỏ mà lại *giữ lời*. Sang chương này, Lão Tử không tả Đạo nữa. Ngài đưa tay chỉ vào dáng của người đi theo Đạo

—mà dáng ấy trông thì… hơi cong. Mở đầu là sáu cặp, đọc lên như sáu lần lắc đầu với cái ta vẫn tưởng: *khúc tắc toàn, uổng tắc trực, oa tắc doanh, tệ tắc tân, thiểu tắc đa, đa tắc hoặc*.

Chữ *khúc* là cong, chữ *toàn* là trọn. Cong ở đây không phải chịu thua ai, cũng chẳng phải nhịn để được yên thân. Cây tre đứng thẳng quá thì gió quật gãy; cành hơi cong thì gió luồn qua, rồi lại thẳng. Rồi *uổng* là oằn vẹo mà lại *trực*; *oa* là chỗ trũng mà lại *doanh*, đầy —cái chén phải có chỗ lõm mới chứa được nước; *tệ* là cũ rách mà lại *tân*, mới —cái áo bạc sau bao lần giặt mới là cái áo mềm; *thiểu* mà lại *đa*, mà *đa* lại sinh *hoặc*, rối. Sáu cặp không phải sáu mẹo, là một nhịp duy nhất: cái ta tưởng là thiếu hoá ra chính là chỗ đựng.

Tôi dừng lâu nhất ở chữ *toàn*. Không phải ”hoàn hảo”, cũng chẳng phải ”còn mới”. *Toàn* là còn đủ cả cái đã bị cong, đã bị vẹo, đã cũ đi. Một cái rổ tre dùng mười năm, vành đã lệch, nan đã xỉn, nhưng nó vẫn là cái rổ ấy, vẫn đựng được mớ rau chợ mang về. Cái rổ mới tinh ngoài chợ chưa chắc đã trọn bằng. Ngài chọn chữ này thay cho chữ ”thẳng” là có ý: ngài không hứa cho ai được hơn, ngài chỉ hứa cho ai được còn.

Rồi bốn chữ *bất tự* đi thành một nhịp, như bốn lần đặt cái gương xuống: *bất tự kiến, cố minh; bất tự thị, cố chương; bất tự phạt, cố hữu công; bất tự căng, cố trưởng*. Chữ 自 ấy là chính mình quay về mình. *Tự kiến* là tự đưa ra cho người ta thấy, *tự thị* là tự cho mình phải, *tự phạt* là tự kể công, *tự căng* là tự vỗ vai mình. Ngài lấy bốn cái ấy đi thì *minh, chương, hữu công, trưởng* tự hiện ra —không phải phần thưởng, là cái vốn có mà bị bàn tay đang giơ ra che mất. Như người đứng trước cửa sổ, tay mình chắn mất sáng; buông xuống, sáng vẫn ở đó từ đầu.

Câu kết dễ đọc thành mưu lược: *phù duy bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh* —chẳng tranh nên chẳng ai tranh được với mình. Không phải chiến lược thắng đâu. Chữ *mạc năng dữ chi tranh* là chẳng còn ai có cái gì để mà tranh với ngài nữa: chẳng ai tranh với cái chén đã đặt xuống bàn, chẳng ai tranh với khoảng trống đã nhường chỗ. Ngài không đứng cao hơn, ngài đứng ở chỗ không còn ván cờ. Rồi ngài ngược lên câu của

người xưa mà bảo: *khởi hư ngôn tai* —há là lời nói suông đâu? *Thành toàn nhi quy chi*: thật sự trọn, mà lại về với nó. Chữ *quy* ấy khép đúng chỗ chương 20 đã mở: khác người, mà vẫn có chỗ để về.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: cây chẳng dùng được mà sống trọn tuổi. Thiên *Sơn mộc* kể, Trang Tử đi trong núi gặp một cây to, cành lá sum sê. Người đốn gỗ đứng ngay bên mà không đụng dao. Hỏi tại sao, anh ta đáp: *"Chẳng dùng vào việc gì được."* Thầy bảo học trò: *"Cây này nhờ không dùng được mà sống trọn tuổi trời."* (此木以不材得終其天年).

Cái "chẳng dùng được" ấy không phải hỏng. Nó là cái cong, cái xoắn, cái làm thợ gỗ lắc đầu —mà chính chỗ ấy giữ cây đứng lại giữa một rừng đang bị đốn. Đem cạnh *khúc tắc toàn*, chữ *toàn* sáng thêm: được trọn không phải vì được che chở, mà vì chẳng ai cần đem mình ra làm gì hết.

Kinh Dịch: đạo trời bớt chỗ đầy. Lời Thoán quẻ *Khiêm* trong *Kinh Dịch* có một câu gọn: *"Đạo trời bớt cái đầy mà thêm cho cái khiêm"* (天道虧盈而益謙). Không phải trời phạt kẻ đã đầy, là cái đầy tự mang sẵn chiều bớt đi.

Câu ấy giải hộ hai cặp *oa tắc doanh* và *tệ tắc tân*: chỗ trũng mới chứa được, cái đã cạn mới được châm thêm. Và nó đi thẳng vào bốn chữ *bất tự* —cái mình tự đắp vào cho đầy lại chính là cái làm mình tổn đi. Trời chẳng cần ai thêm lời vào đấy, nó cứ thế mà chảy về chỗ thấp.

ĐỜI NAY 今

Anh hẳn nhận ra một kiểu mệt rất quen ở công sở: một cuộc họp mà ai cũng phải có ý kiến, một nhóm chat mà tin nhắn nào cũng cần trả lời ngay, một bản báo cáo phải kể cho đủ mình đã làm gì. Ta sợ im, vì im dễ bị coi là không có mặt. Thế là cái *tự* ấy giơ ra suốt ngày: tự giải thích, tự khẳng định, tự kể công.

Đến tối, ngồi trên xe về, mệt mà không nhớ nổi mình làm được cái gì —chỉ nhớ mình đã phải hiện diện bao nhiêu lần.

Chiều mưa ở chợ, tôi hay nhìn mấy sạp rau dọn sớm. Cô bán hàng chẳng mời to, chẳng gọi đầu ngõ, chỉ lặng lẽ đắp thêm một nắm hành vào bó rau cho người mua đã quen mặt mấy năm. Chẳng ai ghi nhận, chẳng ai chấm điểm, vậy mà người ta cứ đi thẳng tới sạp ấy, dù sạp bên cạnh treo bảng mới hơn. Cô ấy chẳng *tự phạt*, mà cái công vẫn có —cái công lặng lẽ của một chỗ trũng, nước cứ tự chảy về.

Với con trẻ cũng vậy. Đứa bé tập đi, ta hay đỡ quá, sửa quá, muốn chân nó thẳng ngay cho khỏi vấp. Nhưng cái vấp, cái chân hơi cong lúc chưa vững lại chính là nó đang học đứng. Một lớp học mà thầy nói suốt tiết, học trò chẳng còn chỗ trũng nào để hứng lấy cái mình hiểu. Bớt đi một câu, bớt đi một cái đỡ —không phải bỏ mặc, là nhường lại đúng cái chỗ đang thiếu ấy. Cây tre ngoài bờ ao cong đi trong gió rồi lại thẳng, chẳng cần ai uốn.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay có một cái mình đang giơ ra hơi lâu —một lời giải thích, một cái công, một vẻ cho người ta thấy.

Đặt xuống lúc nào, tôi cũng chẳng nhớ.

Gieo xong, cây lúa cong xuống mà vẫn trổ bông; chẳng cần đứng thẳng mới được mùa.

第二十三章

Gió táp chẳng qua một buổi sáng

希言自然

希言自然。

Hi ngôn tự nhiên.

故飄風不終朝，驟雨不終日。孰為此者？天地。天地尚不能久，而況于人乎？

Cố phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật. Thục vi thử giả? Thiên địa. Thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống vu nhân hồ?

故從事于道者，同于道；德者，同于德；失者，同于失。

Cố tòng sự vu đạo giả, đồng vu đạo; đức giả, đồng vu đức; thất giả, đồng vu thất.

同于道者，道亦樂得之；同于德者，德亦樂得之；于失者，失亦樂得之。

Đồng vu đạo giả, đạo diệc lạc đắc chi; đồng vu đức giả, đức diệc lạc đắc chi; vu thất giả, thất diệc lạc đắc chi.

信不足焉，有不信焉。

Tín bất túc yên, hữu bất tín yên.

GẪM

Ba chữ mở đầu gọn đến bất ngờ: *hi ngôn tự nhiên*. Chữ *hi* là thưa, là ít, là hiếm —không phải cấm nói, là nói vừa đủ, kiểu bà ngoài nếm canh rồi bảo ”mặn rồi” và thôi, chẳng cần thêm câu nào. Cái *tự nhiên* ở đây đã là *tự nó là vậy*: lời bớt đi thì mọi thứ tự nó xảy ra, không phải im lặng có phép gì, mà im lặng thôi không chen vào. Chương 22 ngài vừa kể bốn chữ *bất tự* —bớt tự kể, bớt tự cho mình phải; sang đây ngài đưa cái bớt ấy lên tận mồm.

Rồi *phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật*: gió táp chẳng qua một buổi sáng, mưa rào chẳng qua một ngày. Ngài không bảo gió yếu —gió đang ầm ào đấy, mưa đang trút đấy; ngài chỉ bảo nó chẳng giữ lâu. Một câu hỏi đẩy xa: *thục vi thử giả? Thiên địa* —ai làm nên cơn ấy? Trời đất. Và cú chạm nằm ngay sau: *thiên địa thượng bất năng cửu, nhi huống vu nhân hồ* —trời đất còn chẳng giữ được lâu, huống chi người. Không phải trách, là một cái nhún vai rất hiền: cái ồn nhất cũng có tuổi, mà tuổi ấy ngắn.

Tôi ngồi lâu ở chữ *đồng* (同於). Ta hay đọc là ”giống” hay ”theo”, mà chữ ấy gần với ”thuộc về” hơn. Một hạt cải rơi xuống luống cải thì thuộc về luống ấy —chẳng phải nó quyết định, cũng chẳng ai gọi tên nó; đất ẩm, hạt nằm xuống, thế là xong. Ba lần *đồng vu* đi thành một nhịp: người làm việc với Đạo thì thuộc về Đạo, với đức thì thuộc về đức, với cái mất thì thuộc về cái mất. Rồi ba lần *diệc lạc đắc chi*: Đạo cũng vui lòng nhận lấy họ, đức cũng vui lòng nhận, cái mất cũng vui lòng nhận. Chữ *lạc* ấy đắt quá —không phải bị bắt, không phải được thưởng, là *vui lòng nhận*. Như nước mưa rơi đúng vào cái rãnh đã có sẵn từ trước.

Đáng để ý là ngài kể cả *thất*, cái mất, vào chứ không bỏ sót. Ngài chẳng dọa, chẳng xếp hạng, chỉ đặt ba chỗ đứng cạnh nhau như ba cái ghế ngoài hiên: ngồi ghế nào thì ghế ấy giữ mình. Đọc kỹ thấy lạnh mà lại ấm —không có ai đẩy, mình tự về đúng chỗ mình đang ở.

Câu kết *tín bất túc yên, hữu bất tín yên* buộc ngược về chương 17: người trên lời còn chưa đủ tin, thì dưới mới có cái chẳng tin. Chữ *tín* ấy cũng vừa hiện ở chương 21, trong cái hạt giữ lời. Đặt lại ở cuối chương này như một sợi dây: nói ít không phải nói cho khéo, mà nói cho có thật. Lời mà chẳng có chỗ đứng ở cái mình thuộc về, thì gió táp qua sáng là tạnh, chẳng còn ai giữ lại giúp ta.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: trời có nói gì đâu. *Luận ngữ · Dương Hóa* chép một lần Khổng Tử bảo: *"Ta muốn chẳng nói nữa."* Tử Cống lo: *"Thầy không nói thì chúng con lấy gì mà truyền?"* Thầy đáp: *"Trời có nói gì đâu? Bốn mùa vẫn đi, muôn vật vẫn sinh, trời có nói gì đâu?"* (天何言哉？四時行焉，百物生焉，天何言哉？).

Câu ấy là *hi ngôn* mà không phải cái im của người bực mình. Mùa chẳng cần ai thông báo mà vẫn tới, lá chẳng cần ai nhắc mà vẫn ra. Đặt cạnh chương này, nói ít chẳng làm nghèo đi việc gì —nó chỉ thôi chen vào giữa cái đang tự nó lớn.

Trang Tử: gió là một hơi thở của đất. Thiên *Tề vật luận* mở lời về gió thế này: *"Cái khối đất lớn thở ra một hơi, gọi tên là gió."* (夫大塊噫氣，其名為風). Hễ thở ra thì muôn khe muôn hốc rống lên đủ tiếng; rồi thôi, hơi ấy tạnh.

Gọi gió bằng chữ *thở* thật đắt. Một hơi thở thì có lúc ra, có lúc hết, chẳng ai bắt nó thổi suốt buổi. Nên *phiêu phong bất chung triêu* không phải lời phán, là chuyện vốn vậy: trời đất còn chẳng giữ nổi một hơi của chính mình, huống ta giữ mãi một câu nói, một cơn giận, một lời hứa buông ra lúc đang ồn.

ĐỜI NAY 今

Có những tối, một tin nhắn hơi gắt bay ra là cả nhà im lặng mười lăm phút. Rồi sáng hôm sau, không ai nhắc lại, cơm vẫn dọn, chén vẫn xếp, con vẫn kéo tay đi rửa mặt. Cái gắt ấy tạnh nhanh hơn ta tưởng —đúng kiểu mưa rào chẳng qua một ngày.

Điều lạ không phải là nó qua đi, mà là lúc ấy ta đã tưởng nó sẽ ở lại lâu đến thế.

Trong một cuộc họp, người nói nhiều nhất thường không phải người giữ được điều mình nói. Câu cứ đắp thêm câu, giải thích rồi lại giải thích cái giải thích, đến lúc nhạt cả ý lẫn người nghe. Chị hẳn nhớ những lớp học mà thầy im một nhịp giữa hai câu—chính cái im ấy là chỗ trò kịp hiểu. Chương 22 vừa bảo bớt cái *tự* giơ ra; chương này thêm một nấc: bớt cả cái lời đang đắp lên. Nói ít đi không phải nhường phần cho ai, là để lời còn có chỗ mà đậu.

Ngoài ruộng, chiều mưa kéo qua rất nhanh: ào một lúc, nắng hửng lại, mặt nước còn lăn tăn mà bờ đã ráo. Ông lão đi gặt chẳng bực, cũng chẳng mừng, chỉ lặng lẽ bó mấy bó lúa đặt lên bờ. Ông ấy thuộc về cái ruộng ấy từ mùa gieo, nên ruộng cũng cứ nhận ông mỗi chiều, chẳng cần ai gọi. Ba lần *đồng vu* đọc ra nghe gần quá: mình ngày ngày quay về chỗ nào, chỗ ấy dần thành chỗ mình ở—rồi một hôm, nó tự mở cửa trước khi ta gõ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Gót chân còn ướt, mà mưa đã tạnh tự lúc nào.

Chậu nước ngoài hiên vẫn đầy.

Hạt cải nằm im trong luống ẩm, chẳng ai gọi, vẫn mọc.

第二十四章

Kiễng chân không đứng lâu

企者不立

> 企者不立；跨者不行；自見者不明；自是者不彰；自伐者無功；自矜者不長。
>
> *Xí giả bất lập; khoa giả bất hành; tự kiến giả bất minh; tự thị giả bất chương; tự phạt giả vô công; tự căng giả bất trưởng.*
>
> 其在道也，曰：餘食贅形。物或惡之，故有道者不處。
>
> *Kỳ tại đạo dã, viết: dư thực chuế hình. Vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử.*

GẪM

Chương 22 vừa đọc bốn chữ *bất tự kiến, bất tự thị, bất tự phạt, bất tự căng* ở mặt buông. Sang chương này ngài lật cùng bốn chữ ấy sang mặt còn lại, mà đọc lên như một tiếng cười khẽ: *tự kiến giả bất minh; tự thị giả bất chương; tự phạt giả vô công; tự căng giả bất trưởng*. Chương trước bảo bớt đi thì sáng ra; chương này bảo cứ giữ lấy thì tối đi. Cùng một bàn tay, một lần đặt xuống, một lần giơ lên.

Nhưng trước khi đụng vào chữ *tự*, ngài mở bằng hai cái rất thân thể: *xí giả bất lập* —kiễng chân chẳng đứng lâu; *khoa giả bất hành* —bước dài chẳng đi xa. Chữ *xí* là nhón gót, chữ *khoa*

là sải chân quá tầm. Ai cũng thử một lần rồi: đứng kiễng để với cái kệ cao, được một giây, bắp chân run, phải hạ xuống; sải thật dài để kịp chuyến xe, được hai bước, hụt hơi, lại co về. Ngài không chê cái cao, chê cái đứng chẳng vững; không chê cái xa, chê cái đi chẳng tới. Kiễng, bước dài, tự phô —ba thứ tưởng khác nhau mà cùng một bệnh: muốn hơn cái chân mình đang có.

Rồi một câu mà tôi phải ngồi xuống mới đọc hết: *dư thực chuế hình*. *Dư thực* là thức ăn thừa, *chuế hình* là cái bướu thừa, cái mụn mọc thêm trên làn da đã đủ rồi. Chữ *dư* là cái còn lại sau khi đã no; chữ *chuế* là cái dính vào mà chẳng ai cần. Ngài bảo: *kỳ tại đạo dã, viết* —đem mấy thứ ấy đặt vào Đạo thì gọi là thế đấy. Không phải tội, không phải xấu, là *thừa*. Một bát cơm đã đầy mà vẫn xới thêm một muỗng: cái muỗng ấy chẳng làm bát no hơn, nó chỉ làm bát trông nặng đi. Cái bướu cũng thế —chẳng hại ai, nhưng ngón tay cứ phải đưa lên sờ mãi.

Vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử. Chữ *hoặc* là ”có khi”, ”e rằng” —ngài nói nhẹ đi: muôn vật có khi còn ghét cái thừa ấy. Không phải luôn, không phải ai cũng, chỉ là có khi. Mà người có Đạo thì *bất xử*: chẳng đứng ở đó. Tôi thích chữ *xử* —ở, xử sự, xử trí. Ngài không bảo ai phải dẹp cái muỗng đi, ngài chỉ bảo mình đừng chọn chỗ ấy làm chỗ đứng. Như người dọn cơm xong, không cần lời nào về cái bát thừa, chỉ việc không ngồi trước nó nữa.

Chương 21 bảo cái mờ lại có thật, chương 22 bảo cong mà được trọn; đến đây ngài chỉ vào cái được cộng thêm vào những thứ ấy. Cái thừa không làm cái có thật mất đi, nó chỉ che khuất. Một bát cơm, một thân người, một câu nói —hễ còn nguyên là đã đủ; cái ta xới thêm thường chỉ để người khác thấy mình đang no. Mà chương sau sẽ dựng lại từ đầu một cái có trước cả trời đất, để ta nhớ cái đủ ấy lớn đến chừng nào.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: ngón dính, ngón thừa. Thiên *Biên mẫu* mở đầu bằng hai cái có thêm vào thân: *”Ngón chân dính lấy nhau, ngón*

tay mọc thêm một chi.” (駢拇枝指). Trang Tử bảo đó không phải cái trời sinh cho đủ, mà là cái đắp thêm vào cái đã đủ rồi; rồi ông kể tiếp những cái bướu, cái mụn treo lấy da, cũng cùng một hạng ấy.

Đọc đến đây, *dư thực chuế hình* hiện ra rõ quá: cái bướu chẳng làm đau, chẳng làm hỏng, nó chỉ làm ta cứ phải đưa tay lên sờ. Điều Lão Tử gọi là thức ăn thừa và Trang Tử gọi là ngón thừa là một: không phải cái ác, là cái không cần mà cứ ở lại.

Luận ngữ: muốn nhanh thì chẳng tới. *Luận ngữ · Tử Lộ* chép, Tử Hạ làm quan ở ấp Cử Phụ, hỏi thầy về việc cai trị. Khổng Tử bảo: *”Đừng muốn nhanh, đừng ham lợi nhỏ. Muốn nhanh thì chẳng tới; ham lợi nhỏ thì việc lớn chẳng xong.”* (欲速則不達).

Câu ấy đứng ngay cạnh *khoa giả bất hành*: sải chân dài là muốn nhanh, mà muốn nhanh lại chính là cái làm đường ngắn đi thành không tới. Khổng Tử nói việc nước, Lão Tử nói bàn chân, nhưng hai ông cùng chỉ một chỗ: cái đi được xa không nằm ở độ dài một bước, mà ở nhịp bước giữ được tới cuối.

ĐỜI NAY 今

Trong một lớp học thêm, có đứa lớp Bốn đã được cho học trước chương trình lớp Năm để hơn bạn. Nó ngồi trên cái ghế quá cao, chân chưa chạm đất, chữ viết ra vẫn đúng mà nét cứ run. Chiều về mẹ hỏi hôm nay học được gì, nó kể một câu rất dài rồi quên mất. Cái được cộng thêm ấy chẳng làm nó giỏi hơn, nó chỉ làm nó mất chỗ đặt bàn chân. *Xí giả bất lập* đọc mà thấy thương.

Bữa cơm nhà cũng có cái ấy. Nồi cơm đã đủ, bát canh đã đủ, vậy mà ta vẫn xới thêm một muỗng cho đầy bát đi con, vẫn chụp thêm một tấm ảnh, vẫn viết thêm một dòng tin nhắn giải thích tại sao hôm nay nấu mặn. Chẳng ai đói thêm, cũng chẳng ai trách, chỉ là cái bát bỗng nặng đi. Đúng là *dư thực*: không hại, nhưng ngồi mãi trước nó, ta quên mất mình đã no từ lúc nào.

Ngoài đường, chiều mưa, xe cộ dồn lại. Có người lách thật nhanh, sải một cái qua hai làn, rồi đứng kẹt ngay ở ngã tư tiếp theo, trong khi chiếc xe đi chậm phía sau cứ đều đều tới nơi trước. Tôi không kể để chê ai —mình cũng đã lách những cái như thế, bằng một câu trả lời gắt, một cái cập nhật không cần thiết, một lời tự kể công giữa lúc họp. Điều lạ là mỗi lần bớt đi một cái thừa ấy, chẳng thấy mình thiếu đi, chỉ thấy nhẹ đi, mà vẫn tới.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Bát cơm đã đủ từ lúc nào, tôi không để ý.

Chỉ cái muỗng xới thêm còn nằm đó.

Gạo chín rồi thì thôi lửa; nồi đang kêu nhỏ lại, mà cơm vẫn thơm.

第二十五章

Cái có trước cả trời đất

有物混成

有物混成，先天地生。寂兮寥兮，獨立而不改，周行而不殆，可以為天地母。
Hữu vật hồn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hề liêu hề, độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên địa mẫu.

吾不知其名，强字之曰道，强為之名曰大。大曰逝，逝曰遠，遠曰反。
Ngô bất tri kỳ danh, cưỡng tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại. Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản.

故道大，天大，地大，人亦大。域中有四大，而人居其一焉。
Cố Đạo đại, thiên đại, địa đại, nhân diệc đại. Vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kỳ nhất yên.

人法地，地法天，天法道，道法自然。
Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.

GẪM

Đây là chương ngài dựng Đạo lớn nhất, vậy mà mở bằng một câu rất lúng túng: *hữu vật hồn thành, tiên thiên địa sinh* —có một cái lẫn lộn mà thành, sinh ra trước cả trời đất. Chữ *vật* ở

đây không phải một vật; ngài mượn tạm vì chẳng có chữ nào khác để chỉ. Chữ *hỗn* là lẫn, chưa tách: chưa có trên dưới, chưa có trong ngoài, chưa có tên. Chương 21 ngài mới bảo cái mờ ấy lại có *tượng*, có *vật*, có *tinh*, có *tín*; đến đây ngài lùi thêm một bước nữa, lùi về trước cả cái mờ: *tịch hề liêu hề* —lặng thay, quạnh thay.

Độc lập nhi bất cải, chu hành nhi bất đãi, khả dĩ vi thiên địa mẫu. Đứng một mình mà chẳng đổi, đi khắp một vòng mà chẳng mỏi —chữ *chu* là vòng quanh, chữ *đãi* là hết sức. Rồi ngài gọi nó là *mẹ của trời đất*. Chữ *mẫu* ấy đưa thẳng về chương 20: ngài khác người mà vẫn *quý thực mẫu*, vẫn bú mẹ. Hoá ra cái chỗ mình vẫn về để được nuôi và cái có trước cả trời đất là một. Chương 20 bỗng ấm lên: không phải một người cô đơn tìm chỗ trú, mà muôn vật đang cùng bú một nguồn chẳng ai thấy mặt.

Rồi hai chữ tôi đọc chậm nhất: *ngô bất tri kỳ danh, cưỡng tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại* —ta chẳng biết tên nó, miễn cưỡng gọi là Đạo, miễn cưỡng đặt tên là Lớn. Ngài không khiêm tốn làm bộ, ngài thành thật: cái này nằm trước mọi tên, nên gọi tên nào cũng là lấy một cái nhỏ hơn mà tạm gọi. Chữ *tự* (字) lại là tên đặt thêm cho người đã lớn, kiểu ông ngoại gọi cho tiện miệng đứa cháu đi ở xa —đứa cháu vẫn là nó, chẳng đổi vì cái tên ấy. Ngài gọi hai lần, hai lần đều phải thêm chữ *cưỡng*, như ngại cái tên dính lại thành định nghĩa. Chương 01 đã bảo cái tên gọi được chẳng phải cái tên thường; ở đây ngài tự làm đúng điều ấy, ngay giữa lúc đang đặt tên.

Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản: lớn thì trôi đi, trôi đi thì xa, xa thì trở về. Không phải bốn bậc leo lên, là một vòng. Nước sông chảy mãi thành xa, ra biển rồi bốc mây, mây gặp núi lại mưa về đúng đầu nguồn. Chữ *phản* (反) là quay lại, không phải chống lại. Cái lớn nhất chẳng đứng yên một chỗ để ta ngước nhìn; nó đi một vòng rồi lại về, nên ta mới còn gặp nó ở bát cơm, ở chiều mưa, ở mùa gieo. Rồi *vực trung hữu tứ đại, nhi nhân cư kỳ nhất yên*: bốn cái lớn mà có cả con người. Ngài không xếp người lên đầu, cũng chẳng bỏ người ra —chỉ *cư kỳ*

nhất, đứng một chỗ trong bốn. Không phải vì người hơn muôn vật, mà vì người cũng là chỗ cái vòng ấy đi qua.

Bốn câu cuối đi một nhịp: *nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên*. Chữ *pháp* là lấy làm khuôn, chiều theo mà đứng —không phải thờ, là cứ bám vào đó mà có mặt. Người bắt đất, đất bắt trời, trời bắt Đạo, rồi câu cuối dừng phắc lại.

Và tôi ngồi lâu nhất ở hai chữ *tự nhiên* ấy. Xin nói rõ để khỏi đọc lệch: ở đây **không** phải thiên nhiên, không phải cây cối sông núi, không phải môi trường xanh hay một miền quê để mình ra đấy cho nhẹ lòng. Nó là *tự nó là vậy*: *tự* là chính nó, *nhiên* là thế ấy, là ”vâng, nó thế”. Đạo chẳng bắt theo một cái gì ở trên mình nữa —chuỗi dừng ngay tại nó. Chẳng có ai bảo Đạo phải Đạo, chẳng có bản vẽ nào Đạo phải khớp, chẳng có ai đứng sau để sửa lại. Cũng lạ: chữ *tự* trong *cưỡng tự chi* là chữ 字, cái tên người ta thêm vào; chữ *tự* trong *tự nhiên* là chữ 自, chính nó, chẳng ai thêm. Cùng một âm, mà một cái là cái gọi tạm, một cái là cái đang tự đứng yên. Hạt mít chẳng cần ai nhắc mà vẫn mọc đúng cây mít; nước chẳng cần ai đẩy mà vẫn chảy xuống chỗ thấp; bà nội chẳng cần công thức mà vẫn nêm đúng nồi canh của nhà mình. Ấy là *tự nhiên*: tự nó thế, từ trước cả khi có người đặt tên cho nó. Nên ngài đặt tên mà vẫn miễn cưỡng —vì cái cuối cùng không phải một cái tên, mà là một cái đang tự nó đứng yên.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: Khổng Tử đứng bên sông. *Luận ngữ · Tử hãn* chép một câu ngắn: thầy đứng trên bờ nước mà bảo: *”Cái trôi đi như thế này đây, chẳng ngừng ngày đêm.”* (逝者如斯夫，不舍晝夜).

Đúng chữ *thệ* (逝) của chương này. Cái lớn không đứng yên để ta ngước nhìn, nó trôi. Mà trôi mãi thì thành *viễn*, xa quá thì lại *phản*: nước ấy ra biển, bốc mây, rồi mưa về đầu nguồn. Khổng Tử chỉ nói một câu về dòng chảy; Lão Tử vẽ thêm cái vòng của dòng ấy.

Trung Dung: người được đứng ngang trời đất. Sách *Trung Dung* có một câu đi rất xa mà vẫn gần: *"Có thể giúp trời đất nuôi dưỡng muôn vật, thì có thể đứng cùng trời đất."* (可以贊天地之化育，則可以與天地參矣). Chữ ấy vừa là tham dự, vừa là thành ba —ngang hàng, chẳng đứng dưới cũng chẳng đứng trên.

Đem cạnh *nhân cư kỳ nhất yên*, hai nhà cùng xếp con người vào chỗ lớn, mà cùng chẳng cho người cái ghế cao nhất: người lớn vì có chỗ góp vào, không phải vì cai trị. Rồi chuỗi ấy vẫn hạ xuống tận cùng —người bắt đất, đất bắt trời, trời bắt Đạo, Đạo bắt *tự nó là vậy*. Chẳng còn ai đứng sau để bảo ai cả.

ĐỜI NAY 今

Anh sống bằng tên gọi nhiều lắm. Đứa trẻ sinh ra là phải có tên ngay, rồi tên trên hồ sơ, tên trong nhóm chat, chức danh trên tấm thiếp, nhãn dán vào cái mình đang làm: dự án, giai đoạn, kết quả. Đặt tên xong mới yên, vì hình như cái chưa được gọi thì dễ trôi mất. Nhưng cũng chính cái tên ấy đôi khi đứng chắn ngang: ta chăm giữ cho đúng tên hơn là để ý cái đang lớn bên trong. Lão Tử gọi Đạo mà còn phải thêm hai chữ *miễn cưỡng* —ngài ngại cái tên dính lại thành cái khuôn. Nghe mà thấy mình cũng được phép gọi tạm rồi buông.

Ngoài quê, mấy anh chị đi làm xa, Tết lại lôi về đúng cái sân nhà, đúng cái chậu rửa chén ngoài bếp, đúng câu mẹ vẫn hỏi ăn cơm chưa. Đi xa hàng ngàn cây số mà cái về chẳng cần ai dẫn. Vòng *đại, thệ, viễn, phản* chẳng nằm trên giấy, nó nằm ở chuyến xe khách ấy: lớn lên, trôi đi, xa mãi, rồi tự khắc quay lại đầu nguồn. Chẳng ai bắt, cũng chẳng ai nhắc. Tự nó thế.

Chiều mưa, chợ đã dọn, cô hàng rau vẫn ngồi gom mấy cọng hành thừa bó lại mang về. Chẳng có gì to tát trong cử động ấy, vậy mà đất ẩm, mưa xuống, tay người gom lại, nồi cơm tối nay có thêm mùi hành —trời, đất, Đạo, người, cả bốn đều có mặt trong một bó rau nhỏ. Ngài bảo *nhân cư kỳ nhất*: người chỉ đứng một chỗ trong bốn, mà chỗ ấy đủ để cái vòng kia đi qua. Cái bó hành ấy chẳng ai đặt tên cho nó, nó vẫn cứ là nó.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Ngài gọi tên mà vẫn ngại, nên thêm chữ miễn cưỡng *đến hai lần.*

Đến câu cuối thì thôi, chẳng còn ai ở trên để bắt theo.

Nồi canh trên bếp sôi lăn tăn, chẳng ai bảo nó mặn mà vẫn đúng nhà mình.

第二十六章

Nặng là gốc của nhẹ

重為輕根

重為輕根，靜為躁君。
Trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân.

是以君子終日行不離輜重。雖有榮觀，燕處超然。
Thị dĩ quân tử chung nhật hành bất ly truy trọng. Tuy hữu vinh quan, yến xứ siêu nhiên.

奈何萬乘之主，而以身輕天下？輕則失根，躁則失君。
Nại hà vạn thặng chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ? Khinh tắc thất căn, táo tắc thất quân.

GẪM

Chương 25 vừa xếp con người vào bốn cái lớn, vậy mà chương 26 mở đầu bằng hai chữ tưởng rất nhỏ: *trọng vi khinh căn, tĩnh vi táo quân*. Nặng là gốc của nhẹ, yên là chủ của động. Chữ *căn* là gốc cây, chữ *quân* là người cầm, là chủ. Ngài không đặt nặng với nhẹ thành hai bên bằng nhau: cái nhẹ đứng được là nhờ cái nặng ở dưới; cái hối hả mà có chủ thì vẫn là cái hối hả được giữ. Cây đa ngoài đình lá xao suốt chiều, mà thân vẫn đứng im

—cái xao ấy không tự nó có, nó mọc từ một gốc chẳng nhúc nhích.

Thị dĩ quân tử chung nhật hành bất ly truy trọng. Dừng ở chữ *truy trọng* (輜重). Đây không phải ẩn dụ. Nó là cái xe đi sau đoàn người, chở gạo, can nước, áo ấm, cái chiếu, gói thuốc — những thứ chẳng ai khoe, mà thiếu là cuộc đi hỏng giữa đường. Người đi suốt ngày chẳng rời nó, không phải vì sợ, mà vì chính cái nặng ấy mang mình đi. Đổi sang bếp nhà ta cho dễ hình dung: cơm nắm gói trong lá chuối, can nước buộc dây ở yên xe, cái áo ấm gấp để trên cùng, mấy viên thuốc bọc vải. Bà nội xếp vào giỏ trước khi mình ra cửa, nói một câu rồi thôi. Cái giỏ ấy nặng tay, mà nhờ nó nên chiều về vẫn còn chỗ để ngồi xuống ăn.

Tôi ngồi lâu ở chữ *căn*. Không phải ”nền tảng” nghe hơi xa, mà đúng là gốc: cái phần nằm dưới đất, chẳng ai nhìn thấy, chẳng ai chụp ảnh, vậy mà lá nào cũng nhờ nó đứng. Cái nhẹ không phải kẻ thù của cái nặng —chính cái nặng sinh ra cái nhẹ. Gió lay được ngọn, không lay được gốc; vì có gốc nên ngọn mới dám lay. Đời ta hay sợ mình nặng nề, chậm chạp, có những thứ cũ không bỏ được: một thói quen buổi sáng, một bát cơm nhà, một cuộc gọi với mẹ, một đoạn đường đi bộ đã thuộc lòng. Ta muốn nhẹ đi cho kịp người ta, mà quên chính mấy cái nặng ấy đang giữ mình khỏi bay mất. Bỏ hết đi thì nhẹ thật, nhưng nhẹ kiểu cái túi ni lông gặp gió.

Tuy hữu vinh quan, yến xứ siêu nhiên: có chỗ đẹp để ngó mà vẫn ngồi yên. *Vinh quan* là chỗ cao, cảnh sang, nơi đáng đứng nhìn; chữ *yến* là đậu yên, như chim yến, như bữa cơm ngồi xuống chẳng vội. Hai chữ *siêu nhiên* (超然) ở đây chẳng phải cái gì linh thiêng, là vẫn ngồi yên, không bị kéo đi. Ngài không bảo đừng nhìn: có chỗ đẹp thì ngó, có việc lớn thì làm, có lời khen thì nghe —chỉ là ngó xong vẫn ngồi xuống đúng chỗ mình đang ngồi. Như ông lão đi hội chợ, đứng xem một lát rồi quay về cái chiếu đã trải sẵn dưới gốc cây, chẳng cần mang cái đẹp ấy về làm của mình.

Câu cuối *nại hà vạn thặng chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ?* Chữ *nại hà* là ”làm sao mà”, ”than ôi sao lại”. Ngài không quở ông vua muôn xe; ngài thở dài. Tôi đọc câu ấy như tiếng thở của một người đã đi đường xa, quay lại thấy cái giỏ gạo mình để quên ở quán, mà vẫn dịu dàng hỏi: làm sao mà... Rồi hai câu khép êm: *khinh tắc thất căn, táo tắc thất quân* —nhẹ thì mất gốc, hối thì mất chủ. Chẳng nói sẽ bị phạt gì, chỉ nói sẽ mất chỗ để về. Chương 20 ngài bảo mình khác người mà vẫn còn chỗ để bú mẹ; đến đây, hoá ra cái chỗ ấy chính là đống đồ nặng ta mang theo từ đầu, chỉ là ta mải ngó cảnh đẹp nên quên nó đang ở ngay sau lưng.

ĐIỂN TÍCH 典

Tôn Tử: quân không có xe chở đồ thì mất. *Tôn Tử binh pháp*, thiên *Quân tranh*, có một câu gọn lỏn: *”Quân mà không có xe chở đồ thì mất.”* (軍無輜重則亡). Ông xếp cái xe ấy cùng hàng với lương thực và kho dự trữ —không phải chuyện vặt đi đường, là chuyện còn sống hay không khi đã xa nhà.

Đúng chữ *truy trọng* (輜重) của chương này. Lão Tử mượn nguyên hình ảnh ấy mà đưa sang người quân tử: đi suốt ngày, chẳng rời cái xe nặng đi sau. Cái nặng không cản bước —nó là cái giữ cho bước ấy còn đi tiếp được đến chiều.

Luận ngữ: không nặng thì chẳng bền. *Luận ngữ · Học nhi* chép: *”Người quân tử không nặng thì chẳng oai, có học mà chẳng bền.”* (君子不重則不威，學則不固). Chữ *trọng* ấy không phải ủ rũ, là cái đứng vững; chữ *cố* là bền, là khỏi lung lay.

Hai nhà cùng lấy cái nặng làm gốc, rồi Lão Tử thêm một nấc: *tĩnh vi táo quân*, yên là chủ của cái hối. Nên câu hỏi cuối *nại hà vạn thặng chi chủ, nhi dĩ thân khinh thiên hạ* đọc lên không phải lời trách, đúng là một tiếng thở dài: đã có cả muôn xe, mà lại để mình nhẹ đi mất cái giỏ gạo.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay điện thoại của anh báo bao nhiêu thứ cần nhẹ đi: gỡ bớt ứng dụng, dọn bớt tin nhắn, bỏ bớt một việc cho đỡ tải. Nghe quen quá. Ta mang cái nhẹ ấy vào cả con người: bớt một cuộc gọi với mẹ cho đỡ mất giờ, bớt bữa cơm nhà cho kịp giờ họp, bớt cái thói đi bộ đoạn đầu ngõ vì có xe đưa cho nhanh. Nhẹ thật, đi cũng nhanh thật. Chỉ là chiều về, đứng giữa phòng im, thấy mình hơi không có chỗ đặt tay. *Khinh tắc thất căn* chẳng phải lời dọa, nó đúng là cái cảm giác ấy.

Mẹ tôi đi đâu cũng xếp một cái giỏ: cơm nắm gói lá chuối, can nước nhỏ, cái áo khoác dù trời đang nắng, mấy viên thuốc bọc trong vải. Hồi nhỏ tôi thấy phiền, bảo đi có nửa buổi thôi mà. Sau này đi làm xa, có những chiều mưa kẹt xe giữa đường, mở cặp ra gặp đúng gói cơm ấy, mới hiểu: cái giỏ nặng không phải để mang, là để lỡ có gì vẫn còn chỗ mà ngồi xuống. Người quân tử *bất ly truy trọng* —chẳng rời cái xe ấy —không phải vì yếu, vì đã đi đường thì biết đường dài ở chỗ nào.

Có những tối, việc vừa xong xuôi, ai cũng khen, màn hình còn sáng, mình định kéo thêm một vòng nữa cho đáng. Rồi thôi, tắt đi, ra bếp chắt thêm chén trà, ngồi xuống đúng cái ghế cũ cạnh cửa sổ. Chẳng có gì đắc ý trong cử động ấy, nhưng cái ghế vẫn ở y từ chiều. *Tuy hữu vinh quan, yến xứ siêu nhiên*: có chỗ đẹp để ngó, ngó một lát, rồi vẫn về ngồi chỗ mình. Cái đẹp không cần mang về; cái ghế mới cần giữ lại.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Gói cơm nắm vẫn còn ấm trong giỏ, dù trời đã tạnh mưa.
Tôi đặt tay lên cái quai, thấy nặng vừa phải.
Gốc đa im dưới đất, ngọn lay cả chiều mà chẳng bay đi.

第二十七章

Người khéo chẳng để lại vết

善行無轍跡

善行，無轍跡，善言，無瑕謫；善數，不用籌策；善閉，無關楗而不可開，善結，無繩約而不可解。

Thiện hành, vô triệt tích; thiện ngôn, vô hà trích; thiện số, bất dụng trù sách; thiện bế, vô quan kiện nhi bất khả khai; thiện kết, vô thằng ước nhi bất khả giải.

是以聖人常善救人，故無棄人；常善救物，故無棄物。是謂襲明。

Thị dĩ thánh nhân thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật, cố vô khí vật. Thị vị tập minh.

故善人者，不善人之師；不善人者，善人之資。

Cố thiện nhân giả, bất thiện nhân chi sư; bất thiện nhân giả, thiện nhân chi tư.

不貴其師，不愛其資，雖智大迷，是謂要妙。

Bất quý kỳ sư, bất ái kỳ tư, tuy trí đại mê, thị vị yếu diệu.

GẪM

Chương 26 ngài vừa bảo *nặng là gốc của nhẹ, tĩnh là chủ của động*. Đến đây cái tĩnh ấy không đứng yên nữa, nó cử động: năm câu đầu đi thành một nhịp đều —*khéo đi, khéo nói, khéo đếm, khéo đóng, khéo buộc*. Chữ *thiện* ở đây không phải ”tốt” theo nghĩa đạo đức, cũng chẳng hẳn là ”giỏi” theo nghĩa có bằng cấp. Nó là cái khéo của người đã làm việc ấy lâu đến mức việc ấy không còn cấn vào tay. Ta dịch là *khéo* cho gần, nhưng phải nghe thêm một nét: khéo mà không cần đem dụng cụ ra làm bằng chứng.

Khéo đi, chẳng để lại vết bánh —triệt tích là hai vệt lún song song trên đường bùn, xe đi qua là có. Ngài bảo người khéo đi lại không có vết ấy. Không phải người ấy đi trên mây, mà là đi đúng chỗ đất đã chịu, đúng lúc đường còn mềm, nên chẳng phải ép bánh xuống. Rồi *khéo nói, chẳng có chỗ để chê*: *hà* là vết nhơ trên ngọc, *trích* là lỗi để người ta chỉ vào. *Khéo đếm, chẳng cần thẻ tre —trù sách* là những que tính, thứ ta vẫn bày ra để chứng minh mình đã tính kỹ. *Khéo đóng, không then mà chẳng ai mở được; khéo buộc, không dây mà chẳng ai gỡ được.* Năm cái khéo cùng quay về một chỗ: việc xong rồi, cái dụng cụ biến mất.

Rồi câu ấm nhất của cả chương, ngài viết gọn đến mức dễ lướt qua: *bậc thánh thường khéo cứu người, nên không bỏ người; thường khéo cứu vật, nên không bỏ vật.* Chữ *khí* là bỏ đi, vứt đi —cái động tác ta vẫn làm với cái nồi mẻ, cái áo cũ, với một người làm chậm hơn mình trong nhóm. Ngài không bảo ”thương hết mọi người” kiểu khẩu hiệu. Ngài bảo *khéo cứu*: tìm ra được chỗ còn dùng được của từng cái. Cái nồi mẻ vẫn đựng được nước rửa rau; mảnh vải vụn vẫn lau được mặt bàn. *Khéo* ở đây là đôi mắt, không phải tấm lòng được rao lên.

Hai chữ *tập minh* đáng dừng lại. *Tập* là lớp áo chồng lên lớp áo, là nhận lại cái đã có sẵn chẳng cần may mới; *minh* là sáng. Bậc thánh không mang ánh sáng tới từ ngoài, ngài chỉ *mặc lại* cái sáng vốn đang ở trong người, trong vật, bị một lớp bụi che

khuất. Nên *cứu* ở đây không phải ban ơn —là lật lớp bụi ra. Đọc được chỗ này, câu *vô khí nhân* hết hẳn cái vẻ bố thí.

Khúc cuối hay bị hiểu lệch nhất: *người khéo là thầy của người chưa khéo; người chưa khéo là cái tư của người khéo.* Chữ *tư* dễ dịch thành "đồ dùng", rồi thành ra coi người kém như món đồ để mình lợi dụng —nghe lạnh đi mất. Nhưng *tư* vốn là *chất liệu*, cái còn để dựa vào mà làm nên việc, như gỗ là *tư* của cái bàn, vải là *tư* của cái áo. Ở đây không phải "dùng người ấy", mà là: chính chỗ người ấy còn vụng, còn lúng túng, là chỗ mình soi lại được cái khéo của chính mình đang đứng ở đâu, đang dễ hỏng ở đâu. Không có cái vụng ấy, cái khéo đã tự tưởng mình xong xuôi từ lâu. Hai câu kết ngài chặn luôn: *chẳng quý thầy mình, chẳng thương cái chất liệu ấy, dẫu khôn cũng là mê lớn.* Chữ *ái* —thương —mới là then. Không phải tận dụng, là còn chịu gần.

ĐIỂN TÍCH 典

Bào Đinh lau dao rồi cất. *Trang Tử* (thiên *Dưỡng sinh chủ*) kể người bếp tên Đinh mổ bò cho vua Huệ Văn. Dao đi theo khe xương, chẳng bao giờ chạm vào chỗ gân cứng; mười chín năm, mấy ngàn con bò, mà lưỡi dao vẫn như vừa mài ra khỏi đá. Vua hỏi, ông thưa: *"Điều tôi ham là cái Đạo, đã vượt qua cái khéo tay rồi"* (臣之所好者道也，進乎技矣). Đoạn kết còn đẹp hơn: xong việc, ông đứng lặng một lát, ngó quanh, rồi *"lau dao sạch mà cất đi"* (善刀而藏之).

Đây chính là năm chữ *thiện* ở đầu chương: khéo đến mức chẳng còn cái gì để chứng minh mình khéo. Người đời thường cất công, còn ông cất dao —và cái không để lại vết ấy lại là dấu của một tay nghề đã chín.

Ba người đi đường. *Luận ngữ* · *Thuật nhi* chép Khổng Tử nói: *"Ba người cùng đi, ắt có thầy ta ở trong ấy: chọn điều hay của họ mà theo, thấy điều chưa hay mà sửa lại mình"* (三人行，必有我師焉；擇其善者而從之，其不善者而改之).

Câu ấy soi thẳng vào hai chữ *sư* và *tư* cuối chương 27. Khổng Tử không bảo người chưa hay là đồ để mình dùng; thầy bảo

nhìn vào đó mà sửa mình. Cái *tư* của Lão Tử cũng vậy —chất liệu để ta soi, không phải của để ta lấy. Hai ông cùng dạy một điều khó: đứng cạnh một người vụng hơn mình mà vẫn thấy mình được dạy.

ĐỜI NAY 今

Có một kiểu khéo ở nhà ta dễ nhận mà ít ai khen: bà nội dọn mâm cơm xong, chẳng ai thấy bà dọn. Bát đã xếp, rau đã gắp, nước mắm đã đậy, cái khăn lau đã gấp lại đúng chỗ từ lúc ta còn đang nói chuyện. Việc ấy không để lại một cử chỉ nào để ta phải cảm ơn. Ngược lại, có những bữa ta nấu mà cứ muốn người khác biết mình đã nấu: dọn xong còn đứng canh, còn nhắc ”hôm nay mẹ làm món này đấy”. Cái khéo của chương này không nằm ở món ăn, nằm ở chỗ sau bữa cơm không còn ai phải nhắc đến cái bếp.

Ngoài công sở cũng thế. Một người sửa giúp ta cái lỗi trong bản trình bày rồi lặng lẽ gửi lại, không chèn một dòng ”mình đã sửa giúp”, không chụp màn hình kèm theo. Ta mở ra thấy việc đã xong, mà không biết ai đứng sau —chỉ thấy nhẹ đi. Ngược lại là cái thói quen rất mới: làm xong việc phải có một dấu vết đi kèm, một tin nhắn báo, một ô đã đánh dấu, một cái tên được gắn vào. Không sai, chỉ là lâu dần ta không còn phân biệt được việc đã xong với việc đã được ghi nhận. Cái *triệt tích* của Lão Tử hôm nay chính là những vết ấy.

Và câu *không bỏ người, không bỏ vật* là câu đem xuống chợ được ngay. Người bán rau vẫn bó riêng mớ lá già để cho ai nấy luộc nước, chẳng coi đó là rác. Trong một lớp học, đứa làm chậm nhất không phải cái để lớp lấy thành tích, cũng chẳng phải cái phải giấu đi; nó là chỗ cả lớp, và người thầy, soi lại xem mình đang vội ở đoạn nào. Ta hay sợ mình bị coi là *tư* của ai đó. Nhưng đọc kỹ thì chữ ấy ấm lắm: nó bảo không ai đứng ngoài cái việc chung, dù họ đang làm vụng. Một nhà mà còn chỗ cho cái nồi mẻ và cho người làm chậm, nhà ấy thường êm hơn cái nhà mọi thứ đều mới.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một việc làm xong mà không để lại một dòng nào.
Ngồi yên một lát với cái nhẹ đi ấy.
Đường bùn khô lại, chẳng còn vết bánh — mà xe đã qua từ lâu.

第二十八章

Biết cái mạnh, mà giữ cái mềm

知其雄守其雌

知其雄，守其雌，為天下谿。為天下谿，常德不離，復歸于嬰兒。

Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê. Vi thiên hạ khê, thường đức bất ly, phục quy vu anh nhi.

知其白，守其黑，為天下式，常德不忒，復歸于無極。

Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức, thường đức bất thắc, phục quy vu vô cực.

知其榮，守其辱，為天下谷。為天下谷，常德乃足，復歸于朴。為天下式。

Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc. Vi thiên hạ cốc, thường đức nãi túc, phục quy vu phác. Vi thiên hạ thức.

朴散則為器，聖人用之，則為官長，故大制不割。

Phác tán tắc vi khí, thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trưởng, cố đại chế bất cát.

GẪM

Chương trước ngài khen cái khéo không để lại dụng cụ. Đến đây ngài đưa ta vào chỗ sâu hơn: không chỉ không để lại vết, mà còn không đứng vào chỗ mình vốn có thể đứng. Ba câu mở đầu cùng một dáng: *biết cái mạnh, giữ cái mềm; biết cái trắng, giữ cái đen; biết cái vinh, giữ cái nhục.* Chữ *tri* (biết) đứng trước, chữ *thủ* (giữ) đứng sau —ngài không bảo ta dốt đi, cũng không bảo giả vờ không thấy. Ngài bảo: biết rồi, mà chọn đứng ở phía kia.

Dừng lại ở chữ *thủ* một lát. Nó là *giữ*, như người giữ cửa, giữ bếp lửa, giữ một cái đang dễ tắt —chứ không phải *chiếm*. *Hùng* là con trống, cái xông lên, cái đòi được nghe; *thư* là con mái, cái nằm im mà vẫn nuôi được cả ổ. Ngài không phủ cái xông lên ấy. Ngài chỉ hỏi: biết mình có thể xông lên, mà vẫn chọn ở lại chịu nhận, có được không. Cái khó nằm ở chữ *vẫn*: không phải bị ép, không phải thua, mà là tự nguyện đứng thấp hơn cái mình có thể.

Rồi ba vòng quay về, mỗi vòng lùi sâu hơn một nấc. *Lấy mình làm khe suối, đức thường chẳng rời, trở về như trẻ sơ sinh. Lấy mình làm cái khuôn, đức thường chẳng sai, trở về chỗ không cùng. Lấy mình làm thung lũng, đức thường mới đủ, trở về cái phác. Anh nhi* là cái mềm chưa biết gồng —chương 10 đã hỏi ta *gom khí cho mềm, có được như đứa trẻ chăng*, và đây là câu trả lời. *Vô cực* là chỗ chưa có ranh giới, chưa có bờ để ta đứng mà đo. Đến *phác* thì ngài thôi không nói về dáng nữa, ngài nói về *chất liệu*: khúc gỗ chưa đẽo, tấm vải chưa nhuộm —đúng hai hình ảnh chương 19 đã đưa cho ta. Ba vòng ấy không phải ba nấc tu tâm, chỉ là một cử động đi dần từ cái trông thấy về cái cầm được.

Khúc cuối ngắn mà là chỗ cả chương dồn lại: *cái phác tán ra thì thành đồ vật; thánh nhân dùng nó, thì làm người đứng đầu các việc; nên cái chế tác lớn không cắt rời.* Chữ *khí* là cái bát, cái ghế, cái đã được đẽo cho một việc nhất định —hữu dụng, nhưng từ lúc ấy nó chỉ còn làm được đúng việc ấy. Ngài không chê cái bát. Ngài chỉ nhắc: đẽo là cần, nhưng đừng tưởng đẽo

xong là hết câu chuyện. *Đại chế bất cát* —cái chế tác lớn không cắt rời. Một tấm vải may thành áo thì mất đi khả năng làm khăn, làm màn, làm tã; còn tấm vải để nguyên vẫn giữ đủ mọi đường kim. Người thợ cả không phải người cắt khéo nhất, mà là người biết chỗ nào *đừng* cắt.

Chương 10 hỏi ta có mềm lại như trẻ được chăng, chương 19 bảo ôm lấy khúc gỗ chưa đẽo; chương 28 nối hai câu ấy bằng một chữ *thủ*. Không phải quay về, cũng chẳng phải tiến tới — là biết mình đang có cái mạnh trong tay, rồi vẫn đặt nó xuống cho nhẹ.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn có câu 「為天下式」 lặp lại ở cuối đoạn thứ ba (sau 「復歸于朴」), trong khi câu ấy đã có ở đoạn 「知其白，守其黑」. Bản Vương Bật thông hành thường không có câu lặp này. Tôi **giữ nguyên** chữ của bản nguồn, chỉ ghi chú.

ĐIỂN TÍCH 典

Tăng Tử nhớ một người bạn: có mà như không. *Luận ngữ · Thái Bá* chép lời Tăng Tử nhớ về người bạn cũ: *"Lấy cái giỏi mà hỏi kẻ chưa giỏi, lấy cái nhiều mà hỏi kẻ có ít; có mà như không, đầy mà như rỗng"* (以能問於不能，以多問於寡；有若無，實若虛). Người ấy chẳng giấu cái mình có, cũng chẳng khoe —chỉ là cái có ấy không bao giờ đứng ra trước.

Đem cạnh *tri kỳ hùng, thủ kỳ thư*, thấy ngay chữ *tri* là chìa khóa: ngài không bảo đừng biết, ngài bảo biết mà vẫn chọn đứng ở phía mềm. Cái *phác* cuối chương cũng đứng ở chỗ ấy —chưa đẽo nên chưa bị gọi tên, và vì thế vẫn còn đủ cả cái gỗ.

Khổng Tử: quân tử không là đồ. *Luận ngữ · Vi chính* có bốn chữ gọn, thầy nói rồi không giải thích thêm: *"Người quân tử không phải đồ dùng"* (君子不器). Đời sau hiểu: cái bát chỉ để đựng, cái ghế chỉ để ngồi —đã thành *khí* là đã bị đóng vào một chức năng. Còn người quân tử thì không chịu bị gọi tên bởi một việc duy nhất.

Đây là lời bình rất gần cho *phác tán tắc vi khí* và *đại chế bất cát*. Lão Tử không bảo đừng làm bát; ngài bảo đừng vội coi cái bát là hết câu chuyện của khúc gỗ. Hai nhà cùng đứng trước một cái cưa, một bên lo nét cắt cho đúng, một bên lo đừng để nét cắt làm mất mặt gỗ.

ĐỜI NAY 今

Trong nhà, cái *tri kỳ hùng, thủ kỳ thư* hiện ra ở một chỗ rất nhỏ: anh biết rõ mình đúng, biết chỉ cần một câu là con sẽ nghe ngay, thế mà anh im. Không phải nhường vì mệt, cũng không phải chiều. Chỉ là để cái đúng ấy không biến thành cái đè. Chiều mưa, con lội vào với đôi dép ướt, anh đã thấy trước vệt nước trên nền nhà rồi —nhưng vẫn đợi con tự cởi, rồi mới lau. Cái biết vẫn còn nguyên, có điều nó không đứng lên làm thầy.

Ngoài công sở có một kiểu *cắt* diễn ra êm lắm: một người được gọi là ”anh làm mỗi việc này giỏi nhất”, rồi dần dần mọi việc khác không ai đưa tới nữa. Tiện thì có tiện, nhưng khúc gỗ ấy đã thành đúng một cái bát. Ta cũng tự cắt mình như thế —tự dán cho mình một cái nhãn, rồi thấy hơi khó ở khi hôm nay phải làm một việc không nằm trong nhãn ấy. Cái *đại chế bất cát* không đòi anh bỏ nghề; nó chỉ nhắc còn giữ một chỗ chưa được gọi tên, để ngày cần, anh vẫn còn đủ chất liệu.

Ra chợ thì dễ thấy hơn. Người bán vải vẫn để nguyên cả tấm trên giá, chỉ cắt khi khách đã chọn màu; lỡ cắt sẵn từ sớm, tấm ấy chỉ còn bán được cho đúng người ấy. Ruộng cũng vậy: một thửa đất chưa lên luống còn có thể làm đủ kiểu, đã lên luống rồi thì đành đi theo luống ấy suốt mùa. Chương 28 không dạy ta cứ để không mãi. Nó chỉ bảo đừng tưởng cái đang mạnh, đang rõ, đang được khen là chắc hơn cái còn đang im. Cái im ấy vẫn đang giữ nhiều đường hơn ta tưởng.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một chỗ anh biết rõ mà vẫn để nó yên.
Đừng vội gọi tên chỗ ấy.
Tấm vải còn nằm nguyên trên giá, chưa chọn màu —nên nó vẫn là mọi màu.

第二十九章

Thiên hạ là đồ thần, không cầm được

天下神器

將欲取天下而為之，吾見其不得已。

Tương dục thủ thiên hạ nhi vi chi, ngô kiến kỳ bất đắc dĩ.

天下神器，不可為也，不可執也。為者敗之，執者失之。

Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã, bất khả chấp dã. Vi giả bại chi, chấp giả thất chi.

故物或行或隨，或噓或吹，或强或羸，或載或隳，是以聖人去甚，去奢，去泰。

Cố vật hoặc hành hoặc tùy, hoặc hư hoặc xuy, hoặc cường hoặc luy, hoặc tái hoặc huy; thị dĩ thánh nhân khử thậm, khử xa, khử thái.

GẪM

Chữ *thiên hạ* ở đây dễ làm ta ngỡ ngài sắp bàn việc lớn. Nhưng đọc kỹ thì ngài đang nói về một cái rất gần: cái đời mình đang muốn nắm cho chặt. Đó là cái lịch đã xếp kín từ đầu tuần, là cái nhà mình muốn mọi người trong ấy đi đúng giờ, là bản kế hoạch sửa đến lần thứ năm vẫn chưa chịu giao cho ai. *Sắp muốn lấy cái ấy mà làm theo ý mình* —ngài thở dài ngay: *ta thấy nó chẳng xong đâu.* Không phải ngài cấm, là ngài nhìn thấy trước cái hụt.

Rồi bốn chữ đáng dừng lại lâu nhất: *thiên hạ thần khí* —cái ấy là *đồ thần*. Chữ *khí* là đồ dùng, nhưng chữ *thần* đặt trước làm nó đổi hẳn nghĩa: không phải đồ ta mua được, cầm được, đặt lên kệ được. Nó là thứ có hơi thở riêng, như nồi cơm đang sôi, như đứa trẻ đang lớn, như một buổi chiều đang chuyển mưa —ta có thể ở bên, không thể thay nó sôi, thay nó lớn, thay nó mưa. Ngài viết gọn hai câu song song: *không thể làm theo ý mình, không thể cầm*. Rồi *cứ sửa là hỏng, cứ nắm là mất*. Chữ *chấp* là nắm chặt trong lòng bàn tay; càng siết, cái có hơi thở càng tìm đường thoát.

Tại sao không ép được? Ngài không giảng lý thuyết, ngài cho bốn cặp đi ngang qua: *có cái đi trước, có cái đi sau; có cái thở ra nhẹ, có cái thổi ra mạnh; có cái đang mạnh, có cái đang mỏi; có cái đang chở, có cái đang đổ.* Chữ *hoặc* lặp tám lần —*hoặc* là *có cái… có cái…*, không phải bắt ta chọn một trong hai. Ngài chỉ cho thấy muôn vật vốn chẳng cùng một nhịp: trong cùng một nhà, đứa đã ngủ mà người còn đang rửa bát; cùng một thửa ruộng, luống đầu đã khô mà luống cuối còn ướt. Đòi tất cả cùng một lúc, cùng một kiểu, là đòi cái trái với cái đang có.

Nên câu kết không phải một lời răn, mà là ba cử động bỏ đi: *khử thậm, khử xa, khử thái* —bỏ cái quá, bỏ cái xa xỉ, bỏ cái phình to. *Thậm* là thêm một chút nữa dù đã đủ: thêm một nhúm muối, thêm một câu nhắc, thêm một việc vào lịch. *Xa* không chỉ là của cải, là cái cầu kỳ hơn mức việc ấy cần —một bữa cơm nhà mà bày biện như đãi khách. *Thái* là cái phình ra, cái muốn to hơn chính nó: một ý nhỏ được nói thành một chủ trương, một lo lắng được nuôi thành một kế hoạch dài. Ba chữ ấy không xếp thành bậc thang; chúng là ba chỗ tay ta hay siết quá một chút, và ngài chỉ bảo buông đúng ba chỗ ấy thôi.

Chương trước ngài dạy *biết mà không chiếm*. Chương này đưa thêm một nét: không chỉ không chiếm, mà còn đừng sửa cho vừa tay mình. Cái đang sôi không cần ta khuấy thêm —nó chỉ cần ta đứng gần mà không vặn lửa to lên.

Chỗ hay về bản văn: cặp cuối bản nguồn chép「或載或隳」(tái / huy). Nhiều bản Vương Bật chép「或挫或隳」(toả / huy), các bản lụa Mã Vương Đôi lại khác nữa. Tôi giữ nguyên「載」của bản nguồn và phiên là *tái*, **không sửa im lặng**.

ĐIỂN TÍCH 典

Hồn Độn bị đục bảy lỗ. *Trang Tử* (thiên *Ứng đế vương*) kể: ông Du ở biển Nam, ông Hốt ở biển Bắc, thường gặp nhau ở chỗ của ông Hồn Độn, và ông đãi hai người rất hậu. Hai ông bàn trả ơn, bảo: người ta ai cũng có bảy lỗ để nhìn, nghe, ăn, thở, riêng ông chẳng có, ta thử đục cho. *"Mỗi ngày đục một lỗ, đến ngày thứ bảy thì Hồn Độn chết"* (日鑿一竅，七日而渾沌死).

Không ai trong chuyện ấy có ác ý. Hai ông đục vì thương, vì muốn trả một cái ơn, vì nghĩ cái mình có thì người khác cũng nên có. Đúng là *vi chi* —làm theo ý mình, lấy khuôn của mình áp lên một cái vốn chẳng có khuôn. Đem cạnh *thiên hạ thần khí, bất khả vi dã*, câu chuyện bỗng hết sức gần: ta vẫn sửa người thân bằng chính lòng thương ấy.

Khổng Tử: quá cũng như chưa tới. *Luận ngữ* · *Tiên tiến* chép Tử Cống hỏi trong hai học trò, ai khá hơn. Thầy đáp: người này *quá*, người kia *chưa tới*. Tử Cống tưởng vậy là người *quá* hơn, Khổng Tử lắc: *"Quá cũng như chưa tới"* (過猶不及).

Bốn chữ ấy là lời giải gọn nhất cho *khử thậm*. Ta thường chỉ sợ thiếu, nên dồn thêm mãi; thầy bảo cái dồn thêm ấy hỏng ngang cái còn khuyết. Không phải dạy ta đứng giữa cho đều —là dạy đừng tưởng cứ hơn một chút là chắc hơn một chút. Ba chữ *khử* cuối chương 29 cũng đi cùng một nhịp ấy.

ĐỜI NAY 今

Cái *thiên hạ* của ta hôm nay thường nằm gọn trong một cái điện thoại. Lịch đã kín, ta vẫn kéo thêm một ô; bản kế hoạch đã gửi, ta vẫn mở ra sửa lại lúc mười một giờ đêm; một ngày nghỉ mà ta vẫn xếp giờ ăn, giờ đi bộ, giờ đọc cho đúng cái mình

đã định. Chẳng ai bắt làm thế. Chỉ là cái chưa được sắp xếp làm ta bồn chồn. Rồi chiều mưa tới, đường ngập, xe lết, cái lịch ấy hỏng một ô —và ta thấy mình mệt hơn cả vì cái ô hỏng. Ngài gọi đó là *chấp*: nắm chặt một cái vốn có hơi thở riêng.

Trong bếp thì bốn cặp *hoặc* hiện ra suốt. Cùng một nồi, miếng thịt đầu đã mềm mà miếng cuối còn dai; cùng một mâm, đứa đã ăn xong mà đứa còn cầm đũa ngó ra sân. Ta hay muốn cả mâm cùng một nhịp, nên cứ bới, cứ giục, cứ thêm một câu ”ăn nhanh lên”. Mà nồi cơm chẳng nghe giục. Có những chiều, đứa chậm ấy được chậm thêm một lát, miếng dai ấy được sôi thêm một chút, và bữa cơm êm đi từ đấy —chẳng phải vì ai sửa, mà vì chẳng ai sửa nữa.

Còn ba chữ *khử* thì nằm ở những cái rất nhỏ, nhỏ đến mức ta không gọi là quá. Một ly cà phê pha thêm nửa muỗng cho vừa miệng mình, rồi thấy đắng mà vẫn uống. Một tin nhắn nhắc con đã gửi, lại gửi thêm một dòng nữa vì sợ nó chưa đọc. Một cái tủ đã chật, ta vẫn mua thêm cái hộp để *dọn cho gọn*. *Thậm, xa, thái* chẳng bao giờ đến dưới dạng cái gì to tát; chúng đến dưới dạng ”thêm một chút nữa cho chắc”. Và cái chắc ấy, lạ lùng thay, thường là chỗ đầu tiên tự tuột khỏi tay.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, đứng cạnh một cái đang sôi mà không vặn lửa thêm.
Để mỗi thứ đi nhịp của nó.
Bàn tay mở ra: hơi ấm vẫn còn, mà chẳng có gì bị giữ lại.

第三十章

Việc binh hay quay lại

其事好還

以道佐人主者，不以兵强天下。其事好還。
Dĩ Đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cường thiên hạ. Kỳ sự hiếu hoàn.

師之所處，荊棘生焉。大軍之后，必有凶年。
Sư chi sở xử, kinh cức sinh yên. Đại quân chi hậu, tất hữu hung niên.

善者果而已，不敢以取强。果而勿矜，果而勿伐，果而勿驕。
Thiện giả quả nhi dĩ, bất cảm dĩ thủ cường. Quả nhi vật căng, quả nhi vật phạt, quả nhi vật kiêu.

果而不得已，果而勿强。物壯則老，是謂不道，不道早已。
Quả nhi bất đắc dĩ, quả nhi vật cường. Vật tráng tắc lão, thị vị bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ.

GẪM

Chương này hay bị xếp nhầm vào chỗ bàn việc binh. Đọc kỹ thì ngài chẳng dạy đánh, ngài dạy *đừng để việc ấy kéo dài*. Câu thứ hai ngắn mà là cái trục: *kỳ sự hiếu hoàn* — *việc ấy hay quay lại*. Chữ *hoàn* là đi rồi trở về đúng chỗ cũ, như tiếng vang trong một cái sân, như sợi dây căng rồi bung lại. Không phải ai trả

đũa, không phải một lời răn đe — chỉ là cái mạnh đẩy ra có xu hướng quay về phía mình đẩy. Ngài nói một nhận xét về nhịp, chứ không hăm dọa ai.

Rồi một câu không cần lời bình: *chỗ quân đi qua, gai góc mọc lên; sau một đợt lớn, ắt có năm mất mùa.* Chữ *kinh cức* — gai góc — đáng dừng lại. Không phải ngài tả cảnh để nát, ngài chỉ vào cái mọc lên *sau đó*, lặng lẽ, chẳng ai trồng. Ai từng thấy một thửa ruộng bỏ hoang một mùa cũng hiểu: chẳng cần ai gieo, cỏ gai đã lên trước. Ngài dùng hình ảnh ấy để nói rằng có những cái hỏng không nằm ở lúc xảy ra, mà nằm ở chỗ đất còn phải mang nó thêm mấy mùa nữa.

Chữ *quả* ở đoạn sau là chìa khóa, và dễ dịch nhầm. Không phải "thắng lợi", càng không phải "thành quả" kiểu ta vẫn ghi vào báo cáo. *Quả* là *đủ chỗ cần thiết rồi thôi* — như cây ra trái rồi dừng, không ra thêm nữa. Ngài viết: *người khéo chỉ dừng ở quả mà thôi, chẳng dám lấy đó mà mạnh lên.* Rồi bốn câu đi xuống như bốn lần đặt tay xuống: *quả nhi vật căng* — dừng rồi đừng tự khoe; *quả nhi vật phạt* — đừng kể công; *quả nhi vật kiêu* — đừng ngẩng cao; *quả nhi bất đắc dĩ, quả nhi vật cường* — việc ấy chỉ làm vì không thể không làm, nên dừng rồi đừng biến nó thành chỗ đứng của mình. Bốn chữ *vật* (đừng) không cấm ta vui, chúng chỉ giữ cho cái dừng khỏi bị kéo dài thành cái phô.

Câu cuối đưa thẳng về chương 09 ta đã đọc: *vật tráng tắc lão* — vật đã quá mạnh thì đã bắt đầu già. Chương ấy ngài bảo cái chén đầy đến miệng chỉ còn chờ đổ, lưỡi dao mài quá sắc chỉ còn chờ mẻ; đây ngài lặp lại bằng một chữ *tráng* (vọt lên) và một chữ *lão*. Chẳng phải bị ai phá, là tự nó đã tới cái đỉnh không thể ở lại. Ngài gọi đó là *bất Đạo*, và *bất Đạo tảo dĩ* — chóng hết. Sang Hạ kinh, chương 55 sẽ nhắc lại chính câu này, như thể ngài sợ ta đọc một lần rồi quên mất.

Chương trước ngài bảo đừng vặn lửa to lên. Đến đây ngài nói thêm: lỡ đã vặn rồi, thì dừng ngay ở chỗ vừa đủ, đừng đứng canh cái lửa ấy thêm một nhịp. Cái dừng không phải thua — nó là cái công khó nhất.

Chỗ hay về bản văn: bản nguồn viết「大軍之后」dùng chữ「后」; bản thông hành thường chép 「大軍之後」. Đây là khác biệt chữ (后 / 後), không đổi nghĩa, nhưng tôi **giữ nguyên** bản nguồn và ghi chú.

ĐIỂN TÍCH 典

Kinh Dịch: rồng lên quá cao thì hối. Quẻ *Càn*, hào trên cùng, chỉ vỏn vẹn bốn chữ: *"Rồng lên quá cao thì có điều hối"* (亢龍有悔). Rồng chẳng làm gì sai, chẳng ai đánh nó; nó chỉ lên tới chỗ không còn chỗ nào để lên nữa.

Đặt cạnh *vật tráng tắc lão*, hai câu cùng một nhận xét: cái hỏng không đợi ai đẩy, nó có sẵn trong cái đã mạnh đến cực. Bốn chữ *quả nhi vật kiêu* ở chương này cũng chỉ là đem lời ấy xuống một việc cụ thể —dừng rồi, đừng ngẩng cao thêm.

Kinh Thi: cất giáo, cất cung. *Kinh Thi* (bài *Thời mại*) có câu chép về lúc việc đã xong: *"Cất giáo đi, cất cung vào bao"* (載戢干戈，載櫜弓矢). Không phải vứt bỏ, là cất đúng chỗ, rồi quay về với việc đời thường —ý bài thơ là tìm một cái đức lành mà bày ra giữa mùa, chứ chẳng bày cái vừa làm xong.

Đây chính là *quả nhi dĩ*: không kéo dài, không đem ra khoe, không biến cái vừa xong thành cái còn phải đứng canh. Ngài bảo *thiện giả quả nhi dĩ* —người khéo dừng ở chỗ cần thiết. Bài thơ cổ ấy dừng bằng một cử động cất đồ, nhẹ hơn hẳn một lời tuyên bố.

ĐỜI NAY 今

Có những cái thắng rất nhỏ mà ta vẫn thấy nó hơi gãy. Chiều nay cãi nhau với người nhà, mình nói câu cuối, đúng câu cuối, và người kia im. Đúng thật, vậy mà bữa cơm tối vẫn lặng đi một nhịp, cái bát cứ được đặt xuống nhẹ quá. Lão Tử không bảo mình sai. Ngài chỉ bảo *kỳ sự hiếu hoàn*: cái câu đúng ấy không tan đi, nó quay lại dưới dạng một khoảng im giữa hai người. Ta hay tưởng thắng là xong; hoá ra còn một đoạn nữa mà mình đang đứng canh.

Trong một cuộc họp cũng vậy. Ý mình được chọn, ý của người ngồi bên kia bàn lặng đi, và ta thấy mình hơi muốn nói thêm một câu nữa cho chắc —*quả nhi vật phạt*, ngài gọi tên đúng cái muốn ấy. Hoặc một việc đã đạt đúng cái mình đặt ra từ đầu tháng, vậy mà tối về vẫn thấy có cái gì đó không khớp: một người trong nhóm đã mệt từ mấy hôm trước, mà mình chỉ nhìn thấy con số. *Quả nhi vật căng, quả nhi vật kiêu* không phải cấm vui. Chúng chỉ nhắc đừng để cái vui ấy lấp mất cái vừa gãy.

Nên cái *quả nhi dĩ* hôm nay thường không giống một quyết định lớn. Nó giống việc tắt bếp đúng lúc cơm vừa chín, không chờ thêm một phút cho ”chắc hẳn”. Giống việc gửi xong một lời xin lỗi rồi thôi không giải thích thêm. Giống việc dọn mâm, rửa bát, rồi đi ngủ sớm thay vì kể lại chuyện ấy với ai đó lần nữa. Ta chẳng cần tỏ ra gì hết, cũng chẳng cần buồn thêm. Chỉ là không vỗ tay quá rộn vào một điều mà chính mình còn đang thấy hơi gãy. Cái gãy ấy được yên —ấy đã là một cách dừng.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, dừng đúng chỗ vừa đủ rồi thôi đứng canh.

Để cái vừa xong được nguội đi tự nhiên.

Cây ra trái rồi ngừng lại —không phải vì mệt, mà vì mùa ấy đã xong.

第三十一章

Thắng mà vẫn mặc tang

戰勝以喪禮處之

夫佳兵者，不祥之器，物或惡之，故有道者不處。

Phù giai binh giả, bất tường chi khí, vật hoặc ố chi, cố hữu đạo giả bất xử.

君子居則貴左，用兵則貴右。兵者不祥之器，非君子之器，不得已而用之，恬淡為上。

Quân tử cư tắc quý tả, dụng binh tắc quý hữu. Binh giả bất tường chi khí, phi quân tử chi khí, bất đắc dĩ nhi dụng chi, điềm đạm vi thượng.

勝而不美，而美之者，是樂殺人。夫樂殺人者，則不可得志于天下矣。

Thắng nhi bất mỹ, nhi mỹ chi giả, thị lạc sát nhân. Phù lạc sát nhân giả, tắc bất khả đắc chí vu thiên hạ hĩ.

吉事尚左，凶事尚右。偏將軍居左，上將軍居右，言以喪禮處之。

Cát sự thượng tả, hung sự thượng hữu. Thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu, ngôn dĩ tang lễ xử chi.

殺人之衆，以悲哀泣之，戰勝以喪禮處之。

Sát nhân chi chúng, dĩ bi ai khấp chi, chiến thắng dĩ tang lễ xử chi.

GẪM

Chương này hay bị đọc thành một trang binh pháp. Ấy là đọc ngược. Ngài không liệt kê cách dùng binh, ngài dựng một hàng rào ngay từ chữ đầu: *đồ binh dù có tốt đến đâu, vẫn là đồ chẳng lành.* Chữ *giai* là *tốt, đẹp*; ngài mượn chính cái đẹp ấy rồi lật nó lại. Không phải binh khí hỏng, không phải ai làm sai —bản thân nó đã mang một cái không lành, nên *muôn vật vẫn thường ghê nó*, và *người có Đạo chẳng đứng ở đấy*. Toàn chương là một lời ngăn, viết bằng giọng thấp, không phải một bài chỉ dẫn.

Rồi câu giữa, câu dễ lướt qua nhất mà lại là chìa khóa: *chẳng đặng đừng mới dùng đến, và lặng lẽ, nhạt, không phô là hơn cả.* Xin dừng ở hai chữ *điềm đạm* thật lâu. *Điềm* là yên, như mặt nước không gợn; *đạm* là nhạt, như bát canh nấu vừa, chẳng cần thêm muối cho đậm đà. Ghép lại không phải ”lạnh lùng”, càng không phải ”thờ ơ”. Nó là một độ lặng có chủ ý: làm điều không thể không làm, mà không cho phép mình hăng lên, không cho phép mình thấy nó hay, không cho phép mình biến nó thành một cái đáng kể. Ta vẫn hay lẫn cái *nhạt* với cái *hờ hững*; trái lại, nhạt ở đây là cực kỳ có mặt —có mặt vừa đủ để không thêm một cử chỉ nào vào nữa. Ngài bảo *vi thượng*: ấy là trên hết, không phải một trong vài lựa chọn.

Từ đó ngài đi xuống mãi tới lòng thương, mỗi câu thấp hơn câu trước. *Thắng nhi bất mỹ* —thắng mà chẳng coi là đẹp. Ai coi là đẹp, ngài bảo ấy là *lạc sát nhân*, vui trong cái làm người ta đau, và ngài chặn ngay: kẻ ấy chẳng thể đạt được điều mình muốn giữa đời. Rồi ngài đưa cả lễ nghi cũ vào: *việc lành quý bên trái, việc dữ quý bên phải*. Bên trái là chỗ của sự yên, bên phải là chỗ của sự mất; thế mà *thiên tướng quân cư tả, thượng tướng quân cư hữu* —chỗ cao nhất lại đứng về phía tang. Và ngài kết bằng một câu gọn: *nói lên rằng lấy lễ tang mà xử việc ấy.* Không phải mặc tang cho oai, là nhận đúng tên của điều vừa xảy ra.

Hai câu cuối ngài chẳng còn nói về bên thắng bên thua. *Đám đông đã mất, lấy lòng đau mà khóc cho họ.* Rồi *thắng mà vẫn làm lễ tang*. Chữ *xử* là *đối đãi, xếp vào đúng chỗ*: ngài không bảo

giả vờ buồn, cũng không bảo tự trách. Ngài bảo xếp cái thắng ấy vào đúng ngăn của nó, ngăn của những điều có người phải trả giá. Đọc đến đây mới thấy cái *điềm đạm* ở đoạn giữa không phải khí lạnh; nó là cái lặng giữ cho lòng thương khỏi bị tiếng reo lấn mất.

Chương trước ngài dạy *quả nhi dĩ* —dừng ở chỗ cần thiết rồi thôi. Chương này dạy thêm một nấc: dừng rồi, còn phải biết cất cái dừng ấy đi đâu. Không cất vào chỗ được khen; cất vào chỗ mà người ta vẫn khẽ đặt bát xuống cho nhẹ.

ĐIỂN TÍCH 典

Tả truyện: chữ Vũ là dừng giáo. *Tả truyện* (Tuyên công năm thứ mười hai) chép, sau khi việc đã xong, có người xin chất những người đã ngã thành một cái gò, để con cháu còn thấy mà nhớ. Một ông vua thời ấy không chịu, bảo: *"Chữ 武 ấy, ghép từ chữ 止 (dừng) với chữ 戈 (cây giáo) mà thành"* (夫文，止戈為武), rồi kể cái đức của chữ ấy là dẹp đi, cất đi, chứ không phải phô ra. Ông làm lễ bên sông rồi quay về, không dựng cái gò ấy.

Ai cũng có thể đọc chương 31 như một trang binh pháp; ông ấy lại đọc được cái ngăn ở trong nó. *Bất tường chi khí, thắng nhi bất mỹ* —không dựng gò, không khoe, chính là *điềm đạm vi thượng* đem ra làm một cử động cụ thể.

Luận ngữ: hôm ấy khóc thì không hát. *Luận ngữ · Thuật nhi* chép một câu rất ngắn về Khổng Tử: *"Hôm nào thầy khóc, hôm ấy thầy không hát"* (子於是日哭，則不歌). Chẳng có lời giải thích nào đi kèm.

Thầy không dạy ai phải buồn, cũng không cấm ai vui. Chỉ là trong cùng một ngày, có một cái đã xảy ra khiến tiếng hát không còn đúng chỗ nữa. Đặt cạnh *chiến thắng dĩ tang lễ xử chi*, ta thấy chung một độ lặng: không phủ nhận cái vui, nhưng cũng không để cái vui ấy lấn sang chỗ vừa mất. Lễ tang của Lão Tử và cái không hát của Khổng Tử đều chẳng ồn —và chính vì chẳng ồn nên còn nghe được.

ĐỜI NAY 今

Hôm nay mình được phần đúng trong một cuộc trao đổi ngắn, gọn đến mức chẳng ai cần nói thêm. Vậy mà ta thấy mình không muốn kể lại chuyện ấy với ai, cũng chẳng muốn mở điện thoại đăng một dòng gì. Không phải ân hận, không phải buồn. Chỉ là có một khoảng lặng vừa hiện ra mà ta không nỡ lấp nó bằng tiếng reo. *Thắng nhi bất mỹ* nghe rất xa, hoá ra nó giống đúng cử động ấy: tắt đèn bếp sớm, khép cửa nhẹ, rồi để chiều tối tự dài ra.

Một lời khen vừa nhận được, ta thấy mình muốn đẩy nó đi xa hơn một chút —kể thêm, đính kèm thêm, cho ai đó thấy. *Điềm đạm vi thượng* không dạy ta giả vờ không vui; nó chỉ giữ cho cái vui ấy đừng to lên quá mức việc ấy đang cần. Có một người ngồi cạnh vẫn đang im, và cái im ấy cũng đáng được chừa chỗ.

Ta cũng chẳng cần làm ra vẻ đau đớn, càng không cần tự trách. Người xưa mặc tang là để gọi đúng tên điều đã xảy ra, chứ không phải để khóc to hơn. Với đời thường, cái ấy có khi chỉ là không reo lên quá sớm, không chụp lại khoảnh khắc mình ”đã thắng”, không kể thêm lần thứ hai cho câu chuyện dài ra. Một cái bát được đặt xuống nhẹ, một lời nhắc bị bỏ đi, một tối đi ngủ sớm —tiết chế lắm, mà đủ. Chỗ gãy ấy không cần được sửa ngay; nó chỉ cần không bị tiếng reo phủ lên.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hôm nay, có một cái vui ta để yên, không đem ra kể thêm lần nữa.

Nhạt đi một chút không phải bớt đi một chút.

Cái nhạt không phải cái vơi. Nó là cái còn đang giữ chỗ cho người bên kia bàn.

第三十二章

Đạo chẳng có tên

道常無名

道常無名，朴雖小，天下莫能臣。侯王若能守之，萬物將自賓。

Đạo thường vô danh, phác tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự tân.

天地相合，以降甘露，民莫之令而自均。

Thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ, dân mạc chi lệnh nhi tự quân.

始制有名，名亦既有，夫亦將知止，知止可以不殆。

Thủy chế hữu danh, danh diệc ký hữu, phù diệc tương tri chỉ; tri chỉ khả dĩ bất đãi.

譬道之在天下，猶川谷之于江海。

Thí Đạo chi tại thiên hạ, do xuyên cốc chi vu giang hải.

GẪM

Chương trước ngài còn đứng trước những cái sắc bén mà lùi lại. Sang đây ngài đặt xuống một khúc gỗ. *Đạo thường vô danh*—Đạo vẫn chẳng có tên. Không phải ngài quên đặt, là chưa có chỗ nào để dán cái tên vào: hễ dán là đã cắt một miếng ra khỏi cái còn nguyên.

Chữ đáng dừng lại lâu nhất là *phác* (朴). Ngài không chọn một chữ sang, ngài chọn khúc gỗ còn vỏ, chưa đưa dao vào, chưa được đo, chưa được gọi là cột hay là kèo. *Phác tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần* —cái gỗ ấy nhỏ mà thiên hạ chẳng ai sai khiến được. Không phải nó chống lại ai. Nó chỉ chưa có một cái "dùng" để người ta nắm lấy. Cái cột thì sai được: bắt đứng đúng chỗ, bắt chịu cái mái. Khúc gỗ chưa đẽo thì chẳng có chỗ để đặt tay. Nhỏ, mà thoát khỏi mọi lệnh. Tôi hình dung nó đang nằm bên thềm sau cơn mưa, vỏ còn ướt, chưa ai kịp nghĩ sẽ làm gì với nó —chính lúc ấy nó là nó trọn vẹn nhất.

Rồi *thiên địa tương hợp, dĩ giáng cam lộ*: trời với đất gặp nhau, sương ngọt rơi xuống. Câu ngay sau mới là câu ngài muốn nói: *dân mạc chi lệnh nhi tự quân* —chẳng ai ra lệnh mà dân tự chia đều. Sương không có danh sách, không biết nhà ai nhiều nhà ai ít; nó rơi theo chỗ nó rơi, vậy mà ngọn cỏ nào cũng dính một ít. Chữ *tự* ở đây mở đầu cho cả cái kết của Thượng kinh về sau: tự, chứ không phải được làm cho.

Nhưng ngài chẳng bảo ở mãi trong cái chưa đặt tên. *Thủy chế hữu danh* —bắt đầu dựng ra thì phải có tên. Cần lắm: gọi là cái cửa, là cái bát, là phần của con, là việc của ai, người ta mới cầm lấy nhau được. Chỉ là *danh diệc ký hữu, phù diệc tương tri chỉ*: tên đã có rồi, thì cũng phải biết dừng ở tên. *Tri chỉ* —biết dừng. Không phải xóa tên đi, mà là đừng để cái tên nuốt lấy cái nó đang gọi. Gọi ai là "đứa hay hư" lâu ngày, ta quên mất người ấy còn một nghìn điều khác.

Và câu kết mở ra: *Đạo ở trong thiên hạ, như khe suối đối với sông biển.* Chẳng phải suối cố chảy, là chỗ thấp cứ đón lấy. Chương 08 ngài đã mượn nước, chương 66 ngài sẽ nói sông biển làm vua trăm khe vì chịu nằm dưới. Đến đây mấy chương cùng gật đầu: cái chẳng có tên không đứng ngoài đời, nó đang chảy ngay dưới chân mình, chầm chậm, chẳng cần ai đẩy.

ĐIỂN TÍCH 典

Kinh Thi: sương xuống trước khi ai kịp gọi. Bài *Gia gia* trong *Tần phong* mở đầu bằng một câu ai cũng thuộc: *"Lau*

lách xanh xanh, sương trắng đã thành giá." (蒹葭蒼蒼，白露為霜). Chẳng có ai trong câu ấy ra lệnh cho sương, cũng chẳng có ai chia phần. Đêm lạnh tới mức ấy là sương đọng, trên bãi lau, trên bờ nước, trên cả chỗ chẳng ai đi qua.

Đem cạnh *dân mạc chi lệnh nhi tự quân*, ta thấy cái đều của Lão Tử không phải cái đều do chia, mà là cái đều do rơi.

Mạnh Tử: suối có gốc thì ra tới biển. Sách *Mạnh Tử · Ly Lâu* chép thầy nói về nước: *"Nguồn suối cuộn cuộn, chẳng thôi ngày đêm, đầy cái hõm rồi mới đi tiếp, rồi thả ra bốn bể."* (源泉混混，不舍晝夜，盈科而後進，放乎四海). Cái đáng quý không phải nó tới được biển, mà là nó có gốc, và nó chịu đầy từng cái hõm trước khi đi.

Do xuyên cốc chi vu giang hải của Lão Tử cũng chảy chậm kiểu ấy; và cái *tri chỉ* nghe lại như một cái hõm: dừng đấy đã, rồi mới đi tiếp.

ĐỜI NAY 今

Ta đặt tên cho mọi thứ rất sớm. Đứa con vừa biết nói đã được dán cho một cái: "con bé nhát", "thằng này hay cãi". Trong công sở cũng vậy, một người lỡ chậm một lần là thành "chỗ ấy cứ phải nhắc". Cái tên tiện lắm, nó giúp ta cầm lấy công việc cho nhanh. Nhưng lâu ngày ta không còn nhìn người ấy nữa, ta chỉ nhìn cái nhãn mình đã dán. *Tri chỉ* chẳng đòi ta bỏ cái nhãn đi; nó chỉ nhắc đặt xuống một nhịp, để người kia còn hiện ra thêm một chút ngoài cái nhãn.

Chiều mưa ở quê, tôi hay đứng nhìn nước từ mái dột xuống, chảy qua sân rồi tìm chỗ trũng mà đọng. Chẳng ai chia cho luống rau muống nhiều hơn luống hành. Bà tôi cũng chẳng ra lệnh, chỉ bảo "để nó tự thấm". Mấy luống ấy xanh đều mà không hề có một bảng kê. Cái *tự quân* ấy giản dị đến mức ta tưởng nó chẳng đáng nói, cho tới khi lớn lên và thấy mình mệt vì cứ phải làm người chia đều cho mọi sự.

Có những tối, điện thoại hiện lên đủ thứ cần sửa: tin nhắn chưa trả, việc ngày mai chưa xong, một câu lỡ lời hôm trước đang

còn quay lại. Ta cầm lấy từng cái, gọi tên từng cái, định đặt lại cho ngay ngắn. Cũng có tối tôi chỉ đặt máy xuống, nghe tiếng xe máy ngoài ngõ lướt qua rồi xa dần, không sửa gì hết. Sáng hôm sau mọi thứ vẫn ở đấy, nhưng có cái đã tự xếp lại trong lúc mình ngủ. Không phải lười. Là có một lớp chảy chẳng cần mình đẩy.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Đặt cái tên xuống một nhịp thôi.

Rồi nghe sương rơi, không chia phần cho ai.

Khúc gỗ chưa đẽo vẫn nằm bên thềm, vỏ còn ướt, chưa ai kịp sai nó đứng dậy.

第三十三章

Biết mình mới là sáng

自知者明

知人者智，自知者明。勝人者有力，自勝者强。

Tri nhân giả trí, tự tri giả minh. Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường.

知足者富。强行者有志。不失其所者久。死而不亡者壽。

Tri túc giả phú. Cường hành giả hữu chí. Bất thất kỳ sở giả cửu. Tử nhi bất vong giả thọ.

GẪM

Chương trước ngài bảo *tri chỉ* —biết dừng ở cái tên. Sang đây ngài dừng hẳn lại ở chính mình. Sáu câu ngắn, câu nào cũng quay vào phía mình, đọc lên như sáu nhịp gõ cùng một chỗ.

Tri nhân giả trí, tự tri giả minh: biết người là khôn, biết mình là sáng. Chữ đáng ngồi lâu nhất là *minh* (明). Chữ ấy ghép bằng mặt trời với mặt trăng —không phải ánh đèn pha vào một chỗ, mà là cái sáng có cả hai, đủ soi được chỗ mình vẫn hay lảng đi. *Trí* là nhận ra người kia đang nghĩ gì; cái ấy ta luyện được bằng quan sát, bằng nhiều năm đi chợ, dạy học, làm việc chung. *Minh* khó hơn: nó đòi ta soi vào chính cái chỗ mình

không muốn nhìn. Biết người giúp ta khỏi bị bất ngờ; biết mình mới làm ta bớt phải giữ thế.

Thắng nhân giả hữu lực, tự thắng giả cường: thắng người là có sức, thắng mình là mạnh. Ngài không chê cái sức. Đẩy được một việc khó, vượt được một người trong cuộc đua, đều là sức thật. Nhưng *cường* là cái mạnh chẳng cần đối phương: dậy đúng lúc mình không muốn dậy, thôi đúng lúc mình còn muốn nói thêm một câu. Cái ấy chẳng ai thấy, nên cũng chẳng ai vỗ tay, mà nó là thứ giữ ta đứng lâu nhất.

Ba câu giữa ngắn đến mức dễ lướt qua: *tri túc giả phú* —biết đủ là giàu; *cường hành giả hữu chí* —đi bền là có chí; *bất thất kỳ sở giả cửu* —chẳng rời chỗ mình là lâu. Chữ *sở* không phải nhà cửa, mà là chỗ mình đứng được: cái nghề mình làm không xấu hổ, cái nhịp mình sống không phải diễn, câu nói của mình không phải mượn của ai. Rời khỏi chỗ ấy, ta có thể đi rất xa mà vẫn thấy mình đang tạm.

Câu khó nhất là câu cuối: *tử nhi bất vong giả thọ* —đi khỏi mà chẳng mất, ấy là sống lâu. Tôi không dám đẩy câu này xa hơn nó cho phép. Ngài không nói về một cõi nào khác, cũng chẳng hứa một điều gì lớn. Cứ đọc gần thôi: có người đã không còn ở bàn trà này, vậy mà mỗi lần tôi pha ấm chén, tay vẫn chạm đúng cái chỗ họ từng đặt, vẫn nghe câu họ buông lúc mình vội. Cái còn lại ấy không nằm ở họ, nó nằm ở người ở lại, trong một cử động nhỏ cứ lặp mãi. *Bất vong* là thế: không phải mình còn, là mình không bị rơi ra khỏi một cử chỉ quen.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: Tăng Tử xét mình ba lần mỗi ngày. Sách *Luận ngữ · Học nhi* chép lời Tăng Tử: *"Ta mỗi ngày xét mình ba việc: vì người ta mưu việc mà chẳng hết lòng chăng? Cùng bạn mà chẳng giữ lời chăng? Điều thầy truyền mà chưa đem ra tập chăng?"* (吾日三省吾身：為人謀而不忠乎？與朋友交而不信乎？傳不習乎？). Ba câu hỏi đều quay vào mình, không câu nào hỏi người kia đã làm gì.

Đặt cạnh *tự tri giả minh*, cái sáng của Lão Tử không phải một lần soi cho rõ, mà là cái xét đi xét lại, nhẹ nhàng, suốt đời.

Tả truyện: cái gọi là chẳng mục. *Tả truyện*, năm Tương công thứ hai mươi tư, chép lời Thúc Tôn Báo khi có người hỏi thế nào là sống mãi: *"Bậc cao nhất lập đức, kế đến lập công, kế đến lập lời; dẫu lâu mà chẳng bỏ đi, ấy gọi là không mục."* (太上有立德，其次有立功，其次有立言，雖久不廢，此之謂不朽). Ông kể ra toàn những cái để lại được ở ngay đời này: một cách cư xử, một việc làm xong, một câu còn đọc được.

Tử nhi bất vong giả thọ nghe như một nhịp thở chậm hơn của cùng ý ấy —chẳng bàn cõi khác, chỉ nói cái còn nằm lại trong người ở lại.

ĐỜI NAY 今

Ta được khen khi đọc được người. Biết sếp đang muốn gì, biết khách đang ngại gì, biết trong cuộc họp ai nói câu ấy là để giữ chỗ —những cái ấy có giá thật, tôi không chê. Nhưng có những tối về đến nhà, anh vẫn thấy mình mệt mà không kể được tại sao, dấu hiệu đo được đều ổn, mà một chỗ bên trong cứ như chưa được ai hỏi thăm. *Tri nhân* chạy suốt ngày; *tự tri* chỉ có mấy phút lặng trước khi tắt đèn, vậy mà mấy phút ấy mới là chỗ mình kịp thở.

Lớp học của con tôi có một cậu bé bị gọi là "hay nói chuyện" suốt một học kỳ. Đến khi cô chủ nhiệm đổi chỗ ngồi, cho cậu ngồi cạnh một bạn mới, cậu im mà vẫn học xong, chẳng ai phải nhắc. Hóa ra cái tên dán từ đầu chỉ đúng trong một cái bàn cũ. Tôi nghĩ về *tự thắng giả cường*: không phải cậu thắng ai, là cái chỗ ngồi mới không còn bắt cậu diễn đúng như cũ nữa. Có những cái mạnh của mình âm thầm đến mức chỉ hiện ra khi ta thôi không gọi tên nó.

Bà tôi mất đã lâu. Chẳng ai trong nhà nhớ được trọn một câu bà từng nói, vậy mà mỗi chiều mưa, tay tôi vẫn tự đem cái rổ úp lên bếp củi, vẫn dọn thêm một chén trà ra đầu bàn rồi mới thấy thừa. Không ai chỉ lại cử ấy cho tôi. Nó cứ ở trong tay, lặp

mãi, như thể có người vẫn đang ngồi đó, chậm chậm chờ nước sôi.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Soi ra người một chút thôi, rồi soi vào mình một chút.
Chỗ mình đứng đấy từ lâu, chẳng cần đi xa để tìm.
Ấm trà vẫn đặt đúng chỗ cũ, nước vẫn sôi, dẫu tay đã đổi.

第三十四章

Chẳng tự nhận lớn, nên thành lớn

不自為大

大道氾兮，其可左右。萬物恃之以生而不辭，功成不名有，衣養萬物而不為主。

Đại Đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thi chi dĩ sinh nhi bất từ, công thành bất danh hữu, ý dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ.

常無欲，可名于小；萬物歸焉而不為主，可名為大。

Thường vô dục, khả danh vu tiểu; vạn vật quy yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại.

以其終不自為大，故能成其大。

Dĩ kỳ chung bất tự vi đại, cố năng thành kỳ đại.

GẪM

Chương trước ngài dừng lại ở chính mình, từng câu ngắn gọn. Sang đây ngài mở tay ra. Chữ đáng dừng lại lâu nhất là *phiếm* (氾). Không phải ”chảy”, là ”tràn” —*Đại Đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu*: Đạo lớn tràn đi, sang trái được, sang phải cũng được. Không phải ngài do dự, là cái đang tràn chẳng chọn một bờ. Con mương thì có bờ trái, bờ phải; cơn nước tháng tám thì tràn sang cả hai, ngập ruộng này rồi ngập ruộng kia, chẳng ai gọi nó là của riêng bên nào.

Vạn vật thi chi dĩ sinh nhi bất từ: muôn vật nương vào nó mà sống, nó chẳng từ chối —mà nghe kỹ, *bất từ* còn là chẳng có một câu để mà nói. *Công thành bất danh hữu*: việc xong rồi, nó không đứng ra gọi là của mình. Rồi *ý dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ*: nó mặc cho muôn vật, nuôi cho muôn vật, mà không làm chủ. Chữ *chủ* lặp tới hai lần, như ngài sợ ta vẫn cứ tưởng nuôi là phải cai. Bát cơm đặt ra, con ăn, mẹ chẳng đứng cạnh mà gọi đó là của mình.

Đoạn giữa dễ đọc thành mâu thuẫn mà không phải: *thường vô dục, khả danh vu tiểu* —thường chẳng có muốn, nên gọi là nhỏ được; *vạn vật quy yên nhi bất vi chủ, khả danh vi đại* —muôn vật về với nó mà nó chẳng làm chủ, nên gọi là lớn được. Cùng một cái, hai tên. Gọi nhỏ vì nó chẳng đòi gì, bé như một hạt, chẳng phô ra đâu; gọi lớn vì mọi thứ đều tìm về. Hai tên không chống nhau, cũng như ta gọi một người là ”lặng lẽ” rồi lại gọi là ”chỗ cả nhà tựa vào” —vẫn là một người.

Dĩ kỳ chung bất tự vi đại, cố năng thành kỳ đại: vì suốt đời chẳng tự nhận lớn, nên nó thành lớn. Chữ *chung* đáng lưu ý: không phải lúc còn nhỏ thì khiêm, lúc lớn lên mới nhớ khiêm, mà là từ đầu đến cuối chẳng có một lần tự xưng. Chương 07 ngài đã nói trời đất sống lâu vì chẳng sống cho mình; chương 22 ngài bảo cúi xuống mới được trọn vẹn. Đến đây mấy chương khép vào một câu: cái lớn không đo bằng nó chiếm được bao nhiêu, mà đo bằng nó chẳng cần đứng tên.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: cái đẹp lớn không lời. Thiên *Tri Bắc du* viết: *”Trời đất có cái đẹp lớn mà chẳng nói, bốn mùa có cái phép rõ mà chẳng bàn, muôn vật có cái lẽ thành mà chẳng giải thích.”* (天地有大美而不言，四時有明法而不議，萬物有成理而不説). Cái đẹp ấy chẳng giấu, nó đang phô ra khắp nơi —chỉ là không ai đứng cạnh nó để nhận công.

Đem cạnh *công thành bất danh hữu*, thấy cùng một cử động: làm xong rồi thôi, không thêm một câu để lại tên mình.

Kinh Thi: chẳng tiếng, chẳng mùi. Bài *Văn Vương* trong *Đại Nhã* có một câu mà sách *Trung Dung* dẫn lại ở chương cuối: *"Cái làm của trời trên cao, chẳng tiếng mà cũng chẳng mùi"* (上天之載，無聲無臭). Chẳng phải trời giấu việc mình làm; là việc ấy rộng đến mức không còn chỗ nào đứng ngoài để mà gọi tên, mà khen, mà chia công.

Bất tự vi đại của Lão Tử không phải khép mình lại cho nhỏ đi; nó là chừa một chỗ trống, để cái lớn còn có chỗ mà tới. Nghe sang trọng vậy mà đúng cả với một mâm cơm chiều: bát nào tự múc đầy quá là bát ấy dễ đổ.

ĐỜI NAY 今

Có một kiểu người ở mọi cơ quan, mọi xóm: việc khó đến là họ làm, xong rồi họ lùi lại, lúc ai đó hỏi "ai làm đấy" thì đã chẳng còn ai đứng đó nữa. Ta hay thấy thế là thiệt cho họ. Nhưng nhớ lại mấy lần mình được việc nhờ một cử động như thế — cái dây điện được buộc lại, cái đơn được sửa giúp trước khi nộp, chén nước ai đó đặt sẵn lúc mình đang cầm điện thoại — ta thấy mình nhớ rất lâu, dù chẳng biết tên. *Bất danh hữu* không làm việc ấy nhỏ đi; nó làm việc ấy ở lại lâu hơn.

Ruộng quê tôi có con mương nhỏ giữa hai thửa. Mùa mưa lên, nước tràn qua cả hai bên, thửa nào cũng được một lượt, chẳng bên nào giữ được nhiều hơn. Ông nội tôi chẳng bao giờ đắp bờ cao lên, chỉ bảo để nó tràn, đất ngấm rồi sẽ tự rút. Lúc ấy tôi thấy ông hơi thua thiệt. Giờ mới hiểu: ông không đứng làm chủ chỗ nước ấy, nên hai thửa cùng sống. Cái *tả hữu* của Đạo không phải một ý cao xa, nó là con mương tháng tám, ướt cả hai bên mà chẳng ai kêu.

Nuôi một đứa trẻ cũng vậy, mà khó hơn ruộng nhiều. Ta đặt tên cho từng cái ta làm cho con, không phải để kể công, nhiều khi chỉ để khỏi sợ mình làm chưa đủ: hôm nay đưa đi học, hôm nay nấu cháo, hôm nay thức khuya úp chăn. Có tối con đã ngủ, tôi đứng cửa buồng thấy chăn vẫn hở một bên, định vào sửa thì thôi, để nó tự kéo. Sáng ra chăn vẫn đủ ấm, con chẳng biết ai đã đứng đó. Tôi cũng chẳng cần nó biết.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Nước cứ tràn sang cả hai bờ.
Việc xong rồi, lùi lại một bước thôi.
Bát cơm đặt giữa mâm, chẳng ghi tên ai, mà cả nhà đều no.

第三十五章

Nắm lấy cái tượng lớn

執大象

執大象，天下往。往而不害，安平太。
Chấp đại tượng, thiên hạ vãng. Vãng nhi bất hại, an bình thái.

樂與餌，過客止。道之出口，淡乎其無味。
Lạc dữ nhị, quá khách chỉ. Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ vô vị.

視之不足見，聽之不足聞，用之不足既。
Thị chi bất túc kiến, thính chi bất túc văn, dụng chi bất túc ký.

GẪM

Chương trước Đạo tràn sang cả hai bên mà chẳng nhận làm chủ. Sang đây ngài bảo *chấp đại tượng, thiên hạ vãng* —nắm lấy cái tượng lớn, thiên hạ đi tới. *Tượng* không phải bức tượng để tạc, là cái dáng lớn chưa thành hình, kiểu ta vẫn nói ”dáng một cơn mưa đang kéo tới” trước khi hạt nào rơi. Nắm lấy cái ấy thì người ta tự tìm đến, *vãng nhi bất hại, an bình thái*: đi tới mà chẳng ai làm hại ai, yên, bằng, rộng. Chẳng có ai mời, cũng chẳng có ai giữ.

Rồi ngài đem hai cái rất đời thường ra sánh: *lạc dữ nhị, quá khách chỉ* —nhạc với bánh, khách qua đường dừng lại. Quán nước đầu ngõ mở cái đài nhỏ, mùi bánh nóng bay ra, ai đi ngang cũng khựng một nhịp. Mà *Đạo chi xuất khẩu, đạm hồ kỳ*

vô vị: Đạo thốt ra thì nhạt, chẳng có mùi gì để ngửi. Chữ đáng ngồi lâu nhất là *đạm* (淡), bộ nước đặt cạnh hai cái lửa —lửa được dội đi, còn lại một vị mỏng. Không phải nhạt vì thiếu, là nhạt vì chẳng có gì được nêm thêm: không mặn để ghiền, không ngọt để nhớ, không cay để khựng lại. Nên nó chẳng giữ được ai. Khách dừng ở quán có nhạc, rồi đi; chẳng ai dừng lại vì một chén nước lã.

Ba câu cuối ngài lặp một điệp khúc đã nghe ở chương 14: *thị chi bất túc kiến* —nhìn chẳng đủ để thấy; *thính chi bất túc văn* —nghe chẳng đủ để nghe. Nhưng câu thứ ba xoay cả lại: *dụng chi bất túc ký* —dùng mãi chẳng đủ để cạn. Chữ *ký* là đã hết, đã xong bát, đã cạn ấm. Cái nhạt ấy chẳng đem lại cho ta một cái gì để cầm, vậy mà đem dùng hoài không vơi. Nhạc rồi tắt, bánh rồi hết; chén nước lã thì sáng nào cũng phải đun lại, mà chẳng bao giờ ta thấy nó cạn đi.

Đọc kỹ, ngài không hề chê cái nhạc với cái bánh. Ngài chỉ để chúng đúng chỗ: chúng giỏi làm khách dừng một nhịp, và một nhịp ấy cũng quý. Cái ngài nói là có một thứ không giữ ai bằng mùi, nên cũng chẳng mất đi khi mùi bay. Chương trước Đạo tràn ra khắp nơi, chương này Đạo nhạt đi trong miệng —hai lần cùng chỉ một cái: chẳng đứng ra làm chủ, nên chẳng lúc nào vơi.

ĐIỂN TÍCH 典

Trung Dung: ít người biết mùi. Sách *Trung Dung* có một câu lặng lẽ nằm giữa những câu sang trọng khác: *"Người ta chẳng ai không ăn không uống, mà ít ai biết được mùi."* (人莫不飲食也，鮮能知味也). Không phải tại cơm dở, cũng chẳng tại lưỡi ai hỏng; là tại ta ăn vội, ăn trong lúc nghĩ việc khác, để cái vị đi qua mà không kịp chạm.

Đạm hồ kỳ vô vị không phải lỗi của Đạo. Nó là một câu hỏi nhẹ gửi lại phía người đang nếm: có đang *ở* đó không.

Luận ngữ: vui trong bát cơm rau. *Luận ngữ · Thuật nhi* chép lời Khổng Tử: *"Ăn cơm rau, uống nước lã, gối cánh tay mà nằm, vui cũng ở trong ấy rồi."* (飯疏食，飲水，曲肱而枕之，樂

亦在其中矣). Chẳng có tiệc, chẳng có đàn, chẳng có cái gì để khách đường phải khựng lại —vậy mà thầy bảo cái vui nằm ngay trong bát, chứ không nằm ở chỗ thiếu.

Đem cạnh *dụng chi bất túc ký*, cái nhạt của Lão Tử không nguội: nó là thứ ngày nào cũng có, nên ngày nào cũng dùng được, chẳng lúc nào phải dọn lại từ đầu.

ĐỜI NAY 今

Điện thoại ta hôm nay giỏi làm cái *lạc dữ nhị* lắm. Một tiếng chuông, một cái ảnh hiện lên, một dòng chữ in đậm là ngón tay đã dừng lại giữa câu đang đọc. Chẳng có gì sai ở đó; quán đầu ngõ xưa cũng vậy thôi, có nhạc là có người ghé. Chỉ là hết một tiếng chuông lại đến một tiếng chuông, chiều trôi mà ta không nhớ mình đã ngồi xuống từ lúc nào, cũng chẳng nhớ định làm gì trước khi khựng lại.

Bà tôi nấu cơm chẳng bao giờ nêm nhiều. Bát cơm trắng, đĩa rau luộc, chén nước chè pha từ ấm đun đi đun lại, nhạt đến mức tôi hồi nhỏ hay kêu. Bây giờ ngồi trong bếp chiều mưa, tôi mới thấy chính bát ấy là thứ mình tìm về mỗi lần mệt, không phải một món nào lạ miệng hơn. Nó chẳng giữ tôi lại bằng mùi, vậy mà bao năm rồi vẫn còn nguyên. Cái *dụng chi bất túc ký* nghe rất gần cái ấm chè ấy: đun mãi, rót mãi, chẳng bao giờ phải thay thứ khác cho nó đậm hơn.

Có một câu bà nói lúc tôi vội, ngắn lắm, chẳng có gì đáng ghi chép lại, đại loại ”để từ từ”. Ngày ấy tôi thấy nó nhạt, chỉ muốn một câu rõ ràng hơn để bám lấy. Thế mà mỗi lần tay mình sắp làm quá nhanh —sắp sửa lời con, sắp bấm gửi một tin chưa kịp đọc lại —câu ấy tự mọc lên, không ai nhắc, không nằm ở đâu trên giấy. Nó nhạt thế, mà dùng hoài chưa cạn. Tôi cũng chẳng nhớ mình đã học nó lúc nào.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Nhạc ngoài ngõ vẫn mở, khách vẫn dừng một nhịp.
Rồi đi.
Chén nước lã đặt đó, không mùi, mà sáng nào ấm cũng còn.

第三十六章

Muốn nó khép, hãy để nó mở

將欲歙之

將欲歙之，必固張之；將欲弱之，必固强之；
將欲廢之，必固興之；將欲取之，必固與之。
是謂微明。

Tương dục hấp chi, tất cố trương chi; tương dục nhược chi, tất cố cường chi; tương dục phế chi, tất cố hưng chi; tương dục thủ chi, tất cố dữ chi. Thị vị vi minh.

柔勝剛，弱勝强。魚不可脫于淵，國之利器，
不可以示人。

Nhu thắng cương, nhược thắng cường. Ngư bất khả thoát vu uyên, quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân.

GẪM

Chương này hay bị đọc lệch, nên tôi muốn nói rõ ngay với anh chị: đây không phải mưu kế để dùng lên ai. Chẳng có ai rình ai, cũng chẳng có chỗ nào dạy mình đẩy người khác vào một thế rồi ra tay. Ngài chỉ đang ngồi nhìn một điều rất thường: mọi vật tự xoay.

Bốn câu đầu dễ làm ta tưởng có một bàn tay đang sắp xếp: *tương dục hấp chi, tất cố trương chi* —muốn nó khép, ắt nó

đã đang mở; *tương dục nhược chi, tất cố cường chi* —muốn nó yếu, ắt nó đã đang mạnh; rồi *phế / hưng*, rồi *thủ / dữ*. Chữ cởi nút cho cả đoạn là *cố* (固). Ngài không viết ”làm cho nó mở”, ngài viết nó *vốn đã* mở. Cái đang căng đã mang sẵn chiều khép ngay trong lúc căng; cánh cửa mở hết cỡ đã có sẵn cái bản lề quay về; cơn nắng gắt giữa trưa đã mang sẵn cái chiều nghiêng. Chẳng cần mình thêm vào đấy một cú đẩy nào.

Thị vị vi minh: ấy gọi là *vi minh*. Chữ *vi* là mỏng, nhỏ đến mức phải nheo mắt mới thấy —không phải mưu tính, là cái sáng soi được chỗ đang trở mình. Cái khép chưa khép, cái yếu chưa yếu, mới chỉ là một nét mỏng trên mặt cái đang mạnh; ai ngồi yên mới thấy nó, ai mải tính thì vội tưởng mình vừa tìm được một cái cớ. *Nhu thắng cương, nhược thắng cường* —mềm thắng cứng, yếu thắng mạnh —cũng đọc theo nghĩa ấy: không phải mềm đi đánh cứng, là cứng tự mòn mà mềm cứ còn.

Ngư bất khả thoát vu uyên: cá chẳng nên rời khỏi vực. Nghe như một lời giữ gìn, mà thật ra là một lời nhận ra: cá rời khỏi vực thì không còn là cá nữa, chỉ còn là một vật đang giãy trên cạn. Cái mình tin, cái mình là, cũng có một chỗ nó được sống —tách nó ra khỏi chỗ ấy để đem khoe, để đem dùng sang một việc khác, là nó thôi không còn đúng với mình nữa. Tôi nghĩ đến một người thợ làm bánh ở đầu chợ, làm ngon nhất trong cái lò cũ của ông; đem ông sang một cái bếp sáng hơn, đầy đủ hơn, bánh vẫn ra, mà ông bảo thiếu một cái không gọi tên được.

Quốc chi lợi khí, bất khả dĩ thị nhân: cái sắc bén nhất chẳng cần đem ra cho người ta xem. Tôi chỉ dám đọc câu này ở tầng đời thường thôi. Cái dao bén nhất trong bếp nhà tôi vẫn được lau rồi úp vào vách, chẳng ai đem ra mâm để khách trầm trồ; nó sắc là để thái được một lát mỏng, chứ không phải để được ngợi. Cũng vậy, cái giỏi nhất, cái nhạy nhất của một người thường nằm lặng trong cách họ làm, không nằm ở chỗ họ kể. Đem ra khoe không làm nó hỏng ngay, nhưng làm nó rời khỏi chỗ nó được sống —như cá rời vực.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: thà quên nhau trong sông hồ. Thiên *Đại tông sư* kể: vực cạn, cá dạt lên bờ, cùng hà hơi ướt cho nhau, cùng dãi bọt cho nhau đỡ khô —rồi ngài buông một câu: *"Thà quên nhau trong sông hồ còn hơn."* (相濡以沫，不如相忘於江湖). Hai con cá trên cạn tử tế với nhau lắm, vậy mà chính cái tử tế ấy là dấu chúng đã rời mất chỗ mình được sống.

Ngư bất khả thoát vu uyên chẳng thêm vào đấy một lời trách; nó chỉ nhớ cho ta cái vực còn nước, nơi không cần ai cứu ai mà ai cũng bơi được.

Kinh Dịch: trưa đã nghiêng, trăng tròn đã khuyết. Lời Thoán quẻ *Phong* trong *Kinh Dịch* viết: *"Mặt trời tới giữa trưa thì đã nghiêng, trăng tới lúc tròn thì đã khuyết"* (日中則昃，月盈則食), rồi thêm một câu: cái đầy và cái vơi của trời đất cứ đi cùng thời. Chẳng có ai ở ngoài đẩy mặt trời cho nghiêng; nó nghiêng ngay trong lúc đang đứng giữa trưa.

Đó là cái *cố* của chương này: cái đang căng đã mang sẵn chiều khép, cái đang đầy đã mang sẵn chiều vơi. Ngồi nhìn được chỗ đang trở mình ấy, ấy là *vi minh* —không phải có một kế hoạch nào giấu sau nó.

ĐỜI NAY 今

Chiều mưa ở xóm tôi, cây bàng đầu ngõ căng lá hết cỡ lúc giông mới kéo tới. Một lát sau gió tạnh, từng tàu lá tự khép lại, chẳng ai chạm vào. Tôi đứng nhìn mà thấy lạ: cái khép ấy đã nằm sẵn trong lúc căng rồi, chỉ chờ đủ một lượt gió. Trong nhà cũng có những chiều như thế —một câu chuyện đang hăng hái nhất bỗng tự lắng xuống, một việc đang rối tự xếp lại sau khi ta thôi không lật thêm. Chẳng phải mình khéo, là nó tới lúc nó xoay.

Tôi có một người bạn sửa xe ở góc chợ. Cái cờ lê cũ của anh mòn vẹt một đầu, anh lau rồi cất vào hộp gỗ, chẳng bao giờ treo lên cho ai xem. Có lần tôi hỏi, anh cười: "Nó bén thì nó làm việc, khoe ra nó chỉ đứng yên thôi." Anh chẳng nói một câu nào về chương này, nhưng tôi nghe đúng cái *bất khả dĩ thị*

nhân: cái giỏi nhất để trong chỗ nó được dùng, không đem ra chỗ nó chỉ được ngợi.

Cũng có những lúc tôi mang một điều mình tin chắc ra kể cho thật hay, kể xong mà thấy nó mỏng đi trong miệng mình — như cá được đem lên khỏi vực, vẫn nguyên vây vảy, chỉ thiếu cái nước đang đỡ nó. Nên tôi thôi, cất câu ấy lại vào đúng chỗ nó vẫn sống: một việc làm nhỏ lặp đi lặp lại, một cách cư xử chẳng cần giải thích. Chẳng ai thấy, mà nó vẫn nguyên. Ngoài kia trời đã tạnh, lá bàng khép rồi lại mở sang lượt gió mới.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Cái đang căng đã mang sẵn chiều khép.
Chẳng cần ai đẩy, cũng chẳng ai rình.
Cá vẫn bơi dưới vực, nơi nước còn đỡ nó, chẳng ai cần biết tên.

第三十七章

Không làm, mà chẳng gì không xong

無為而無不為

> 道常無為而無不為。侯王若能守之，萬物將自化。
>
> *Đạo thường vô vi nhi vô bất vi. Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hoá.*
>
> 化而欲作，吾將鎮之以無名之朴。鎮之以無名之朴，夫亦將不欲。
>
> *Hoá nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác. Trấn chi dĩ vô danh chi phác, phù diệc tương bất dục.*
>
> 不欲以靜，天下將自正。
>
> *Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự chính.*

GẪM

Chương 32 mở đầu bằng *Đạo thường vô danh* —Đạo vẫn chẳng có tên. Chương này mở đầu bằng *Đạo thường vô vi nhi vô bất vi* —Đạo vẫn chẳng làm, mà chẳng có gì không xong. Hai chữ *thường* đi liền nhau ở hai đầu đoạn cuối này, như ngài cố ý buộc lại: vẫn thế, từ đầu vẫn thế. *Vô vi* không phải ngồi im, là chẳng có một cái làm nào đứng ra nhận công; *vô bất vi* không

phải làm hết mọi việc, là chẳng có việc nào bị bỏ sót. Mùa cứ tới, lá cứ ra, chẳng ai điều hành, mà chẳng sót một gốc cây nào.

Hầu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hoá: người cầm giữ được cái ấy, muôn vật sẽ tự hóa. Chữ *tự* lại hiện ra, như ở *tự quân* của chương 32. Tự hóa —không ai sửa, không ai uốn, không ai đứng cầm cái kéo. Rồi một câu rất thật: *hoá nhi dục tác* —đang hóa thì cái muốn lại mọc lên. Ngài không giả vờ cái muốn chẳng có. Mới yên một lát, ta đã muốn nó yên theo đúng ý mình, muốn người khác cũng yên giống thế, muốn ghi lại cái yên ấy thành một cái gì có tên. Cái muốn mọc lên ngay trong lúc đang tốt đẹp nhất, ấy là chuyện thường.

Chữ đáng dừng lại thật lâu là *trấn* (鎮). *Ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác*: ta sẽ lấy cái gỗ chưa đặt tên mà *trấn* lại. Chữ này dễ đọc thành đè, thành nén, thành dùng sức giữ cho khỏi nhúc nhích —mà ngài đang làm một cử động nhẹ hơn nhiều. *Trấn* xưa là đặt một vật nặng vừa đủ lên mép giấy cho nó khỏi bay, không phải ép nó dính chặt. Đem *vô danh chi phác* —chính khúc gỗ chưa đẽo của chương 32 —đặt lại bên cạnh cái muốn đang mọc, chứ không phải đặt lên nó. Chẳng sửa cái muốn, chẳng cấm nó, chỉ để nó nằm cạnh một cái chưa bị gọi tên. Có khi thế là đủ: một câu muốn nói thêm, khi có một cái im lặng ngồi kế bên, tự thấy mình không cần nói nữa.

Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự chính: chẳng muốn mà lặng, thiên hạ tự đứng yên lại. Chữ *chính* là ngay lại, đứng đúng chỗ, không phải bị sửa cho ngay. Cái bàn hơi lệch, ta đỡ lấy một nhịp rồi buông, nó tự tìm mặt sàn. Ngài không bảo ai phải làm gì thêm; câu cuối cùng của Thượng kinh vẫn là chữ *tự*.

Đến đây tôi đặt ấm trà xuống, vẫn còn ấm. Từ đầu đến đây, ngài chưa một lần đưa cho ta một cái để nắm chặt; toàn là những cái ngài nhẹ tay đặt xuống trước mặt, rồi lùi lại. Thượng kinh khép mà không chốt hạ, kiểu người ta khép cửa buồng lúc trong nhà đã ngủ, chẳng cần vặn chìa. Phía sau còn những trang khác, Hạ kinh còn đi tiếp, nước ấm vẫn đấy để rót chén nữa. Mà trước khi đứng dậy, còn một chuyện nhỏ về cái thước và bàn tay người thợ.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: cái thước trao được, cái khéo thì không. Sách *Mạnh Tử · Tận tâm* có một câu lặng lẽ: *"Thợ mộc, thợ xe có thể trao cho người ta cái thước cái khuôn, chứ chẳng thể làm cho người ta khéo."* (梓匠輪輿能與人規矩，不能使人巧). Thầy nói về cái nghề, mà nghe như nói về mọi thứ khác: cái đo được thì truyền được, cái khiến tay người ta nên ra thì chẳng ai bỏ vào tay người khác được.

Vạn vật tương tự hoá cũng vậy. Ngài đưa cái *phác* ra đặt bên cạnh, không đưa ai cái khéo cả — vì cái khéo, nếu có, phải tự mọc lên ở phía người đang làm.

Liệt Tử: chim âu không đậu nữa. Sách *Liệt Tử*, thiên *Hoàng Đế*, kể một người sống gần biển, sáng nào cũng ra bãi chơi với chim âu; chim đến đậu quanh ông hàng trăm con, chẳng sợ. Một hôm người cha bảo: "Nghe nói chim đều theo con, mai bắt một con về cho ta nuôi chơi." Sáng hôm sau ra biển, chim vẫn bay lượn trên đầu, nhưng chẳng con nào chịu đậu xuống. Chẳng có ai bị phạt, cũng chẳng có ai làm điều gì sai; chỉ là một cái muốn vừa mọc lên, và chỗ đang yên tự khép lại.

Đọc cạnh *hoá nhi dục tác*, tôi thấy ngài kể đúng cái lúc ấy — và cái ngài đem đặt lại không phải một lời sửa, chỉ là khúc gỗ chưa có tên, để chim còn có chỗ mà đậu.

ĐỜI NAY 今

Tôi từng đứng sửa đi sửa lại một nét chữ cho con, hết "cao lên một chút" đến "dịch sang trái một chút". Nét chữ ngay đấy, mà nét sau vẫn lệch như cũ. Có tối tôi mệt, chỉ ngồi cạnh, đặt thêm một tờ giấy trắng xuống rồi im. Con tự sửa, chậm hơn hẳn, nhưng từ nét ấy về sau nó giữ được. Tôi không dạy thêm một câu nào. Cái *trấn* của chương này, tôi nghĩ, giống cái tờ giấy trắng ấy hơn là giống bàn tay tôi lúc nãy.

Trong một buổi họp chiều thứ Sáu, mọi thứ đang xong xuôi thì có người đưa thêm một ý hay, rồi một ý hay nữa, rồi ai cũng muốn chốt cho thật tròn trước khi về. Cái muốn lúc ấy chẳng

xấu tí nào, nó còn sốt sắng là đằng khác. Thế mà chỉ cần một người đặt cặp hồ sơ xuống, rót chén nước, ngồi yên vài giây, cả bàn tự lắng lại, không ai bảo ai. Sáng thứ Hai việc vẫn đấy, chẳng ai phải gọi thêm cuộc họp. Tôi không gọi đó là một cách xử lý; nó là cái bàn tự tìm lại mặt sàn.

Bếp nhà tôi có cái nắp vung hay kênh một bên, cứ phải đậy lại mãi. Bà tôi chẳng bao giờ lấy vật gì chèn, chỉ nhấc lên rồi đặt xuống nhẹ tay hơn một chút, là nó tự nằm khít. Chiều nay nước vừa sôi, tôi cũng làm thế, rồi ngồi nhìn hơi bốc lên qua khe cửa. Chẳng có gì cần chốt lại cho xong. Ấm vẫn ấm, chén còn úp trên khay, và ngoài ngõ còn tiếng xe ai đó đi qua, chậm, rồi xa dần.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Đặt ấm trà xuống, vẫn còn ấm.

Cái muốn mọc lên rồi tự lặng, chẳng ai phải đè.

Khúc gỗ chưa tên nằm bên cạnh, và cửa buồng khép hờ, để sáng mai còn rót chén nữa.

第三十八章

Cái đức không tự biết mình có đức

上德不德

上德不德，是以有德；下德不失德，是以無德。

Thượng đức bất đức, thị dĩ hữu đức; hạ đức bất thất đức, thị dĩ vô đức.

上德無為而無以為；下德無為而有以為。上仁為之而無以為；上義為之而有以為。

Thượng đức vô vi nhi vô dĩ vi; hạ đức vô vi nhi hữu dĩ vi. Thượng nhân vi chi nhi vô dĩ vi; thượng nghĩa vi chi nhi hữu dĩ vi.

上禮為之而莫之應，則攘臂而扔之。

Thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhương tí nhi nhưng chi.

故失道而后德，失德而后仁，失仁而后義，失義而后禮。

Cố thất Đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ.

夫禮者，忠信之薄，而亂之首。前識者，道之華，而愚之始。

Phù lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ. Tiền thức giả, Đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy.

> 是以大丈夫處其厚，不居其薄；處其實，不居其華。故去彼取此。
>
> *Thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc; xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử.*

GẪM

Chương 37 khép lại bằng một chữ *tự*: thiên hạ tự đứng yên lại, chẳng ai vặn chìa. Tôi cứ tưởng mình còn ngồi nguyên ở cuối Thượng kinh, vậy mà lật sang một trang thì đã ở Hạ kinh rồi — cũng chẳng có gì long trọng, chỉ như lúc đang nói dở câu, tay châm thêm nước vào ấm, rồi câu sau đã sang chuyện khác. Chương này mở đầu không bằng Đạo, mà bằng *thượng đức bất đức*: cái đức trên chẳng tự biết mình có đức, ấy mới là có đức. Câu ngay sau quay ngược lại: *hạ đức bất thất đức*, cái đức dưới chẳng chịu rời cái đức nửa bước, ấy lại là vô đức. Hai vế chỉ khác nhau ở một cái quay nhìn. Cái đang có mà không ngó lại mình thì đầy; cái vừa ngó lại để giữ lấy đã vơi đi một ít.

Rồi ngài xếp bốn bậc cạnh nhau, đọc lên như bốn lần đặt chén xuống bàn: *vô vi nhi vô dĩ vi, vô vi nhi hữu dĩ vi, vi chi nhi vô dĩ vi, vi chi nhi hữu dĩ vi*. Tôi dừng ở mấy chữ *dĩ vi* — cái để mà làm, cái cớ, cái ý vẫn đứng ngay sau cử động. Cũng là rót một chén nước cho khách, có lần tay rót xong thì quên mình vừa rót, có lần tay rót xong còn ngóng sang xem người kia có uống không. Việc ấy vẫn là một, chỉ khác một cái ngó. Đến *thượng lễ vi chi nhi mạc chi ứng, tắc nhương tí nhi nhưng chi* thì cái ngó ấy đứng hẳn dậy: làm lễ mà chẳng ai đáp lại, bèn vén tay áo mà kéo người ta lại. *Nhương tí* là xắn tay, là cử động hơi mạnh lên ở cuối mâm. Ngài kể chẳng gắt, mà tôi nghe rõ cái khẽ khịch của ống tay áo.

Chữ đáng ngồi lại thật lâu là *lễ* (禮). Bên trái nó là bộ *thị* (示), bộ của bàn thờ, của tế tự, của những điều người xưa cúi xuống trước khi làm; bên phải là cái bát đựng lễ phẩm. Lễ vốn chẳng

phải cái vỏ ngoài, nó là chỗ người ta cúi xuống vì còn có một cái gì ở trong. Thế mà ngay sau đó ngài viết: *phù lễ giả, trung tín chi bạc, nhi loạn chi thủ* —lễ là chỗ mỏng của lòng trung tín, là cái đầu của sự loạn. Chữ *bạc* (薄) là mỏng: lớp váng mỏng trên nồi nước đang cạn, tờ giấy mỏng đến mức nhìn thấy bàn tay mình dưới đó. Ngài không chê lễ hư; ngài bảo lễ mọc lên đúng ở chỗ chất đã mỏng đi, như lớp váng ấy chỉ có khi nước đã vơi. Mà *loạn chi thủ* là cái đầu, chứ không phải cái đuôi: loạn chẳng do lễ gây ra, lễ là chỗ loạn bắt đầu ló ra. Câu tiếp nối dài thêm một nhịp: *tiền thức giả, Đạo chi hoa, nhi ngu chi thủy* —cái biết trước là hoa của Đạo, là khởi của ngu. Chữ *hoa* (華) đẹp ở đầu cành, đẹp mà chẳng đậm quả; ngài mượn chính cái đẹp ấy để gọi tên một cái đang lố lên phía trước.

Cái dãy *thất Đạo nhi hậu đức, thất đức nhi hậu nhân, thất nhân nhi hậu nghĩa, thất nghĩa nhi hậu lễ* dễ đọc thành năm nấc đi lên, mà thực ra là năm lần bớt đi. Chữ *hậu* ở đây là sau, là rồi mới; bản nguồn chép bằng chữ ấy, tôi vẫn giữ nguyên. Mỗi lần một cái vơi đi, người ta đắp thêm một cái có tên để thay vào: Đạo vơi thì đức, đức vơi thì nhân, nhân vơi thì nghĩa, nghĩa vơi thì lễ. Ngài chẳng than vãn sự sa sút nào, ngài chỉ kể trình tự, tỉnh queo như người liệt kê mấy món đã hao trong bếp. Nghe kỹ mới thấy lạ: càng nhiều tên gọi, càng ít cái để gọi.

Nên câu cuối mới nhẹ thế: *thị dĩ đại trượng phu xử kỳ hậu, bất cư kỳ bạc; xử kỳ thực, bất cư kỳ hoa. Cố khứ bỉ thủ thử.* Chữ *xử* là đứng lại ở một chỗ, chữ *cư* là ngồi luôn, ở lâu thành nếp. Ngài chọn *xử kỳ hậu* —đứng ở chỗ dày —mà *bất cư kỳ bạc*, chẳng ngồi lại chỗ mỏng. *Khứ bỉ thủ thử*: bỏ cái kia, lấy cái này. Nghe thì dứt khoát, mà tôi hình dung chỉ là một cử động dọn mâm: dời mấy chén úp sang một bên, rồi đặt bát canh còn nóng vào giữa. Chẳng có cái nào bị vứt đi, chỉ có cái nào được đặt đúng chỗ hơn. Sang chương sau, cái dày ấy sẽ có một tên khác, ngắn đến mức chỉ là một nét gạch ngang: trời được *một* nên trong.

Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn chép「失道而后德」dùng chữ「后」(bản thông hành thường là「後」), và câu「下德無為而有以為」—trong khi Vương Bật thông hành chép「下德為之而有以為」. Hai chỗ ấy tôi **giữ nguyên** chữ của bản nguồn, chỉ ghi chú.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: lễ đâu phải là ngọc lụa.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Dương Hóa*, có một câu hỏi mà tôi đọc mãi vẫn thấy nó còn vang: (禮云禮云，玉帛云乎哉？樂云樂云，鐘鼓云乎哉？). Thầy hỏi: lễ lễ, há phải là ngọc với lụa ư? Nhạc nhạc, há phải là chuông với trống ư? Ngọc lụa là đồ đem dâng, chuông trống là đồ đem gõ; cả hai đều đúng chỗ, cả hai đều đầy trên mâm, vậy mà thầy vẫn hỏi thêm một câu. Câu hỏi ấy chẳng bỏ đi món nào, chỉ nhẹ nhàng nhắc rằng đồ đã đủ mà lòng vắng thì vẫn còn thiếu một cái không đếm được.

Đem đặt cạnh *phù lễ giả, trung tín chi bạc*, tôi thấy hai thầy cùng chìa tay vào một chỗ: cái đựng bên ngoài, và cái còn lại bên trong.

Tả truyện: lễ xếp lại hàng người.

Lời bình trong *Tả truyện*, năm Ẩn công thứ mười một, định nghĩa lễ gọn lỏn: (禮，經國家，定社稷，序民人，利後嗣者也。). Dịch ra: lễ là cái giăng cho ngay nước nhà, cho yên xã tắc, cho có thứ tự giữa dân người, cho lợi đến đời sau. Bốn việc, việc nào cũng là việc dựng trật tự, việc nào cũng đòi một bàn tay đứng ra sắp xếp. Đọc lên thấy chữ lễ ở đây dày biết mấy, nó là cái giềng giữ cho cả một nước khỏi xô lệch.

Vậy mà chính chữ ấy, sang *thất nghĩa nhi hậu lễ*, Lão Tử lại bảo nó là *loạn chi thủ*: ngài chẳng chê cái giềng, ngài chỉ đứng ngay chỗ cái giềng phải được giăng ra, tức là chỗ cái tự nhiên đã vơi đi mất rồi.

ĐỜI NAY 今

Nhà tôi có việc giỗ, từ sáng người lớn đã bàn xem chén nào đặt trước, cúi mấy lần cho phải, ai đứng đầu mâm. Bà tôi chẳng dự vào câu chuyện ấy. Bà múc một bát canh còn nóng, đặt xuống đầu bàn cho chú tôi đi làm về muộn, rồi lặng lẽ úp mấy cái chén sạch lên khay. Hơi bốc lên làm mờ mặt đồng hồ treo tường; đến lúc chú tôi về, bát canh vẫn ấm, mà câu chuyện về thứ tự đã quên mất từ lúc nào.

Một buổi sáng ở cơ quan, người ta tập trước nghi thức tiếp khách: ai đứng dậy trước, bắt tay mấy giây, ghế nào dành cho người ghế nào. Có anh đi muộn, khẽ kéo ghế ngồi xuống cuối bàn, tự rót một chén nước, rồi mở sổ ra. Cả phòng vẫn đang sửa lại cái micro cho đúng tầm miệng. Chén nước của anh đặt lệch ra ngoài vòng ghế, không ai nhắc, và cũng không ai dời nó vào.

Chiều mưa, nhà bên cạnh mới dọn đến. Tôi định sang gõ cửa cho phải phép, đã cầm ô ra đến bậc thềm, thì thấy chị ấy đang phơi áo, tay ướt, vội quá, mấy cái kẹp gỗ kẹp lệch hết. Tôi đặt cái ô ngay bậc cửa rồi lùi về, chẳng gõ. Sáng hôm sau ô dựng ngược trước cửa tôi, quai còn được buộc thêm một sợi dây vải xanh, khô ráo, mùi nắng non còn dính trên vải.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Chén vẫn úp trên khay, khay còn ấm.
Một lớp váng mỏng lặng trên mặt nước cạn.
Bàn tay vén tay áo rồi buông xuống.
Ngoài ngõ, mưa rơi xuống cái ô dựng ngược.

第三十九章

Trời được một nên trong

昔之得一者

昔之得一者：天得一以清；地得一以寧；神得一以靈；谷得一以盈；萬物得一以生；侯王得一以為天下正。

Tích chi đắc nhất giả: thiên đắc nhất dĩ thanh; địa đắc nhất dĩ ninh; thần đắc nhất dĩ linh; cốc đắc nhất dĩ doanh; vạn vật đắc nhất dĩ sinh; hầu vương đắc nhất dĩ vi thiên hạ chính.

其致之也，天無以清，將恐裂；地無以寧，將恐廢；神無以靈，將恐歇；谷無以盈，將恐竭；萬物無以生，將恐滅；侯王無以貞，將恐蹶。

Kỳ trí chi dã, thiên vô dĩ thanh, tương khủng liệt; địa vô dĩ ninh, tương khủng phế; thần vô dĩ linh, tương khủng yết; cốc vô dĩ doanh, tương khủng kiệt; vạn vật vô dĩ sinh, tương khủng diệt; hầu vương vô dĩ trinh, tương khủng quyết.

故貴以賤為本，高以下為基。

Cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ.

是以侯王自稱孤、寡、不穀。此非以賤為本邪？非乎？故致譽無譽。

Thị dĩ hầu vương tự xưng cô, quả, bất cốc. Thử phi dĩ tiện vi bản tà? Phi hồ? Cố trí dự vô dự.

是故不欲琭琭如玉，珞珞如石。

Thị cố bất dục lộc lộc như ngọc, lạc lạc như thạch.

GẪM

Chương trước ngài dặn đứng ở chỗ dày, chỗ thực, rồi buông cái mỏng cái hoa đi. Sang chương này ngài gọi đích danh cái dày ấy bằng một chữ: *nhất*. *Tích chi đắc nhất giả* —xưa, cái được một. Chữ *tích* là xưa, mà không phải xưa đã cũ; là cái xưa vẫn còn nguyên ở hiện tại, như viên gạch kê dưới chân tủ từ hồi bà tôi còn bắc bếp. Rồi sáu câu đi liền, đọc lên như sáu lần gật đầu: *thiên đắc nhất dĩ thanh, địa đắc nhất dĩ ninh*, thần được một nên linh, khe được một nên đầy, muôn vật được một nên sinh, hầu vương được một nên làm chính thiên hạ. Sáu cái chẳng cần được thêm gì cả, chỉ cần một mà được đúng là chính nó. Trời trong không phải vì được châm thêm sáng, là vì chẳng bị chia ra làm hai.

Tôi dừng lâu nhất ở chữ *nhất* (一). Nó chỉ là một nét gạch ngang, ngắn nhất, mỏng nhất, thế mà khó xóa nhất: đem nó đi thì mọi chữ khác đều đứng sai chỗ. Người xưa vẽ một nét ngang là đã có một, chẳng cần vẽ thêm cái gì để nó thành một. Ngài dùng chữ ấy không phải để đếm, là để nói về cái chẳng bị tách: trời chẳng bị tách khỏi đất, khe chẳng bị tách khỏi nước đang chảy vào, người cầm nước chẳng bị tách khỏi người đang ở dưới. Một tờ giấy trắng để nguyên trên bàn vẫn là một tờ; chỉ cần ta kẻ một đường chia đôi, là lập tức có hai bên, có trong có ngoài, có chỗ này với chỗ kia. *Đắc nhất* là được cái trước khi đường kẻ ấy kịp xuất hiện.

Nửa sau chương xoay đi một nhịp: *kỳ trí chi dã* —đem cái ấy đi đến cùng. Sáu câu *tương khủng* hiện ra, mỗi câu một nỗi e rất khẽ: trời chẳng trong e nứt, đất chẳng yên e bỏ hoang, thần chẳng linh e cạn, khe chẳng đầy e kiệt, muôn vật chẳng sinh e diệt, hầu vương chẳng chính e vấp ngã. Chữ *khủng* (恐) là e, là lo, không phải quả quyết sẽ xảy ra. Ngài chẳng dọa ai, ngài chỉ kể điều sẽ tới nếu cái một ấy bị rời đi. Như cái chén đặt hơi lệch mép bàn, nó chưa rơi đâu, nhưng tay tôi đã giật mình trước, và cái giật mình ấy đã là một lần chia đôi rồi.

Rồi câu làm cả chương đứng lại: *cố quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ*. Quý lấy tiện làm gốc, cao lấy thấp làm nền. Chữ *bản* (本) là chữ *mộc* (木) thêm một nét gạch ngay dưới gốc —người xưa vẽ cái cây rồi gạch một dấu vào chỗ rễ, để chỉ cái phần khuất dưới đất, phần chẳng bao giờ được ngó tới. Chữ *cơ* là nền, là lớp đất đắp trước khi ai đó xây lên. Ngay sau đó: *thị dĩ hầu vương tự xưng cô, quả, bất cốc* —vua chúa tự gọi mình là mồ côi, là ít ỏi, là chẳng được mùa. Ba cái tên, tên nào cũng là tên của chỗ thiếu. Ngài còn hỏi thêm hai câu liền nhau, *thử phi dĩ tiện vi bản tà? Phi hồ?*, như người vừa gật đầu rồi vẫn ngoảnh lại hỏi lần nữa cho chắc.

Cố trí dự vô dự: đem lời khen đi đến cùng thì chẳng còn lời khen. Rồi *thị cố bất dục lộc lộc như ngọc, lạc lạc như thạch*: chẳng muốn lóng lánh như ngọc, cũng chẳng xù xì như đá. *Lộc lộc* là hạt ngọc sáng lên từng hạt, *lạc lạc* là những viên đá gồ ghề xếp lộn. Ngài không chọn đá vì đá khiêm hơn ngọc đâu; ngài chỉ không muốn bị đem ra soi. Chương trước bỏ cái *hoa*, chương này bỏ luôn cái sáng —thế mà cái một vẫn chẳng chịu đứng yên mãi, vì chương sau ngài sẽ bảo nó động bằng chính cách quay về.

> Chỗ hay về bản văn: cùng một cặp câu mà bản nguồn có 「以為天下正」 ở đầu, rồi 「侯王無以貞」 ở sau —một bên 「正」, một bên 「貞」. Bản Vương Bật thông hành thường dùng 「貞」 cả hai. Tôi **giữ nguyên** cả hai chữ của bản nguồn, không sửa im lặng.

ĐIỂN TÍCH 典

Thượng thư: dân là gốc của nước.

Một bài ca cũ trong *Thượng thư*, thiên *Ngũ tử chi ca*, chỉ vỏn vẹn mấy chữ: (民惟邦本，本固邦寧。) —dân chỉ là gốc của nước, gốc có bền thì nước mới yên. Bài ca ấy không mở đầu bằng ngai, bằng biển hiệu, hay bằng người đứng trên; nó mở đầu bằng cái nằm khuất dưới đất. Chữ *bản* là gốc, là phần chẳng ai nhìn thấy mà mọi cành lá đều nhờ vào đấy: gốc bền là chuyện của rễ, không phải chuyện của ngọn.

Câu ấy đứng cạnh *quý dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ* nghe như cùng một nhịp thở: cái đỡ ở dưới chẳng bao giờ mang tên cái được đỡ ở trên.

Tuân Tử: nước chở thuyền, nước cũng lật thuyền.

Sách *Tuân Tử*, thiên *Vương chế*, có một câu mà người đời sau nhắc mãi: (君者，舟也；庶人者，水也。水則載舟，水則覆舟。) —vua là thuyền, dân là nước; nước thì chở thuyền, nước thì lật thuyền. Tuân Tử viết câu ấy không phải để dọa, mà để nhớ cái chiều của nước: nó chẳng có ý gì với chiếc thuyền cả, nó chỉ chảy. Thuyền nằm xuôi dòng là được chở, thuyền cưỡng dòng thì bị lật, mà vẫn là một dòng nước ấy thôi.

Hầu vương tự xưng cô, quả, bất cốc —ba cái tên toàn nói chỗ thiếu ấy, tôi nghĩ, là một cách ngồi cho vừa lòng nước, chứ không phải lời khiêm cho đẹp miệng.

ĐỜI NAY 今

Con tôi tập viết chữ *nhất*, một nét gạch ngang mà nó kêu là khó nhất. Nét cứ bị cong lên ở giữa, con nhíu mày kéo đi kéo lại mấy lần. Cô giáo bảo viết chậm lại thôi. Con đặt bút xuống, thở một hơi dài rồi kéo tay, nét ngang nằm yên, hơi lem ở đầu. Nó lấy ngón tay quệt vệt mực, rồi ngồi nhìn trang giấy còn thừa quá nhiều chỗ trắng, lâu hơn cả lúc viết.

Sạp rau đầu chợ kê trên mấy viên gạch cũ. Hôm nay một viên lệch đi, mặt bàn nghiêng, mớ rau cứ trượt về một bên. Cô bán hàng ngồi xổm, nhấc bó rau xuống, sửa lại đúng viên gạch ấy,

rồi mới bày rau lên như cũ. Nước rửa rau chảy xuống đất, chảy qua viên gạch trước khi ra rãnh. Người mua chỉ thấy mớ rau xanh, chẳng ai cúi xuống nhìn cái đã được sửa.

Phòng họp tầng ba đang bàn về cái biển hiệu mới treo mặt tiền, kích thước, màu sơn, chữ to hay chữ nhỏ. Dưới sân, bác bảo vệ lặng lẽ vặn lại cái ốc chân cột cờ bị lỏng từ hôm mưa, rồi lấy tay đẩy nhẹ cột xem còn đung đưa không. Trên kính cửa sổ, một vệt nước chảy dài xuống rồi đọng lại ở mép khung. Trong phòng, chẳng ai nhắc đến cái ốc.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Một nét ngang nằm yên trên trang giấy.
Viên gạch kê dưới sạp, rau vẫn xanh.
Vệt nước đọng lại ở mép khung kính.
Ấm trà đặt xuống đúng chỗ cũ, chẳng ai sửa.

第四十章

Đi rồi lại trở về

反者道之動

> 反者道之動；弱者道之用。
> *Phản giả Đạo chi động; nhược giả Đạo chi dụng.*
> 天下萬物生于有，有生于無。
> *Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô.*

GẪM

Chương 39 kể sáu cái được một mà đứng yên: trời trong, đất yên, khe đầy. Đến chương này —ngắn nhất trong cả quyển, vỏn vẹn hai câu —ngài bảo cái ấy vẫn không đứng yên. *Phản giả Đạo chi động*: trở về là cái động của Đạo. Tôi đọc đi đọc lại mà vẫn thấy thiếu một hơi, như người ta rót chén nước rồi quên mất mình định uống. Rồi đặt ấm trà xuống, chợt nhớ chính nước trong ấm cũng vừa đi một vòng: từ bếp bốc lên, rót ra chén, nguội dần, rồi lại được châm vào ấm. Chẳng có gì mới, mà chẳng có gì đứng lại.

Chữ đáng ngồi lại thật lâu là *phản* (反). Nó vừa là trở về, vừa là trở ngược, vừa là lật mặt lại. Một bàn tay lật úp rồi lật ngửa là *phản*; người đi chợ về đúng ngõ cũ cũng là *phản*; cái lá rụng xuống ngay dưới gốc mình đã mọc ra, lại càng là *phản*. Ngài không viết *phục* —lặp đi lặp lại khép thành vòng tròn —mà viết *phản*: không phải đi rồi về đúng chỗ cũ như chưa hề đi, là

đi thật xa rồi quay, mang theo cả đoạn xa ấy trên người. Chữ *động* (動) đứng ngay sau làm tôi chú ý: cái động của Đạo không phải đẩy tới, là kéo về. Như dây cung, phải buông tên đi một cái thì sợi dây mới bật lại chỗ nó đã nằm.

Nhược giả Đạo chi dụng: nhược là cái dùng của Đạo. Chữ *dụng* (用) là mặt trở ra ngoài, là cái đem mà dùng được. Đạo động bằng cách quay về, mà Đạo dùng bằng cách mềm đi. Không phải Đạo yếu; là cái cứng quá không uốn được nên chẳng đem dùng vào đâu cả. Cái mềm mới luồn được qua khe, mới chứa được, mới chịu nổi một lần quay về mà không gãy. Ngọn rau non nhú lên khỏi hạt là *nhược*, vậy mà chính nó đẩy được lớp đất đang đè lên mình. Hai vế đầu chương đi thành một cặp: *phản giả Đạo chi động* là chiều, *nhược giả Đạo chi dụng* là sức, mà sức ấy lại là sức của cái chẳng gồng lên.

Thiên hạ vạn vật sinh vu hữu, hữu sinh vu vô: muôn vật trong thiên hạ sinh từ cái có, mà cái có lại sinh từ cái không. Chữ *vu* là từ, là ở nơi. Ngài không bảo cái không có trước rồi cái có có sau như hai hạt xếp hàng; ngài bảo cái có vẫn đang mọc ra từ cái không, ngay lúc này, ngay trên mặt bàn. Cái chén úp trên khay: cái có là lòng chén, cái không là khoảng rỗng bên dưới; chính nhờ khoảng rỗng ấy mà chén còn úp được, còn nhấc lên được, còn đặt lại được. Cái xoong trên bếp bà tôi chỉ nấu được cơm vì giữa nó rỗng, mà cái rỗng ấy chẳng bao giờ được múc ra ăn.

Đọc lại hai câu ngắn mà thấy chúng chẳng đứng riêng: quay về rồi mềm đi, mềm đi rồi lại mọc ra từ chỗ không. Như hơi nước bốc lên khỏi vung, gặp nắp nồi mát thì đọng lại, chảy xuống, rồi lại bốc. Tôi chẳng thấy ngài giảng gì ở đây, chỉ thấy ngài ngồi im mà chỉ vào cái đang xảy ra ngay trước mặt. Mùa trước lá rụng, mùa này lá lại ra —không phải lá cũ mọc lại, là cái quay về vẫn còn nguyên ở đấy. Sang chương sau, cái lạ của chỗ rỗng ấy sẽ vang lên thành một tiếng cười.

ĐIỂN TÍCH 典

Quẻ Phục: bảy ngày rồi lại về.

Quẻ *Phục* trong *Kinh Dịch* là quẻ một vạch liền vừa nhú lên dưới năm vạch đứt, bé xíu mà đã có. Lời Thoán nói gọn: (反復其道，七日來復，天行也。) —đi rồi lại về theo đạo ấy, bảy ngày thì về, ấy là đường trời. Chữ *thất nhật* không phải đếm từng ngày cho đủ bảy, là một vòng đã khép: cái lạnh đi đến cùng thì đã thấy mầm ấm ló ra ở dưới. Ba chữ cuối, *thiên hành dã*, nghe như tiếng ai đó đặt nhẹ tay xuống —trời cứ đi thế, chẳng cần ai giục.

Câu ấy cầm lấy *phản giả Đạo chi động* mà đỡ lấy: cái quay về không phải chuyện riêng của Đạo, nó là nhịp trời vẫn chạy qua mỗi mùa.

Hệ từ hạ: lạnh đi, nóng lại tới.

Sách *Hệ từ hạ* có một câu dài vừa đủ một năm: (寒往則暑來，暑往則寒來，寒暑相推而歲成焉。) —lạnh đi thì nóng tới, nóng đi thì lạnh tới, lạnh nóng đẩy nhau mà thành năm. Chữ *tương thôi* là đẩy nhau, không phải cái này đuổi cái kia đi mất, mà là cái này nhường đúng chỗ mình cho cái kia. Cái ”năm” chẳng có sẵn ở đâu để rồi lạnh nóng chui vào; chính cái nhường nhau ấy đúc nên nó.

Đọc cạnh *hữu sinh vu vô*, tôi thấy cái năm cũng là một cái có, mọc lên từ một chỗ chẳng ai cầm được: ngay giữa hai lần trở về.

ĐỜI NAY 今

Nước sôi, hơi bốc lên gặp nắp vung lạnh thì đọng thành hạt. Bà tôi gọi là ”nước về”. Chiều nay tôi đứng nhìn một hạt bám lấy mép nắp, do dự một lát, rồi trượt ngược xuống nồi, để lại một vệt ướt mờ trên vành xoong. Bà chẳng nhấc nắp lên lần nào, chỉ đẩy cái xoong dịch đi nửa gang tay cho lửa khỏi cháy một bên.

Con nhặt một cái vỏ ốc ngoài sân, lắc lên gần tai, bảo có tiếng sóng ở trong. Rồi nó mang đặt lại chỗ cũ, dưới gốc cây, úp miệng xuống đất. Tối về, đang lau bát, nó hỏi lại: ”Sóng ở trong hay ở ngoài?” Tôi đặt bát úp xuống khay rồi mới trả lời, mà

quên mất mình định nói gì. Vỏ ốc vẫn nằm ngoài kia, miệng úp, cát dính quanh vành.

Xe buýt chạy vòng qua đầu ngõ rồi lại về bến cũ, chiều nào cũng thế. Hôm nay bến có thêm một cái ghế gỗ mới, sơn còn mùi, đặt ngay chỗ trước kia là gốc cây đã bị đốn từ mùa mưa. Một cụ bà ngồi xuống, đặt túi cói lên đùi, rồi nhìn sang khoảng trống có vết cưa còn sáng trên mặt bê tông. Xe buýt đi qua, rồi lại vòng về, tiếng phanh kêu khẽ đúng chỗ cũ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hạt nước do dự ở mép nắp, rồi về.
Vỏ ốc úp miệng xuống đất, còn tiếng sóng.
Vệt cưa sáng trên bê tông, ghế gỗ còn mùi sơn.
Ấm vẫn trên bếp, nước lại bắt đầu bốc.

第四十一章

Nghe mà cười, mới là Đạo

上士聞道

上士聞道，勤而行之；中士聞道，若存若亡；下士聞道，大笑之。不笑不足以為道。

Thượng sĩ văn Đạo, cần nhi hành chi; trung sĩ văn Đạo, nhược tồn nhược vong; hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi. Bất tiếu bất túc dĩ vi Đạo.

故建言有之：明道若昧；進道若退；夷道若類；上德若谷；大白若辱；廣德若不足；建德若偷；質真若渝；大方無隅；大器晚成；大音希聲；大象無形；道隱無名。

Cố kiến ngôn hữu chi: minh Đạo nhược muội; tiến Đạo nhược thoái; di Đạo nhược lỗi; thượng đức nhược cốc; đại bạch nhược nhục; quảng đức nhược bất túc; kiến đức nhược thâu; chất chân nhược du; đại phương vô ngu; đại khí vãn thành; đại âm hy thanh; đại tượng vô hình; Đạo ẩn vô danh.

夫唯道，善貸且成。

Phù duy Đạo, thiện thái thả thành.

GẪM

Chương 40 ngắn đến mức nghe xong dễ tưởng mình hiểu ngay. Sang chương này ngài kể cái gì xảy ra khi một người thật sự

nghe Đạo, mà mở đầu bằng ba hạng người. *Thượng sĩ văn Đạo, cần nhi hành chi*: kẻ trên nghe rồi âm thầm làm, chẳng nói lại. *Trung sĩ văn Đạo, nhược tồn nhược vong*: kẻ giữa lúc nhớ lúc quên, như hạt cơm còn dính ở đầu đũa, lúc thấy lúc không. *Hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi*: kẻ dưới nghe rồi cười to. Rồi câu làm tôi ngồi thẳng lại: *bất tiếu bất túc dĩ vi Đạo* —chẳng bị cười thì chưa đủ để là Đạo.

Chữ đáng dừng lâu nhất là *tiếu* (笑). Nhìn mãi, tôi thấy nó giống một dáng người hơi oằn xuống —cười là lúc ta cong đi một nhịp, không đứng thẳng nữa, hơi cúi, hơi rung, rồi buông ra. Ngài không bảo kẻ cười là kẻ dốt, cũng chẳng bảo họ sai. Ngài bảo chính cái cười ấy là dấu. Cái gì mà ai cũng gật đầu ngay, chiều vừa tai ngay, thường là cái đã được sửa cho vừa tai từ trước. Đạo thì chẳng vừa tai: nó đi ngược cái quen, nên cái cười bật ra trước khi kịp hiểu. Lần đầu đọc *vô vi nhi vô bất vi* ở chương 37, tôi cũng bật cười, rồi im, rồi mấy hôm sau vẫn thấy câu ấy nằm lại ở đầu bếp, chẳng chịu đi.

Đến mười ba câu *kiến ngôn hữu chi* —lời người xưa còn lại— đọc lên như một chuỗi cứ lệch đi một nhịp: *minh Đạo nhược muội, tiến Đạo nhược thoái, di Đạo nhược lỗi*. Đạo sáng mà như mờ, tiến mà như lùi, bằng phẳng mà như gồ ghề. Rồi *thượng đức nhược cốc, đại bạch nhược nhục, quảng đức nhược bất túc, kiến đức nhược thâu, chất chân nhược du*. Chữ *nhược* lặp đi lặp lại, và nó là ”như”, không phải ”là”. Ngài chẳng lật ngược sự thật, ngài chỉ kể Đạo trông ra sao khi đi ngang qua mắt người đang vội. Cái lòng máng trũng xuống mà đựng được nước; cái trắng quá hoá ra dễ bị vấy; cái đức rộng mà ngỡ như còn thiếu, vì nó chẳng chịu đầy lên thành một cái để kể.

Bốn câu cuối chuỗi ấy mỗi câu bỏ đi đúng một cái: *đại phương vô ngu* —cái vuông lớn chẳng có góc; *đại khí vãn thành* —cái đồ lớn làm xong muộn; *đại âm hy thanh* —cái tiếng lớn thưa tiếng; *đại tượng vô hình* —cái hình lớn chẳng có hình. Tôi dừng ở *đại khí vãn thành*: cái nồi đất bà tôi đem úp rơm, đậy tro, mãi đến mùa mưa sau mới chịu ra bếp, vậy mà dùng suốt đời bà chẳng nứt. Chữ *vãn* không phải chậm trễ, là chưa chịu xong

sớm. Còn *đại âm hy thanh*: tiếng chuông chiều nay nghe rõ nhất không phải lúc nó vang, mà là lúc nó vừa tắt, để lại một khoảng trong ngõ. Chữ *hy* là thưa, là ít —không phải nhỏ đi, là bớt đi.

Đạo ẩn vô danh: Đạo giấu mình, chẳng có tên. Rồi câu khép, *phù duy Đạo, thiện thái thả thành* —chỉ riêng Đạo, khéo cho vay mà lại nên. Chữ *thái* (貸) là cho mượn, cho vay, chẳng đòi lại. Ngài chẳng giảng cho ai, ngài chỉ đưa cái mình có cho mượn rồi đứng sang một bên, để cái ấy tự thành ở phía người nhận. Như ấm trà đặt giữa bàn: nó chẳng mời, chẳng giải thích, ai khát thì tự rót. Chương sau sẽ kể cái cho mượn ấy bắt đầu từ đâu —từ một, rồi hai, rồi ba.

ĐIỂN TÍCH 典

Trung Dung: càng mờ càng sáng dần.

Sách *Trung Dung* ở đoạn cuối có một hình rất lặng: người mặc áo gấm lại khoác thêm một lớp vải mỏng ra ngoài, cốt để bớt lộ. Rồi câu: (君子之道，闇然而日章；小人之道，的然而日亡。) —đạo người quân tử mờ mà mỗi ngày càng rõ, đạo kẻ tiểu nhân rực mà mỗi ngày càng mất. *Ám nhiên* là mờ, chẳng phô ra; *đích nhiên* là sáng quắc ngay từ đầu. Hai chữ *nhật* đi sau, mỗi ngày một chút, làm cái mờ cứ dần dần đầy lên, còn cái rực cứ dần dần vơi đi.

Cái áo gấm khoác vải mỏng ấy cầm lấy câu *minh Đạo nhược muội* mà mặc: sáng thật, nhưng ngồi yên dưới một lớp mờ.

Tề vật luận: Đạo lớn chẳng tự xưng.

Thiên *Tề vật luận* của Trang Tử có ba vế đi liền: (夫大道不稱，大辯不言，大仁不仁。) —Đạo lớn chẳng xưng, biện lớn chẳng nói, nhân lớn chẳng nhân. Ba cái ”đại”, mỗi cái lại bỏ đi đúng cái tên của mình. Không phải phủ nhận, là cái đã đầy thì chẳng cần đứng ra gọi mình nữa. Như ấm trà đang ngon, chẳng ai trong bàn bảo ”đây là trà ngon”; đến lúc có người bảo thế, thường là trà đã nguội từ lúc nào.

Đem cạnh *đại âm hy thanh*, tôi thấy cùng một cử động: tiếng lớn thưa đi, tên lớn lặng đi, để cái còn lại tự vang lấy.

ĐỜI NAY 今

Trong một buổi họp, có người đưa ra một ý nghe qua ai cũng lắc đầu, rồi một người cười khẽ ở cuối bàn. Ý ấy không được ghi vào biên bản. Hai tuần sau, chính việc đang bàn tự xoay về đúng chỗ ấy, chẳng ai nhắc lại là của ai. Cái cười hôm trước vẫn còn đâu đó trong phòng kính, lẫn với tiếng quạt chạy suốt buổi chiều.

Bà tôi nung cái nồi đất mới, úp rơm rồi đậy tro, chẳng chịu đem dùng ngay. Con tôi sốt ruột, hỏi mấy lần ”xong chưa”. Bà chỉ nhấc nắp lên một tí, nhìn vào, rồi đậy lại. Đến mùa mưa sau nồi mới ra bếp, vành đã xỉn, mà bắc lên kho cá không nứt. Con không hỏi nữa, nó tự múc cơm, đáy bát chạm nhẹ vào vành nồi.

Chiều ở đầu ngõ, tiếng chuông xe đạp của ông bán bánh mì kêu một tiếng rồi thôi. Tôi chờ thêm một tiếng nữa, không có. Vậy mà mấy đứa trẻ trong xóm đã chạy ra, tay cầm sẵn cái bát nhỏ, đứng xếp thành hàng trước khi ông kịp dừng xe. Bụi bay lên rồi lắng xuống, nắng xiên qua kẽ lá rơi trên vành bát.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Một tiếng chuông rồi thôi, trẻ đã ra ngõ.
Nồi đất úp tro, vành xỉn dần qua một mùa mưa.
Cái cười ở cuối bàn còn trong tiếng quạt.
Trà đã nguội, mà chén vẫn úp trên khay.

第四十二章

Một sinh hai, hai sinh ba

道生一

> 道生一，一生二，二生三，三生萬物。
> *Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật.*
> 萬物負陰而抱陽，沖氣以為和。
> *Vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hòa.*
> 人之所惡，唯孤、寡、不谷，而王公以為稱。故物或損之而益，或益之而損。
> *Nhân chi sở ố, duy cô, quả, bất cốc, nhi vương công dĩ vi xưng. Cố vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn.*
> 人之所教，我亦教之。强梁者不得其死，吾將以為教父。
> *Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi. Cường lương giả bất đắc kỳ tử, ngô tương dĩ vi giáo phụ.*

GẪM

Chương 41 khép bằng *thiện thái thả thành*, Đạo khéo cho vay mà lại nên. Sang chương này ngài kể cái vay ấy đi ra làm sao, mà mở đầu bằng bốn câu ngắn đọc như tiếng chân đếm nhịp: *Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*. Chẳng phải một cái bảng phả hệ, là một hơi thở dài dần ra. Tôi

đọc chậm lại ở chữ *sinh* lặp bốn lần: chữ ấy xưa vẽ một mầm cây nhú khỏi mặt đất, có một nét ngang làm mặt đất và một mầm đứng lên trên. Nó không phải ”tạo ra từ không”, là ”mọc lên từ cái đã có” —hạt đã nằm đấy từ trước rồi.

Vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hòa: muôn vật cõng âm mà ôm dương, lấy cái khí rỗng mà thành hòa. Chữ *phụ* (負) là cõng trên lưng, chữ *bão* (抱) là ôm trước ngực —một cái ở phía sau, một cái ở phía trước, mà con người đứng ngay giữa. Không phải âm với dương đang đánh nhau để bên nào thắng; là muôn vật mang cả hai, chẳng bỏ bên nào. Cái bàn tay tôi lúc chạm vào chén nóng cũng vậy: một bên là hơi ấm đưa tới, một bên là lòng bàn tay đón lấy, và cái chén nằm gọn trong khoảng ấy.

Chữ tôi ngồi lâu nhất là *xung* (沖). Bên trái nó là bộ thủy —ba chấm nước —bên phải là chữ *trung* (中), nước mà ở giữa. *Xung* là pha ra, là loãng đi, là chỗ trống để hai cái đang cõng và đang ôm gặp nhau mà chẳng chạm vào nhau gắt. Tôi pha ấm trà chiều nay mới thấy rõ: nước sôi quá thì chát, nước nguội quá thì nhạt, cái làm nên chén trà không hẳn là lá, cũng chẳng hẳn là lửa, mà là cái khoảng vừa đủ ở giữa hai lần châm. Chữ *hòa* (和) đi ngay sau —hòa không phải hai thứ tan vào nhau mất dạng, là hai thứ còn giữ được mình mà vẫn ngồi chung một chén. Cái rỗng ấy không phải chỗ thiếu, nó là chỗ làm việc.

Nhân chi sở ố, duy cô, quả, bất cốc, nhi vương công dĩ vi xưng: cái người ta ghét, chỉ là cô, là quả, là bất cốc, thế mà vua chúa lại lấy làm tên gọi mình. Ba chữ ấy vừa vang lại đúng chương 39, *hầu vương tự xưng cô, quả, bất cốc*, như ngài cố ý nhắc lại để thêm một điều: đó là cái người thường vẫn tránh. Rồi *cố vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn*: vật có khi bớt đi mà lại thêm, có khi thêm vào mà lại bớt. Chữ *hoặc* là ”có khi”, không phải ”luôn luôn” —ngài chẳng lập thành quy luật, ngài chỉ kể hai chiều vẫn đang xảy ra. Cành tược bớt một nhánh lại đâm chồi; bát châm đầy quá tay lại đổ.

Nhân chi sở giáo, ngã diệc giáo chi: điều người ta dạy, tôi cũng dạy lại. Rồi câu gắt nhất chương, *cường lương giả bất đắc kỳ tử, ngô tương dĩ vi giáo phụ* —kẻ cứng cỏi chẳng được chết yên, tôi sẽ lấy đó làm đầu việc dạy. Chữ *giáo phụ* là chỗ khởi của lời dạy, không phải một người cha đứng giảng. Ngài mượn nguyên một câu đã có sẵn trong miệng người đời, chẳng tự đặt ra, rồi đem nó đứng đầu, ngay sau khi vừa nói về cái rỗng ở giữa. Tôi đọc đến đây thì nước trong ấm vừa cạn đi một chén, vành ấm còn nóng, mà chỗ rỗng bên trong lại đầy hơi.

> Chỗ hay về bản văn: chương 39 bản nguồn chép 「不穀」, sang chương này lại chép「不谷」. Cùng một cách vua chúa tự xưng, khác chữ (穀 / 谷), cùng đọc *cốc*. Tôi **giữ nguyên** chữ của bản nguồn, chỉ ghi chú.

ĐIỂN TÍCH 典

Hệ từ thượng: từ Thái cực ra tám quẻ.

Hệ từ thượng mở ra một chuỗi sinh khác, đếm bằng số: (易有太極，是生兩儀，兩儀生四象，四象生八卦。) —Dịch có Thái cực, ấy sinh hai nghi, hai nghi sinh bốn tượng, bốn tượng sinh tám quẻ. Một, hai, bốn, tám, mỗi bậc gấp đôi bậc trước, ngay ngắn như những nấc thang. Bên này Lão Tử cũng đếm, mà đếm đến ba rồi thôi, nhảy thẳng vào muôn vật: *tam sinh vạn vật*. Chữ *tam* ấy không phải con số thứ ba để rồi còn thứ tư; nó là cái đã có đủ hai chiều, lại thêm một chỗ ở giữa cho hai chiều ấy gặp nhau.

Đem cạnh *nhị sinh tam*, tôi thấy ngài chẳng thêm một bậc, ngài thêm đúng cái chỗ để *xung khí dĩ vi hòa* xảy ra.

Bia người vàng: kẻ cứng cỏi chẳng được yên.

Trong *Khổng Tử gia ngữ*, thiên *Quan Chu*, kể lại một pho tượng người bằng đồng đứng ở miếu nhà Chu, miệng bị khâu ba lớp, trên lưng khắc mấy dòng chữ. Khổng Tử bảo học trò lại đọc mà giữ lấy, trong ấy có câu: (强梁者不得其死，好勝者必遇其敵。) —kẻ cứng cỏi chẳng được chết phải lẽ, kẻ ham thắng ắt gặp người địch lại mình. Lời khắc nằm ngay trên lưng một

pho tượng đã tự khâu miệng mình lại, nghe càng gắt mà càng im.

Ngài mượn nguyên câu ấy rồi bảo *ngô tương dĩ vi giáo phụ*: lời vốn có sẵn từ miếu cũ, ngài chỉ đem đặt lại ở đầu chương mình.

ĐỜI NAY 今

Tôi pha ấm trà chiều nay lỡ tay châm nước sôi quá, chén đầu chát. Đợi một lát, rót bớt ra, rồi châm thêm nửa ca nước đã đun để nguội bớt. Chén sau ngọt hơn, mà chẳng thêm một lá nào. Ấm vẫn đứng nguyên chỗ cũ trên bàn, chỉ có khoảng giữa hai lần châm là khác đi, và cái khoảng ấy chẳng đong vào ca nào được.

Sạp rau cuối chợ, cô bán hàng cầm kéo tỉa bớt mấy nhánh cà chua đang ra quá dày, vứt vào một cái rổ riêng để đem về luộc. Hàng xóm đứng cạnh bảo phí của. Cô không cãi, chỉ tưới nhẹ vào gốc, rồi lau vết cắt bằng ngón tay cái. Mấy hôm sau, quả ở những cành còn lại to hơn hẳn, da căng, vẫn dính hạt sương từ sáng.

Một cuộc họp chiều, ai cũng đưa thêm một ý, ý nào cũng được ghi lên bảng trắng, đến lúc bảng kín chữ chẳng còn chỗ viết. Một chị đứng dậy lau đi hai dòng cũ, để trống một ô nhỏ ngay giữa bảng. Mọi người im một lát, rồi việc tự xong trong đúng ô trống ấy. Bảng còn lại vệt lau mờ, cửa sổ mở hé, tiếng xe ngoài sân chạy qua rồi xa.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Nửa ca nước ấm châm vào giữa hai lần sôi.
Rổ nhánh tỉa bớt đặt dưới gầm sạp.
Một ô trống còn vệt lau mờ trên bảng.
Vành ấm còn nóng, hơi vẫn đầy bên trong.

第四十三章

Cái mềm đi qua cái cứng

天下之至柔

> 天下之至柔，馳騁天下之至堅。無有入無間。
> *Thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên. Vô hữu nhập vô gian.*
>
> 吾是以知無為之有益，不言之教，無為之益，天下希及之。
> *Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích, bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hy cập chi.*

GẪM

Chương trước ngài nói về cái rỗng ở giữa, rồi khép bằng kẻ cứng cỏi chẳng được yên. Sang chương này ngài đem cái mềm ấy đi thử vào đúng chỗ cứng nhất: *thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên* —cái mềm nhất trong thiên hạ, phi nước kiệu qua cái cứng nhất trong thiên hạ. Chữ *trì sính* (馳騁) là hai chữ ngựa: phi, chạy rông, nước kiệu. Ngài không bảo nó luồn lách, cũng chẳng bảo nó mài mòn dần; ngài cho nó chạy. Một cử động nhẹ tênh mà nghe có cả tiếng vó, cứ như nước mưa đi qua mái ngói chẳng cần ai dọn đường.

Rồi sáu chữ mà tôi đứng lâu nhất: *vô hữu nhập vô gian* —cái không có, đi vào cái chẳng có khe. Cái không có hình thì chẳng

cần khe để lọt; cái chẳng có khe thì chẳng có chỗ nào để cản. Gió qua cửa còn phải có một khe hở, hơi lạnh buổi sớm thì cửa đóng then cài vẫn cứ vào, nằm im trên mặt bàn gỗ. Nước mưa lọt qua mái không phải vì ngói bị hở, mà vì cái ẩm chẳng có hình để mà chặn lại. Ngài đặt hai chữ *vô* cạnh nhau, đọc lên nghe như hai bàn tay buông xuống cùng một lúc.

Chữ đáng dừng lại thật lâu là *gian* (間). Người xưa vẽ nó bằng hai cánh cửa (門) mở hé, để một vầng sáng lọt vào giữa —nên *gian* vừa là khe hở, vừa là khoảng ở giữa, vừa là một gian nhà. Họ mượn ngay chỗ sáng lọt qua cửa mà gọi tên mọi khoảng cách. *Vô gian* là chẳng còn cái khe ấy nữa, kín đến mức không còn chỗ nào gọi là giữa. Thế mà ngài bảo cái *vô hữu* vẫn nhập được. Chẳng phải phép lạ: nó vốn chẳng đứng ở ngoài để mà phải vào, nó đã ở trong từ đầu, như hơi ấm đã nằm sẵn trong lòng bàn tay trước khi ta kịp chạm vào chén.

Ngô thị dĩ tri vô vi chi hữu ích —bởi thế ta biết cái không làm có ích. Chữ *tri* (知) đi sau một câu rất lặng: ngài không suy luận ra, ngài bảo "tôi biết", kiểu người ngồi quen bên bếp biết nước sắp sôi chẳng cần nhấc nắp. Rồi *bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hy cập chi*: lời dạy chẳng nói, cái lợi của chẳng làm, thiên hạ ít ai tới được. Chữ *hy* (希) là thưa, là hiếm —vang lại đúng *đại âm hy thanh* của chương 41. Không phải khó tới, là chẳng có gì để nắm lấy nên người ta đi qua mất. Như cái im giữa hai câu chuyện bên ấm trà: nó có ích đấy, mà chẳng ai ghi nhận, vì nó không kể về mình.

Tôi đọc lại sáu chữ *vô hữu nhập vô gian* mà nghĩ đến cái ấm đang đặt trên bàn. Hơi nóng từ ấm sang tay tôi chẳng qua một khe nào, chẳng cần ai mở lối; tay ấm lên lúc nào, tôi cũng chẳng nhớ. Mấy chương liên tiếp ngài kể về cái một, cái hai, cái mềm, mà đến đây chỉ tay vào đúng chỗ chẳng có gì để mà chỉ. Ấm vẫn còn nước, chén vẫn úp trên khay, và phía sau còn những trang khác để rót tiếp.

ĐIỂN TÍCH 典

Thuyết Uyển: lưỡi còn, răng đã rụng.

Lưu Hướng chép trong *Thuyết Uyển*, thiên *Kính thận*, một lần Thương Tung ốm, Lão Tử đến thăm. Thầy chẳng giảng, chỉ há miệng ra cho học trò nhìn, rồi hỏi: ”Lưỡi thầy còn không?” —”Còn.” —”Răng thầy còn không?” —”Hết rồi.” —”Con hiểu chưa?” Và câu ấy được ghi lại: (舌之存也，豈非以其柔耶？齒之亡也，豈非以其剛耶？) —lưỡi còn, há chẳng phải vì nó mềm ư; răng mất, há chẳng phải vì nó cứng ư. Chẳng có bài giảng nào, chỉ một cái miệng há ra trong buổng chiều, và người học trò đứng im một lát mới gật.

Câu ấy đi thẳng vào *thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên*: cái mềm chẳng thắng cái cứng, nó chỉ còn lại khi cái cứng đã đi.

Huệ Thi: cái lớn không có ngoài.

Cuối thiên *Thiên hạ*, Trang Tử còn giữ lại mấy mệnh đề của Huệ Thi, một người suốt đời hay cãi. Trong đó có cặp này: (至大無外，謂之大一；至小無內，謂之小一。) —cái lớn cùng cực chẳng có ngoài, gọi là cái Một lớn; cái nhỏ cùng cực chẳng có trong, gọi là cái Một nhỏ. Lớn đến mức không còn một bên ngoài để đứng mà nhìn vào, nhỏ đến mức không còn một bên trong để mở ra. Chẳng còn mép, nên chẳng còn khe.

Đem cạnh *vô hữu nhập vô gian*, tôi thấy ông ấy dựng sẵn đúng chỗ ngài Lão Tử đang nói: khi trong với ngoài đã thôi, thì chuyện ”vào” hay ”ra” cũng thôi theo.

ĐỜI NAY 今

Sáng mưa, bà tôi bảo ”đóng cửa lại kẻo ẩm vào”. Cửa đã đóng, then đã cài, thế mà lát sau mặt bàn gỗ vẫn rịn, tờ giấy để trên bàn mềm đi ở mép. Bà đưa tay quệt qua mặt gỗ, rồi lau vào vạt áo, không nói thêm. Ngoài hiên nước vẫn chảy dọc mái ngói, nhỏ xuống cái chậu sành đặt sẵn từ hôm qua, mỗi giọt một nhịp, chẳng giọt nào giống giọt nào.

Cô bán vải ngoài chợ luồn sợi chỉ qua lỗ kim, tay hơi run, đưa mấy lần chưa được. Cô vấn lại đầu sợi, thấm một chút cho se lại, rồi đưa nhẹ, sợi chỉ đi qua. Mũi kim chẳng rộng thêm, lỗ

vẫn bé thế, chỉ có đầu sợi thôi không còn xòe ra nữa. Cô cúi xuống, mũi khâu đầu tiên nằm ngay mép đường kẻ bút chì đã mờ, vải không một tiếng động.

Cuộc họp đang căng, hai người còn giữ ý mình, ai cũng chờ người kia nói trước. Một chị rót thêm chén nước đặt vào giữa bàn, rồi ngồi yên, không thêm câu nào. Tiếng nước rót dứt đi, để lại một khoảng ngắn. Rồi một trong hai người hạ giọng xuống, câu sau mềm hẳn câu trước. Cửa sổ mở hé, rèm lay một cái rồi thôi, chén nước vẫn đứng giữa bàn, chẳng ai đụng vào.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Then cài rồi, mặt gỗ vẫn rịn.
Đầu sợi chỉ se lại, lỗ kim vẫn bé.
Chén nước đặt giữa bàn, tiếng rót vừa dứt.
Rèm lay một cái rồi thôi, ấm còn ấm.

第四十四章

Tên hay là mình?

名與身孰親

> 名與身孰親？身與貨孰多？得與亡孰病？
> *Danh dữ thân thục thân? Thân dữ hóa thục đa? Đắc dữ vong thục bệnh?*
>
> 是故甚愛必大費；多藏必厚亡。
> *Thị cố thậm ái tất đại phí; đa tàng tất hậu vong.*
>
> 故知足不辱，知止不殆，可以長久。
> *Cố tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu.*

GẪM

Ngài mở chương này không bằng một lời khuyên, mà bằng ba câu hỏi đặt cạnh nhau, như tôi đặt ba chén úp lên khay rồi ngồi nhìn: *danh dữ thân thục thân* —tên với mình, cái nào gần hơn? *Thân dữ hóa thục đa* —mình với của, cái nào nhiều hơn? *Đắc dữ vong thục bệnh* —được với mất, cái nào đau hơn? Ba câu ấy ngài chẳng trả lời, chỉ xoay đi xoay lại cho ta ngó kỹ, như người ta xoay cái chén sứ dưới ánh đèn cho thấy vết mẻ nằm ở vành nào. Sáng nay có người gọi tên tôi từ đầu ngõ, tôi quay ra trước khi kịp nhớ mình đang ngồi với ấm trà còn ấm. Cái tên ấy đáp lại nhanh hơn cả cái thân đang yên đây.

Chữ tôi dừng lại lâu nhất là *chỉ* (止), trong *tri chỉ bất đãi*. Chữ 止 xưa vẽ một bàn chân, hay đúng hơn là dấu chân để lại trên đất, năm ngón còn in, gót còn hằn. Nghĩa gốc chẳng phải ”ngừng” kiểu có ai ra lệnh đứng lại, mà là ”chân đã đặt xuống, rồi thôi, không bước thêm nữa”. Đi qua ngõ, gặp chỗ râm dưới tàn khế, tôi đặt chân xuống, cái dừng ấy chẳng cần ai bảo, chẳng cần ai đếm nhịp. *Tri chỉ* là biết dấu chân ấy đang nằm ở đâu mà khỏi đẩy nó đi tiếp. Cũng lạ, chữ 止 chỉ vừa đủ một bàn chân, thế mà ngài dùng nó để giữ cả một đời khỏi *đãi* —khỏi cái nguy vốn chỉ mọc lên khi bàn chân cứ muốn bước thêm một bước nữa, rồi lại một bước nữa.

Rồi ngài buông hai câu gọn như hai hạt sỏi rơi xuống nước: *thậm ái tất đại phí; đa tàng tất hậu vong*. Yêu quá mức ắt tốn lớn, cất giữ nhiều ắt mất dày. Chữ *phí* là tiêu hao, không riêng chuyện tiền —là cái hơi thở ra dài hơn lúc đầu khi phải giữ một cái gì cho khỏi rơi. Chữ *tàng* là cất vào, đậy lại, cất cả vào chỗ tối chẳng ai trông thấy. Tôi nhớ mấy vỏ ốc nhặt dọc bãi một chiều, bỏ đầy túi áo, càng đi càng nặng vai, đến lúc ngồi xuống cát phải đổ bớt ra, cái nào cũng muốn giữ mà chẳng cái nào còn nhớ nhặt ở bãi nào. *Hậu vong* chẳng phải ai lấy đi, là chính cái đầy ấy tự nặng rồi tự trút. Ngài không trách cái cất giữ, ngài chỉ gọi tên chiều của nó.

Cuối cùng ba cụm đi liền, đọc lên như ba lần đặt nhẹ tay xuống: *tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu*. Biết đủ nên chẳng nhục, biết dừng nên chẳng nguy, rồi có thể bền lâu. Chữ *nhục* không phải ai mắng, là cái mặt tự thấy nóng lên khi phải đòi thêm một chút, dù cái đang có vẫn còn nguyên. Chén trà tôi rót vừa tới lưng, chén úp trên khay vẫn khô, nước trong ấm còn để sang chén sau. *Trường cửu* không phải sống mãi, là cái ấm này còn ấm sang sáng mai, vì ngay từ đầu tôi đã chẳng rót cho tràn. Cái đủ không nằm ở chỗ có nhiều, nó nằm ở chỗ chưa phải đòi thêm.

Đặt ấm xuống, tôi lại nghĩ sang trang sau. Chương sau ngài sẽ bảo cái trọn vẹn nhìn như còn khuyết, cái đầy nhìn như còn vơi —*đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ*. Cái chén đang rót

còn thiếu một ngụm ấy hoá ra lại dùng chẳng hỏng. Chương này ngài hỏi tên hay là mình; chương sau ngài kể tiếp dáng của cái mình ấy khi chẳng cần đầy. Cũng một bàn tay, một ấm trà, một mặt khay, chỉ khác là ngài lùi lại thêm một nhịp, để chỗ trống tự nói thay.

ĐIỂN TÍCH 典

Sử ký: chợ đời vì lợi mà tới.

Sách *Sử ký*, thiên *Hóa thực liệt truyện*, có một câu tôi cứ đọc lại mỗi lần đi chợ sớm: (天下熙熙，皆為利來；天下攘攘，皆為利往。). Thiên hạ nhộn nhịp, ai cũng vì lợi mà tới; thiên hạ chen chúc, ai cũng vì lợi mà đi. Chữ *hi hi* là cái nhộn của nắng ấm, chữ *nhương nhương* là cái chen của vai áo; Tư Mã Thiên chẳng chê ai, ông chỉ đứng giữa chợ mà ghi lại chiều người ta đang đi. Sáng nay ở đầu ngõ, xe rau, xe cá, xe hoa quả cũng cứ thế mà tới rồi cứ thế mà đi, chẳng ai bảo ai, chẳng ai đứng lại hỏi mình đang đi đâu.

Đem cạnh *thân dữ hóa thục đa*, câu ấy sáng thêm một nét: cái *hóa* vốn là cái làm chợ chuyển, mà cái *thân* đang ngồi yên bên ấm trà lại chẳng nằm trong dòng đi ấy.

Hán thư: ông Sớ Quảng chẳng mua ruộng cho con.

Hán thư, truyện ông *Sớ Quảng*, kể ông làm thái phó rồi xin về hưu, vua ban vàng, ông đem chia cho họ hàng, bà con, bạn cũ, ngày ngày mở rượu, chẳng dành ruộng vườn lại cho con. Người nhà giục mua ít đất cho cháu sau này nhờ, ông đáp: (賢而多財，則損其志；愚而多財，則益其過。). Con mà khôn, nhiều của thì hao cái chí; con mà dại, nhiều của thì thêm cái lỗi. Ông không bảo của là xấu, ông bảo của đứng không đúng chỗ thì đè lên cái đang lớn, như cái mái đè xuống mầm non mới nhú.

Câu ấy đi thẳng vào *đa tàng tất hậu vong*: ông cất ít đi chính là để cái mất khỏi dày thêm, và để cái tên họ Sớ còn lại cho con không phải mảnh ruộng mà là một bàn tay biết đặt xuống đúng lúc.

ĐỜI NAY 今

Ngăn kéo dưới mặt bàn bếp nhà tôi kẹt từ mấy tuần nay. Mở ra là một đống thìa gỗ, dây chun, nắp hũ, cục pin cũ, mảnh giấy ghi số điện thoại chẳng còn nhớ của ai. Chiều nay tôi đổ cả ra lên mặt bàn, lau sạch đáy ngăn, rồi chỉ bỏ lại mấy cái thật dùng đến. Cái thìa gỗ tôi đặt nằm ngay trên mép bàn, cửa ngăn kéo đẩy vào khít một cái, nhẹ hơn mọi lần. Ngoài bếp, mưa mới bắt đầu rơi xuống mái tôn, lộp độp rồi đều dần.

Tối nay con ngồi tập viết tên mình vào tờ giấy trắng. Nó viết một lần, ngắm, rồi viết đè lên cho đậm hơn, rồi lại gạch đi, đè bút xuống đến rách một góc giấy. Tôi ngồi cạnh, chẳng sửa, chỉ đẩy thêm một tờ khác sang. Nó im một lát, rồi viết nét cuối nhẹ hẳn đi, để nguyên cả khoảng trắng phía dưới. Tờ giấy cũ vẫn nằm đấy, vết rách cong cong, mực chưa khô hẳn dưới ánh đèn bếp hắt qua.

Chiều mưa, xe buýt đỗ lại ở đầu ngõ. Người ta chen lên, tay ai đó ôm túi vải đầy, áo ướt dính lấy tay vịn. Một cậu bé đứng dậy nhường ghế rồi lùi vào giữa xe, đứng yên, hai tay buông xuống. Cái ghế còn trống một chỗ, nước mưa chảy thành vệt dài trên kính, cửa xe khép hờ rồi khép hẳn. Xe lăn đi, ngõ vẫn ướt, tiếng động cơ xa dần về phía dòng sông.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Ba chén úp trên khay, chén nào cũng khô.
Dấu chân đứng lại ở chỗ râm đầu ngõ.
Ấm trà vẫn ấm, tôi chưa rót thêm ngụm nào.
Ngoài kia chợ vẫn nhộn, mà tên tôi chẳng ai gọi nữa.

第四十五章

Cái trọn vẹn nhìn như còn khuyết

大成若缺

大成若缺，其用不弊。大盈若沖，其用不窮。
Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ. Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng.

大直若屈，大巧若拙，大辯若訥。
Đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột.

靜勝躁，寒勝熱。清靜為天下正。
Tĩnh thắng táo, hàn thắng nhiệt. Thanh tĩnh vi thiên hạ chính.

GẪM

Sáu chữ *đại* mở đầu đi thành một dãy, mà ngài chẳng đưa cho ta cái nào thật to cả: *đại thành nhược khuyết*, *đại doanh nhược xung*, rồi *đại trực nhược khuất, đại xảo nhược chuyết, đại biện nhược nột*. Cái trọn vẹn thì nhìn như còn khuyết, cái đầy thì nhìn như còn vơi, cái thẳng thì như cong, cái khéo thì như vụng, cái giỏi lời thì như lắp. Ngài cứ lấy cái to nhất mà đặt cạnh cái kém nhất, rồi thêm một cặp nữa ở sau mỗi cái: *kỳ dụng bất tệ, kỳ dụng bất cùng* —dùng nó chẳng hỏng, dùng nó chẳng cạn. Cái bát sứ mẻ một miếng ở vành, bà tôi múc canh suốt mười năm, vẫn là cái bát ấy; cái bát mới tinh ngoài chợ thì tôi vẫn sợ đặt mạnh tay.

Chữ tôi dừng lại lâu nhất là *xung* (冲), trong *đại doanh nhược xung*. Chữ 冲 có bộ thủy bên trái, nghĩa xưa là nước chảy vào chỗ trũng, lại thường thông với chữ 盅 —cái chén để không, lòng còn rỗng, chưa rót gì vào. Nên *đại doanh nhược xung* không phải "đầy mà giả vờ vơi", càng chẳng phải khiêm nhường kiểu nói cho phải phép. Nó là cái đầy có sẵn một chỗ rỗng ở giữa, nhờ chỗ rỗng ấy mà chứa được mãi, châm thêm vẫn còn chỗ, dùng hoài chẳng cạn. Cái ấm trà tôi đang ngồi cạnh cũng thế: nếu nó đặc đến miệng thì chẳng rót nổi một giọt nào. Chỗ vơi của nó không phải thiếu, chính là cái làm nó còn dùng được.

Ba cặp sau đọc lên như ba lần tôi lắc đầu với cái mình vẫn khen: *đại trực nhược khuất* —dòng sông muốn thẳng mà cứ phải ôm lấy bờ, khúc nào cũng cong, vậy mà nước vẫn về biển; *đại xảo nhược chuyết* —ông thợ sửa cái then cửa ngoài ngõ, đục đi đục lại mãi một cái mộng, tay chậm, chẳng khéo tí nào, thế mà cửa đóng khít; *đại biện nhược nột* —người nói được cả buổi chẳng bằng người ngồi im một lát rồi mới thốt một câu, câu ấy lại ở lại lâu hơn. Chữ *nột* là nói chậm, nói như vấp, không phải không biết nói. Ngài không đổi cái khéo thành cái vụng, ngài chỉ bảo cái khéo thật thường mang dáng của cái vụng.

Rồi hai câu ngắn xếp cuối: *tĩnh thắng táo, hàn thắng nhiệt. Thanh tĩnh vi thiên hạ chính*. Chữ *thắng* dễ đọc thành đè, thành một bên thua một bên được; mà cái nóng tự nguội khi có chỗ mát, nước vừa sôi để lâu tự lặng, chẳng ai thắng ai ở đấy. *Táo* là cái nhúc nhích không yên, *hàn* là cái mát đặt sẵn bên cạnh. Và *chính* lại là chữ cũ —đứng ngay lại đúng chỗ, như cái bàn hơi lệch tự tìm mặt sàn, chẳng cần ai vặn. Ngài khép bằng *thanh tĩnh vi thiên hạ chính*: cái lặng mát ấy không sửa thiên hạ, nó chỉ là chỗ thiên hạ tự đứng yên.

Tôi nhấc ấm lên rồi đặt xuống, nghĩ sang trang sau. Chương sau ngài sẽ lấy chính cái yên này mà hỏi tiếp: *thiên hạ hữu Đạo, khước tẩu mã dĩ phân* —lúc có Đạo, ngựa chiến được tháo yên về kéo cày. Cái *thanh tĩnh* đang nằm im trong chén trà này, sang chương sau bỗng hiện ra thành một con ngựa đứng giữa

ruộng, cái nó bỏ lại bón cho đất. Chương này ngài bảo cái trọn nhìn như khuyết; chương sau ngài kể cái khuyết ấy đang làm việc ngoài đồng. Cũng một nhịp lùi tay ấy thôi, chỉ có điều ngài lùi xa thêm một quãng ngõ.

ĐIỂN TÍCH 典

Tuân Tử: cái bình nghiêng trong miếu.

Thiên *Hựu tọa* trong sách *Tuân Tử* kể, Khổng Tử vào miếu thấy một cái bình treo lệch, hỏi người giữ miếu, được bảo đó là thứ bình đặt cạnh chỗ ngồi để nhắc người ngồi. Thầy bảo học trò rót nước thử, rồi đọc một câu: (虛則欹，中則正，滿則覆。). Rỗng thì nghiêng, vừa thì ngay, đầy thì lật. Nước rót nửa bình, bình đứng thẳng; rót thêm tới miệng, bình lật úp, nước đổ sạch ra nền gạch. Chẳng ai đẩy nó, chính cái đầy làm nó lật.

Đem cạnh *đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng*, cái bình ấy giải hộ chữ *xung*: nó đầy thì lật, nên chỉ cái vơi ở giữa mới dùng được mãi.

Trang Tử: thợ Tử Khánh nhịn thở trước giá chuông.

Thiên *Đạt sinh* kể ông *Tử Khánh* đẽo cái giá treo chuông bằng gỗ, xong thì ai cũng tưởng có thần giúp. Vua hỏi, ông thưa: (臣將為鐻，未嘗敢以耗氣也，必齊以靜心。) —thần sắp làm cái giá, chưa từng dám để hao khí, hẳn phải tĩnh lòng trước đã. Chữ 齊 trong câu ấy xưa thông với chữ 齋: không phải chỉ ăn chay, là nhịn bớt, dọn chỗ ồn trong mình cho sạch, đứng yên mấy ngày cho tay hết vội, rồi mới vào rừng tìm đúng cây có sẵn dáng cái giá. Ông chẳng thêm một mẹo đẽo nào, chỉ bớt đi cái hơi đang tán.

Câu ấy đi thẳng vào *đại xảo nhược chuyết*, vì cái khéo của Tử Khánh mọc lên từ một chỗ đã lặng sẵn, đúng như *thanh tĩnh vi thiên hạ chính* ở cuối chương này.

ĐỜI NAY 今

Cái bát sứ mẻ vành vẫn đứng đầu bàn ăn nhà tôi. Bà tôi múc canh vào đấy trước, rồi mới múc sang mấy cái bát lành xếp

sau, chẳng bao giờ giấu cái mẻ đi. Nước canh nóng làm vết sứ xỉn lên một chút, hơi bốc qua chỗ khuyết nghe khẽ hơn. Mấy đứa cháu đưa tay, bà đẩy bát về phía đứa nhỏ nhất, cái mẻ quay vào lòng bàn tay bà, chẳng ai trông thấy nữa.

Ông hàng xóm sửa cái then cửa ngõ suốt cả chiều. Ông đục một cái mộng, ngắm, lại đục, lại ngắm, mạt cưa rơi xuống bậc thềm thành một vệt nhỏ. Tôi đi qua mấy lần vẫn thấy ông ở đấy, chẳng ai giục, chẳng có tiếng đục nào dứt khoát. Đến lúc trời ngả, ông đặt cái đục xuống, đẩy cửa khép lại một cái khít, rồi ngồi bệt xuống thềm lau tay vào ống quần.

Nước trong ấm vừa sôi, tôi chẳng rót vội, nhấc ấm đặt sang một bên cho nó lặng một lát. Hơi bốc lên cao rồi mỏng dần, mấy hạt nhỏ đọng ở vành nắp, tiếng sôi trong ấm nhỏ lại thành tiếng khẽ. Mặt nước phẳng dần, in bóng ô cửa sổ và một nhánh khế lay ngoài đó. Chén vẫn úp trên khay, tôi vẫn ngồi yên, tay để trên mặt bàn còn hơi ấm.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Cái bát mẻ vành vẫn đựng được canh nóng.
Mạt cưa còn dính trên đầu ngón tay ông lão.
Mặt nước trong ấm phẳng lại, in bóng cửa sổ.
Chén vẫn úp, chưa ai rót.

第四十六章

Ngựa chiến về kéo cày

卻走馬以糞

天下有道，卻走馬以糞。天下無道，戎馬生于郊。

Thiên hạ hữu Đạo, khước tẩu mã dĩ phân. Thiên hạ vô Đạo, nhung mã sinh vu giao.

禍莫大于不知足；咎莫大于欲得。

Họa mạc đại vu bất tri túc; cữu mạc đại vu dục đắc.

故知足之足，常足矣。

Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.

GẪM

Ngài mở chương bằng hai con ngựa, mà chẳng con nào đang phi: *thiên hạ hữu Đạo, khước tẩu mã dĩ phân* —thiên hạ có Đạo, ngựa chạy được đuổi lui về làm phân; *thiên hạ vô Đạo, nhung mã sinh vu giao* —thiên hạ vô Đạo, ngựa chiến đẻ ngay ở đất ngoài thành. Chữ *khước* là cho lui, chữ *tẩu mã* là con ngựa vốn để chạy trận, chữ *phân* là phân bón, là cái cày kéo qua ruộng. Ngài không tả gươm giáo, ngài tả cái yên cương được tháo xuống: con ngựa ấy giờ đứng giữa thửa ruộng, việc của nó là kéo cày, cái nó bỏ lại là thứ bón cho đất mọc lúa. Còn chữ *giao* là đất ngay ngoài thành, vốn là ruộng; ngựa đẻ ở đấy

nghĩa là ruộng chẳng còn là ruộng nữa, chẳng còn chỗ nào để ngựa về.

Chữ tôi dừng lại lâu nhất là *túc* (足), trong *tri túc chi túc*. Chữ 足 xưa vẽ một cái chân, có cả bắp chân phía trên, ngón dưới đất, gót nhấc lên chưa kịp bước; nghĩa gốc của nó là chân, rồi mới sang nghĩa là đủ. Đủ, theo chữ này, không phải một con số đã đạt tới, mà là cái chân đã đứng tới chỗ nó cần rồi thôi. Chương 44 tôi còn ngồi với chữ *chỉ* (止) là dấu chân in trên đất; tới đây ngài nhặt chính cái chân ấy lên, đặt nó đứng hẳn, và bảo cái đứng yên ấy đã là đủ. Hai chương cách nhau mấy trang mà cùng một bàn chân, một lần để dấu, một lần để dừng.

Rồi hai câu xếp như hai viên đá chặn: *họa mạc đại vu bất tri túc; cữu mạc đại vu dục đắc*. Vạ chẳng gì lớn bằng chẳng biết đủ, lỗi chẳng gì lớn bằng muốn lấy cho được. Ngài dùng hai chữ khác nhau: *họa* là cái vạ ập tới từ ngoài, *cữu* là cái lỗi mình tự mang lấy, cái trách được ở chính mình. Một cái chỉ chiều người ta đi ra, một cái chỉ chiều tay người ta đưa vào. Mà cả hai đều mọc từ một chỗ: cái chân ở đoạn trước cứ tưởng mình chưa đứng tới nơi, nên bước thêm, rồi lại muốn nắm thêm. Sáng nay hũ gạo trong bếp vẫn còn nửa, thế mà tôi đã định ra chợ mua thêm một bao, chỉ vì thấy cái hũ có vẻ vơi.

Câu kết lạ ở chỗ nó lặp: *cố tri túc chi túc, thường túc hĩ* —cho nên cái đủ của cái biết-đủ, là đủ mãi. Ngài không viết "biết đủ thì sẽ đủ", ngài viết chính cái biết-đủ ấy đã là đủ rồi, và cái đủ ấy là *thường túc*, đủ thường, chẳng có lúc nào hết đủ. Ba chữ *túc* đi liền trong một câu ngắn, đọc lên như ba lần chân đặt xuống cùng một chỗ. Chén cơm tôi xới vừa tới lưng, bát canh đặt cạnh, chiều mưa ngoài ngõ rơi đều; chẳng có món nào phải thêm, và cũng chẳng có cái thiếu nào cần gọi tên.

Đặt bát xuống, tôi nghĩ sang trang sau. Chương sau ngài sẽ bảo *bất xuất hộ, tri thiên hạ* —chẳng bước qua cửa mà vẫn biết thiên hạ. Nghe thì xa, mà nó đi ngay từ cái ruộng này: con ngựa đã về kéo cày, cái chân đã đứng yên giữa thửa lúa, thì chẳng còn phải phi đi đâu để biết ruộng đang xanh. Chương này ngài dừng cái chân lại; chương sau ngài bảo cái biết cũng

chẳng cần bước thêm. Cũng một nhịp ấy, từ móng ngựa sang ngưỡng cửa, vẫn chậm, vẫn chẳng ai thúc.

ĐIỂN TÍCH 典

Sử ký: Hán Văn Đế thôi cái đài trăm vàng.

Sách *Sử ký*, thiên *Hiếu Văn bản kỷ*, chép một chuyện nhỏ. Văn Đế định dựng một cái đài lộ thiên trên sân cung, sai thợ tính giá, thợ thưa hết trăm vàng. Ông đáp: (百金中民十家之産，吾奉先帝宮室，常恐羞之，何以臺為！) —trăm vàng là sản nghiệp của mười nhà dân vừa vừa, ta đã được hưởng cung thất của tiên đế còn thường sợ làm hổ, còn dựng đài làm gì nữa! Cái đài chẳng bao giờ được xây. Ông không kể công đức, không ban chiếu chỉ, chỉ đứng trước một con số rồi thấy nó nặng hơn cái sân định đắp thêm.

Đem cạnh *khước tẩu mã dĩ phân*, cái đài không xây kia cũng là một con ngựa được tháo yên: trăm vàng ấy chẳng bay lên mái ngói, nó nằm lại thành ruộng của mười nhà, đúng chỗ *tri túc chi túc* chẳng cần đòi thêm.

Mạnh Tử: cánh đồng đầy người vì miếng đất.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Ly Lâu thượng*, có một câu lạnh đi giữa đang nói: (爭地以戰，殺人盈野；爭城以戰，殺人盈城。) —tranh đất mà đánh, người chết đầy đồng; tranh thành mà đánh, người chết đầy thành. Thầy chẳng kể ai thắng, chỉ kể cái đồng và cái thành: chữ *dã* (野) là ruộng ngoài, chữ *thành* là tường trong, cả hai vốn là nơi cày cấy, nơi họp chợ, vậy mà thầy đo nó bằng số người nằm xuống. Cả hai đều chật lại vì một miếng đất muốn rộng thêm.

Câu ấy tả đúng chữ *giao* trong *nhung mã sinh vu giao*: đất ngoài thành vốn là ruộng, mà khi ruộng đã đầy người thì ngựa chẳng còn chỗ nào về kéo cày nữa, và *họa mạc đại vu bất tri túc* hiện ra nguyên dạng.

ĐỜI NAY 今

Nồi cơm chiều nay tôi xới vừa đúng ba bát. Cái muôi gỗ gác ngang miệng nồi, hơi còn bốc qua khe nắp, mấy hạt cơm dính ở đầu muôi khô dần. Bát thứ tư vẫn úp trên khay, tôi định bới thêm rồi thôi, tay đã cầm muôi mà đặt lại chỗ cũ. Ngoài bếp mưa rơi xuống mái tôn, trên mặt bàn ba bát xếp hàng, bát nào cũng lưng lưng như bát nào.

Cây khế ngoài sân ra trái nhiều quá, bà tôi chẳng hái hết, để mấy trái chín rụng xuống cỏ từ sáng. Đứa cháu đòi mang rổ ra nhặt, bà bảo cứ để đấy, rồi quay vào bếp, tay còn dính nước rửa rau. Vài trái nằm ngửa trên cỏ ướt, vết cuống còn tươi, con chim sẻ nhảy xuống, mổ một cái rồi bay đi, cành khế lay nhẹ, đung đưa mấy giọt mưa đêm còn đọng lại.

Chiều nay ra bến, đò đã đầy khách, người lái chẳng giục thêm ai, cởi sợi dây quấn trên cọc rồi đẩy mạn thuyền rời đi. Mái chèo khẽ khua, nước khép lại ngay sau đuôi đò, vệt sóng loang ra rồi mất vào bờ lau. Bến vẫn còn tiếng mưa trên mái che, sợi dây ướt nằm quấn mấy vòng trên cọc gỗ, chỗ đò nãy đứng đã phẳng lại, in bóng một đám mây đang trôi chậm.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Ngựa đứng yên giữa ruộng, ách gỗ còn ấm nắng.
Ba bát cơm xới vừa, bát thứ tư vẫn úp.
Trái khế rụng xuống cỏ ướt, chẳng ai hái.
Đò rời bến, nước khép lại sau mái chèo.

第四十七章

Chẳng ra khỏi cửa

不出戶

不出戶，知天下；不窺牖，見天道。
Bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dậu, kiến thiên đạo.
其出彌遠，其知彌少。
Kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu.
是以聖人不行而知，不見而明，不為而成。
Thị dĩ thánh nhân bất hành nhi tri, bất kiến nhi minh, bất vi nhi thành.

GẪM

Chương này mở bằng một cái cửa và một cái song: *bất xuất hộ, tri thiên hạ; bất khuy dậu, kiến thiên đạo*. Chữ *hộ* là cánh cửa một bên, cửa buồng, cánh cửa đẩy ra là ra ngõ; chữ *dậu* là cái song cửa sổ, mấy thanh gỗ đứng song song, hở ra những khe nhỏ. Ngài không bảo ai đừng đi đâu, ngài chỉ kể chuyện gì đang xảy ra ngay tại ngưỡng ấy: chẳng bước qua cửa mà biết thiên hạ, chẳng dòm qua song mà thấy đạo trời. Trưa mưa, tôi ngồi trong bếp, cửa sổ mở hé một gang, nghe tiếng rao ngoài ngõ biết chợ đã họp, nghe mưa đổi nhịp trên mái tôn biết chiều đã sang. Chẳng cần ra, mà chẳng có gì ở ngoài ấy là lạ với tôi.

Chữ tôi dừng lại lâu nhất là *khuy* (窺). Chữ 窺 có bộ huyệt (穴) ở trên, nghĩa là cái lỗ, cái hang, cái khe hở; toàn chữ là đưa mắt lọt qua một khe hẹp mà nhìn ra. Ngài không viết *bất kiến* —chẳng nhìn —ngài viết *bất khuy*: chẳng nhòm qua khe. Mắt vẫn mở, sáng vẫn vào, chỉ chẳng cần ép mình vào một ô nhỏ nữa. Mà câu sau lại là *kiến thiên đạo*: thấy đạo trời. Cái thấy ấy rộng hơn cái dòm, vì nó không bị cái khung song cắt thành từng mảnh. Hạt bụi đứng yên trong vệt nắng lọt qua cửa sổ bếp tôi sáng nay cũng thế —nó chẳng cần ai đưa mắt tới, nó vẫn ở đấy, đủ sáng.

Rồi một câu ngắn mà tôi đọc chậm lại: *kỳ xuất di viễn, kỳ tri di thiểu* —càng đi xa, càng biết ít. Chữ *di* (彌) là càng, là mỗi lần thêm một ít, như nước dâng thêm một ngón tay. Ngài không chê người đi xa, ngài chỉ gọi tên cái chiều ấy: chân càng đem đi, tay càng ôm thêm, lòng lại càng còn ít chỗ để nghe. Tôi nhớ một chuyến xe suốt ngày, mang về đầy ảnh trong điện thoại, vậy mà tối về chẳng nhớ nổi mùi mưa buổi sớm ở nhà; có chiều ngồi yên bên ấm trà, nghe nước sôi khẽ lên, lại nhớ rõ từng tiếng mái tôn nhà mình. Cái biết ngài nói ở đây không đo bằng quãng đường.

Ba cụm cuối đi cùng một nhịp đã quen: *bất hành nhi tri, bất kiến nhi minh, bất vi nhi thành*. Chẳng đi mà biết, chẳng thấy mà sáng, chẳng làm mà xong. Chữ *minh* là sáng lên, không phải hiểu thêm một điều mới; chữ *thành* là xong xuôi, đúng cái *vô bất vi* tôi còn ngồi với nó ở chương 37. Chương trước con ngựa đã được tháo yên về ruộng, chẳng còn phải phi đi đâu; tới đây ngài đẩy thêm một nhịp: chẳng những chẳng phi, mà chẳng cần bước qua ngưỡng cửa. Cái ruộng ấy vẫn xanh, và nó xanh ngay trong cái bếp tôi đang ngồi.

Đặt chén xuống, tôi lật sang trang sau. Chương sau ngài sẽ bảo *vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn* —học thì mỗi ngày thêm, Đạo thì mỗi ngày bớt. Nghe có vẻ ngược với cái biết vừa rồi, mà không: cái biết chẳng cần đi xa ấy vốn chẳng gom được thêm, nên nó mới đi cùng đường với cái bớt. Càng bớt những cái chắn ở cửa, càng nghe rõ tiếng rao ngoài ngõ. Hai chương kề

nhau, một chương ngài khép cánh cửa, một chương ngài dọn dần những thứ đang chắn ngay cánh cửa ấy.

ĐIỂN TÍCH 典

Kinh Dịch: cái chẳng động mà thông suốt.

Sách *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ thượng*, tả cái cỏ thi trước khi gieo quẻ: (寂然不動，感而遂通天下之故。) —lặng lẽ chẳng động, mà hễ có cái chạm tới là thông suốt cái cớ của thiên hạ. Cỏ thi nằm im trong cái ống, chưa ai hỏi, chưa ai đếm, chẳng có một cử động nào; vậy mà khi có một câu hỏi đặt xuống, nó gieo ra và thông hết, chẳng sót một mối. Chữ *tịch* (寂) là lặng, chữ *cảm* (感) là cái chạm, và cái thông ấy không cần cái cỏ chạy đi đâu để tìm.

Đem cạnh *bất xuất hộ, tri thiên hạ*, cái nằm im ấy chẳng phải chưa biết gì: nó chưa cử động, nên khi có một cái chạm tới là thông suốt hết, chẳng cần bước ra ngõ.

Trung Dung: chẳng thấy mà vẫn rạng.

Sách *Trung Dung* có một câu xếp ba vế, đọc lên nghe như ba lần nhấc tay rồi lại đặt xuống: (不見而章，不動而變，無為而成。) —chẳng hiện mà vẫn rạng, chẳng động mà vẫn đổi, chẳng làm mà vẫn xong. Chữ *chương* (章) là rạng lên, là cái văn tự sáng ra chẳng cần ai phô; ba vế đều có một cái *bất* đứng đầu, mà sau mỗi cái *bất* lại là một cái đã thành. Chẳng có vế nào bảo thiếu đi điều gì, cả ba đều bảo cái thành ấy tự có sẵn chỗ để ra.

Ba vế ấy gần như cùng một nhịp với *bất kiến nhi minh, bất vi nhi thành*, chỉ khác chữ *chương* là rạng lên với chữ *minh* là sáng ra, như hai người cùng đứng một bên cửa sổ mà gọi ánh sáng bằng hai tên.

ĐỜI NAY 今

Trưa mưa, tôi ngồi trong bếp, cửa sổ mở hé đúng một gang. Tiếng rao rau ngoài ngõ vọng lại ướt, tiếng xe đẩy lết qua chỗ nước đọng, rồi im. Trên bếp ấm trà kêu khẽ một lúc rồi thôi,

hơi bốc lên làm mờ mép ô kính. Tôi chẳng đứng dậy, chẳng ghé mắt ra khe, vậy mà biết chị bán cá đã dọn sạp, biết cậu bé đi học đã về tới đầu ngõ, biết mưa đang nhỏ dần. Chén vẫn úp trên khay, tay tôi để nguyên trên mặt bàn.

Ông lão đầu ngõ có cái radio cũ, tối nào cũng mở, đặt trên lan can, chẳng bao giờ ra khỏi hiên. Tiếng phát thanh nhỏ, lẫn với tiếng mưa, có lúc chìm hẳn rồi lại nổi lên. Ông ngồi trên ghế tre, tay gõ nhịp lên thành lan can, chén trà đặt cạnh cái radio, bốc hơi đều. Đèn hiên vàng hắt xuống bậc thềm, ngõ vắng, mà tiếng ở cái radio ấy đi xa hơn cả tiếng chân người đi qua.

Có chuyến xe buýt tôi đi suốt một ngày, mang về đầy ảnh trong điện thoại, lật xem mãi đến tối. Thế rồi tôi ngồi bóc một quả quýt trên bàn bếp, mùi vỏ quýt dính vào đầu ngón tay, cái radio nhà bên vọng sang, mưa ngoài ngõ vẫn rơi đúng nhịp như lúc tôi đi. Mấy tấm ảnh nằm im trong màn hình tối, tôi chẳng mở lại nữa, vỏ quýt xếp thành một vòng nhỏ trên mép bàn, cửa sổ vẫn hé một gang.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Song cửa mở hé một gang, hạt bụi đứng yên trong vệt nắng.
Cái radio nhỏ dần trên hiên, đèn vẫn vàng.
Tôi chẳng bước qua cửa, mà mưa ngoài ngõ vẫn nghe rõ.
Vỏ quýt xếp thành vòng, màn hình đã tối.

第四十八章

Học thì thêm, Đạo thì bớt

為學日益

為學日益，為道日損。
Vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn.
損之又損，以至于無為。無為而無不為。
Tổn chi hựu tổn, dĩ chí vu vô vi. Vô vi nhi vô bất vi.
取天下常以無事，及其有事，不足以取天下。
Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự, cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ.

GẪM

Hai vế mở đầu đứng cạnh nhau, cùng một chữ *nhật* mà khác một chữ ở giữa: *vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn*. Học thì mỗi ngày thêm, Đạo thì mỗi ngày bớt. Ngài chẳng bảo học là dở — học là gom, gom chữ, gom con số, gom tên sách, gom những cái mình thuộc được, việc ấy cần thiết như xếp củi vào bếp cho có lửa. Nhưng Đạo đi chiều khác: mỗi ngày nhẹ đi một cái đang cầm. Tôi hình dung hai tờ giấy đặt cạnh nhau trên bàn, một tờ dần đầy nét chữ, một tờ dần trắng lại, và ngài chẳng bảo tờ nào hơn tờ nào, ngài chỉ bảo chúng đi hai chiều khác nhau. Cái khó là ta vốn quen kể công bằng cái đã thêm.

Chữ tôi dừng lại lâu nhất là *tổn* (損). Chữ 損 có bộ thủ, nét bàn tay đứng bên trái, còn bên kia là chữ *viên* (員); nghĩa xưa là

bớt đi, hao đi, làm cho vơi. Cái làm tôi ngồi lại là nó có chữ tay: bớt là một cử động của bàn tay, không phải một ý nghĩ trong đầu. Tôi cầm tờ ghi chép rồi gạch một dòng, hay nhấc bớt một cái chén đang úp trên khay — đều là tay làm, chứ chẳng phải lòng tự nhủ mình sẽ bớt đi. Rồi ngài lặp: *tổn chi hựu tổn* — bớt rồi lại bớt. Hai chữ *tổn* đi liền như hai lần nhấc tay, lần sau nhẹ hơn lần trước, chẳng có một ngưỡng nào để ngài bảo "thế là đủ rồi, thôi".

Bớt mãi thì tới đâu? Ngài viết ngay: *dĩ chí vu vô vi. Vô vi nhi vô bất vi*. Tới chỗ chẳng làm, mà chẳng gì không xong. Cụm ấy tôi đã ngồi với nó ở cuối Thượng kinh, chương 37, lúc ấy nó đứng sẵn như một câu kết, chẳng có đường đi tới. Giờ ngài dẫn lại đúng cụm ấy, nhưng lần này có một con đường: không phải ai nhảy thẳng tới *vô vi*, mà là bớt, bớt nữa, bớt cho tới khi chẳng còn cái gì đứng ra nhận công. Cũng như dọn bếp chiều nay, tôi chẳng định dọn cho sạch từ đầu, chỉ nhấc cái này ra, rồi cái nữa, và lúc ngồi xuống mới thấy mặt bàn đã trống tự lúc nào.

Câu cuối đẩy cái bớt ấy ra ngoài cái bàn: *thủ thiên hạ thường dĩ vô sự, cập kỳ hữu sự, bất túc dĩ thủ thiên hạ*. Cầm thiên hạ vẫn thường bằng cái chẳng có việc, tới khi có việc thì chẳng còn đủ mà cầm. Chữ *sự* ở đây không phải công việc cần làm, là cái việc đứng ra làm cho có chuyện: một lời nhắc thêm, một cái đảo nồi đang sôi, một cái sửa vào chỗ vẫn đang yên. *Vô sự* không phải ngồi không, là chẳng tự dựng thêm một cái cần xử lý. Nồi canh bà tôi nấu chiều nay chẳng mở nắp mấy lần, chẳng nêm thêm muối, vậy mà mặt canh vẫn lặng, rau cải vẫn xanh. Bà chỉ ngồi cạnh, cái muôi gỗ gác ngang miệng nồi.

Chương trước ngài bảo chẳng ra khỏi cửa mà vẫn biết thiên hạ; chương này ngài cho cái biết ấy một đường đi: nó chẳng gom thêm, nó bớt dần. Rồi sang chương sau, cái bớt mãi ấy sẽ hiện ra thành một cái lòng — *thánh nhân thường vô tâm* — chẳng còn một ý riêng nào đứng sẵn trước khi nghe người ta. Tôi đặt tờ ghi chép xuống, cây bút nằm ngang trên mép bàn, ấm trà vẫn ấm, ngoài ngõ tiếng xe ai đó đi qua chậm rồi xa

dần. Từ cái bàn tay gạch một dòng tới cái lòng chẳng có sẵn ý, hoá ra chỉ là một nhịp bớt kéo dài sang trang sau.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: Nhan Hồi ngồi quên mình.

Thiên *Đại tông sư* kể Nhan Hồi vào thưa Khổng Tử: con tiến rồi. Hỏi tiến thế nào, anh bảo mới quên nhân nghĩa, thầy bảo chưa; hôm sau lại thưa quên lễ nhạc, thầy vẫn bảo chưa; hôm sau nữa thưa: con ngồi mà quên mất mình. Khổng Tử giật mình hỏi lại, Nhan Hồi đáp: (墮肢體，黜聰明，離形去知，同於大通，此謂坐忘。) —buông tay chân, bỏ tai mắt, lìa cái hình, bỏ cái biết, cùng với cái thông lớn, ấy gọi là ngồi quên. Anh chẳng học thêm một môn nào, chỉ báo một cái đã rơi đi, rồi một cái nữa, rồi chính cái đang báo cũng rơi.

Đem cạnh *tổn chi hựu tổn*, Nhan Hồi chẳng thêm một môn nào, chỉ bớt đi từng lớp cho tới chỗ chẳng còn cái gì để gọi là mình nữa.

Luận ngữ: Khổng Tử hỏi Tử Cống có nhớ nhiều chăng.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Vệ Linh công*, chép một câu hỏi bất ngờ. Thầy gọi đích danh Tử Cống là Tứ rồi hỏi: (賜也，女以予為多學而識之者與？) —Tứ ơi, con tưởng ta là người học nhiều mà ghi nhớ lấy cả đấy ư? Chữ 女 trong câu ấy thông chữ 汝, đọc là *nhữ*, chính là chữ "con" thầy gọi học trò; chữ *thức* (識) là ghi nhớ, cất từng cái vào. Tử Cống đáp phải, rồi thầy lắc đầu: chẳng phải đâu, ta chỉ lấy một cái mà xâu suốt cả thôi —*nhất dĩ quán chi*, chữ *quán* là xâu, như người ta xâu đồng tiền, chẳng cần cầm riêng từng đồng.

Câu hỏi ấy soi lại *vi học nhật ích, vi Đạo nhật tổn*: cái *nhất dĩ quán chi* không phải một chữ mới được gom thêm, mà là bớt đi cái phải nhớ riêng từng cái, đúng chỗ *vô sự* ở cuối chương này.

ĐỜI NAY 今

Giá sách ở góc bếp chất ba hàng từ hồi còn đi làm, chiều nay tôi rút bớt mấy cuốn ra lau, xếp lại thành một hàng thưa. Mấy cuốn bìa bạc đem đặt xuống mặt bàn, chỗ trống trên kệ để nguyên, vệt bụi sáng hơn hẳn chỗ cũ vẫn còn in mờ. Cuốn cuối cùng nằm ngửa, gáy quay lên, bìa đã bạc một bên. Tôi chẳng đem cuốn nào đi đâu, chỉ đẩy chúng sang một chỗ khác trên cùng cái bàn ấy, rồi ngồi nhìn chỗ kệ còn hở ra.

Nồi canh bà tôi nấu chiều nay chẳng mở nắp mấy lần, cũng chẳng nêm thêm muối dù tôi đứng cạnh đưa lọ. Bà chỉ nhấc nắp lên một cái, ngó, rồi đặt lại, tay lau vào vạt áo. Cái muôi gỗ gác ngang miệng nồi, hơi bốc lên mỏng, mặt canh lặng, mấy lá cải nổi xanh, chẳng bị đảo lên đảo xuống. Trên bếp, ấm nước đặt bên cạnh vẫn kêu khẽ, bà chẳng với tới, ngồi yên trên cái ghế con cạnh cửa sổ.

Chiều về, túi vải tôi đựng đầy thứ lặt vặt mua dọc đường, dây túi hằn đỏ một bên vai. Tôi đặt túi xuống thềm, lấy bớt mấy gói ra xếp lên bậc cửa, rồi lật túi úp cho mấy hạt bụi rơi xuống. Sợi dây vải duỗi ra, nằm thẳng trên nền gạch, chỗ hằn trên vai còn hơi rát. Ngoài ngõ xe ai đó đi qua, chậm, rồi xa dần, mấy gói nhỏ xếp hàng trên bậc cửa vẫn nguyên, chẳng gói nào được mở ra.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Kệ sách còn một chỗ trống, vệt bụi sáng hơn chỗ cũ.
Cái muôi gỗ gác ngang miệng nồi, mặt canh lặng.
Túi vải đặt xuống thềm, nhẹ đi mấy gói.
Tôi chẳng thêm một chữ nào vào tờ ghi chép cũ.

第四十九章

Lấy lòng dân làm lòng mình

聖人常無心

聖人常無心，以百姓心為心。
Thánh nhân thường vô tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm.

善者，吾善之；不善者，吾亦善之；德善。
信者，吾信之；不信者，吾亦信之；德信。
Thiện giả, ngã thiện chi; bất thiện giả, ngã diệc thiện chi; đức thiện.
Tín giả, ngã tín chi; bất tín giả, ngã diệc tín chi; đức tín.

聖人在天下，歙歙焉，為天下渾其心，百姓皆注其耳目，聖人皆孩之。
Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp yên, vi thiên hạ hồn kỳ tâm, bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi.

GẪM

Câu mở ngắn mà tôi đọc đi đọc lại: *thánh nhân thường vô tâm, dĩ bách tính tâm vi tâm*. Chữ *thường* lại hiện ra, vẫn thế, như hồi *Đạo thường vô vi* đầu chương 37. *Vô tâm* dễ hiểu lầm thành lạnh, thành chẳng có lòng; mà ngài nói ngay sau đó: lấy lòng của trăm nhà làm lòng mình. Nghĩa là chẳng có một cái lòng riêng đứng sẵn trước khi nghe người ta, chẳng có một ý đã định sẵn về ai nên được rót chén nào. Tôi rót trà cho mấy người ngồi quanh bàn, tay không định trước ai uống nhiều, ai uống

ít, cứ để bàn tay người kia đỡ lấy chén rồi tôi rót vừa theo chén ấy. Cái lòng ấy không vắng, nó chỉ chưa kịp chọn.

Chữ tôi dừng lại lâu nhất là *hài* (孩), trong *thánh nhân giai hài chi ở* cuối chương. Chữ ấy có bộ tử (子), là đứa bé còn bú, còn chưa nói rõ câu nào. *Hài chi* không phải dỗ dành, càng chẳng phải coi thường; nó là cái nhìn của người bế một đứa bé đang đòi, chẳng bắt nó phải nói cho đúng, chẳng giữ lời nó vừa đòi lúc nãy, chẳng hỏi sao lúc nãy đòi cái này giờ lại đòi cái kia. Đứa cháu tôi sốt, đòi cái vỏ ốc rồi đòi chén nước, đòi xong lăn ra ngủ, bà tôi chỉ đỡ lấy, đắp lại cái chăn, chẳng cãi một câu. Ngài đặt chữ ấy ở cuối, mà nó đã nằm sẵn ngay từ câu đầu: chỉ cái lòng chẳng có sẵn ý riêng mới ôm được cả đứa bé lẫn người lớn.

Rồi hai nhịp lặp y hệt nhau, chỉ đổi một chữ: *thiện giả, ngã thiện chi; bất thiện giả, ngã diệc thiện chi; đức thiện*, rồi *tín giả, ngã tín chi; bất tín giả, ngã diệc tín chi; đức tín*. Người lành, ta lành với họ; người chẳng lành, ta cũng lành với họ —ấy là đức lành. Người đáng tin, ta tin; người chẳng đáng tin, ta cũng tin —ấy là đức tin. Chữ *diệc* (亦) là "cũng", mà cái *cũng* ấy chẳng phải cố nhịn, nó là cái tay không khựng lại giữa chừng. Sáng qua ông hàng xóm lỡ lời ở đầu ngõ, giọng hơi gắt; sáng nay tôi rót chén trà vẫn đặt thêm một chén lên bậc thềm, tay chẳng dừng lại để nhớ câu hôm qua. *Đức* ở đây không phải phần thưởng cho ai cả, là cái cứ thế mà có, tự nó đứng lại, chẳng cần ai chấm.

Đoạn cuối dồn lại mà vẫn khẽ: *thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp yên, vi thiên hạ hồn kỳ tâm, bách tính giai chú kỳ nhĩ mục*. Chữ *hấp hấp* (歙歙) là hít vào, khép lại, co mình lại —không phải phanh ra, không phải đứng cao lên để ai cũng trông thấy. Chữ *hồn* (渾) là lẫn, là đục, là chẳng còn ranh giữa cái lòng này với cái lòng kia. Rồi *bách tính giai chú kỳ nhĩ mục*: trăm nhà đều dồn tai mắt về phía ngài. Ngài chẳng đứng ra đón lấy cái nhìn ấy, ngài khép lại để nó có chỗ mà dồn tới, rồi lẫn lòng mình vào đấy. Ấm trà đặt giữa bàn, ai cũng với được, nước trong ấm chẳng biết chén nào là của ai.

Chương trước ngài vừa nhắc cái bớt mãi cho tới *vô sự*, tới chỗ chẳng còn việc gì đứng ra làm; sang chương này cái *vô sự* ấy hiện ra thành một cái lòng: *vô tâm*. Bớt hết những cái định trước, còn lại đúng chỗ cho lòng người ta ngồi vào. Mà cũng từ chương 44 ngài hỏi tên hay là mình, tới đây cái mình ấy đã rộng ra thành lòng của trăm nhà —chẳng phải mất đi, là chẳng còn phải giữ riêng. Tôi nhấc ấm rót chén cuối cùng, chén ấy đặt ngay giữa khay, chưa biết ai sẽ đỡ lấy. Ngoài ngõ mưa đã tạnh, tiếng chân ai đó đi qua, chậm, rồi xa dần.

ĐIỂN TÍCH 典

Thượng thư: trời nhìn bằng mắt dân.

Sách *Thượng thư*, thiên *Thái thệ*, có một câu ngắn mà tôi cứ thấy nó đứng ngay bên cửa: (天視自我民視，天聽自我民聽。) —trời nhìn là nhìn từ mắt dân ta, trời nghe là nghe từ tai dân ta. Chẳng có một con mắt trời nào treo riêng trên cao, chẳng có một cái tai nào đặt ngoài ngõ; cái nhìn ấy mượn chính mắt người đang đứng dưới, cái nghe ấy mượn chính tai người đang nói chuyện ngoài chợ. Câu ấy được đọc lên lúc Vũ Vương kể tội nhà Thương, mà nó chẳng kể gì về mây hay sao, nó chỉ đẩy cái cao xuống nằm gọn trong cái thấp.

Đem cạnh *dĩ bách tính tâm vi tâm*, câu ấy bảo chẳng có cái lòng trời nào đứng riêng để ngài phải lấy về: lòng ấy vốn đang nằm ở trăm nhà, nên lấy lòng dân làm lòng mình chẳng phải một cử động lạ.

Mạnh Tử: vui với cái vui của dân.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Lương Huệ vương hạ*, chép vua Tề Tuyên vương hỏi về cái vui của mình, thầy đáp một câu xoay cái vui ấy ra khỏi chỗ riêng: (樂民之樂者，民亦樂其樂；憂民之憂者，民亦憂其憂。) —vui cái vui của dân, dân cũng vui cái vui của mình; lo cái lo của dân, dân cũng lo cái lo của mình. Hai vế đi rồi lại về, chữ *diệc* (亦) ở giữa xoay chiều cái vui: nó không dừng ở một phía, cũng chẳng bị giữ lại cho riêng một người. Thầy chẳng bảo vua bớt vui đi, thầy chỉ bảo cái vui ấy muốn ở lại thì phải có chỗ cho người khác cùng vui.

Câu ấy đi thẳng vào *thiện giả ngã thiện chi; bất thiện giả ngã diệc thiện chi*, vì cái vui chẳng giữ riêng được ấy rốt cuộc chẳng còn ai đứng ngoài cái *giai hài chi* ở cuối chương này.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi múc canh chiều nay, chén đầu đưa ông, chén sau đưa đứa cháu, chén cuối để lại cho người làm đồng ghé muộn. Cái gáo dừa treo lại vào cạnh nồi, ba chén xếp hàng trên mặt bàn, hơi bốc lên đều trên cả ba. Bà chẳng hỏi ai ăn nhiều ai ăn ít, cũng chẳng múc riêng chén nào đầy hơn. Đến lúc người làm đồng chưa tới, chén cuối vẫn đặt nguyên đấy, úp thêm một cái chén sạch lên trên cho khỏi nguội, nắng chiều nằm dài suốt mặt bàn.

Sáng qua ông hàng xóm lỡ lời với tôi ở đầu ngõ, giọng hơi gắt, rồi ai về nhà nấy, chẳng ai nói thêm. Sáng nay ông đi qua, tôi vẫn đẩy cửa ngõ mở sẵn như mọi hôm, rót thêm một chén trà đặt lên bậc thềm, rồi quay vào bếp. Chén ấy đứng yên cạnh cái chậu cây, hơi bốc lên lẫn với hơi đất ướt sau mưa đêm, mấy giọt nước còn đọng trên lá khế rơi xuống bậc đá, ông đi qua, chẳng dừng lại, mà cửa ngõ vẫn mở.

Đứa cháu sốt nằm trên chiếu, đòi cái vỏ ốc để lên tai, rồi đòi chén nước, đòi xong lại lăn ra ngủ, quên cả mình vừa đòi gì. Bà tôi chẳng hỏi lại, chỉ đỡ lấy cái chén đặt sang một bên, kéo chăn đắp lại đến vai. Cái vỏ ốc vẫn nằm im trên chiếu, miệng ốc quay vào nắng, chén nước chưa uống còn ấm đặt cạnh, rèm cửa lay nhẹ một cái rồi thôi, tiếng mưa ngoài hiên rơi đều.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Ba chén canh xếp hàng, chén nào cũng vừa.
Chén trà đặt sẵn trên bậc thềm, mưa đêm còn đọng.
Vỏ ốc nằm im trên chiếu, đứa bé đã ngủ.
Ấm trà giữa bàn, tôi không nhớ chén này rót cho ai.

第五十章

Chẳng có chỗ nào để chết

出生入死

出生入死。生之徒十有三；死之徒十有三。人之生，動之于死地，亦十有三。

Xuất sinh nhập tử. Sinh chi đồ thập hữu tam; tử chi đồ thập hữu tam. Nhân chi sinh, động chi vu tử địa, diệc thập hữu tam.

夫何故？以其生生之厚。

Phù hà cố? Dĩ kỳ sinh sinh chi hậu.

蓋聞善攝生者，路行不遇兕虎，入軍不被甲兵。兕無所投其角，虎無所措其爪，兵無所容其刃。

Cái văn thiện nhiếp sinh giả, lộ hành bất ngộ tỉ hổ, nhập quân bất bị giáp binh. Tỉ vô sở đầu kỳ giác, hổ vô sở thố kỳ trảo, binh vô sở dung kỳ nhẫn.

夫何故？以其無死地。

Phù hà cố? Dĩ kỳ vô tử địa.

GẪM

Ngài mở chương bằng bốn chữ mà tôi đọc lên thấy mình đang đứng ngay bậc cửa: *xuất sinh nhập tử* —ra là sinh, vào là tử. Sáng tôi đẩy cửa ngõ bước ra, chiều tôi lại bước vào đúng bậc

ấy, chén trà đặt sẵn vẫn ấm. Ngài chẳng tả sinh, cũng chẳng tả tử, ngài chỉ chỉ hai chiều của cùng một bàn chân. Rồi ngài đếm: *sinh chi đồ thập hữu tam*, *tử chi đồ thập hữu tam*, rồi *nhân chi sinh, động chi vu tử địa, diệc thập hữu tam*. Ba nhóm đứng cạnh nhau, mỗi nhóm cùng một con số *thập hữu tam*. Ngài đếm tỉnh queo như người xếp mấy chén úp lên khay, chẳng cộng lại, chẳng giải thích tại sao còn dư. Tôi để nguyên cái dư ấy, như để nguyên một chén chưa rót giữa khay.

Rồi ngài tự hỏi rồi tự đáp, hai câu ngắn đặt liền: *phù hà cố? dĩ kỳ sinh sinh chi hậu* —vì đâu? vì cái sinh-sinh ấy dày quá. *Sinh sinh* không phải sống hai lần, là cái sống lại được đem ra chăm thêm một lần nữa: sợ nó nguội nên châm thêm, sợ nó vơi nên đậy thêm, sợ nó úa nên tưới thêm. Chữ *hậu* là dày, là lớp này chồng lên lớp kia, như tôi lỡ quấn thêm một cái khăn quanh ấm trà đang còn nóng, hơi chẳng thoát được, mặt trà bốc lên đắng lại. Cái nhóm thứ ba —*động chi vu tử địa* —chẳng phải ai xô đẩy, nó chính là cái tay đang chăm quá ấy tự động đưa mình vào chỗ chết. Ngài kể chẳng gắt, mà tôi nghe rõ tiếng nắp vung bị đậy khít thêm một cái.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *tử* (死). Nửa trái chữ ấy là bộ 歹, nét vẽ bộ xương đã khô, cái còn lại sau khi hơi thở thôi; nửa phải là chữ 人, một người còn đứng cúi xuống bên đó. Hình chữ xưa chẳng vẽ một con quái, nó vẽ một người và một bộ hài cốt đặt cạnh nhau, cách nhau đúng bằng một hơi thở. Ngài dùng chính chữ ấy ba lần: *tử chi đồ*, *tử địa*, rồi *vô tử địa*. *Tử địa* là đất chết, là cái chỗ trong mình ta dọn sẵn cho cái chết đặt chân tới. Mà lạ là ngài chẳng bảo ai tránh cái chết, ngài bảo người khéo giữ sự sống chẳng có cái chỗ ấy để đặt: *vô tử địa*, chẳng có đất chết. Cũng như tờ giấy trắng tôi để nguyên trên bàn, chẳng vẽ vào đấy một cái ô vuông nào, thì dù ai cầm bút đi qua cũng chẳng có ô nào mà tô vào.

Đoạn sau ngài kể về *thiện nhiếp sinh giả* —người khéo nắm giữ cái sống. Chữ *nhiếp* (攝) là cầm, là thu lại vào lòng bàn tay, mà ngài tả người ấy bằng những cái chẳng xảy ra: *lộ hành bất ngộ tê hổ*, đi đường chẳng gặp tê giác chẳng gặp hổ; *nhập quân bất*

bị giáp binh, vào quân chẳng phải mặc giáp cầm binh. Rồi ba câu xếp hàng: *tỉ vô sở đầu kỳ giác, hổ vô sở thố kỳ trảo, binh vô sở dung kỳ nhẫn* —tê chẳng có chỗ để húc cái sừng, hổ chẳng có chỗ để đặt cái vuốt, binh chẳng có chỗ để cắm cái lưỡi. Chữ *đầu* là ném vào, chữ *thố* là đặt xuống, chữ *dung* là chứa lấy. Ngài không tả người ấy tránh né giỏi, ngài tả ba món sắc nhọn kia đứng sừng sững mà chẳng tìm được một chỗ trống để chạm vào. Sáng nay con mèo nhà tôi ngồi giữa bậc thềm, cái chổi dựng ngay bên, vậy mà chẳng cọng rơm nào vướng vào đuôi nó.

Chương trước ngài vừa bảo *thánh nhân giai hài chi* —ngài ôm lấy trăm nhà như bế một đứa bé chẳng bắt nó nói cho đúng; sang chương này cái ôm ấy ngài thả lỏng thêm một nhịp: chẳng những chẳng bắt, mà chẳng còn chăm giữ lấy nó nữa. Cái lòng *vô tâm* của chương 49 tới đây thành một thân *vô tử địa*. Câu cuối bản điện tử chép dở *ở dĩ kỳ vô tử địa*, chẳng có dấu nào; bản này tôi đặt thêm một dấu chấm cho khớp với 78 chương kia, như đã ghi ở dòng chú bên dưới. Đặt rồi mà đọc lên vẫn thấy nó chưa khép: dấu chấm chỉ dừng câu, chẳng dừng được cái chẳng-chăm ấy. Chương sau ngài sẽ kể *Đạo sinh chi, đức súc chi* —Đạo sinh ra mà chẳng giữ, đức nuôi mà chẳng cậy. Đúng cái chẳng-chăm ấy, chỉ đổi từ bàn tay sang cái đất. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, tôi chẳng châm thêm ngụm nào.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn kết thúc ở「以其無死地」, không có dấu chấm câu cuối. Bản này đã thêm dấu chấm cho đồng nhất với 78 chương còn lại; dòng Hán Việt cuối cũng theo đó. Riêng chữ「兕」có nơi phiên *tỉ*, có nơi phiên *huỷ*; dòng Hán Việt dưới đây chọn *tỉ* và đã gắn cờ để người duyệt Hán Nôm soi lại.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: người say ngã xe mà chẳng chết.

Thiên *Đạt sinh* trong sách *Trang Tử* kể một người say rượu ngã từ trên xe xuống, xe đang chạy mà anh ta vẫn sống. Ngài chép:

(夫醉者之墜車，雖疾不死。骨節與人同而犯害與人異，其神全也。) —kẻ say ngã xe, dù nhanh mà chẳng chết; xương cốt thì như người ta, mà cái hại dính vào thì khác, vì cái thần của anh còn nguyên. Chữ *toàn* (全) là vẹn, là chưa bị khuyết một góc. Anh say chẳng biết mình đang ngã, nên chẳng co người lại, chẳng đưa tay ra đỡ, thân buông lỏng theo cú trượt; chính cái chẳng-đỡ ấy làm cú ngã trôi qua. Tôi hình dung chiều mưa có người trượt chân ở bậc đá đầu ngõ, tay còn ôm cái rổ, vậy mà đứng dậy, chỉ giũ giũ ống quần, rồi đi tiếp, chẳng nhớ mình vừa ngã.

Đem cạnh *tỉ vô sở đầu kỳ giác, hổ vô sở thố kỳ trảo, binh vô sở dung kỳ nhẫn*, anh say ấy chẳng có một chỗ nào trong mình đứng sẵn để cái sừng, cái vuốt, cái lưỡi tìm tới —đúng là *vô tử địa* kể bằng một cú ngã.

Nội kinh · Tố vấn: để rỗng, chân khí tự chảy.

Sách *Hoàng Đế nội kinh*, thiên *Tố vấn*, mở đầu thiên *Thượng cổ thiên chân luận* bằng mấy câu kể người đời xưa sống thế nào: (恬淡虛無，真氣從之，精神內守，病安從來。) —điềm đạm hư vô, chân khí cứ theo đó mà tới, tinh thần giữ ở trong, thì bệnh từ đâu mà lại. *Điềm đạm* là nhạt, chẳng nêm thêm; *hư vô* là rỗng, chẳng cất giữ; *nội thủ* là giữ lại trong, chẳng đem hơi ra ngoài mà canh chừng. Thầy thuốc chẳng đưa một liều thuốc nào vào câu ấy, chỉ tả một cái bếp để lửa nhỏ, nồi đặt nguyên, nắp chẳng mở mấy lần, vậy mà hơi vẫn bốc đều.

Câu ấy đứng ngay đầu kia của *dĩ kỳ sinh sinh chi hậu*: một bên dày thêm mãi cho cái sống, một bên để rỗng mà cái sống tự chảy, và *bệnh an tòng lai* nghe như chính *vô tử địa* được nói lại bằng giọng người cầm mạch.

ĐỜI NAY 今

Chiều nay tôi lại châm nước vào chậu khế con đặt trên bậu cửa sổ bếp. Đất hôm qua vẫn còn ướt, vết tưới cũ chưa kịp khô thành vòng, vậy mà tay tôi vẫn cầm gáo dừa nghiêng thêm một chút. Mấy lá non ở đầu cành ngả vàng từ sáng, gốc đen lại sát

thành chậu. Bà tôi đi qua, chỉ nhấc chậu đặt sang chỗ có nắng, chẳng nói câu nào. Nước còn đọng dưới đáy chậu, hơi nồi canh bốc lên làm mờ một góc kính.

Trạm y tế đầu ngõ mở cửa từ sớm. Cô y tá đặt cái nhiệt kế xuống khay sắt, rồi quấn lại cuộn bông còn dở, sợi bông kéo dài ra mép bàn rồi đứt nhẹ. Trên bậc cửa, một bà cụ ngồi chờ, tay ôm cái khăn tay gấp tư, chẳng mở ra. Rèm cửa sổ lay một cái, nắng lọt vào nằm ngang trên mặt khay, cạnh cái nhiệt kế nằm im, cột thuỷ ngân đứng yên ở một vạch.

Ngoài ruộng cuối xóm, ông lão mở bờ cho nước tràn vào luống mạ. Nước chảy một lát đã ngập tới gốc, ông khép bờ lại bằng một xẻng đất, rồi ngồi bệt xuống bờ cỏ, đặt cái cuốc nằm ngang qua hai đầu gối. Mạ còn non đứng nghiêng theo chiều nước, rồi thẳng dần. Mặt ruộng phẳng lại, in bóng đám mây đang trôi chậm về phía dòng sông, cái cuốc vẫn nằm ngang qua đầu gối ông.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Gáo dừa đặt nghiêng, vòng nước cũ chưa khô.
Vạch thuỷ ngân đứng yên trên khay sắt.
Bờ ruộng khép lại, mạ đứng thẳng dần.
Dấu chấm đặt xuống, chén vẫn úp trên khay.

第五十一章

Sinh mà chẳng giữ

道生之

道生之，德畜之，物形之，勢成之。
Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi.

是以萬物莫不尊道而貴德。道之尊，德之貴，夫莫之命而常自然。
Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quý đức. Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên.

故道生之，德畜之；長之育之；成之熟之；養之覆之。
Cố Đạo sinh chi, đức súc chi; trưởng chi dục chi; thành chi thục chi; dưỡng chi phúc chi.

生而不有，為而不恃，長而不宰。是謂玄德。
Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể. Thị vị huyền đức.

GẪM

Ngài mở bằng bốn câu ngắn xếp hàng, mỗi câu một chữ làm đầu rồi một chữ *chi* đệm lại: *Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi*. Đạo sinh ra nó, đức nuôi nó, vật cho nó hình, thế cho nó thành. Tôi đọc lên như nhìn một luống cải ngoài bếp: hạt nằm xuống đất, đất ấp lấy, mầm nhú ra cái dáng, rồi

nắng chiều đẩy nó lớn dần —bốn việc ấy chẳng việc nào đứng ra xưng tên, vậy mà cải vẫn lên. Chữ *súc* là nuôi, là chứa lấy, như cái lu sành hứng nước mưa để dành tưới dần; chữ *thế* là cái chiều đang đẩy, không phải ai đẩy, là chính độ dốc của mặt đất, của buổi chiều.

Rồi ngài bảo *vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quý đức* —muôn vật chẳng có cái nào chẳng tôn Đạo, chẳng quý đức. Mà lý do ngài đưa ngay sau mới lạ: *Đạo chi tôn, đức chi quý, phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên* —cái tôn ấy, cái quý ấy, chẳng ai ra lệnh mà vẫn cứ tự nhiên. Chữ *mệnh* là sai, là truyền, là cái lời từ trên xuống; ngài phủ nó đi bằng một chữ *mạc*. Chẳng có tờ giấy nào dán lên cây khế bảo nó phải ra trái, chẳng có ai đứng đầu luống rau mà gọi từng cây đứng thẳng. Sáng nay ra sân, mấy trái khế chín rụng xuống cỏ từ lúc nào chẳng ai hay, bà tôi cũng chẳng bảo ai nhặt, vậy mà cái ngọt vẫn cứ có đấy. Tôn mà chẳng vì lệnh, ấy mới là cái tôn đứng yên được.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *hữu* (有). Nửa trên chữ ấy là nét 又, một bàn tay đưa ra, mấy ngón còn khum; nửa dưới là nét 月, miếng thịt đặt trên thớt. Có, theo hình chữ ấy, là bàn tay đang cầm lấy một miếng gì chưa chịu buông. Ba câu cuối ngài xếp bằng chính cái bàn tay ấy, mỗi câu phủ một lần: *sinh nhi bất hữu* —sinh mà chẳng cầm lấy; *vi nhi bất thị* —làm mà chẳng cậy vào; *trưởng nhi bất tể* —nuôi lớn mà chẳng đứng ra cắt chia. Chữ *thị* là tựa, là dựa vào việc mình vừa làm để đòi một chỗ đứng; chữ *tể* (宰) có bộ *miên* —mái nhà úp lên —bên dưới là nét *tân* (辛), cái dao khắc, nên *tể* vốn là người đứng dưới mái cầm dao chia phần, định việc cho cả nhà. Ngài bảo Đạo nuôi lớn muôn vật mà chẳng ngồi vào cái ghế ấy. Cũng như bà tôi đặt bát canh xuống đầu bàn rồi lùi tay ra, bát ấy vẫn nóng, vẫn là bát canh, mà chẳng thành của riêng ai.

Giữa chương ngài còn đọc lại một dãy sáu, mỗi cặp chỉ đổi một chữ: *trưởng chi dục chi, thành chi thục chi, dưỡng chi phúc chi* —lớn lên, nuôi nấng; nên hình, chín tới; bồi dưỡng, che phủ. Chữ *phúc* (覆) ở cuối là úp lên, là lật bàn tay che lại, như bà tôi úp cái chén sạch lên bát canh cho khỏi nguội, hay úp cái

rổ lên mạ non lúc trời mới mưa đá. Đọc dãy ấy tôi thấy ngài chẳng thêm một việc mới nào so với bốn câu đầu, ngài chỉ đi chậm lại trên cùng một việc, móc từng nhịp nhỏ ra mà gọi tên: sinh rồi không phải xong, còn trưởng, còn dục, còn thành, còn thục, còn dưỡng, còn phúc. Bảy chữ ấy mà chẳng có chữ nào mang nghĩa giữ lấy.

Chương trước ngài vừa khép *ở vô tử địa* —chẳng còn một chỗ trống nào trong thân cho cái hại tìm tới; sang chương này cái chẳng-chỗ ấy hiện ra thành một cử động: Đạo sinh ra rồi buông tay, chẳng để lại một dấu vân tay nào trên cái mình vừa sinh. Cũng một bàn tay, chương trước buông lỏng để khỏi bị chạm, chương này buông lỏng để cái kia được là nó. Và *huyền đức* —chữ *huyền* (玄) là sẫm, là xa, là sợi tơ se lại chẳng trông tới đầu —ngài đặt nó đúng ở cuối, như cái tên chỉ chịu đứng sau khi mọi cái tên khác đã lùi hết. Sang chương sau ngài sẽ gọi cái ấy bằng một chữ gần hơn: *thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu* —thiên hạ có cái khởi, coi nó là mẹ của thiên hạ. Cái Đạo vừa sinh mà chẳng giữ đây, tới trang sau ngồi lại thành một người mẹ, và tôi vẫn nghe tiếng ấm trà đặt xuống khay, nhẹ, chẳng kêu.

ĐIỂN TÍCH 典

Hệ từ thượng: lộ cái nhân, giấu cái dùng.

Sách *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ thượng*, có một câu tôi đọc mà thấy nó đứng ngay sau *Đạo sinh chi, đức súc chi*: (顯諸仁，藏諸用，鼓萬物而不與聖人同憂。) —lộ ra ở chữ nhân, giấu đi ở chữ dụng, lay muôn vật mà chẳng cùng lo với thánh nhân. Chữ *hiển* là bày ra chỗ sáng, chữ *tàng* là cất vào chỗ khuất; cùng một cái ấy, một mặt phô ra cho muôn vật thấy, một mặt giấu kỹ cái đang làm. *Cổ vạn vật* là đánh thức, là lay dậy, như tiếng mõ đầu ngõ gọi người ta dậy mà chẳng ai trông thấy người gõ. Rồi mấy chữ cuối mới lặng: *bất dữ thánh nhân đồng ưu* —chẳng cùng nỗi lo với bậc thánh. Thánh còn lo việc đời, cái Đạo thì chẳng đứng vào nỗi lo ấy, chẳng phải vì lạnh, vì nó đã ở ngay trong cái đang mọc rồi.

Đem cạnh *phù mạc chi mệnh nhi thường tự nhiên*, câu ấy giải hộ chữ *mạc*: cái lay muôn vật ấy chẳng cần một lệnh, cũng chẳng cần một nỗi lo đứng trên để giữ nhịp, đúng như Đạo *sinh chi* rồi để *tự nhiên*.

Trung Dung: chẳng chia hai, nên cái sinh chẳng đoán được.

Sách *Trung Dung* có một câu gọn đến mức nghe như lỡ lời: (天地之道，可一言而盡也：其為物不貳，則其生物不測。) — đạo của trời đất, có thể lấy một lời mà nói hết: cái làm nên nó chẳng chia hai, nên cái nó sinh ra chẳng ai lường được. Chữ *nhị* (貳) là hai, là tách làm đôi; chữ *bất trắc* là chẳng đo, chẳng dò tới đáy. Ngài không bảo trời đất sinh nhiều, ngài bảo trời đất chẳng phân vân, chẳng đứng giữa hai ý, nên cái mọc lên mới không ai gọi tên trước được. Cái lu sành ngoài hiên nhà tôi hứng nước mưa suốt mấy hôm, chẳng ai tính xem sẽ được mấy gáo, vậy mà sáng nay múc vẫn đầy, nước trong, chẳng vơi theo một con số nào.

Câu ấy soi thẳng vào *sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị*: chỉ cái chẳng chia hai —chẳng vừa sinh vừa tính giữ lấy —mới sinh được cái *bất trắc*, và ấy cũng là chỗ *huyền đức* đứng sẵm lại ở cuối chương này.

ĐỜI NAY 今

Cơm chiều xới xong, bà tôi đặt bát xuống trước mặt đứa cháu rồi lùi tay ra ngay, chẳng gắp thêm miếng nào, chẳng bảo nó ăn mau. Đũa gỗ nằm ngang trên miệng bát, hơi cơm bốc lên lẫn với hơi nồi canh đặt cuối bàn. Đứa cháu bốc một miếng, đặt xuống, lại bốc, bà đã quay ra rửa rau ở bể nước ngoài hiên, tiếng nước chảy nhỏ, đều.

Sáng nay ra bưu điện cuối xóm, cô phát thư đưa cho tôi một phong bì, rồi quay vào sắp lại tập thư trên bàn, chẳng hỏi ai gửi, chẳng giục tôi mở ngay. Phong bì nằm trên mặt bàn gỗ, con tem dán hơi lệch một góc, nét mực địa chỉ còn nhòe chỗ dính mồ hôi tay. Tôi gấp nó làm đôi rồi mở ra lại, nếp gấp vẫn

hằn, ngoài cửa nắng lọt qua tấm rèm vải sọc nằm dài suốt mặt bàn.

Lớp học buổi chiều ở nhà văn hóa xóm, cô giáo viết một chữ lên bảng rồi lùi lại, tay còn cầm viên phấn, chẳng sửa thêm nét nào. Mấy đứa nhỏ cúi vào vở, nét ai nấy khác, có đứa viết lệch hẳn ra ngoài ô li. Cô đi dọc dãy bàn, đặt thêm một viên phấn xuống góc bảng rồi quay ra cửa sổ, để nguyên chữ ấy đứng trên bảng, phấn bay mỏng trong vệt nắng xiên.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Bát cơm đặt xuống, tay lùi ra ngay.
Phong bì gấp đôi, nếp gấp vẫn hằn.
Chữ đứng trên bảng, phấn bay mỏng trong nắng.
Chén úp trên khay, chẳng ai nhận là của mình.

第五十二章

Giữ lấy cái mẹ

天下有始

天下有始，以為天下母。既得其母，以知其子，復守其母，沒身不殆。

Thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu. Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu, một thân bất đãi.

塞其兑，閉其門，終身不勤。開其兑，濟其事，終身不救。

Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, chung thân bất cần. Khai kỳ đoài, tế kỳ sự, chung thân bất cứu.

見小曰明，守柔曰强。

Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường.

用其光，復歸其明，無遺身殃；是為習常。

Dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh, vô di thân ương; thị vi tập thường.

GẪM

Chương trước ngài bảo Đạo sinh ra mà chẳng giữ; sang chương này ngài gọi đích danh cái ấy: *thiên hạ hữu thủy, dĩ vi thiên hạ mẫu* —thiên hạ có cái khởi, coi nó là mẹ của thiên hạ. Chữ *thủy* là đầu, là sợi dây còn chưa kịp thắt nút, là nét bút đầu tiên chạm vào tờ giấy trắng. Ngài chẳng bảo đó là một bà mẹ

ngồi trên cao, ngài bảo cứ lấy cái khởi ấy làm mẹ. Rồi bốn câu đi vòng lại: *ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử, phục thủ kỳ mẫu, một thân bất đãi* —đã được cái mẹ, nhân đó biết cái con; lại giữ lấy cái mẹ, suốt đời chẳng nguy. Chữ *phục* là quay về, đi rồi trở lại đúng chỗ cũ. Tôi đọc mà thấy mình như người cầm sợi dây len: cầm được đầu sợi thì biết hết cuộn, mà muốn cuộn khỏi rối thì tay vẫn phải giữ lấy cái đầu ấy, chẳng buông ra để đuổi theo từng vòng.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *mẫu* (母). Chữ ấy xưa vẽ một dáng người ngồi cúi xuống; nét ngang hơi cong là cái lưng, hai nét chấm nhỏ nằm giữa, người học chữ xưa vẫn bảo đó là hai đầu vú, chỗ đứa bé tìm tới trước cả khi biết gọi tên. Chẳng có mặt, chẳng có tên, chẳng có một nét nào vẽ cái đang cho —chỉ vẽ cái chỗ nuôi. Nên *dĩ vi thiên hạ mẫu* không phải dựng một đấng sinh ra rồi đứng nhìn, mà là nhận ra muôn vật đều còn dính vào một cái chỗ ấy, như bát canh còn dính hơi ấm của nồi, như nét chữ con tôi viết hôm nay vẫn mang dáng nét bà tôi cầm bút hôm nào. *Ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử*: biết cái mẹ thì cái con tự rõ, chẳng cần lật từng cái con lên mà đếm.

Rồi ngài xếp hai vế đối nhau, chỉ đổi mấy chữ đầu: *tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, chung thân bất cần* —bịt cái khiếu, đóng cái cửa, suốt đời chẳng mệt; *khai kỳ đoài, tế kỳ sự, chung thân bất cứu* —mở cái khiếu, xuôi thêm việc, suốt đời chẳng cứu được. Chữ *đoài* (兌) ở đây là cái lỗ hở, là miệng, là tai, là mắt, là mọi chỗ mình đón thêm chuyện vào; chữ *môn* là cửa, chữ *tắc* là nhét kín lại, chữ *bế* là khép cánh lại. Chữ *tế* là đưa đò sang, là xuôi theo mà lo cho xong việc này rồi việc nọ. Ngài chẳng bảo đóng cửa là sợ, ngài bảo đóng lại thì *bất cần* —chẳng phải nhọc nhằn đi gom thêm. Chiều nay tôi ngồi bên bếp, nắp vung để nguyên, chẳng mở ra ngó canh thêm lần nào, vậy mà mặt canh vẫn lặng.

Hai câu ngắn đứng giữa chương như hai hạt sỏi: *kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường* —thấy cái nhỏ gọi là sáng, giữ cái mềm gọi là mạnh. Chữ *minh* không phải chói, là soi được cái li ti: một hạt bụi nằm ngang trong vệt nắng, một cái chớp mắt

của đứa bé đang bú, cái đầu lá khế vừa ngả vàng hôm qua. Chữ *cường* mà ngài lại đặt ngay sau *thủ nhu* —giữ cái mềm— mới lạ, vì cái mạnh ấy chẳng phải cái gồng, là cái sợi dây gai buộc bó lúa vừa đủ, lâu bền hơn sợi dây thép căng quá rồi đứt. Rồi ngài cầm chính ánh sáng ấy mà viết tiếp: *dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh, vô di thân ương* —dùng cái sáng của nó, rồi quay về cái sáng ấy, chẳng để lại vạ cho thân. *Quang* là tia đã bắn ra ngoài, *minh* là cái còn đứng ở trong; ngài bảo đem tia ấy soi việc rồi kéo nó trở về chỗ nó phát ra, đừng để nó nằm lại ngoài kia mà thành cái chói.

Chữ cuối bản nguồn là *tập thường* —*thị vi tập thường*, ấy gọi là quen mãi cái thường. Tôi vẫn giữ nguyên chữ 習 như đã ghi ở dòng chú dưới đây, dù nhiều bản Vương Bật chép là 襲, chữ của cái nối lại; *tập* là quen, là đi đi lại lại trên một lối cũ cho tới khi chẳng cần nhớ nữa, như bàn tay bà tôi năm nào cũng úp chén lên khay đúng một chỗ ấy. Chương trước cái Đạo sinh mà chẳng giữ vẫn còn hơi xa; tới đây nó ngồi lại thành *mẫu*, thành cái đầu sợi mình cầm hằng ngày. Sang chương sau ngài sẽ đưa cái đầu sợi ấy ra giữa đường: *đại đạo thậm di, nhi nhân hiếu kính* —đường lớn bằng phẳng thế, mà người ta lại thích lối tắt. Cũng một cái *thường* này thôi, chỉ khác là trang sau ngài đứng dậy, đi ra tới ngõ, và tôi vẫn nghe tiếng chén úp xuống khay, nhẹ, chẳng kêu.

> Chỗ hay về bản văn: câu cuối bản nguồn chép 「是為習常」; nhiều bản Vương Bật chép「是謂襲常」. Khác cả chữ lẫn nghĩa (習 là quen, 襲 là nối). Tôi **giữ nguyên** 「習常」 của bản nguồn và phiên là *tập thường*.

ĐIỂN TÍCH 典

Hệ từ hạ: cái động còn li ti đã là điềm rồi.

Sách *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ hạ*, định nghĩa một chữ ngắn mà tôi cứ thấy nó nằm ngay trong *kiến tiểu viết minh*: (幾者，動之微，吉之先見者也。) —cái *cơ* là cái động còn li ti, là cái lành hiện ra trước hết. Chữ *vi* (微) là nhỏ đến mức phải ghé

mắt, không phải nhỏ vì kém, là nhỏ vì nó mới chỉ vừa nhúc nhích. Chữ *tiên kiến* là hiện trước, trước cả khi có ai kịp gọi tên là điềm hay là vạ. Người xưa bảo người biết cơ chẳng đợi việc đã xong mới hay, họ trông thấy cái lá vừa rung một cái ở đầu cành mà đã biết chiều có gió. Sáng nay mặt nước trong ấm còn phẳng, vậy mà mấy hạt nhỏ đã đọng ở vành nắp trước khi tiếng sôi kịp vang lên.

Đem cạnh *kiến tiểu viết minh*, câu ấy giải hộ chữ *minh*: sáng không phải soi cho xa, là soi đúng cái *động chi vi* ấy, cái chưa kịp thành chuyện mà đã ở ngay trong *thủy* của chương này.

Hoài Nam Tử: thấy lá rụng mà biết năm sắp tàn.

Sách *Hoài Nam Tử*, thiên *Thuyết sơn huấn*, có hai vế đi cặp nhau như hai lần tôi ghé mắt: (見一葉落，而知歲之將暮；睹瓶中之冰，而知天下之寒。) —thấy một chiếc lá rụng mà biết năm sắp về chiều; trông cái băng trong vò mà biết thiên hạ đã lạnh. Chữ *tương mộ* là sắp tối, sắp tàn, chưa tàn hẳn; chữ *đổ* (睹) là ngó thấy, không phải suy ra. Ngài chẳng đếm lá, chẳng đợi tuyết phủ đầy sân, chỉ một chiếc lá nằm ngửa trên bậc đá, một lớp băng mỏng dưới đáy vò sành đặt ngoài hiên, là đủ biết cả một mùa đang trở mình. Cái biết ấy chẳng thêm vào một chữ nào, nó chỉ không bỏ sót cái nhỏ đã đứng ngay trước mắt.

Câu ấy đi thẳng vào *ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử*: cầm được cái đầu sợi thì một chiếc lá, một vò băng cũng đã là cả cuộn, đúng như *dụng kỳ quang, phục quy kỳ minh* đem ánh sáng kéo về chỗ nó phát ra.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay dọn bàn, tôi khẽ nhấc tờ giấy trắng lên, một hạt bụi nằm ngang trong vệt nắng xiên qua ô cửa sổ bếp, đứng yên một lát rồi trôi đi. Tôi đặt tờ giấy xuống đúng chỗ cũ, vệt nắng vẫn nằm dài trên mặt gỗ, đường vân gỗ hiện rõ dưới đó. Chén úp trên khay chưa dịch, ấm trà đặt lệch sang một bên, vệt nắng nằm dài trên mặt gỗ.

Chợ sớm, sạp rau bà cụ đầu ngõ có cái cân tiểu ly, quả cân đồng treo lệch một nốt. Bà cân bó rau muống, ngó cái kim đứng chưa ngay, rồi nhặt bớt một cọng đặt sang rổ bên, chẳng thêm vào. Bó rau gập lại bằng sợi dây gai buộc lỏng, nằm trên mặt bàn ướt, mấy giọt nước còn đọng ở đầu lá rơi xuống nền gạch, nắng lọt qua mái tôn nằm ngang qua đĩa cân.

Chiều mưa, điện chập chờn ở đầu ngõ. Ông thợ điện leo lên cái thang gỗ, vặn lại một cái đầu dây trên cột, rồi tụt xuống, đứng yên ngóng ngọn đèn dây tóc ngoài hiên. Bóng đèn nhấp một cái rồi sáng đều, hạt mưa bay qua vầng sáng thành những vệt nhỏ. Ông chẳng vặn thêm lần nữa, cuộn băng keo đen đặt lại vào túi vải, thang vẫn dựng vào thân cột, chân thang còn dính ít bùn ướt.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hạt bụi đứng yên trong vệt nắng.
Quả cân đồng lệch một nốt rồi thôi.
Ngọn đèn nhấp một cái, sáng đều.
Đầu sợi vẫn nằm trong lòng bàn tay.

第五十三章

Đường lớn bằng, người lại thích lối tắt

大道甚夷

使我介然有知，行于大道，唯施是畏。
Sử ngã giới nhiên hữu tri, hành vu đại đạo, duy thi thị úy.

大道甚夷，而人好徑。
Đại đạo thậm di, nhi nhân hiếu kính.

朝甚除，田甚蕪，倉甚虛；服文采，帶利劍，
厭飲食，財貨有餘；是為盜夸。非道也哉！
Triều thậm trừ, điền thậm vu, thương thậm hư; phục văn thái, đới lợi kiếm, yếm ẩm thực, tài hóa hữu dư; thị vi đạo khoa. Phi Đạo dã tai!

GẪM

Ngài mở chương bằng một câu khiêm đến mức dễ lướt qua: *sử ngã giới nhiên hữu tri, hành vu đại đạo, duy thi thị úy* — giá như tôi có một chút biết mà đi trên đường lớn, chỉ sợ một điều là lệch đi. Chữ *giới nhiên* là cái nhỏ, cái vừa đủ một hạt, chẳng phải cái biết đầy ắp. Ngài không xin cho mình tài, ngài xin cho mình đừng trệch khỏi đường. Rồi câu sau đứng ngay giữa chương, gọn như một viên đá đặt giữa ngõ: *đại đạo thậm di, nhi nhân hiếu kính* —đường lớn bằng phẳng lắm, mà người ta lại thích lối tắt. Chữ *di* là bằng, là mặt sàn chẳng có cái gờ

nào vấp chân; thế mà cái bằng ấy lại là cái người ta bỏ. Sáng nay tôi ra chợ, có con đường lát gạch đi thẳng một lát tới đầu ngõ, vậy mà mấy người vẫn đạp lên bãi cỏ cắt chéo qua gốc khế, đất chỗ ấy mòn thành một vệt trơ, cỏ chẳng mọc lại nữa.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *kính* (徑), cái lối tắt ấy. Bên trái nó là bộ *xích* (彳), nét vẽ bước chân đi thoăn thoắt, từng bước ngắn nối nhau; bên phải là chữ *kinh* (巠), vốn là mấy sợi dọc căng thẳng trên khung cửi. Sợi dọc căng giữa hai đầu là đường ngắn nhất giữa hai điểm, nên *kính* không phải đường xấu, nó chỉ là đường thẳng tắt, đường cắt ngang qua ruộng người ta cho chóng tới. Ngài chẳng chê cái tắt, ngài chỉ đứng ngay chỗ mình đang đi mà hỏi: đường bằng đã sẵn đấy, sao chân vẫn cứ muốn băng? Bà tôi vẫn đi đường lát gạch, chân chậm, tay cầm rổ, chẳng bao giờ cắt qua bãi cỏ, dù vệt mòn ấy đã có sẵn từ hồi nào.

Ba câu ngắn tiếp theo ngài đọc như ba lần ngó qua một cái sân: *triều thậm trừ, điền thậm vu, thương thậm hư* —triều đình thì quét dọn quá sạch, ruộng thì bỏ hoang quá đầy cỏ, kho thì trống quá. Ba chữ *thậm* đi liền, ba lần quá, mà hai lần đầu là quá ở chỗ chẳng cần, một lần sau là quá ở chỗ đáng phải có. Chữ *trừ* là dọn, là quét, là sửa lại cho ngay ngắn; chữ *vu* là cỏ dại lên rậm; chữ *hư* là rỗng, là đáy kho lộ ra. Ngài kể chẳng gắt, như người đi ngang một nhà mà thấy sân trước thì tươm, bếp sau thì lạnh, thóc gạo thì chẳng còn. Cái lối tắt ở đoạn trước bây giờ hiện ra thành một cái sân: người ta dọn cái nhìn được, rồi bỏ cái nuôi mình.

Rồi bốn cụm dồn lên, mỗi cụm một món đeo vào người: *phục văn thái* —mặc gấm vóc có hoa; *đới lợi kiếm* —đeo gươm sắc; *yếm ẩm thực* —ăn uống đã chán; *tài hóa hữu dư* —của cải còn dư. Chữ *yếm* là no đến mức chẳng muốn ngó thêm, không phải đói. Ngài xếp bốn cái ấy cạnh cái kho *hư* lúc nãy, rồi buông một tên: *thị vi đạo khoa* —ấy gọi là kẻ cướp khoe. Chữ *khoa* là khoe, là phô ra cho to hơn cái đang có. Câu cuối ngài thốt gần như bất ngờ: *phi Đạo dã tai!* —chẳng phải Đạo đâu thay! Lạ là cùng một tiếng *đạo* ấy mà chữ Hán đứng sau nó khác hẳn: chữ *đạo*

(道) ở *đại đạo* đầu chương là con đường bằng, chữ *đạo* (盜) trong *đạo khoa* là kẻ trộm. Hai chữ cùng đọc lên một âm, ngài đặt một cái ở đầu, một cái ở cuối, để cái lối tắt lúc nãy đi tới đúng chỗ nó đi: băng qua ruộng rồi mang đồ về khoe. Tôi đọc mà thấy cái dấu cảm ấy đứng hẳn dậy giữa trang giấy.

Chương trước ngài còn ngồi giữ cái đầu sợi, *tắc kỳ đoài, bế kỳ môn* —bịt cái khiếu, khép cái cửa; sang chương này ngài đứng dậy ra tới ngõ, và cái cửa ấy hoá ra thành một con đường: đường bằng đã mở sẵn, chỉ là chân mình cứ thích cắt chéo. Cái *tập thường* của chương 52, nếu bỏ đi, hiện ra ngay thành *nhân hiếu kính*. Mà cũng từ *điền thậm vu, thương thậm hư* đây, sang chương sau ngài sẽ cắm lại một cái cọc thật sâu: *thiện kiến giả bất bạt* —người khéo dựng chẳng ai nhổ được. Ruộng bỏ hoang thì phải cắm lại từ gốc, chẳng phải quét lại cái sân. Tôi đặt ấm trà xuống, vệt mòn ngoài bãi cỏ vẫn trơ đấy, nắng chiều nằm dài trên mấy viên gạch đi thẳng.

ĐIỂN TÍCH 典

Ung dã: ai ra khỏi nhà mà chẳng qua cửa?

Sách *Luận ngữ*, thiên *Ung dã*, có một câu hỏi mà thầy buông ra giữa lúc đang nói chuyện khác: (誰能出不由戶？何莫由斯道也？) —ai đi ra mà chẳng qua cửa? Sao chẳng ai đi theo cái đường ấy vậy? Chữ *hộ* (戶) là cánh cửa, nét vẽ một cánh cửa đơn mở hờ, chẳng phải cái cổng lớn có hai cánh. Thầy hỏi bằng chính cái cửa nhà mình: chẳng ai leo qua tường để ra ngõ, vậy mà tới cái đường lớn thì người ta lại tìm chỗ khác mà đi. Câu hỏi ấy chẳng trách, nó chỉ đứng ngay ngưỡng cửa mà ngó theo cái chân mình.

Đem cạnh *đại đạo thậm di, nhi nhân hiếu kính*, cánh cửa ấy chính là cái *di*: đường bằng đã nằm sẵn ngay chỗ chân đặt xuống, chỉ có điều *hà mạc do tư đạo dã* —chẳng ai chịu đi nó —nên ngài mới bảo *duy thi thị úy*, chỉ sợ cái lệch.

Kinh Thi: chẳng cày chẳng gặt, sao lấy ba trăm bó lúa?

Bài *Phạt đàn* trong *Kinh Thi*, phần *Ngụy phong*, mở đầu bằng tiếng đục gỗ bên bờ sông, rồi bật ra một câu hỏi gắt mà vẫn gọn: (不稼不穡，胡取禾三百廛兮？) —chẳng cày chẳng gặt, sao lấy lúa những ba trăm bó? Chữ *giá* là gieo, chữ *sắc* là gặt, hai việc ấy nằm ở hai đầu một vụ lúa; chữ *hồ* là sao, là hỏi thẳng vào mặt. Người thợ đang đẽo gỗ làm bánh xe, ngó sang cái sân kia đầy lúa mà chẳng thấy một bàn tay nào dính bùn, nên câu hỏi cứ đứng lại trên mép rìu. Chẳng có ai bị gọi tên, chỉ có cái ba trăm bó đặt cạnh hai chữ *bất giá bất sắc*.

Câu ấy soi đúng *điền thậm vu, thương thậm hư* rồi *tài hóa hữu dư*: ruộng bỏ cỏ, kho trống, vậy mà gấm vóc, gươm sắc, của dư vẫn đứng trên người kẻ kia —nên *thị vi đạo khoa* chẳng phải lời mắng, nó là cái tên của chính cái lối tắt ấy khi đã đi tới cuối.

ĐỜI NAY 今

Sân đình xóm chiều nay quét lại từ sáng, nền gạch sạch đến mức in bóng mái ngói. Mấy bao thóc để ngoài hiên sau vẫn chưa ai vác vào kho, miệng bao buộc lỏng, vài hạt rơi ra khe gạch. Ông trưởng xóm đi đi lại lại sửa mấy cái ghế xếp thành hàng ngay giữa sân, chẳng ai ngó sang cái cửa kho bỏ ngỏ phía sau, mạng nhện giăng ngang tay nắm.

Tối nay tôi là lại cái áo vải treo từ sáng. Bàn ủi đi qua đi lại mãi trên cái ve áo cho nếp thật thẳng, hơi nóng bốc lên, mùi vải ẩm. Đằng sau, cái rổ quần áo chưa gấp vẫn nằm úp dưới chân giường, một cái cúc áo đứt từ hôm qua còn đặt trên bậu cửa sổ, chưa ai khâu lại. Tôi đặt bàn ủi đứng lên góc bàn, nếp ve áo đã phẳng, rổ vẫn úp đấy.

Xe buýt đỗ ở đầu ngõ, cửa mở, người ta chen lên qua cái cửa trước. Có cậu bé lách ra, nhảy qua cái bậc tam cấp rồi leo lên từ phía sau, tay bám vào thành xe, giày dính bùn để lại một vệt trên bậc sắt. Anh phụ xe nhìn, chẳng nói, lau vệt bùn bằng cái giẻ treo ở tay vịn, rồi kéo cửa lại. Xe lăn đi, bậc sắt còn ướt một đoạn, vệt bùn đã mờ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Nền gạch sạch, in bóng mái ngói.
Miệng bao thóc buộc lỏng, hạt rơi khe gạch.
Nếp ve áo phẳng, cái cúc vẫn nằm trên bậu.
Vệt bùn trên bậc sắt đã mờ, xe đã đi.

第五十四章

Cắm sâu thì chẳng ai nhổ được

善建者不拔

善建者不拔，善抱者不脱，子孫以祭祀不輟。
Thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát, tử tôn dĩ tế tự bất chuyết.

修之于身，其德乃真；修之于家，其德乃餘；
修之于鄉，其德乃長；修之于國，其德乃豐；
修之于天下，其德乃普。
Tu chi vu thân, kỳ đức nãi chân; tu chi vu gia, kỳ đức nãi dư; tu chi vu hương, kỳ đức nãi trường; tu chi vu quốc, kỳ đức nãi phong; tu chi vu thiên hạ, kỳ đức nãi phổ.

故以身觀身，以家觀家，以鄉觀鄉，以國觀國，以天下觀天下。
Cố dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ.

吾何以知天下然哉？以此。
Ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai? Dĩ thử.

GẪM

Ngài mở bằng hai cái chẳng xảy ra: *thiện kiến giả bất bạt, thiện bão giả bất thoát* —người khéo dựng chẳng ai nhổ được, người

khéo ôm chẳng ai tuột mất. Chữ *bạt* là nhổ, là bàn tay kéo ngược lên; chữ *thoát* là tuột, là cái đang nằm trong lòng bàn tay tự trượt ra. Ngài tả người khéo bằng chính cái việc bị ngăn lại, chẳng tả sức mạnh của người ấy. Rồi một câu kéo dài sang đời sau: *tử tôn dĩ tế tự bất chuyết* —con cháu nhân đó mà tế tự chẳng đứt đoạn. Chữ *chuyết* ở đây là ngừng, là giữa chừng đứt đi, như sợi dây hương đang cháy rồi tụt. Tôi hình dung cái cọc tre bà tôi cắm làm giàn bầu ngoài bếp hồi tôi còn nhỏ: chẳng ai buộc thêm, chẳng ai đắp thêm đất, vậy mà mấy mùa mưa qua nó vẫn đứng, dây bầu leo lên rồi già đi, năm sau lại leo lên chính cọc ấy.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *kiến* (建). Nét dưới cùng của nó là bộ *dẫn*, vẽ một bước chân đi dài kéo ra phía sau; nằm bên trong là chữ *duật* (聿), cây bút dựng đứng, nét lông còn chĩa lên. Người xưa ghép cây bút với bước đi dài thành chữ dựng —không phải đặt một vật xuống cho xong, mà là cắm một cái gì cho đứng rồi để nó ăn dần xuống đất theo thời gian. Nên *bất bạt* chẳng phải vì cọc ấy to, vì nó đã có một quãng đi dài nằm dưới mặt đất mà bàn tay kéo lên chẳng với tới. Cũng lạ: *bạt* (拔) cũng có nét bàn tay ấy, mà bàn tay ấy kéo ngược lên, trái chiều với cái bước chân dài đang cắm xuống. Hai chữ đứng cạnh nhau trong một câu, một cái đâm xuống, một cái kéo lên, ngài chỉ bảo cái đâm xuống kia ở lại.

Rồi ngài đi một dãy năm, mỗi bước chỉ đổi một chữ mà chữ *tu* vẫn đứng nguyên: *tu chi vu thân, kỳ đức nãi chân*; *tu chi vu gia, kỳ đức nãi dư*; *tu chi vu hương, kỳ đức nãi trường*; *tu chi vu quốc, kỳ đức nãi phong*; *tu chi vu thiên hạ, kỳ đức nãi phổ*. Sửa nó ở mình thì đức ấy thật, ở nhà thì có dư, ở xóm thì dài ra, ở nước thì đầy, ở thiên hạ thì khắp. Năm chữ *chân, dư, trường, phong, phổ* tôi đọc lên như năm lần nước rót từ cùng một ấm vào năm cái chén to dần: chén đầu rót đúng vị, chén sau còn dư một ngụm, rồi vệt nước loang dài, rồi đầy, rồi thấm khắp mặt khay. Ngài chẳng bảo mang cái đức ở mình đi dán vào thiên hạ; ngài bảo cùng một cái *tu* ấy, đặt ở đâu thì nó lớn đúng theo chỗ ấy, chẳng cần thêm một giọt nào từ ngoài.

Đoạn cuối ngài lặp lại năm chỗ ấy nhưng đổi chữ *tu* thành chữ *quan*: *dĩ thân quan thân, dĩ gia quan gia, dĩ hương quan hương, dĩ quốc quan quốc, dĩ thiên hạ quan thiên hạ* —lấy mình mà ngó mình, lấy nhà mà ngó nhà, lấy xóm mà ngó xóm, lấy nước mà ngó nước, lấy thiên hạ mà ngó thiên hạ. Chữ *quan* (觀) là ngó, là đứng đấy mà trông, chẳng phải đem cái thước của chỗ này đi đo chỗ kia. Rồi ngài tự hỏi rồi tự đáp, gọn như hai tiếng chén chạm nhau: *ngô hà dĩ tri thiên hạ nhiên tai? dĩ thử* —ta lấy gì mà biết thiên hạ là thế? Lấy cái này. Chữ *thử* là cái này, là chính cái đang đứng ngay đây, chẳng chỉ ra một cái gì xa hơn. Sáng nay tôi ngồi rót trà, chén đầu rót vừa, tôi chẳng cần chạy ra đầu ngõ hỏi xem người ta có khát không; cái chén đang cầm đã nói đủ rồi.

Chương trước ngài đứng ở ngõ mà ngó cái vệt mòn trên bãi cỏ, *điền thậm vu, thương thậm hư* —ruộng bỏ hoang, kho trống; sang chương này ngài cắm lại đúng chỗ ấy một cái cọc: *thiện kiến giả bất bạt*. Cái lối tắt đi chéo qua ruộng hôm trước, hoá ra chỉ thiếu một cái đã ăn sâu xuống đất từ trước. Và cái *dĩ thử ở* cuối chương này lại nối thẳng về *ký đắc kỳ mẫu, dĩ tri kỳ tử* của chương 52: cũng là cầm một cái đầu sợi mà biết cả cuộn, chỉ khác là lần ấy ngài gọi nó là mẹ, lần này ngài gọi nó là mình. Sang chương sau ngài sẽ đem cái mình ấy đi xa hơn nữa, tới một đứa trẻ chưa biết nói mà vẫn nắm chặt tay: *hàm đức chi hậu, tỉ vu xích tử*. Cọc tre ngoài bếp vẫn đứng, dây bầu năm nay lại leo lên, tôi đặt ấm xuống, chẳng đắp thêm đất.

ĐIỂN TÍCH 典

Đại học: mình ngay, nhà ngay, nước rồi thiên hạ.

Sách *Đại học* có một câu đi từng bậc mà chẳng nhảy bậc nào: (身修而後家齊，家齊而後國治，國治而後天下平。) —thân đã sửa rồi nhà mới tề, nhà đã tề rồi nước mới trị, nước đã trị rồi thiên hạ mới bằng. Bốn chữ *nhi hậu* nối nhau như bốn lần đặt chân lên bậc thềm, chữ *hậu* là rồi mới, chẳng phải cùng lúc. Chữ *tề* là ngay hàng, là mấy cái chén xếp lại cho thẳng mép; chữ *bình* là phẳng, là mặt sàn chẳng còn chỗ nào nhô lên. Ngài

chẳng bảo người sửa mình đang lo việc thiên hạ, ngài chỉ bảo cái phẳng ấy muốn ra tới ngoài kia thì phải đi qua đúng mấy bậc ấy trước đã.

Đem cạnh *tu chi vu thân... tu chi vu thiên hạ*, câu ấy đi cùng một chiều: ngài Lão Tử đổi chữ *tề, trị, bình* thành *dư, trường, phong, phổ*, mà vẫn giữ nguyên cái khởi đầu là *thân*, đúng chỗ *dĩ thân quan thân* ở cuối chương này.

Tuân Tử: chẳng gom nửa bước, chẳng tới ngàn dặm.

Thiên *Khuyến học* trong sách *Tuân Tử* có hai vế tôi vẫn đọc mỗi lần đi dọc bờ ruộng: (不積跬步，無以至千里；不積小流，無以成江海。) —chẳng gom từng nửa bước, chẳng tới được ngàn dặm; chẳng gom từng dòng nhỏ, chẳng nên được sông bể. Chữ *khể bộ* (跬步) là nửa bước, là một chân nhấc lên đặt xuống, chưa thành một bước trọn; chữ *tích* là chất lại, là gom dần, chẳng phải gom một lần cho đầy. Ngài lấy cái ngắn nhất của bàn chân để đo cái xa nhất của con đường, rồi lấy cái mảnh nhất của dòng nước để đo cái rộng nhất của mặt sông. Chẳng có một bước nào trong câu ấy mang tên ngàn dặm, vậy mà ngàn dặm nằm hết ở đấy.

Câu ấy soi thẳng vào *thiện kiến giả bất bạt*: cái cọc chẳng ai nhổ được chẳng phải vì nó được cắm một lần cho thật sâu, mà vì biết bao nửa bước nhỏ đã lặng lẽ đè xuống quanh gốc nó, đúng như *tử tôn dĩ tế tự bất chuyết* chẳng đứt một đời nào.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay tôi vun lại gốc cây bưởi con mới trồng trước sân. Chẳng đắp một xẻng to, chỉ xới quanh gốc bằng cái cuốc nhỏ, rồi ấn nhẹ mấy nắm đất ẩm vào chỗ rễ hở, lấy tay nén xuống từng chút một. Cái cọc cắm cạnh gốc để buộc cây vẫn đứng từ hôm trồng, vỏ cọc đã sẫm lại chỗ sát đất. Nắng lên dần, bóng cọc nằm ngắn lại trên luống cải cạnh đó.

Nhà tôi có cái bàn thờ nhỏ đặt sát vách bếp. Chiều nay bà tôi lau lại mặt bàn bằng cái khăn ướt, rồi thắp một nén hương cắm vào bát hương cũ, tro trong bát vẫn còn vệt của nén hôm

qua. Bà chẳng thêm nén nào, chẳng sửa lại mấy cái chén đã xếp sẵn, chỉ đứng yên một lát rồi quay ra rửa rau. Khói hương lên thẳng, lẫn với hơi nồi cơm đang sôi, vệt nắng xiên qua ô cửa sổ nằm dài trên mép bàn.

Sân đình chiều nay phơi một lớp thóc mỏng, bà lão cầm cái cào gỗ kéo đi kéo lại cho hạt nằm đều, rồi đặt cào nằm ngang ở mép sân, chẳng cào thêm lần nữa. Nắng xiên qua mái ngói, hạt thóc sáng lên từng chỗ, vài hạt rơi vào khe gạch, con gà mẹ dạo qua mổ lấy mấy hạt ấy rồi đi. Bóng cái cào nằm dài trên nền sân, lệch dần theo chiều nắng, thóc vẫn phơi im dưới đó.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Nắm đất ẩm ấn quanh gốc, tay còn dính.
Nén hương cắm vào vệt tro hôm qua.
Cái cào nằm ngang mép sân, bóng lệch dần.
Cọc tre vẫn đứng, dây bầu lại leo lên.

第五十五章

Đứa trẻ nắm chặt tay

含德之厚

含「德」之厚，比于赤子。毒蟲不螫，猛獸不據，攫鳥不搏。

Hàm đức chi hậu, tỉ vu xích tử. Độc trùng bất thích, mãnh thú bất cứ, quắc điểu bất bác.

骨弱筋柔而握固。未知牝牡之合而朘作，精之至也。

Cốt nhược cân nhu nhi ác cố. Vị tri tẩn mẫu chi hợp nhi tuyền tác, tinh chi chí dã.

終日號而不嗄，和之至也。知和曰「常」，知常曰「明」。

Chung nhật hào nhi bất sá, hòa chi chí dã. Tri hòa viết thường, *tri thường viết* minh.

益生曰「祥」。心使氣曰「强」。物壯則老，謂之不道，不道早已。

Ích sinh viết tường. *Tâm sử khí viết* cường. *Vật tráng tắc lão, vị chi bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ.*

GẪM

Ngài mở bằng một chữ *hàm*: *hàm đức chi hậu, tỉ vu xích tử* —ôm cái đức dày, ví như đứa trẻ còn đỏ. Chữ *hàm* là ngậm trong miệng, là cầm mà chẳng bóc ra, chẳng phô lên; cái đức ấy không đứng ở ngoài để ai ngó, nó nằm ngay trong như hơi ấm nằm trong lòng bàn tay. Rồi ngài kể tiếp bằng ba cái chẳng xảy ra: *độc trùng bất thích, mãnh thú bất cứ, quắc điểu bất bác* —sâu độc chẳng chích, thú dữ chẳng vồ, chim săn chẳng chụp. Chữ *thích* là cái ngòi đâm vào, chữ *cứ* là đè xuống bằng móng, chữ *bác* là chụp lấy bằng cánh. Ngài không bảo đứa trẻ được che chở, ngài bảo mấy cái sắc ấy chẳng tìm được chỗ mà chạm, y hệt cái *vô tử địa* hồi chương 50, chỉ khác là lần ấy ngài nói bằng cái thân người lớn, lần này bằng cái da đỏ của một đứa chưa biết gì.

Câu tiếp làm tôi ngồi thẳng lại: *cốt nhược cân nhu nhi ác cố* — xương mềm, gân mỏng, vậy mà nắm chặt. Chữ *ác* ở đây là nắm, là năm ngón khum lại ôm lấy một cái gì chẳng chịu mở; chữ *cố* là chặt, là khít. Đứa bé mới sinh chẳng có sức, thế mà tôi vẫn nhớ lần đưa ngón tay vào lòng bàn tay đứa cháu, nó quặp lấy ngay, móng tay nhỏ, ấm, bền hơn cả cái nắm của tôi lúc cố giữ. Ngài giải bằng hai chữ *tinh chi chí dã* —ấy là cái tinh tới mức cùng —rồi *chung nhật hào nhi bất sá, hòa chi chí dã* —khóc suốt ngày mà chẳng khản, ấy là cái hòa tới mức cùng. Chữ *sá* là khản, là cổ họng rát đi vì gắng mãi. Đứa bé khóc đúng nhịp thở của nó, chẳng dặm thêm một tiếng nào cho to hơn, nên cổ chẳng rát. Cái mạnh ở đây chẳng phải cái gân, là cái chưa bị chia ra.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *xích* (赤), chữ đầu của *xích tử*. Chữ ấy xưa ghép chữ 大 —một người đứng dang tay —đặt ngay trên chữ 火, ngọn lửa; màu đỏ của lửa, cũng là màu da đứa trẻ vừa lọt lòng còn hây hây, chưa kịp tái đi vì gió, chưa kịp được ai gọi tên. Ngài chẳng ví với đứa trẻ đã biết nói, đã biết đòi, ngài ví với cái đỏ ấy. Ở dòng Hán Việt phía trên, người làm bản điện tử còn đặt dấu ngoặc quanh mấy chữ *đức*, *thường*, *minh*, *tường*, *cường* rồi in nghiêng lên; tôi vẫn giữ nguyên như

đã ghi ở dòng chú dưới đây. Đọc mấy chữ ấy tôi thấy chúng đứng chung một nhịp: *tri hòa viết thường, tri thường viết minh* —biết cái hòa gọi là thường, biết cái thường gọi là sáng; rồi *ích sinh viết tường* —chăm thêm vào cái sống, và *tâm sử khí viết cường* —lòng đem sai khiến hơi thở. Hai cụm sau là hai cái đứa đỏ ấy chưa hề làm: nó chẳng thêm cho mình một ngụm nào, cũng chẳng bắt hơi thở mình phải mạnh lên.

Câu cuối ngài buông lạnh đi giữa đang ấm: *vật tráng tắc lão, vị chi bất Đạo, bất Đạo tảo dĩ* —vật đã lớn mạnh thì già, gọi là chẳng Đạo, chẳng Đạo thì sớm thôi. Chữ *tráng* là cái đang căng, đang đầy sức, đúng cái độ cây khế ra trái nhiều nhất, rồi từ độ ấy trở đi là chiều đi xuống; chữ *tảo* là sớm, chẳng phải bị ai vội đẩy, là tự nó chóng. Ngài không than cái già, ngài chỉ chỉ đúng chỗ cái căng đã lố qua một nhịp. Tôi nhớ cái nắp vung bếp nhà tôi, đậy vừa thì kín, tôi lỡ ấn thêm một cái cho thật chặt là hơi tắc lại, nước sôi trào ra, phải nhấc ra ngay. Cái *tráng* ấy chẳng cần ai báo, nó tự kể bằng một tiếng khẽ ở mép nồi.

Chương trước ngài cắm một cái cọc thật sâu, *thiện kiến giả bất bạt*, rồi bảo lấy cái thân mà ngó cái thân; sang chương này cái thân ấy ngài đưa về tận đầu: xương còn mềm, gân còn non, năm ngón còn khum chặt. Cái *dĩ thử* hôm trước hoá ra là một lòng bàn tay đỏ, chưa biết cầm mà đã cầm chắc. Cũng từ *ích sinh viết tường* đây tôi nghe lại *sinh sinh chi hậu* của chương 50: năm chương trước ngài bảo chăm quá thì tự dọn chỗ cho cái hại, tới đây ngài gọi tên cái chăm ấy một lần nữa, rồi thôi. Nhịp này khép lại ở cái nắm tay, chứ Hạ kinh vẫn còn đi tiếp — ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, và ngoài ngõ tiếng xe ai đó đi qua, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn thêm dấu ngoặc 「」 quanh các chữ 「德」「常」「明」「祥」「强」—đó là cách người làm bản điện tử nhấn mạnh, không phải chữ của Đạo Đức Kinh. Tôi **giữ nguyên** để đúng bản nguồn, và ở dòng Hán Việt chỉ in nghiêng mấy chữ ấy, không dịch thêm.

ĐIỂN TÍCH 典

Canh Tang Sở: đứa bé khóc suốt ngày mà chẳng khản.

Thiên *Canh Tang Sở* trong sách *Trang Tử* chép một câu mà tôi đọc lên thấy nó chính là câu chương này, chỉ dài thêm mấy chữ: (兒子終日嗥而嗌不嗄，和之至也；終日握而手不挩，共其德也。) —đứa con khóc suốt ngày mà cuống họng chẳng khản, ấy là cái hòa tới cùng; nắm suốt ngày mà bàn tay chẳng mỏi rời, ấy là chung cái đức của nó. Chữ *hào* là khóc to, chữ *át* là cuống họng, chữ *sá* là khản; chữ *cộng* (共) ở cuối là chung, là cùng một nhịp, chẳng có cái tay nào đứng riêng ra để sai khiến cái nắm. Ngài chép lời Lão Tử đáp Nam Vinh Thù, mà lời ấy chẳng dạy một phép nào, nó chỉ tả một đứa bé đang khóc, đang nắm. Cái nắm ấy chẳng có mục đích, nên chẳng biết mỏi.

Đem cạnh *cốt nhược cân nhu nhi ác cố* rồi *hòa chi chí dã*, câu ấy giải hộ cả hai chữ *chí*: cái tinh và cái hòa tới cùng chẳng phải vì đứa bé gắng, mà vì nó chưa hề tách khỏi nhịp thở của mình, đúng như *tri hòa viết thường* ở dòng Hán Việt chương này.

Hệ từ hạ: con sâu đo đất co lại để duỗi ra.

Sách *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ hạ*, có hai vế tôi vẫn đọc mỗi lần thấy cái nắm tay đứa cháu: (尺蠖之屈，以求信也；龍蛇之蟄，以存身也。) —con sâu đo đất co lại, là để mà duỗi; rồng với rắn nằm im, là để mà giữ thân. Chữ *tín* (信) trong câu này xưa thông với chữ *thân* (伸), nghĩa là duỗi thẳng ra, chứ không phải chữ tín của lòng tin; tôi vẫn giữ nguyên chữ 信 như bản chép, chỉ đổi nghĩa khi đọc. Còn chữ *chập* (蟄) là nằm im dưới đất suốt mùa lạnh, chẳng phải chết, là cất thân lại đợi tiết. Hai vế cùng kể một cái co: cái co ấy chẳng phải yếu đi, nó chính là nửa đầu của cái duỗi, và là cái giữ cho thân còn nguyên. Sáng nay tôi thấy con sâu đo bò trên bậc cửa sổ, nó nhấc nửa thân trước lên, kéo nửa sau lại thành một cái vòng cong, rồi duỗi phẳng ra, bước tiếp, chẳng ai bảo nó co.

Câu ấy đi thẳng vào *vật tráng tắc lão*: cái căng đầy rồi già kia là cái đã quên mất nửa co, còn đứa *xích tử* với *cốt nhược cân nhu*

nhi ác cố vẫn đang ở đúng nửa ấy, nên *tinh chi chí* mà chẳng cần *ích sinh, hòa chi chí* mà chẳng cần *tâm sử khí*.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay đứa cháu nằm trên chiếu, tôi đưa ngón trỏ vào lòng bàn tay nó, mấy ngón nhỏ quặp lấy ngay, móng hồng, ấm, chặt hơn cả lúc tôi cố nắm lấy tay nó lại. Nó vừa khóc một lúc rồi thôi, cổ chẳng khản, môi còn dính chút sữa, mắt ngó lên cái rèm cửa lay nhẹ. Tôi chẳng rút ngón ra vội, để nguyên thế một lát, mấy hạt bụi đứng yên trong vệt nắng trên chiếu.

Luống rau cải sau bếp mới nhú, tôi tưới hôm qua hơi nhiều, sáng nay mấy cây non nằm nghiêng, gốc úng đen. Bà tôi chẳng nhổ đi, chỉ xới nhẹ quanh gốc cho đất hở ra, rồi kê cái rổ úp lên che nắng gắt trưa, chẳng tưới thêm. Chiều tôi ngó lại, mấy cây đã ngửng lên, lá còn xanh, vệt đất ướt quanh gốc khô dần thành vòng mờ.

Bà tôi giã gạo buổi sáng trong cái cối gỗ đặt ngoài hiên. Chày nhấc lên, dội xuống, nhấc lên, dội xuống, mỗi lần chẳng dập mạnh hơn lần trước, hạt gạo trắng dần dưới đáy cối. Cái chày gác ngang miệng cối lúc bà nghỉ, đầu chày còn dính mấy vỏ trấu, nắng lọt qua kẽ lá khế nằm thành vệt trên miệng cối. Rồi bà múc gạo ra rổ, cối để nguyên đấy.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Mấy ngón nhỏ quặp lấy ngón tay tôi, còn ấm.
Vòng đất ướt quanh gốc rau khô dần.
Cái chày gác ngang miệng cối, trấu còn dính.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第五十六章

Kẻ biết thì chẳng nói

知者不言

知者不言，言者不知。
Tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri.

塞其兑，閉其門，挫其銳，解其紛，和其光，
同其塵，是謂「玄同」。
Tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, toả kỳ duệ, giải kỳ phân, hoà kỳ quang, đồng kỳ trần, thị vị huyền đồng.

故不可得而親，不可得而疏；不可得而利，
不可得而害；不可得而貴，不可得而賤。
Cố bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ; bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại; bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện.

故為天下貴。
Cố vi thiên hạ quý.

GẪM

Chương trước ngài để lại một lòng bàn tay đỏ: xương còn mềm, gân còn non, năm ngón khum chặt mà chẳng biết mình đang cầm. Đứa ấy khóc đúng nhịp thở, chẳng dặm thêm một tiếng nào cho to hơn, nên *chung nhật hào nhi bất sá* —khóc suốt ngày mà cổ chẳng khản. Tôi tưởng mình còn ngồi nguyên ở

cái nắm tay ấy, vậy mà lật sang một trang thì ngài đã đưa tay lên che miệng: *tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*. Kẻ biết thì chẳng nói, kẻ nói thì chẳng biết. Hai vế chỉ khác nhau ở một cái chữ *bất* đứng trước, mà nghe như hai người ngồi cùng một bàn, một người đang rót, một người đang kể lại cái rót ấy. Chữ *tri* là biết, chữ *ngôn* là lời bật ra, chữ *giả* là kẻ ấy —ngài chẳng bảo im lặng là hay hơn, ngài chỉ để cái biết đứng trước, còn cái lời đi sau, như hơi ấm có trước rồi bàn tay mới kịp chạm vào chén. Cái *ích sinh viết tường*, cái *tâm sử khí viết cường* hôm trước bỗng hiện về: đứa đỏ chẳng thêm cho mình một ngụm nào, cũng chẳng bắt hơi thở phải mạnh lên, nên chẳng có một tiếng nào phải bật ra để bù vào.

Rồi ngài xếp sáu cái làm liền nhau, đọc lên như sáu lần đưa tay vào một cái cửa đang mở: *tắc kỳ đoài, bế kỳ môn, toả kỳ duệ, giải kỳ phân, hoà kỳ quang, đồng kỳ trần*. Chữ *tắc* là bịt, chữ *bế* là đóng, hai chữ đầu cùng chìa vào một chỗ hở. Chữ *toả* là mài cho nhụt đi, chữ *giải* là gỡ cho rời ra —cái sắc thì mài, cái rối thì gỡ, chẳng cái nào bị bẻ gãy. Đến *hoà kỳ quang* thì cái sáng được đem xuống ngồi chung, đến *đồng kỳ trần* thì cái sạch chịu đứng lẫn với cái bụi. Sáu cử động ấy chẳng có cái nào thêm vào, toàn là bớt: bịt bớt một lối, đóng bớt một cửa, mài bớt một mũi nhọn, gỡ bớt một nút thắt, dịu bớt một vệt sáng, lẫn bớt một cái đứng riêng. Rồi ngài chốt, *thị vị huyền đồng* —ấy gọi là cái đồng sâu thẳm. Người làm bản điện tử còn đặt một cặp dấu ngoặc quanh chữ ấy, như ch38 với ch55 đã làm; tôi vẫn giữ nguyên, chỉ in nghiêng lên ở dòng Hán Việt, và đã ghi rõ ở dòng chú cuối mục này. Đọc đến đây tôi thấy cái tên ấy hơi lạ: ngài gọi tên một cái mà chính sáu cử động vừa làm cho chẳng còn chỗ nào để gọi.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *trần*, cái bụi trong *đồng kỳ trần*. Nghĩa cũ của nó chẳng phải rác bẩn đâu, là đất bốc lên dưới vó: người xưa vẽ ba con hươu non chạy sát nhau, đặt ngay trên bộ *thổ*, đất, để chỉ làn bụi mỏng cuốn theo chân. Ba con hươu ấy chẳng con nào đứng riêng, chúng chạy thành một làn, nên chữ ấy ngay từ đầu đã mang nghĩa cái chung, cái lẫn, cái

chẳng tách ra được. Tôi ngồi nhìn lâu hơn vào cái bộ *thổ* ấy: chỉ là một nét ngang làm mặt đất, một nét đứng cắm xuống, vậy mà mọi hạt bụi đều nhờ nó mà có chỗ rơi xuống lại. Bụi chẳng ở mãi trên không, nó bay một lát rồi về đất, y hệt cái *phản giả Đạo chi động* hồi chương 40. Thế mà ngài bảo *đồng kỳ trần* —cùng với bụi. Chẳng phải đứng trên bụi mà gọi là cùng, là chịu nằm lẫn vào đúng làn bụi ấy, chẳng đòi một chỗ sạch hơn để đứng riêng. Sáng nay quét hiên, tôi đẩy cái chổi qua một vệt nắng, bụi bay lên đứng yên một lát trong vệt sáng rồi lắng xuống đúng chỗ cũ, chẳng hạt nào bay ra ngoài ngõ.

Đoạn cuối ngài đếm sáu cái chẳng làm được, xếp thành ba cặp đặt cạnh nhau: *bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ; bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại; bất khả đắc nhi quý, bất khả đắc nhi tiện*. Chữ *bất khả đắc* là chẳng thể mà đạt tới, chẳng có chỗ để nắm lấy. Một cặp là gần với xa, một cặp là lợi với hại, một cặp là quý với tiện —sáu cái tay đang đưa ra, cái nào cũng dừng lại giữa chừng vì chẳng tìm được một mép mà bám. Ngài kể tỉnh queo như người xếp mấy chén úp lên khay, chẳng than, chẳng khen, chẳng bảo ai nên đứng ở giữa. Rồi một câu ngắn khép lại: *cố vi thiên hạ quý* —nên làm cái quý của thiên hạ. Nghe thì như được tôn lên, mà tôi đọc ngược lại mới thấy nhẹ: cái quý ấy chẳng phải được đặt lên cao, là chẳng còn chỗ nào trong sáu cặp kia để đặt một cái tên vào nữa. Cái chén úp trên khay nhà tôi cũng thế, chẳng ai dời nó vào giữa bàn, cũng chẳng ai úp thêm một cái lên trên; nó đúng chỗ vì chẳng còn ai cần sửa nó. Bụi lắng xuống, vệt nắng đứng yên, ấm trà đặt xuống vẫn ấm.

Chương 55 ngài ôm cái đức vào trong bằng một chữ *hàm*, chương này ngài khép cái miệng lại bằng một chữ *bất ngôn* —cũng vẫn là một cử động bớt đi, chỉ đổi từ lòng bàn tay sang cái cửa hơi. Cái *hàm đức chi hậu* ấy hoá ra chẳng cần giữ lấy: nó càng chẳng nói, càng chẳng có chỗ cho ai đem ra so sánh gần xa, lợi hại, quý tiện. Tôi ngồi đọc lại sáu cái *bất khả đắc* mà thấy mình đang nghe một cái im có hình dáng hẳn hoi, chứ không phải một cái vắng. Ấm vẫn còn nước, chén vẫn úp, và

cái im ấy chưa chịu nằm lại trong bếp: sang chương sau ngài sẽ đem nó ra đứng giữa một cái nước, mở đầu bằng *dĩ chính trị quốc* —coi nước bằng cái ngay, rồi kể tiếp cái gì xảy ra khi cái ngay ấy được đem làm thành nhiều cấm đoán.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn thêm dấu ngoặc「」quanh「玄同」, cũng như chương 55 đã thêm quanh 德 / 常 / 明 / 祥 / 强. Đó là cách người làm bản điện tử nhấn mạnh, không phải chữ của kinh. Tôi **giữ nguyên** để đúng bản nguồn, ở dòng Hán Việt chỉ in nghiêng chữ ấy, không dịch thêm, và đã gắn cờ.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: Tử Cống hỏi nếu thầy chẳng nói.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Dương Hóa*, có một câu hỏi mà tôi đọc mãi vẫn thấy nó còn vang ở đầu ngõ: (子如不言，則小子何述焉？) —thầy mà chẳng nói, thì đệ tử còn gì mà thuật lại cho người sau. Tử Cống hỏi câu ấy trong một chiều thầy ngồi im, chẳng giảng một lời, bốn mùa vẫn cứ đi, trăm vật vẫn cứ mọc. Chữ *thuật* là kể lại, là chép lại đúng lời đã nghe, chứ không phải tự đặt ra; mà cái sợ của người học trò là sợ cái chép ấy bị trắng đi. Tôi hình dung một xấp giấy đã mở sẵn trên bàn, bút đã chấm mực, chỉ thiếu một câu để đặt vào. Câu hỏi ấy chẳng trách thầy, nó chỉ lo một cái mất: lời chưa kịp ra thì người ở sau chẳng còn gì để cầm lấy.

Đem cạnh *tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri*, tôi thấy cái sợ mất lời ấy đứng ngay trước cái biết. Ngài Lão Tử chẳng bảo im lặng hơn lời, cũng chẳng bảo lời là hỏng; ngài chỉ để cái biết đứng trước, còn cái *thuật* đi sau —đúng như *tắc kỳ đoài, bế kỳ môn* ở dòng Hán Việt chương này: bịt cái lỗ, đóng cái cửa, chẳng phải vì lời xấu, là vì cái đang có chẳng cần chỗ để thoát ra.

Hệ từ thượng: chữ chẳng hết lời, lời chẳng hết ý.

Hệ từ thượng trong *Kinh Dịch* có một câu ngắn mà tôi càng chép lại càng thấy thiếu: (書不盡言，言不盡意。) —chữ viết chẳng chứa hết lời, lời chẳng chứa hết ý. Chữ *tận* là hết, là vơi

đến đáy, là đem đổ ra mà vẫn còn một vệt dính lại ở thành ca. Hai vế đi liền, mỗi vế bớt đi đúng một lớp: nét mực đứng dưới lời, lời đứng dưới ý, và cái ý thì chẳng chịu nằm gọn vào đâu. Chiều nay tôi chép lại một câu ngài nói bên ấm trà, đọc lên đủ chữ, vậy mà vẫn thấy thiếu một cái khoảng giữa hai lần châm nước —cái khoảng ấy chẳng nằm trong câu, cũng chẳng nằm ngoài câu.

Câu ấy cầm lấy *thị vị huyền đồng* mà đỡ: cái đồng sâu thẳm chẳng gọi tên được, nên sáu cái *bất khả đắc nhi thân, bất khả đắc nhi sơ, bất khả đắc nhi lợi, bất khả đắc nhi hại* vẫn đứng nguyên, chẳng có chữ nào đem được chúng ra mà gọi cho đúng. Chữ chẳng hết lời, lời chẳng hết ý, ý lại chẳng chịu đứng riêng —thành ra *cố vi thiên hạ quý* là cái quý nằm đúng ở chỗ chẳng còn ai đặt thêm một chữ vào.

ĐỜI NAY 今

Chiều nay tôi hỏi bà tôi pha ấm trà thế nào cho vừa, định ghi lại cho đúng từng chút một. Bà chẳng đáp, chỉ nhấc ấm châm nước, rồi đặt ấm xuống đúng cái vòng mờ đã in trên mặt bàn từ hôm trước. Hơi bốc lên làm mờ một góc kính bếp. Tôi vẫn cầm bút, trang giấy mở sẵn, nét mực chưa kịp rơi xuống. Bà úp mấy cái chén sạch lên khay, rồi đi ra hiên, để mặc cái câu hỏi đứng yên giữa ấm và chén. Đến lúc tôi rót chén đầu, nước vừa ngọt, chẳng cần đọc lại trang giấy ấy nữa.

Sạp rau đầu chợ, có người hỏi cô bán hàng mớ cải non bao nhiêu, rồi hỏi thêm mấy lần cho chắc. Cô chỉ gật, tay đã bó sẵn mớ rau bằng một sợi lạt, đặt vào túi cói của người ấy, rồi cúi xuống sửa lại mấy lá bị dập ở mép rổ. Cái cân đồng nằm im trên mặt sạp, đĩa cân còn dính mấy hạt đất. Nắng lọt qua tấm bạt dù rơi trên vành rổ, người mua cầm túi đi rồi, chẳng ai nhắc lại cái giá. Một chiếc xe đạp lăn qua ngõ, tiếng vành xe kêu khẽ trên viên gạch lệch.

Mưa mới tạnh, cái kẹp phơi áo ngoài hiên bị gió xoay ngang, mấy cái áo vắt chéo lên dây. Tôi định gọi bà tôi ra sửa, đã mở miệng, rồi thôi —bà đang cúi nhặt mấy hạt gạo rơi vãi dưới

chân cối, xếp từng hạt trở lại vào rổ. Tôi tự cầm cái kẹp gỗ, kẹp lại đúng nếp áo còn ướt, chẳng nói câu nào. Dây phơi đứng yên, nước từ mái ngói còn nhỏ xuống bậc thềm, nhịp sau thưa dần hơn nhịp trước. Trong bếp, hơi vẫn bốc qua vung nồi, chén úp trên khay vẫn khô, cái câu định nói lúc nãy chẳng còn tìm được chỗ để đặt xuống.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Miệng ấm khép, hơi vẫn bốc qua vung.
Trang giấy mở sẵn, nét mực chưa rơi.
Cái cân đồng nằm im, đĩa còn dính hạt đất.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第五十七章

Cấm càng nhiều, dân càng nghèo

以正治國

以正治國，以奇用兵，以無事取天下。
Dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ.

吾何以知其然哉？
Ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai?

以此：天下多忌諱，而民彌貧；人多利器，國家滋昏；人多伎巧，奇物滋起；法令滋彰，盜賊多有。
Dĩ thử: thiên hạ đa kỵ huý, nhi dân di bần; nhân đa lợi khí, quốc gia tư hôn; nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi; pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu.

故聖人云：「我無為，而民自化；我好靜，而民自正；我無事，而民自富；我無欲，而民自朴」。
Cố thánh nhân vân: Ngã vô vi, nhi dân tự hoá; ngã hiếu tĩnh, nhi dân tự chính; ngã vô sự, nhi dân tự phú; ngã vô dục, nhi dân tự phác.

GẪM

Chương trước ngài khép cái miệng bằng *tri giả bất ngôn*, rồi để sáu cái *bất khả đắc* đứng im, chẳng còn chỗ nào để gọi tên cái quý. Sang chương này tôi tưởng ngài còn ngồi nguyên trong cái im ấy, vậy mà ngài đã đưa nó ra đứng giữa một cái nước: *dĩ chính trị quốc, dĩ kỳ dụng binh, dĩ vô sự thủ thiên hạ.* Ba câu ngắn xếp hàng như ba lần đặt chén xuống bàn. Chữ *chính* là ngay, là đặt cho thẳng, chữ *kỳ* là lệch, là cái bất ngờ đứng ra khỏi hàng, chữ *vô sự* là chẳng có việc gì để đem ra làm. Coi nước bằng cái ngay, dùng binh bằng cái lệch, mà lấy thiên hạ thì bằng cái chẳng-có-việc. Ngài không xếp ba cái ấy thành ba bậc hơn kém, ngài chỉ kể ba chỗ đứng: việc nào có việc nấy, và cái thứ ba chẳng có cử động nào để kể. Rồi ngài tự hỏi, tỉnh queo: *ngô hà dĩ tri kỳ nhiên tai?* —tôi lấy gì mà biết được là như thế? Rồi tự đáp ngay: *dĩ thử* —bằng cái này, bằng những cái đang xảy ra ngay trước mắt, chẳng cần đi đâu tìm.

Và cái *thử* ấy là bốn vế đứng liền, đọc lên như bốn lần liệt kê mấy món đã hao trong bếp: *thiên hạ đa kỵ huý, nhi dân di bần; nhân đa lợi khí, quốc gia tư hôn; nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi; pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu.* Chữ *kỵ huý* là kiêng, là cấm gọi đúng tên, chữ *di* là càng, chữ *tư* là càng thêm, chữ *chương* là phô ra cho rõ. Ngài chẳng dùng một chữ nào gắt: càng kiêng thì dân càng nghèo, người càng có đồ sắc thì nước càng mờ, càng khéo tay thì đồ lạ càng mọc, phép càng phô rõ thì kẻ trộm càng nhiều. Bốn vế cùng một nhịp *càng... càng...*, mà cái đứng sau mỗi nhịp chẳng phải quả báo nào, nó chỉ là cái đang đi cùng. Sáng nay đầu ngõ có thêm một tấm biển cấm, rồi lại thêm một tấm nữa cạnh nó; bà bán bánh vẫn đặt sạp đúng chỗ cũ, chẳng dời, cũng chẳng ai nhắc bà dời. Ngài kể chẳng than, mà tôi nghe rõ tiếng cái đinh được đóng thêm một cái vào cột gỗ.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *chương*, cái rõ trong *pháp lệnh tư chương*. Nghĩa cũ của nó chẳng phải chỉ riêng phép tắc, là cái vằn sáng lộ lên trên mặt vải, là hoa văn hiện ra giữa chỗ vốn phẳng. Người xưa vẽ chữ ấy bằng một phần đứng ngay giữa

làm cái bài đã viết, rồi thêm sang một bên ba nét mảnh xiên xuống, ba vệt như nắng lọt qua kẽ lá rơi chéo trên sàn —cái bộ ấy vốn để chỉ lông, chỉ tia, chỉ mọi thứ lộ ra ngoài thành hình. Chỉ cần ba nét ấy đứng thêm vào là cái phẳng hoá ra có vằn, cái kín hoá ra có chỗ để soi. Tôi ngồi nghĩ lâu vào chính ba nét mảnh đó: chúng chẳng làm cái vải dày thêm, chỉ làm nó lộ ra. Thế mà ngài viết *pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu* —phép càng được đem ra phô cho rõ, kẻ trộm càng có chỗ. Cái rõ ấy chẳng làm ai ngay thêm, nó chỉ vạch thêm một đường, và có đường thì có chỗ để lách. Chương 56 ngài vừa bảo *bất khả đắc nhi quý*, chẳng có chỗ để nắm; tới đây cái chỗ ấy hiện ra ngay dưới ba nét mảnh, thành một mép cho một bàn tay khác tìm tới. Cái kẹp gỗ trên dây phơi nhà tôi cũng thế: kẹp đúng nếp thì áo đứng yên, tôi lỡ kẹp thêm một cái cho thật chặt là vải bị kéo lệch, để lộ ngay một đường nhăn.

Rồi ngài mượn lời thánh nhân mà kể bốn vế, mỗi vế có một chữ *tự* đứng giữa: *ngã vô vi, nhi dân tự hoá; ngã hiếu tĩnh, nhi dân tự chính; ngã vô sự, nhi dân tự phú; ngã vô dục, nhi dân tự phác*. Chữ *tự* ấy vang lại đúng chương 37, *thiên hạ tự định*, và cái nắm tay đỏ hồi chương 55: nó là tự nó, chẳng có ai đứng ra đẩy. Tôi chẳng làm mà dân tự hoá, tôi ưa yên mà dân tự ngay, tôi chẳng có việc mà dân tự đủ, tôi chẳng muốn mà dân tự còn nguyên —bốn lần đặt chén xuống mà chẳng lần nào có tay rót. Bản điện tử còn đặt một cặp dấu ngoặc ôm trọn bốn vế ấy, rồi chấm một dấu ngay phía ngoài cái đóng; tôi vẫn giữ nguyên cả hai như đã ghi ở dòng chú dưới đây, ở dòng Hán Việt chỉ in nghiêng phần nằm trong ngoặc. Cái dấu chấm đứng ở ngoài ấy làm tôi ngồi thêm một lát: lời thánh nhân được khép lại, mà cái *tự* vẫn chưa chịu khép theo. Bà tôi chẳng nhắc ai dọn mâm chiều nay, vậy mà chén đã úp sẵn trên khay, bát canh còn nóng đặt đúng đầu bàn, chẳng ai nhớ là ai đã đặt.

Tôi đọc lại từ *dĩ chính trị quốc* xuống tới *ngã hiếu tĩnh, nhi dân tự chính* mà thấy hai chữ *chính* cùng đứng trong một chương, một cái ở tay người coi nước, một cái tự mọc lên ở phía dân. Ngài chẳng bảo cái trước sinh ra cái sau, ngài chỉ để chúng

nằm cạnh nhau, như cái cân đồng nằm im trên sạp mà mớ rau vẫn được bó đúng sợi lạt. Chiều nay đầu ngõ vẫn có thêm một tấm biển, mà sạp bánh của bà vẫn đứng đúng chỗ cũ, chẳng dời đi đâu, cũng chẳng ai đứng ra sửa lại cái cột đã đóng hai cái đinh. Cái ngay ấy chưa chịu đứng yên mãi đâu: sang chương sau ngài sẽ cầm chính nó mà xoay nhẹ đi một nhịp, gọi chính quyền ấy là *kỳ chính muộn muộn* —mờ mờ, chẳng soi rõ —rồi kể dân ấy lại *kỳ dân thuần thuần*, còn nguyên, chưa bị gọt mất một góc nào.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử thêm cặp 「」 ôm trọn bốn vế lời thánh nhân ở cuối chương, và dấu chấm cuối đặt **ngoài** dấu đóng「」—tôi **giữ nguyên** cả hai, ở dòng Hán Việt chỉ in nghiêng phần nằm trong ngoặc. Riêng chữ「正」trong「以正治國」và「而民自正」đã soi cùng cặp 正 / 貞 đã gắn cờ ở chương 39. Đã gắn cờ.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: chính lệnh với hình phạt, đức với lễ.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Vi chính*, có một cặp câu mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh chương này: (道之以政，齊之以刑，民免而無恥；道之以德，齊之以禮，有恥且格。) —dẫn bằng chính lệnh, gọt bằng hình phạt thì dân chỉ biết tránh mà chẳng biết xấu hổ; dẫn bằng đức, gọt bằng lễ thì có xấu hổ mà lại tự ngay. Chữ *tề* là gọt cho đều, như người ta miết cái thước ngang trên mặt vải; chữ *miễn* là tránh khỏi, là lách ra khỏi một đường đã kẻ; chữ *cách* là ngay lại, là tự đứng thẳng mà chẳng ai dựng. Hai vế cùng có chữ *tề*, chỉ khác cái đem ra mà gọt: một bên là cái thước, một bên là cái lễ. Thầy chẳng bỏ cái thước đi, thầy chỉ kể thêm một cái nằm ở phía trong, cái chẳng gọt được bằng tay.

Đem cạnh *pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu*, tôi thấy hai thầy cùng chìa tay vào một chỗ: cái phép được đem ra phô rõ, và cái còn lại bên trong. Ngài Lão Tử chẳng bênh bên nào, ngài chỉ đứng ngay chỗ cái đường vừa được vạch thêm —chỗ

ấy vừa có cái tránh, vừa có cái lách, y hệt ba nét mảnh của chữ *chương* tôi ngồi nhìn lúc nãy.

Mạnh Tử: phép chẳng tự đi một mình.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Ly Lâu thượng*, có một câu gọn đến mức đọc xong vẫn còn dư một nhịp: (徒善不足以為政，徒法不能以自行。) —chỉ có lòng tốt thì chưa đủ mà cai trị, chỉ có phép thì phép chẳng tự chạy. Chữ *đồ* là chỉ riêng, là trơ trọi một mình, đứng một mình không có cái kia đi cùng. Hai vế cùng dùng chữ ấy, nên câu nghe như hai cái cối đặt cạnh nhau mà chẳng cái nào có tay đẩy: hạt gạo vẫn nằm yên dưới đáy, dù lòng tốt đã đầy, dù phép đã chép đủ trang. Tôi nhớ cái cối gỗ ngoài hiên nhà bà tôi, sáng nào chày cũng phải có bàn tay nhấc lên rồi dội xuống, chẳng lần nào tự nhấc lấy mình.

Câu ấy cầm lấy *ngã vô vi, nhi dân tự hoá* mà đỡ: cái *tự* trong bốn vế thánh nhân chẳng phải do vắng phép, cũng chẳng phải do phép tự chạy một mình —nó là do chẳng có ai đứng ra đẩy. *Ngã vô sự, nhi dân tự phú, ngã vô dục, nhi dân tự phác*: dân tự đủ, tự còn nguyên, ngay lúc cái tay đẩy vừa buông xuống.

ĐỜI NAY 今

Đầu ngõ hôm nay có thêm một tấm biển sơn trắng, đóng vào đúng cột gỗ đã có một tấm từ mùa mưa trước. Người ta đứng dưới cột đo đi đo lại xem tấm mới có lệch không, rồi đóng thêm một cái đinh cho chắc. Bà bán bánh vẫn kê sạp đúng viên gạch cũ, rổ bánh úp bằng cái rổ sâu, chẳng dời sang bên nào. Nước rửa rau chảy qua chân cột rồi ra rãnh, cuốn theo một ít mạt cưa từ lỗ đinh mới. Đến trưa nắng lên, hai tấm biển đứng im, mà sạp bánh vẫn bán hết như mọi chiều, chẳng ai hỏi thêm câu nào.

Trên bàn cơ quan có thêm một tờ hướng dẫn dán lên, vệt keo còn ướt ở bốn góc. Người ta đứng đọc, rồi ai cũng quay về chỗ cũ: chị lau mấy cái chén, anh kéo ghế ngồi xuống cuối bàn, tự rót một chén nước đặt hơi lệch ra ngoài vòng ghế. Ấm trà đặt giữa bàn vẫn bốc hơi, nắp chẳng ai nhấc thêm lần nào. Tờ giấy

dán xong khô dần, mép dưới hơi cong lên, còn chén nước lệch kia vẫn đứng nguyên, không ai dời vào, cũng không ai nhắc.

Sân sau hôm nay có mấy chậu cà chua đang ra trái, bà tôi chẳng buộc thêm cọc, cũng chẳng tỉa bớt nhánh như người ta vẫn làm. Bà chỉ tưới một ca nhỏ vào gốc rồi đặt ca úp xuống bậc thềm. Một quả chín sớm rơi xuống đất, bà nhặt đặt lên bậu cửa sổ, để nguyên đấy. Gió lay mấy lá non, vệt nước dưới gốc khô dần thành một vòng mờ, cái ca úp vẫn úp, chẳng ai nhấc lên châm thêm. Trong bếp, nắp vung đậy vừa miệng nồi, hơi bốc đều qua kẽ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Tấm biển mới dựng, sạp bánh vẫn đứng chỗ cũ.
Vệt keo còn ướt ở bốn góc tờ giấy.
Cái ca gạo úp trên bậc thềm, nắng nhích đi một chút.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第五十八章

Cai trị mờ mờ, dân còn nguyên

其政悶悶

其政悶悶，其民淳淳；其政察察，其民缺缺。
Kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần; kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết.

禍兮，福之所倚，福兮，禍之所伏。孰知其極？
Hoạ hề, phúc chi sở ỷ, phúc hề, hoạ chi sở phục. Thục tri kỳ cực?

其無正也。
Kỳ vô chính dã.

正復為奇，善復為妖。
Chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu.

人之迷，其日固久。是以聖人方而不割，廉而不劌，直而不肆，光而不耀。
Nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu. Thị dĩ thánh nhân phương nhi bất cát, liêm nhi bất tuế, trực nhi bất tứ, quang nhi bất diệu.

GẪM

Chương trước ngài để lại bốn chữ *tự*, dân tự hoá, tự chính, tự phú, tự phác, chẳng có ai đứng ra đẩy. Trong ấy có một chữ *chính* mọc lên ở phía dân. Sang chương này ngài cầm ngay

chữ ấy mà xoay, mở đầu bằng hai vế đặt cạnh nhau: *kỳ chính muộn muộn, kỳ dân thuần thuần; kỳ chính sát sát, kỳ dân khuyết khuyết*. Chữ *muộn muộn* là mờ, là chẳng rõ, như mặt nước buổi sớm còn hơi sương; chữ *thuần thuần* là còn nguyên, chưa bị gọt, như miếng vải mới dệt chưa đem cắt. Đến vế sau chữ *sát sát* là soi kỹ, là rõ từng li, còn *khuyết khuyết* là sứt, là thiếu đi một góc. Ngài chẳng thêm một chữ nào để giải, chỉ xếp hai cặp ấy đứng cạnh nhau, vậy mà chiều của nó đã hiện ra: chính quyền càng chịu mờ thì dân càng còn nguyên, chính quyền càng soi rõ thì dân càng khuyết. Chiều nay tôi lau mấy cái chén men, lau nhẹ thì vành còn trơn, tôi cọ kỹ quá một cái thì sứt một góc nhỏ, bà tôi đặt chén úp lại lên khay, chẳng nói câu nào.

Rồi ngài kể một cặp khác, đọc lên nghe như hai lần nghiêng mình: *hoạ hề, phúc chi sở ỷ, phúc hề, hoạ chi sở phục*. Chữ *ỷ* là dựa vào, là tựa lưng vào một cái đang đứng; chữ *phục* là nằm ẩn dưới, là còn nằm đấy mà chưa lộ lên. Cái hoạ dựa ngay vào cái phúc, cái phúc lại giấu cái hoạ dưới mình, hai cái chẳng đứng riêng bao giờ. Ngài hỏi tiếp một câu ngắn: *thục tri kỳ cực?* —ai biết được cái mép cuối ấy nằm ở đâu? Rồi tự đáp lạnh đi giữa đang ấm: *kỳ vô chính dã* —chẳng có cái ngay để làm chuẩn. Chữ *cực* là cái cùng, cái chỗ đi tới nữa thì dừng; chữ *chính* ở đây vang lại đúng *dĩ chính trị quốc* hôm trước, mà lần này ngài bảo nó chẳng có. Ngay sau đó hai câu lật tiếp: *chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu* —cái ngay lại hoá thành cái lệch, cái lành lại hoá thành cái lạ. Chữ *phục* vừa nằm ẩn ở câu trên, tới đây thành trở lại, thành lật sang mặt kia. Sáng nắng, trưa mưa, chiều lại hửng, chị hàng xóm phơi áo rồi gỡ vào rồi lại phơi ra, chẳng ai định được mép nào là mép cuối.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *cực*, cái cùng trong *thục tri kỳ cực?*. Nghĩa cũ của nó chẳng phải mức cao nhất trên một cái thước đâu, là cái xà ngang cao nhất trên mái nhà, cái nóc, chỗ không còn cái gì đứng được ở trên nữa. Người xưa vẽ nó bằng một cái cây gỗ đứng làm trụ —bên trái là bộ *mộc*, gỗ, vì xà ấy làm bằng gỗ —rồi lồng vào giữa một cái miệng và một bàn tay, như có người đang đẩy, đang đẩy mãi tới chỗ chẳng đẩy thêm được

nữa thì dừng. Tôi ngồi nhìn lâu cái bàn tay ấy: nó vẫn còn giơ lên, dù đã tới nóc. Hỏi *thục tri kỳ cực?* là hỏi ai biết được cái nóc ấy dựng ở đâu, mà câu đáp *kỳ vô chính dã* bảo chẳng có cái xà nào để bám vào cả. Chẳng có xà, nên chuyện lên hay xuống, ngay hay lệch, lành hay lạ cũng thôi theo —đúng cái *chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu* ngay sau đó. Cái thước gỗ đặt trên bàn bà tôi cũng thế: cạnh đã mòn từ hồi nào, chẳng còn một góc nào để kẻ cho thật thẳng, vậy mà bà vẫn dùng nó mỗi lần cắt vải, chẳng cần sửa lại.

Nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu —cái mê của người ta, ngày ấy đã lâu rồi. Chữ *mê* là lạc, là chẳng rõ mình đang đứng ở mép nào, chữ *cố* là vốn, là đã vậy từ trước, chữ *cửu* là lâu. Ngài chẳng trách ai, ngài chỉ kể độ lâu, tỉnh queo như người nói mưa đã mấy hôm rồi. Rồi bốn câu thánh nhân xếp hàng, mỗi câu có một vế *nhi bất* đứng giữa: *phương nhi bất cát, liêm nhi bất tuế, trực nhi bất tứ, quang nhi bất diệu*. Chữ *phương* là vuông mà chẳng cắt, chữ *liêm* là sắc cạnh mà chẳng cứa, chữ *trực* là thẳng mà chẳng buông tuồng, chữ *quang* là sáng mà chẳng chói. Bốn cái đều có đấy, mà chẳng cái nào đem mình ra làm tới mức đau. Cái *chính* ấy hiện ba lượt trong một chương ngắn, có lúc ngầm, có lúc đứng rõ; tôi vẫn giữ nguyên chữ của bản nguồn, không đổi, chỉ ghi chú như đã làm ở ch39 và đã gắn cờ ở dòng chú dưới đây. Ánh nắng qua rèm nằm mờ trên mặt bàn, chẳng chói mắt, mà tờ giấy để đấy vẫn đọc được từng chữ.

Tôi đọc lại từ *kỳ chính muộn muộn* xuống tới *quang nhi bất diệu* mà thấy cả chương đứng trên một cái vừa: mờ vừa, nguyên vừa, sáng vừa, chẳng cái nào chịu lố qua một nhịp. Cái *mê* của người ta lâu là lâu ở chỗ vẫn muốn tìm một cái mép, một cái xà, một cái chuẩn để bám; ngài chẳng lấy cái mép ấy đi, ngài chỉ ngồi yên cạnh nó cho tới lúc nó tự mờ. Cái thước gỗ cạnh mòn vẫn nằm trên bàn, chẳng ai đem ra kẻ lại một đường nào. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, vệt nắng trên mặt bàn nhích đi một chút rồi đứng lại. Cái sáng chẳng chói ấy sang chương sau sẽ coi lại thành một chữ thôi, ngắn

đến mức chỉ còn một cái gom: *mạc nhược sắc* —chẳng bằng dè sẻn ngay từ đầu.

> Chỗ hay về bản văn: chữ 「正」 xuất hiện ba lượt trong một chương ngắn —「其政悶悶」 ngầm, 「其無正也」 và 「正復為奇」 hiện rõ —mà chương 39 bản nguồn lại có cả 正 lẫn 貞. Tôi **giữ nguyên** chữ của bản nguồn, không đổi thành 貞, chỉ ghi chú và gắn cờ như đã làm ở ch39.

ĐIỂN TÍCH 典

Hệ từ hạ: cùng thì biến, biến thì thông.

Sách *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ hạ*, có một câu dài vừa đủ một vòng: (易窮則變，變則通，通則久。) —tới cùng thì biến, biến thì thông, thông thì bền. Chữ *cùng* là chỗ hết đường, chữ *biến* là lật sang mặt khác, chữ *thông* là lối mở ra, chữ *cửu* là lâu. Bốn chữ đuổi nhau thành một dãy, chẳng chữ nào đứng riêng: chính cái hết đường làm cái lật xảy ra, chính cái lật làm cái lối mở, chính cái lối mở làm cái bền. Tôi nhớ nước đọng ở mép máng nhà bà tôi hôm mưa, đầy một lát rồi tràn sang rãnh bên, chảy tiếp, chẳng có giọt nào phải bị ai đẩy.

Đem cạnh *chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu*, tôi thấy cái lật ấy được ngài kể lại bằng một nhịp ngắn hơn: cái đang đứng làm chuẩn lại lật sang mặt khác. Ngài chẳng bảo cái lật là hỏng, cũng chẳng bảo là hay, ngài chỉ để nó nằm ngay trong câu hỏi *thục tri kỳ cực?* —chẳng ai định được cái mép, nên chẳng ai định luôn được chỗ cái chuẩn đứng yên.

Tề vật luận: bên kia cũng một phải trái.

Thiên *Tề vật luận* của Trang Tử có một cặp câu mà tôi vẫn đọc mỗi lần thấy hai người đứng hai đầu ngõ: (彼亦一是非，此亦一是非。) —bên kia cũng có một phải trái, bên này cũng có một phải trái. Chữ *bỉ* là bên kia, chữ *thử* là bên này, chữ *diệc* là cũng. Hai vế y hệt nhau, chỉ đổi một chữ đứng đầu, vậy mà đọc lên chẳng còn chỗ nào cho một cái phải đứng riêng ra để làm chuẩn. Sạp chợ cuối xóm hôm nay có hai người cùng cân một bó rau, mỗi người một cái cân, mỗi cái một vạch, chẳng

ai bảo ai sai, rồi cả hai cùng đặt bó rau xuống, bụi bay lên rồi lắng xuống.

Cặp ấy đặt cạnh *thục tri kỳ cực?* và *nhân chi mê, kỳ nhật cố cửu* nghe như cùng một cái ngồi: chẳng bên bên nào, chỉ ngồi nghe hai bên, và kể thêm rằng cái ngồi ấy đã lâu rồi. *Kỳ vô chính dã* —chẳng có cái ngay để làm chuẩn —vì chuẩn nào cũng đang đứng ở một bên.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi lau mấy cái chén men sau bữa cơm, tay đưa nhẹ, vành chén còn trơn. Tôi cầm một cái cọ kỹ hơn, định làm cho thật sạch, thì vành chén sứt một góc nhỏ, tiếng kêu khẽ như hạt gạo rơi. Bà chẳng la, chỉ lấy cái chén ấy úp lên khay, đặt ngay giữa mấy cái còn nguyên, rồi lau tiếp cái khác. Nước rửa chén còn đọng trên khay, vệt nắng nằm im, chỗ sứt quay vào trong, chẳng ai xoay nó ra ngoài.

Sáng nắng, trưa mưa, chiều lại hửng. Chị hàng xóm phơi áo ra, rồi gỡ vào khi mưa mới bắt đầu, rồi lại mang ra lúc nắng hửng, chẳng nói câu nào. Mấy cái kẹp gỗ kẹp lệch hết một bên dây, cái áo vắt chéo, tay áo còn ướt dính vào cổ áo. Đến tối dây phơi vẫn căng, một cái kẹp rơi xuống bậc thềm nằm ngay vệt nước mưa chưa khô, chẳng ai nhặt vội. Ngoài ngõ, xe đạp lăn qua, vành xe kêu khẽ trên viên gạch lệch.

Hai người bán rau đứng hai đầu ngõ, mỗi người một cái cân đồng, hôm nay cùng cân một bó cải non. Một cái kim chỉ hơi lệch sang vạch trên, một cái đứng vạch dưới, chẳng ai bảo cái nào đúng. Họ đặt bó rau xuống cùng một chỗ, rồi người này sửa lại sợi lạt cho người kia. Bụi bay lên từ mặt sạp, nắng xiên qua kẽ tấm bạt dù rơi trên hai cái đĩa cân, một đĩa còn dính mấy hạt đất. Người mua cầm bó rau đi rồi, hai cái cân vẫn nằm đấy, chẳng ai dời lại vạch nào.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Vành chén sứt một góc, vẫn úp trên khay.
Kẹp gỗ nằm trên bậc thềm, vệt mưa chưa khô.
Hai cái cân cùng nằm, nắng xiên qua kẽ bạt.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第五十九章

Dè sẻn từ đầu

治人事天

治人事天，莫若嗇。

Trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc.

夫為嗇，是謂早服；早服謂之重積德；重積德則無不克；無不克則莫知其極；莫知其極，可以有國；有國之母，可以長久；是謂深根固柢，長生久視之道。

Phù vi sắc, thị vị tảo phục; tảo phục vị chi trùng tích đức; trùng tích đức tắc vô bất khắc; vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực; mạc tri kỳ cực, khả dĩ hữu quốc; hữu quốc chi mẫu, khả dĩ trường cửu; thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi Đạo.

GẪM

Chương trước ngài ngồi yên cạnh một cái mép chẳng ai định được, rồi khép bằng *quang nhi bất diệu* —sáng mà chẳng chói. Sang chương này cái sáng ấy coi lại thành một cử động gom tay vào: *trị nhân sự thiên, mạc nhược sắc*. Coi người, việc với trời, chẳng có gì bằng dè sẻn. Chữ *trị* là sắp, là coi cho yên, chẳng phải sửa cho đúng khuôn; chữ *nhân* là người, chữ *sự thiên* là việc đứng trước trời, việc chẳng nằm gọn trong tay mình; chữ *mạc nhược* là chẳng bằng, là sau khi đem mọi cái ra so vẫn

quay về một cái; còn chữ *sắc* là dè, là gom lại, là chưa đem ra hết. Ngài mở đầu chẳng bằng một cái lớn, bằng một cái bớt. Tôi nghe vang lại *ích sinh viết tường* của chương 55 và *sinh sinh chi hậu* của chương 50: năm chương trước ngài bảo chăm thêm vào cái sống là tự dọn chỗ cho cái hại, tới đây ngài gọi cái chẳng-thêm ấy bằng đúng một chữ, rồi thôi. Sáng nay bà tôi đong gạo, ca gạo vun lên trên miệng ca, bà lấy cái thẻ tre gạt ngang một cái, mấy hạt rơi trở lại vựa, nắp vựa đậy vừa, chẳng vun thêm hạt nào cho đầy căng.

Rồi ngài kéo một chữ ấy thành cả một dãy, đọc lên như mấy lớp bẹ cuốn dần vào nhau: *phù vi sắc, thị vị tảo phục; tảo phục vị chi trùng tích đức; trùng tích đức tắc vô bất khắc; vô bất khắc tắc mạc tri kỳ cực*. Chữ *tảo* là sớm, chữ *phục* là quay về, là vâng lấy ngay từ đầu; *tảo phục* là dè từ lúc hạt mới vào vựa, chẳng đợi tới lúc vơi mới lo. Chữ *trùng* là chồng lên, chữ *tích* là chất lại, hai chữ đứng liền làm tôi nghĩ đến lớp lá cuốn quanh bẹ chuối non: lớp này ôm lớp kia, chẳng lớp nào được bóc ra sớm, vậy mà cái non nằm trong cứ lớn dần. Chữ *khắc* là vượt, là thắng, mà *vô bất khắc* lại chẳng có cái gì để thắng — nó là chẳng còn chỗ nào cản lại nữa. Đến *mạc tri kỳ cực* thì cái *cực* vừa hỏi ở chương 58 hiện về, lần này chẳng còn là câu hỏi, là chẳng ai biết được mép của cái đã chất lên ấy. Suốt dãy ấy ngài chẳng bảo ai cố thêm một lần nào: chỉ dè từ sớm, rồi để nó tự chồng. Bà tôi chẳng bóc bẹ chuối non, để nguyên đến lúc cuốn đủ thì mới cắt, cuộn lá xanh nằm im dưới gốc, chẳng ai đứng canh.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là chính chữ *sắc* ấy. Nghĩa cũ của nó chẳng phải keo kiệt, là cái kho thóc, là gom hạt về mà chưa đem ra phơi hết. Người xưa vẽ nó bằng một bông lúa đã chín cúi xuống ở nét trên, đặt ngay trên một cái vựa nhỏ khum miệng ở nét dưới: bông thì nghiêng, vựa thì khép, hai nét ấy đứng chung mà thành một cái còn cất giữ. Tôi ngồi nhìn lâu cái miệng vựa đang khép ấy — nó chẳng đóng kín, cũng chẳng mở toang, nó khum lại vừa đủ để hạt nằm trong, và chính cái khum ấy làm nên chữ. Nên chữ *sắc* vừa là dè, vừa là gom, vừa là cái kho; chẳng phải bớt đi cho thiếu, là chưa đem ra cho

cạn. Người đời sau hay đọc chữ ấy thành hà tiện, tôi đọc đi đọc lại vẫn thấy nó gần cái vựa gạo ngoài bếp bà tôi hơn: nắp đặt vừa, hạt còn đầy, chẳng ai múc vội ca cuối. *Mạc nhược sắc* vì thế nghe chẳng như một lời răn ai cả, nó như tiếng nắp vựa được đặt xuống nhẹ. Mà *tảo phục* —dè từ sớm —chính là gom ngay từ lúc bông lúa còn đang cúi, chưa kịp rơi hạt nào ra sân. Đợi tới lúc vơi mới lo là đã muộn một mùa rồi, ngài chẳng nói thế, nhưng cái bông cúi kia đã nói sẵn.

Nửa sau chương đi tiếp, mà chiều của nó là đi xuống: *mạc tri kỳ cực, khả dĩ hữu quốc; hữu quốc chi mẫu, khả dĩ trường cửu; thị vị thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi Đạo*. Chữ *mẫu* là mẹ, là cái sinh ra, chữ *trường cửu* là dài lâu, chữ *thâm* là sâu, chữ *căn* là rễ, chữ *cố* là bền, chữ *đế* là cái rễ cái nằm dưới cùng, chữ *cửu thị* là ngó mãi, là còn nhìn được lâu. Ngài chẳng bảo có được cái nước, ngài bảo có cái *mẫu* của nước —cái rễ chẳng ai trông thấy mà mọi cành lá đều nhờ vào đấy, đúng như chữ *bản* hồi chương 39, chỗ người xưa gạch một nét ngay dưới gốc cây. Từ *sắc* tới *thâm căn cố đế* là một đường càng xuống càng sâu, càng sâu càng lâu, chẳng có một bậc nào đi lên. Bụi tre góc ao nhà tôi mấy hôm mưa bờ sạt một đoạn, rễ bám lộ ra ngoài đất, xù xì, chẳng đẹp, vậy mà bụi vẫn đứng thẳng, lá vẫn xanh. Ông lão đi ngang chẳng đắp bờ lại ngay, chỉ cắm mấy cọc tre chéo rồi ngồi bệt xuống, tay gác lên đầu gối, nhìn mặt ao đang lặng dần. Chẳng ai tưới thêm, rễ tự bám sâu qua lớp đá ong.

Tôi đọc lại cả dãy mà thấy ngài chẳng đưa ra một cái đích nào để tới: *sắc*, *tảo phục*, *trùng tích đức*, *vô bất khắc*, *mạc tri kỳ cực*, rồi *hữu quốc chi mẫu*, rồi *thâm căn cố đế* —cứ như người ta cầm một sợi dây đi dần xuống dưới đất, càng đi càng mất dấu, mà sợi dây vẫn căng. Cái *mạc tri kỳ cực* ở chương trước còn là một câu hỏi, ở đây nó thành một chỗ đứng: chẳng ai biết mép, nên chẳng ai đem ra mà đong. Bà tôi gạt ngang ca gạo, đậy nắp vựa, rồi để nguyên cái thẻ tre nằm trên miệng vựa, chẳng cất đi. Chiều xuống, vệt nắng trên vành vựa nhích đi một chút, hạt gạo rơi vãi lúc sáng vẫn nằm lại ở chân vựa. Cái rễ chẳng ai đụng vào ấy sang chương sau sẽ được ngài đem lên bếp: *trị đại*

quốc, nhược phanh tiểu tiên —coi một nước lớn cũng như nấu một con cá nhỏ, chẳng trở đi trở lại.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: lễ thà kiệm còn hơn xa.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Bát dật*, có một câu mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh cái vựa gạo: (禮，與其奢也，寧儉；喪，與其易也，寧戚。) —lễ thì thà kiệm còn hơn xa hoa; tang thì thà đau lòng còn hơn chu đáo nghi thức. Chữ *xa* là phô rộng ra, chữ *kiệm* là gom lại, chữ *dị* ở đây là sửa soạn cho tươm tất từng li, chữ *thích* là cái đau nằm ở trong. Hai vế cùng một nhịp *thà... còn hơn...*, và cái được chọn ở cả hai vế đều là cái ít đi ở ngoài mà đầy lên ở trong. Tôi nhớ một đám giỗ chiều mưa, mâm bát bày đủ, chén nào cũng úp đúng chỗ, vậy mà người ngồi đầu bàn cứ cúi xuống, tay gấp cái khăn tay đã gấp tư từ sáng, chẳng mở ra.

Câu ấy soi thẳng vào *mạc nhược sắc*: một bên bớt đồ đi mà cái còn lại đầy lên, một bên dè ngay từ đầu chẳng đợi tới lúc phải sửa. *Phù vi sắc, thị vị tảo phục* —dè từ sớm —cũng là thà cái vựa còn khép, chẳng thà đem phơi hết ra rồi mới lo gom lại.

Trang Tử: đời có bờ, cái biết chẳng bờ.

Thiên *Dưỡng sinh chủ* trong sách *Trang Tử* mở đầu bằng một câu mà tôi cứ đọc lại mỗi lần định mở thêm một cuốn sách: (吾生也有涯，而知也無涯。以有涯隨無涯，殆已。) —đời mình có bờ, cái biết chẳng có bờ; lấy cái có bờ đuổi cái không bờ thì nguy rồi. Chữ *nhai* là bờ, là mép nước chỗ dừng lại, chữ *vô nhai* là chẳng có mép ấy, chữ *đãi* là nguy, là mỏi mà vẫn chưa chịu dừng. Câu ấy chẳng cấm ai học, nó chỉ kể cái chiều của một cái đuổi: một bên có chỗ dừng, một bên chẳng có, nên cái đuổi ấy chẳng bao giờ tới. Chiều nay tôi ngồi bên ấm trà, chép xong một câu lại muốn mở cuốn khác, tay đã cầm bìa, thì thấy ấm đã nguội từ lúc nào, chén úp trên khay vẫn khô.

Câu ấy cầm lấy cái *tảo phục* mà đỡ: dè từ sớm, đợi *trùng tích đức* chồng lên từng lớp một, chứ không đợi *mạc tri kỳ cực* rồi

mới vội. Cái biết chẳng bờ, mà cái vựa thì có miệng —ngài Lão Tử chọn đứng ở cái miệng ấy ngay từ đầu.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi múc gạo từ cái vựa sành đặt trong góc bếp. Ca gạo vun cao hơn miệng ca, bà lấy cái thẻ tre gạt ngang một cái, mấy hạt trắng rơi trở lại xuống đất bếp, rồi bà cúi nhặt từng hạt bỏ vào vựa. Nắp vựa đậy vừa, chẳng đầy căng, chẳng ép thêm. Cái thẻ tre đặt nằm ngang trên miệng vựa sau khi gạt, bà chẳng cất đi. Nắng lọt qua kẽ cửa sổ nằm thành một vệt mỏng trên nắp sành, nhích đi một chút rồi đứng lại. Hạt gạo rơi vãi lúc nãy vẫn còn một hạt nằm ở chân vựa, chẳng ai quét vội.

Mưa mấy hôm, bờ ao cuối xóm sạt một đoạn, đất đỏ lộ ra, rễ bụi tre bám lộ hẳn lên, xù xì dính bùn. Ông lão đi ngang dừng lại, chẳng đắp bờ ngay, chỉ cắm mấy cọc tre chéo vào chỗ sạt rồi ngồi bệt xuống bờ cỏ, tay gác lên đầu gối. Mặt ao lặng dần, bóng mây đứng yên một lát rồi trôi tiếp. Mấy cọc tre còn ướt, vỏ tre sáng ở chỗ mới vát, nước còn nhỏ xuống từ lá tre, mỗi nhịp một chút, chẳng ai đứng canh cái bờ ấy.

Tôi định châm thêm ngụm nước cho ấm trà đầy lên, ca đã nghiêng tới miệng ấm, rồi tay dừng lại giữa chừng. Tôi đặt ca xuống bàn, đậy nắp ấm lại như cũ. Ấm còn nửa, hơi vẫn bốc qua vòi, chén úp trên khay vẫn khô. Vệt nắng trên mặt bàn nằm im, mép ca nước còn đọng một vòng ướt mỏng, khô dần từ phía ngoài vào. Ngoài ngõ, tiếng chổi quét hiên bên nhà kêu một lát rồi thôi, ấm vẫn đứng nguyên chỗ cũ trên bàn.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Thẻ tre gạt ngang, hạt gạo rơi trở lại vựa.
Rễ tre lộ ra ngoài bờ ao, đất còn đỏ.
Ca nước đặt xuống, ấm vẫn còn nửa.

Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第六十章

Nấu cá nhỏ, đừng trở đi trở lại

若烹小鮮

治大國，若烹小鮮。
Trị đại quốc, nhược phanh tiểu tiên.

以道蒞天下，其鬼不神；非其鬼不神，其神不傷人；非其神不傷人，聖人亦不傷人。
Dĩ Đạo lị thiên hạ, kỳ quỷ bất thần; phi kỳ quỷ bất thần, kỳ thần bất thương nhân; phi kỳ thần bất thương nhân, thánh nhân diệc bất thương nhân.

夫兩不相傷，故德交歸焉。
Phù lưỡng bất tương thương, cố đức giao quy yên.

GẪM

Chương trước ngài cầm một sợi dây đi dần xuống đất, tới *thâm căn cố đế*, cái rễ chẳng ai trông thấy mà mọi cành lá đều nhờ vào. Tôi tưởng mình còn đang cúi nhìn cái rễ ấy, vậy mà lật sang một trang thì ngài đã đứng bên bếp, tay cầm một cái chảo: *trị đại quốc, nhược phanh tiểu tiên*. Coi một nước lớn, cũng như nấu một con cá nhỏ. Chữ *trị* là sắp cho yên, vang lại đúng *trị nhân sự thiên* hôm trước; chữ *đại quốc* là cái rộng, cái nhiều đầu việc; chữ *nhược* là như, là đem hai cái chẳng cùng cỡ đặt cạnh nhau mà chẳng nói thêm; chữ *phanh* là nấu, là kho trên

lửa; chữ *tiểu tiên* là con cá tươi còn bé. Một nước lớn mà ngài ví bằng một con cá nằm gọn trong lòng chảo đất. Chẳng có lời nào về quy mô, chỉ có một cử động: lửa để nhỏ, nước châm vừa, rồi chẳng trở đi trở lại. Cái *sắc* hôm trước gom hạt vào vựa, tới đây gom lại thành một bàn tay chẳng đụng vào chảo. Sáng nay bà tôi kho mấy con cá bống trong cái chảo đất, bà chỉ nghiêng chảo một cái cho nước dậy đều, rồi đậy nắp, chẳng lật con cá nào; đến lúc bắc ra, vây còn nguyên, da chẳng rách một chỗ.

Rồi ngài đưa cái chảo ấy đứng giữa thiên hạ: *dĩ Đạo lị thiên hạ, kỳ quỷ bất thần*. Chữ *lị* là đứng trên mà coi, là tới gần rồi vẫn ở đấy, chẳng lấn thêm; chữ *thần* là linh, là đem cái lạ ra làm việc. Ngài chẳng bảo quỷ chẳng có, ngài bảo quỷ chẳng *thần* —cái linh ấy chẳng đứng ra làm một việc nào trong thiên hạ này. Rồi hai vế lặp đi lặp lại, đọc lên như người bắc nhắc một câu cho rõ mà vẫn nhẹ: *phi kỳ quỷ bất thần, kỳ thần bất thương nhân; phi kỳ thần bất thương nhân, thánh nhân diệc bất thương nhân*. Chữ *phi* là chẳng phải, chữ *thương* là làm đau, là xước vào, chữ *diệc* là cũng. Mỗi vế *phi* lại sửa lại cái vế đứng ngay trước nó, sửa tới hai lần, thành ra chẳng còn một cái nào đứng ra làm đau: chẳng phải quỷ chẳng linh, là cái linh ấy chẳng làm hại người; chẳng phải chỉ cái linh ấy chẳng làm hại, là thánh nhân cũng chẳng làm hại. Chiều giỗ, nhà bên cạnh đốt vàng mã, khói bay sang sân tôi, bay ngang qua chỗ ấm trà đang đặt. Bà tôi chẳng che, cũng chẳng đuổi, chỉ dời ấm vào trong hiên một gang tay, rồi ngồi xuống như cũ.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *tiên*, cái tươi trong *tiểu tiên*. Nghĩa cũ của nó là con cá còn nguyên mùi nước, vừa mới bắt lên, chưa kịp ươn. Người xưa ghép nó bằng hai nửa chẳng liên quan gì đến nhau: một nửa là bộ *ngư*, con cá, nét vẽ có vây có đuôi; một nửa là con dê non, sừng còn ngắn, lông còn mượt. Lẽ ra cá với dê chẳng ngồi chung một chỗ, vậy mà ghép lại thành cái tươi, cái ngon mới, cái vừa kịp lúc. Tôi ngồi nhìn lâu cái ghép lạ ấy: chẳng phải cá cộng dê, là hai cái còn tươi đứng cạnh nhau làm một cái tươi —nghĩa chữ ấy ngay từ đầu đã

là cái chưa bị nấu đi, chưa bị trở đi, chưa bị đem ra can thiệp cho chín sớm hơn. Nên *tiểu tiên* chẳng phải con cá nhỏ vì tầm thường, nó nhỏ vì thịt còn mỏng: chỉ lỡ tay trở một cái là vỡ, là da rách, là cái tươi kia mất ngay trong một cử động. Cái ghép ấy còn vang sang *phù lưỡng bất tương thương* ở cuối chương —hai bên chẳng đụng vào nhau mà đau —cá với dê, khói với ấm trà, thánh nhân với người, đều đứng cạnh nhau chẳng cái nào lấn sang cái nào. Bà tôi chẳng lật con cá bống, cũng chẳng nêm thêm một thìa cho đậm, thế mà nước kho vẫn ngọt, vây vẫn dính nguyên trên thân.

Câu cuối ngài buông ngắn lại, chỉ còn mấy chữ mà tôi đọc mãi vẫn thấy dư một khoảng: *phù lưỡng bất tương thương, cố đức giao quy yên*. Chữ *lưỡng* là hai, chữ *tương thương* là đụng vào nhau mà đau —cái *tương* ấy là qua lại, là hai chiều cùng chịu; chữ *giao* là trao, là giao nhau; chữ *quy* là về, chữ *yên* là ở đấy, là cái dấu đặt xuống rồi thôi. Hai bên chẳng làm đau nhau, nên cái đức tự trao về, chẳng ai phải đem đi đâu, cũng chẳng ai phải đứng ra nhận. Ngài chẳng kể một phép nào ở câu này, ngài chỉ kể một cái còn lại sau khi cả hai cái tay đều buông xuống. Tôi nghĩ lại từ đầu chương: con cá trong chảo chẳng bị trở, cái linh chẳng đem ra làm việc, thánh nhân chẳng làm hại, khói bay sang sân chẳng bị che —chỉ một cử động lặp đi lặp lại, mỗi lần là một cái bớt. Nồi cá bắc ra, bà tôi đặt nắp úp nhẹ lên, khói bên nhà vẫn bay, ấm trà vẫn ấm ở hiên, chẳng cái nào đụng cái nào. Cái chén úp trên khay đứng nguyên chỗ cũ, chẳng ai dời nó vào giữa bàn, cũng chẳng ai úp thêm một cái lên trên.

Tôi đọc lại *trị đại quốc, nhược phanh tiểu tiên* rồi *phù lưỡng bất tương thương* mà thấy cả chương đứng trên một cái chẳng-đụng, chứ không phải một cái vắng: chảo vẫn trên bếp, lửa vẫn nhỏ, khói vẫn bay, ấm vẫn ấm, chỉ chẳng có cái tay nào đưa thêm vào. Cái *sắc* của chương 59 gom hạt lại trong vựa, cái *lưỡng bất tương thương* hôm nay gom cái tay lại trên bàn, cũng vẫn là một cử động bớt đi, chỉ đổi từ cái vựa sang cái chảo. Bà tôi lấy cái rổ úp lên nồi cá cho khỏi bụi, rồi đi rửa

tay ở bể nước ngoài hiên, chẳng ngoảnh lại. Nước chảy một lát rồi thôi, vệt ướt trên bậc thềm khô dần từ phía ngoài vào. Cái chẳng-đụng ấy còn đi sang trang sau, nơi một dòng nước ở đầu ngõ cứ tìm chỗ thấp mà chảy, chẳng cần ai dọn lối — tôi đặt ấm xuống đúng chỗ cũ, chén úp trên khay vẫn khô.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: kính quỷ thần mà đứng xa.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Ung dã*, có một câu trả lời ngắn mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh cái khói bay sang sân: (務民之義，敬鬼神而遠之，可謂知矣。) — lo việc nghĩa của dân, kính quỷ thần mà đứng xa, ấy gọi là biết. Chữ *vụ* là chuyên lo, là dồn tay vào một việc; chữ *viễn* là đứng xa, chẳng phủ nhận cũng chẳng vỗ về; chữ *tri* là biết, vang lại đúng *tri giả bất ngôn* hồi chương 56. Thầy chẳng bảo quỷ thần có hay chẳng có, thầy chỉ xếp hai cử động cạnh nhau: một cái lo ở phía người, một cái kính rồi lùi lại ở phía kia. Tôi nhớ bà tôi đặt bát cơm lên bàn thờ chiều giỗ, rồi lùi lại mấy bước, đứng yên một lát, chẳng vái thêm, cũng chẳng quay đi ngay.

Câu ấy soi vào *kỳ quỷ bất thần*: ngài Lão Tử chẳng phủ nhận cái linh, cũng chẳng đem nó ra làm việc — *phi kỳ quỷ bất thần, kỳ thần bất thương nhân*, kính mà đứng xa đến mức chẳng còn chỗ cho cái linh ấy đụng vào người.

Mạnh Tử: đừng trái mùa thì gạo cá chẳng cạn.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Lương Huệ Vương thượng*, có một câu kể bằng hai món ăn mà tôi vẫn đọc mỗi mùa gặt: (不違農時，穀不可勝食也；數罟不入洿池，魚鱉不可勝食也。) — đừng làm trái mùa vụ thì gạo ăn chẳng hết; lưới mắt nhỏ đừng thả xuống ao sâu thì cá ba ba ăn chẳng hết. Chữ *sổ cổ* là cái lưới đan mắt dày, bắt cả con còn bé; chữ *ô trì* là ao sâu, chỗ cá đang lớn; chữ *thắng* là hết, là xuể, chẳng đong cho vơi được. Hai vế cùng một nhịp *đừng... thì chẳng hết*, và cái được giữ lại ở cả hai vế đều là cái đúng lúc đang chín. Ông lão cuối xóm kéo lưới lên hôm nay, thấy mấy con cá bằng ngón tay cái vùng vẫy trong

mắt lưới, bèn nghiêng lưới thả lại xuống ao, chẳng đợi ai nhắc, rồi cuộn lưới vắt lên cọc.

Câu ấy đứng cạnh *nhược phanh tiểu tiên* nghe như cùng một bàn tay: đừng khuấy, đừng can thiệp đúng lúc đang chín. *Trị đại quốc* mà chẳng trở con cá, cũng như chẳng thả lưới mắt nhỏ xuống ao —cái còn lại tự đủ, chẳng cần ai đem thêm vào.

ĐỜI NAY 今

Sáng chợ, bà tôi mua mấy con cá bống còn nhảy trong rổ, về đặt vào cái chảo đất, châm nước vừa xâm mình cá, rồi để lửa nhỏ dưới bếp. Bà chẳng trở, chỉ nghiêng chảo hai lần cho nước dậy đều, rồi đậy nắp, đi ra hiên rửa mấy nhánh thì là. Một lát sau bà bắc chảo ra, vây cá còn nguyên, da chẳng rách, nước kho sánh lại màu nâu nhạt, mấy nhánh thì là nằm xanh trên mặt. Cái vá gỗ đặt ngang miệng chảo, bà chẳng dùng lần nào, để nguyên đấy đến lúc dọn mâm.

Chiều giỗ, nhà bên đốt vàng mã, khói bay sang sân tôi, bay ngang qua chỗ ấm trà đang đặt trên bàn gỗ. Bà tôi chẳng che, cũng chẳng đuổi, chỉ dời ấm vào trong hiên một gang tay rồi ngồi xuống chỗ cũ, tay gác lên thành ghế. Khói vẫn bay, lẫn với hơi nước bốc qua vòi ấm, chén úp trên khay vẫn khô. Nắng xiên qua kẽ lá rơi trên mặt bàn, một vệt sáng mờ nằm cạnh cái vòng ấm đã in từ hôm trước, chẳng cái nào lấn sang cái nào.

Ao cuối xóm, ông lão kéo lưới lên, mấy con cá bằng ngón tay cái vùng vẫy trong mắt lưới. Ông nghiêng lưới thả lại xuống nước, rồi cuộn lưới vắt lên cọc tre, lấy cái nón úp lên đầu cọc cho khỏi nắng, ngồi bệt xuống bờ cỏ. Mặt ao lặng dần, một chiếc lá bưởi rơi xuống rồi đứng yên giữa ao. Mấy gợn nước chỗ thả cá khép lại, cọc lưới còn ướt, vỏ tre sáng ở chỗ mới vát, chẳng ai đứng canh cái ao ấy.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Con cá bống nằm nguyên vây trong chảo đất.
Khói bên nhà vẫn bay, ấm trà dời vào một gang.
Lưới cuộn vắt lên cọc, chiếc lá bưởi đứng giữa ao.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第六十一章

Nước lớn nằm ở chỗ thấp

大國者下流

大國者下流，天下之交也，天下之牝。牝常以靜勝牡，以靜為下。

Đại quốc giả hạ lưu, thiên hạ chi giao dã, thiên hạ chi tẫn. Tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ.

故大國以下小國，則取小國；小國以下大國，則取大國。

Cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc.

故或下以取，或下而取。

Cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ.

大國不過欲兼畜人，小國不過欲入事人。

Đại quốc bất quá dục kiêm súc nhân, tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân.

夫兩者各得所欲，大者宜為下。

Phù lưỡng giả các đắc sở dục, đại giả nghi vi hạ.

GẪM

Chương trước ngài ví việc trị nước lớn với cái nồi cá nhỏ, bảo đừng khuấy, đừng lật đi lật lại cho nát thịt. Tôi còn đang nghe

tiếng vung đặt xuống thì sang chương này ngài đã đem cái nồi ấy ra đặt xuống thấp hơn nữa: *đại quốc giả hạ lưu* —nước lớn là chỗ thấp của dòng nước. Rồi hai câu nối vào như hai bàn tay chìa ra: *thiên hạ chi giao dã*, ấy là chỗ thiên hạ giao nhau; *thiên hạ chi tẫn*, ấy là cái tẫn của thiên hạ. Chữ *hạ lưu* là cuối dòng, là chỗ nước chảy về chứ chẳng phải chỗ nước đứng trên; chữ *giao* là chỗ hai đường gặp nhau. Ngài chẳng bảo nước lớn phải khiêm, ngài chỉ bảo nó vốn nằm ở đấy, và vì nằm ở đấy mà mọi dòng mới tìm tới. Tôi đặt ấm trà xuống bàn, chén úp trên khay, nước rót ra chảy xuống đáy chén chứ chẳng bao giờ chảy ngược lên miệng ấm.

Câu ngay sau làm tôi ngồi lại lâu hơn: *tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ* —cái tẫn thường lấy tĩnh mà thắng cái mẫu, lấy tĩnh mà làm cái thấp. Chữ *tẫn* là con cái, chữ *mẫu* là con đực; ngài chẳng tả một cuộc giành, ngài bảo cái nằm im thắng cái hay động, mà cái thắng ấy lại chính là *dĩ tĩnh vi hạ*: lấy cái nằm im làm chỗ thấp. Rồi hai vế xếp hàng: *cố đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc*, và gọn lại thành *cố hoặc hạ dĩ thủ, hoặc hạ nhi thủ*. Cùng một chữ *hạ*, một lần đi xuống để lấy, một lần đi xuống mà được lấy. Chữ *thủ* là lấy, mà nghe như chẳng có ai đứng ra giành: nước lớn chẳng cần đòi, nước nhỏ chẳng cần dâng, cả hai chỉ cùng ngồi thấp đi một nhịp. Ngài kể tỉnh queo, tôi nghe rõ tiếng nước rót dứt lại trong cái chén úp.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *tẫn*. Xưa nó mang bộ *ngưu*, nét vẽ cái đầu bò với hai sừng nhô lên, rồi một nét ngắn đặt sang bên; nghĩa cũ của nó là con cái, là cái âm, là cái chịu nằm. Điều lạ là chữ *mẫu* đứng ngay cạnh nó cũng mang đúng bộ *ngưu* ấy, chỉ đổi cái nét kia đi, mà nghĩa thành con đực, thành cái hay húc, hay đứng dậy. Hai chữ cùng một con bò, khác nhau ở một nét đặt cạnh, vậy mà ngài bảo cái nằm im thắng cái hay húc. Tôi nhìn hai chữ ấy cạnh nhau như nhìn hai cái chén đặt úp trên khay: cái nào cũng đựng được nước, chỉ cái nào chịu nằm xuống thì nước mới còn lại trong đó. Ngài chẳng chê cái sừng, ngài chỉ kể cái chiều của con vật đang đứng yên. Bộ *ngưu* ấy,

tôi nghĩ, cũng chẳng phải để mà giảng, nó chỉ để cho cái *tĩnh* có một cái thân mà nằm xuống.

Nửa sau chương ngài kể tiếp bằng hai câu rất đỗi đời thường: *đại quốc bất quá dục kiêm súc nhân, tiểu quốc bất quá dục nhập sự nhân* —nước lớn chẳng qua muốn chứa thêm người, nước nhỏ chẳng qua muốn vào mà hầu việc người. Chữ *bất quá* là chẳng qua, là chỉ có thế thôi, nghe như bà tôi múc thêm một bát canh rồi bảo chỉ có thế; chữ *kiêm súc* là ôm thêm vào mà nuôi, chữ *nhập sự* là bước vào mà phục. Ngài chẳng gọi tên tham vọng nào, ngài rút cả hai bên về đúng cái muốn nhỏ xíu của mình. Rồi *phù lưỡng giả các đắc sở dục, đại giả nghi vi hạ* —hai bên đều được cái mình muốn, mà cái lớn nên làm cái dưới. Chữ *nghi* là nên, là hợp, chẳng phải bắt buộc, chẳng phải ai đứng ra sửa lại cho đúng. Tôi đọc chữ ấy mà thấy nhẹ hẳn đi: nó giống cái câu bà tôi bảo ”để cái bát xuống dưới cho dễ múc”, chẳng có lệnh nào trong đó.

Câu cuối bản điện tử chép dở *ở đại giả nghi vi hạ*, dòng Hán Việt cuối cũng chẳng có dấu; bản này tôi đặt thêm một dấu chấm như đã ghi ở dòng chú bên dưới. Ấy vậy mà đọc lên, cái thấp ấy vẫn chẳng chịu đứng dậy —dấu chấm dừng câu, chứ chẳng dời được chỗ nước đang nằm. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, tôi chẳng châm thêm ngụm nào. Sang chương sau cái thấp ấy sẽ có một tên khác: ngài sẽ bảo Đạo là cái áo che muôn vật, ngồi im mà tiến nó còn quý hơn ngọc bích đi trước bốn ngựa —nghe thì xa, mà vẫn là cùng một chỗ nước đang nằm.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn kết thúc ở「大者宜為下」, không có dấu chấm câu cuối —y hệt chương 50 kết thúc ở「以其無死地」và chương 75 ở「是賢于貴生」. Bản này đã thêm dấu chấm cho đồng nhất với 78 chương còn lại; dòng Hán Việt cuối cũng theo đó.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: ngó nước phải ngó cái sóng.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Tận tâm thượng*, có một câu tôi đọc lên lại thấy mình đang đứng ở bờ sông: (觀水有術，必觀其瀾。) — ngó nước có cách, ắt phải ngó cái sóng. Chữ *lan* ấy là sóng lớn, chẳng phải gợn nhỏ li ti; người xưa bảo muốn biết nước thì đừng nhìn mặt phẳng lặng, hãy nhìn chỗ nó dạt lên. Tôi nhớ cái rãnh nước sau bếp nhà bà tôi, mặt thì lặng thế mà cứ có một vệt trắng đứng sẵn ở chỗ rãnh cạn, đúng chỗ viên gạch kê hơi thấp đi một tí. Nước chẳng làm gì lạ, nó chỉ chảy qua chỗ thấp ấy rồi dạt lên thành sóng. Ngó sóng, hóa ra chẳng phải ngó cái động, là ngó đúng chỗ nước đã chịu nằm xuống.

Đem cạnh *tẫn thường dĩ tĩnh thắng mẫu, dĩ tĩnh vi hạ*, cái *tĩnh* ấy vì thế chẳng phải nước đứng yên: nó là nước vẫn chảy mà vẫn chịu nằm thấp, nên sóng hiện lên ngay trên chính cái chỗ ấy.

Hệ từ thượng: trời cao đất thấp đã xếp sẵn.

Sách *Kinh Dịch*, thiên *Hệ từ thượng*, mở đầu bằng một câu xếp đặt rất lặng: (天尊地卑，乾坤定矣。卑高以陳，貴賤位矣。) —trời cao đất thấp thì Càn Khôn đã định; thấp cao bày ra thì ngôi quý tiện mới có chỗ. Chữ *ti* là thấp, chữ *trần* là bày ra; chẳng có ai đứng ra đặt đất xuống, đất vốn nằm đấy từ trước, chỉ cần trời cao lên là hai bên tự có chỗ của mình. Câu ấy kể một cái có sẵn, chứ chẳng dạy ai phải xếp lại.

Đặt cạnh *đại giả nghi vi hạ*, tôi nghe chữ *nghi* nhẹ hẳn đi: nó là nên, là đã hợp sẵn rồi, chẳng phải một lệnh bắt buộc phải đưa cái lớn xuống. Cái lớn nằm thấp cũng như đất nằm dưới trời, chẳng cần ai nhắc, nó vẫn ở đấy.

ĐỜI NAY 今

Chiều nay bà tôi đun nước, rót một ít vào cái tô sành đặt ngay dưới chân bếp cho con mèo uống. Ấm trà vẫn để trên bàn gỗ cao, mấy cái chén úp trên khay, hơi bốc lên làm mờ một góc kính cửa sổ. Con mèo khẽ láp mấy cái rồi ngồi im, ria mép còn dính một hạt nước. Tô sành lặng đi, mặt nước trong đó nằm thấp hơn hết mọi thứ trên bàn, mà chẳng ai dời nó lên.

Sạp rau đầu chợ hôm nay đông người. Cô bán hàng đẩy cái rổ đựng hành xuống đất, ngay chỗ chân mấy bà đứng xổm chọn rau, rồi vẫn ngồi trên cái ghế con phía trong. Mớ hành cứ lăn nhẹ về phía rổ thấp ấy, cô chẳng sửa lại, chỉ lấy tay vén mấy sợi rơm dính ở mép. Nước rửa rau chảy xuống nền, chảy qua chân rổ trước khi ra rãnh. Người mua cúi xuống bốc một nắm, chẳng ai ngẩng lên nhìn cái ghế con.

Mưa đầu mùa trưa nay, nước ngoài ngõ chảy dồn hết về cái cống thấp ở cuối xóm. Lá bàng, cái que gỗ, mấy hạt sỏi đều đi theo một chiều ấy, không cái nào đứng lại ở chỗ gờ cao trước cửa nhà tôi. Bà tôi dựng cái chổi ngay bậc thềm rồi lùi vào, để ngỏ cánh cửa. Tiếng nước kêu ở miệng cống nghe đục dần, rồi đều lại, mưa vẫn rơi trên mái tôn, chẳng chỗ nào dâng lên.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Tô nước đặt thấp dưới chân bếp, mèo còn láp.
Rổ hành lùi xuống đất, ghế con vẫn ở trong.
Nước ngoài ngõ dồn về cái cống cuối xóm.
Dấu chấm đã đặt, chén vẫn úp, nước vẫn nằm thấp.

第六十二章

Ngồi im hơn ngọc bích

道者萬物之奧

道者萬物之奧。善人之寶，不善人之所保。
Đạo giả vạn vật chi áo. Thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo.

美言可以市尊，美行可以加人。人之不善，何棄之有？
Mỹ ngôn khả dĩ thị tôn, mỹ hạnh khả dĩ gia nhân. Nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?

故立天子，置三公，雖有拱璧以先駟馬，不如坐進此道。
Cố lập thiên tử, trí tam công, tuy hữu cung bích dĩ tiên tứ mã, bất như toạ tiến thử Đạo.

古之所以貴此道者何？不曰求以得，有罪以免耶？
Cổ chi sở dĩ quý thử Đạo giả hà? Bất viết cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn da?

故為天下貴。
Cố vi thiên hạ quý.

GẪM

Chương trước ngài đem cái thấp xuống mà kể về nước lớn, rồi khép bằng một câu còn bỏ ngỏ. Sang chương này ngài chẳng nói về nước nữa, ngài gọi thẳng tên cái Đạo: *Đạo giả vạn vật chi áo* —Đạo là cái áo của muôn vật. Chữ *áo* là góc trong cùng, là chỗ khuất của căn nhà; ngài mượn ngay cái chỗ ấy, chứ chẳng mượn cái giữa sân. Rồi hai vế đi liền: *thiện nhân chi bảo, bất thiện nhân chi sở bảo* —báu của người thiện, mà cũng là chỗ người chẳng thiện nương vào. Chữ *bảo* là báu, chữ *sở bảo* là chỗ được giữ. Ngài chẳng chia hai hạng người ra hai kệ, ngài bảo một cái Đạo ấy đứng cho cả hai. Tôi đặt ấm trà xuống, chén úp trên khay, cái góc khuất sau tủ bếp vẫn tối và vẫn còn nguyên.

Đoạn sau ngài kể mấy cái đời vẫn đem ra đổi: *mỹ ngôn khả dĩ thị tôn, mỹ hạnh khả dĩ gia nhân* —lời đẹp có thể mua được cái tôn, việc đẹp có thể thêm vào người. Chữ *thị* là mua, chữ *gia* là đặt thêm lên; ngài dùng hai chữ của chợ búa, nghe mà thấy rõ tiếng xu đặt xuống mặt sạp. Thế mà ngay sau đó ngài hỏi: *nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?* —người chẳng thiện, có gì mà bỏ đi? Chữ *khí* là bỏ, là vứt sang một bên. Câu hỏi ấy chẳng đáp, chỉ đứng ngay giữa mấy câu vừa mua vừa thêm, làm cái mâm đang đầy bỗng còn thiếu một chỗ để đặt. Rồi ngài xếp cả đồ lễ sang: *cố lập thiên tử, trí tam công, tuy hữu cung bích dĩ tiên tứ mã, bất như tọa tiến thử Đạo* —dựng thiên tử, đặt tam công, dù có ngọc bích đi trước bốn ngựa, vẫn chẳng bằng ngồi mà tiến cái Đạo ấy. Ngọc với ngựa ngài chẳng chê, ngài chỉ bảo còn một cái ngồi im hơn cả đám đang đi.

Chữ tôi ngồi lâu nhất là *áo*. Nghĩa cũ của nó là góc tây nam của ngôi nhà, chỗ sâu nhất, chỗ người xưa đặt bàn thờ, chỗ muốn tới phải cúi người xuống chứ chẳng đứng thẳng được. Nhìn vào hình chữ, bên trên có một nét mái che xuống, bên dưới là phần được đặt sâu vào trong, như cái hốc cuối cùng của cái tủ bếp nhà bà tôi, nơi bà cất cái ấm đất cũ mà chẳng bao giờ đem ra lau cho bóng. Ngài bảo Đạo là cái *áo* của muôn vật, tức là chẳng đứng giữa sân cho ai ngó, cũng chẳng treo lên cao cho ai

với; nó nằm đúng ở chỗ khuất ấy, mà chính vì khuất nên mọi thứ mới được che. Tôi đọc đi đọc lại mà thấy lạ: cái gọi là của muôn vật lại là cái chẳng bao giờ lộ ra, như cái hốc tối sau tủ vẫn giữ cho cái ấm khỏi bụi, dù chẳng ai trong bàn nhắc đến nó.

Rồi ngài tự hỏi như đã làm ở chương trước: *cổ chi sở dĩ quý thử Đạo giả hà? bất viết cầu dĩ đắc, hữu tội dĩ miễn da?* —xưa quý cái Đạo ấy là vì đâu? Chẳng phải bảo cầu thì được, có tội thì khỏi ư? Chữ *miễn* là khỏi, là thoát khỏi, chữ *đắc* là được. Ngài hỏi bằng hai vế, rồi chẳng đáp, để cái hỏi ấy nằm nguyên trên bàn như cái chén vẫn úp. *Hữu tội dĩ miễn* vang lại đúng cái *nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?* ở đầu chương: người lỡ một lần vẫn còn nằm trong cái góc che ấy, chẳng bị đem ra đặt riêng. Tôi nghe tiếng nắp vung bếp khẽ kêu một cái, rồi thôi, chẳng có ai nhấc lên.

Câu cuối gọn đến mức chỉ còn bốn chữ: *cố vi thiên hạ quý* — nên thành cái quý của thiên hạ. Ngài chẳng bảo ai phải quý, ngài chỉ kể nó đã quý sẵn rồi, như cái ấm đất cũ trong góc tủ vẫn còn nguyên dù chẳng ai đem ra khoe. Ấm trà trên bàn vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô. Sang chương sau cái ngồi im ấy sẽ cất tay lên mà làm, nhưng làm bằng một cụm lạ: *vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị* —làm mà chẳng làm, và việc khó sẽ bắt đầu ở đúng chỗ đang dễ.

ĐIỂN TÍCH 典

Trung Dung: Đạo chẳng rời được một chớp mắt.

Sách *Trung Dung* có một câu ngắn mà tôi đọc lên thấy nó dính ngay vào đầu ngón tay: (道也者，不可須臾離也，可離非道也。) —Đạo là cái chẳng rời được một chớp mắt; rời được là chẳng phải Đạo. *Tu du* là một chớp, là khoảng vừa đủ để mắt kịp chớp một cái, ngắn đến mức chẳng cân được. Câu ấy chẳng bảo Đạo ở trên cao hay ở xa, nó bảo Đạo ở ngay chỗ mình đang đứng, rời đi một chút thôi đã không còn là nó nữa. Tôi đọc mà nhớ bàn tay bà tôi đang cầm cái rổ trên hiên: bà chẳng đặt

xuống, cũng chẳng nói gì, vậy mà hạt gạo vẫn nằm yên trong rổ suốt lúc bà ngó sang luống rau.

Đem cạnh *Đạo giả vạn vật chi áo*, cái ẩn ấy hóa ra chẳng ở một nơi nào khác: nó là chính cái góc khuất ngay dưới mái, ngay chỗ đang đứng, chứ chẳng phải chỗ phải đi tìm cho xa.

Mạnh Tử: ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Cáo tử hạ*, có một câu gọn đến mức đọc xong còn ngỡ thiếu chữ: (人皆可以為堯舜。) —ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn. Có ông Tào Giao hỏi thầy có thật thế không, thầy đáp vỏn vẹn một tiếng: phải. Câu ấy chẳng kể ai đứng đầu, ai đứng cuối, ai đã lỡ một lần; nó chỉ mở một cái cửa đứng ngay giữa, chẳng có cái tên nào bị gạch ra. Tôi đọc lên thấy nó giống cái câu bà tôi mời người lạ vào mâm: chén úp thêm một cái, chẳng hỏi ai từ đâu tới.

Câu ấy cầm lấy *nhân chi bất thiện, hà khí chi hữu?* rồi *hữu tội dĩ miễn* của chương này: chẳng có ai bị bỏ ra ngoài cái Đạo ấy, kể cả người vừa lỡ, cũng như cái chén úp thêm vẫn được đặt trên cùng một cái khay.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi cất cái ấm đất cũ vào góc trong cùng của tủ bếp, sau mấy cái bát xếp úp. Chiều nay bà lấy ra pha trà, rồi lại đặt về đúng chỗ cũ, quai ấm quay vào trong, chẳng lau cho bóng. Cánh tủ khép hờ, một vệt nắng lọt qua kẽ lá khế nằm ngang trên mép gỗ, không tới được cái hốc ấy. Mấy cái bát phía ngoài vẫn xếp ngay ngắn, bụi chỉ đọng ở miệng cái ấm phía trong.

Sạp chợ cuối buổi, một cậu bé trả tiền mua bó rau, cô bán hàng đếm lại thấy dư một xu cũ, bèn đặt xu vào lòng bàn tay nó, khép mấy ngón lại giúp. Cậu bé ngó cái xu một lát rồi bỏ vào túi, chẳng nói. Rổ rau còn lại vài cọng, cô vẫn để nguyên trên sạp, lấy cái khăn ẩm phủ lên. Nắng chiều rời khỏi mặt sạp, cái cân đòn gác ngang, quả cân nằm im ở một đầu.

Chiều mưa, ông lão đầu ngõ ngồi im trên bậc thềm, tay đặt lên đầu gối, chẳng cầm ô dù mưa vẫn rơi qua mái tôn sang. Cái

chén trà đặt ngay bên, úp xuống bậc đá, hơi còn bốc qua khe nhỏ. Một người đi ngõ vội, dừng lại định mời ông vào hiên, rồi thấy ông đã ngồi yên thế từ lúc nào, bèn lùi lại, đặt cái ô dựng ngay cạnh bậc rồi đi. Mưa rơi trên ô, rơi trên chén úp, bậc thềm ướt một vệt dài.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Ấm đất nằm trong góc tủ, mái che còn nguyên.
Cái xu đặt lại vào lòng bàn tay nhỏ.
Bậc thềm ướt, ông lão vẫn ngồi im.
Ngọc bích để trên khay, chén úp, chẳng ai dời.

第六十三章

Việc khó bắt đầu ở chỗ dễ

為無為

為無為，事無事，味無味。
Vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị.
大小多少，報怨以德。圖難于其易，為大于其細。
Đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức. Đồ nan vu kỳ dị, vi đại vu kỳ tế.
天下難事，必作于易，天下大事，必作于細。
是以聖人終不為大，故能成其大。
Thiên hạ nan sự, tất tác vu dị, thiên hạ đại sự, tất tác vu tế. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại.
夫輕諾必寡信，多易必多難。
Phù khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan.
是以聖人猶難之，故終無難矣。
Thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ.

GẪM

Chương trước ngài bảo dù có ngọc bích đi trước bốn ngựa vẫn chẳng bằng ngồi mà tiến Đạo. Sang chương này cái ngồi ấy động tay, mà động bằng một cụm tôi đọc mãi vẫn thấy thiếu

một nhịp: *vi vô vi, sự vô sự, vị vô vị* —làm chẳng làm, việc chẳng việc, nếm chẳng nếm. Chữ *vi* là làm, chữ *sự* là việc, chữ *vị* là nếm; cả ba đều bị chính mình phủ đi ngay sau, rồi lại còn đứng yên đấy. Ngài chẳng bảo đừng làm, ngài bảo cái làm ấy chẳng cất thành một cái để mà gọi là việc. Tôi châm nước vào ấm chiều nay, tay rót xong thì quên mình vừa rót, chén vẫn úp trên khay, nước vẫn ấm, chẳng có một câu nào được ghi thêm vào buổi chiều ấy.

Rồi ngài xếp mấy cặp cạnh nhau: *đại tiểu đa thiểu, báo oán dĩ đức* —lớn nhỏ nhiều ít, lấy đức mà đáp oán. Chữ *báo* là đáp lại, chữ *oán* là cái còn giận; ngài chẳng bảo bỏ cái oán đi, ngài chỉ đặt cái đức vào đúng chỗ lẽ ra tay mình định đưa ra. Ngay sau đó: *đồ nan vu kỳ dị, vi đại vu kỳ tế* —tính việc khó ở chỗ còn dễ, làm việc lớn ở chỗ còn nhỏ. Chữ *vu* là ở, là từ; bản nguồn chép chữ ấy những bốn lượt, tôi vẫn đọc là *vu*, không đổi, như đã ghi ở dòng chú dưới đây. Chữ *dị* là dễ, chữ *tế* là nhỏ. Ngài chẳng bảo việc khó biến mất, ngài bảo nó còn đứng ở chỗ dễ thì bàn tay đã đặt sẵn ở đấy rồi, chẳng cần chờ đến lúc nó thành khó mới vội.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *tế*. Bên trái nó mang bộ *mịch*, nét vẽ mấy sợi tơ xe lại thành một sợi, bé đến mức phải đưa lên gần mắt mới thấy; nghĩa cũ của nó là sợi nhỏ, là cái mảnh, là cái chưa đáng gọi tên. Ngài dùng đúng chữ ấy hai lần: *vi đại vu kỳ tế*, rồi *thiên hạ đại sự, tất tác vu tế* —việc lớn trong thiên hạ ắt làm từ cái sợi tơ ấy. Tôi ngồi nhìn đầu đũa bà tôi chọc một lỗ nông trong luống đất, hạt cải bé hơn cả cái móng tay, vậy mà mấy hôm sau luống ấy xanh lên từ đúng những lỗ ấy. Cái lớn chẳng đứng đợi ở cuối, nó đang mọc ra từ cái sợi tơ lúc này. Ngài chẳng giảng về cái nhỏ, ngài chỉ gọi đúng tên nó, rồi để nó tự lớn.

Mạch sau dài thêm một nhịp: *thiên hạ nan sự, tất tác vu dị, thiên hạ đại sự, tất tác vu tế. Thị dĩ thánh nhân chung bất vi đại, cố năng thành kỳ đại* —việc khó trong thiên hạ ắt khởi từ chỗ dễ, việc lớn ắt khởi từ chỗ nhỏ; nên thánh nhân suốt chẳng làm lớn, vậy mà thành được cái lớn. Chữ *chung* là suốt, là đến

cuối, chữ *bất vi đại* là chẳng nhắm vào cái lớn; ngài để hai câu ấy đứng cạnh nhau chẳng giải, như để nguyên một chén chưa rót giữa khay. Rồi câu gắt nhất: *phù khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan* —hứa khinh ắt ít tin, coi dễ nhiều ắt khó nhiều. Chữ *nặc* là hứa, chữ *quả* là ít. Ngài chẳng dặn ai cẩn thận hơn, ngài chỉ kể cái chiều của một lời lỡ ra quá nhanh, rồi cái khó đứng sẵn ngay sau nó.

Nên câu cuối mới lặng thế: *thị dĩ thánh nhân do nan chi, cố chung vô nan hĩ* —thánh nhân vẫn còn lấy làm khó, nên suốt chẳng có gì khó. Chữ *do* là vẫn còn, chữ *nan chi* là lấy nó làm khó; cái khó chẳng bị xóa, nó được giữ nguyên ở đúng chỗ dễ ban đầu. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô. Sang chương sau cái *tác vu tế* ấy sẽ mọc lên thành một cây ôm không xuể, mà ngài vẫn bảo cái còn yên thì dễ giữ, cái chưa nứt thì dễ xếp, vẫn là một sợi tơ, chỉ đổi từ đầu đũa sang đầu cành.

> Chỗ hay về bản văn: chương này dùng 「于」 những bốn lượt —「圖難于其易」「為大于其細」「必作于易」「必作于細」— trong khi chương 23, 40 đã gắn cờ 于 / 於. Tôi **giữ nguyên** chữ 于 của bản nguồn và phiên là *vu*, không đổi thành 於, chỉ ghi chú và gắn cờ.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: người xưa chẳng vội nói ra lời.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Lý nhân*, có một câu tôi vẫn đọc chậm lại: (古者言之不出，恥躬之不逮也。) —người xưa chẳng để lời ra vội, xấu hổ vì thân mình chẳng theo kịp. Chữ *cung* là thân mình, chữ *đãi* là kịp; cái xấu hổ ấy chẳng phải sợ ai chê, là sợ cái thân còn đứng lại đằng sau trong khi lời đã đi trước một quãng. Tôi nhớ lần hứa với bà tôi sửa cái bản lề cổng trước khi trưa, vậy mà đến chiều mới cầm tuốc nơ vít ra; lời hứa buổi sáng vẫn nằm đâu đó trong bếp, nghe rõ hơn cả tiếng bản lề lúc tôi vặn lại.

Soi thẳng vào *phù khinh nặc tất quả tín, đa dị tất đa nan*, lời hứa ra quá nhanh ấy chính là cái *dị* đã được coi nhiều đi một nhịp, nên cái *nan* cứ đứng sẵn ngay sau nó, chẳng cần ai đẩy.

Trung Dung: đi xa phải bắt đầu từ chỗ gần.

Sách *Trung Dung* ví đạo người quân tử bằng hai câu đi song: (君子之道，辟如行遠必自邇，辟如登高必自卑。) —đi xa ắt phải từ chỗ gần, lên cao ắt phải từ chỗ thấp. Chữ *tự* trong câu ấy là từ, là khởi ở, chẳng phải tự mình; chữ *nhĩ* là gần, chữ *ti* là thấp. Hai vế chẳng thêm một bước nào cho đoạn đường dài ra, chúng chỉ chỉ đúng cái bước đầu đang nằm dưới chân. Đọc lên tôi thấy mình đang đứng ở bậc thềm nhà bà tôi, bậc đầu còn ướt mưa, còn những bậc sau chưa kịp ngó tới.

Đặt cạnh *đồ nan vu kỳ dị, vi đại vu kỳ tế* rồi *thánh nhân chung bất vi đại*, tôi thấy cùng một cử động: ngài chẳng nhắm vào cái lớn, ngài đặt tay vào đúng cái nhỏ đang còn ấm, rồi để cái lớn tự tới.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi gieo mấy hạt cải vào luống đất sau bếp, dùng đầu đũa chọc từng lỗ nông, mỗi lỗ cách nhau một gang. Hạt bé, lẫn vào màu đất, bà phải cúi sát xuống mới thấy chỗ nào đã đặt, chỗ nào còn trống. Tưới bằng cái gáo dừa nghiêng thật nhẹ, nước chỉ đủ làm ốm một vòng tròn nhỏ quanh lỗ. Rồi bà để nguyên luống ấy, kê cái rổ úp lên che nắng trưa, chẳng tưới thêm. Chiều tôi ngó ra, vòng đất ướt đã khô thành vệt mờ, mấy lỗ vẫn nằm yên dưới rổ.

Chị hàng xóm phơi áo buổi nắng xiên, kẹp từng cái kẹp gỗ lên dây, cái cuối cùng kẹp hơi lệch nên vạt áo xoắn lại một tí. Chị đứng ngó một lát, định sửa, rồi thôi, quay vào nhà lấy cái rổ. Gió nổi nhẹ, vạt áo ấy tự buông ra, kẹp gỗ vẫn kẹp lệch, chẳng ai đụng vào. Bóng dây phơi nằm dài trên nền gạch, mấy cái kẹp thừa xếp trong cái bát sành đặt dưới chân tường.

Đầu ngõ hôm nay có người sửa lại cái bản lề cổng sắt, cái ốc bị lỏng từ hôm mưa. Anh ngồi xổm, vặn từng nửa vòng, rồi

đẩy nhẹ cánh cổng xem còn kêu không. Cánh cổng đứng yên, chỉ còn một vệt gỉ sáng chỗ ốc vừa siết. Mấy đứa trẻ đi qua vẫn đẩy cổng như mọi chiều, chẳng đứa nào ngó xuống cái ốc. Nắng chiều lọt qua khe cổng nằm ngang trên mặt ngõ, cái tuốc nơ vít đặt ngay bên bậc đá, đầu còn dính một ít gỉ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Đầu đũa chọc một lỗ nông, hạt cải còn dính.
Kẹp gỗ kẹp lệch, vạt áo tự buông ra.
Cái ốc vặn lại, cổng đứng yên.
Chén úp, ấm còn ấm, việc còn ở chỗ nhỏ.

第六十四章

Cái còn yên thì dễ giữ

其安易持

其安易持，其未兆易謀，其脆易泮，其微易散，為之于未有，治之于未亂。

Kỳ an dị trì, kỳ vị triệu dị mưu, kỳ thuý dị phán, kỳ vi dị tán, vi chi vu vị hữu, trị chi vu vị loạn.

合抱之木，生于毫末；九層之臺，起于累土；千里之行，始于足下。

Hợp bão chi mộc, sinh vu hào mạt; cửu tằng chi đài, khởi vu luỹ thổ; thiên lý chi hành, thuỷ vu túc hạ.

為者敗之，執者失之，是以聖人無為，故無敗，無執，故無失。

Vi giả bại chi, chấp giả thất chi, thị dĩ thánh nhân vô vi, cố vô bại, vô chấp, cố vô thất.

民之從事，常于幾成而敗之；慎終如始，則無敗事。

Dân chi tòng sự, thường vu ky thành nhi bại chi; thận chung như thuỷ, tắc vô bại sự.

是以聖人欲不欲，不貴難得之貨；學不學，
復衆人之所過。
Thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hoá; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá.

以輔萬物之自然，而不敢為。
Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi.

GẪM

Chương trước ngài bảo thánh nhân vẫn lấy việc làm khó nên suốt chẳng khó. Sang chương này ngài đưa cái khó ấy về tận trước lúc nó thành hình: *kỳ an dị trì, kỳ vị triệu dị mưu, kỳ thuỷ dị phán, kỳ vi dị tán* —cái còn yên thì dễ giữ, cái chưa có điềm thì dễ tính, cái còn giòn thì dễ bở, cái còn nhỏ thì dễ tan. Bốn chữ *dị* đi liền như bốn lần đặt tay vào đúng chỗ việc còn chưa kịp đứng dậy. Chữ *triệu* là cái điềm ló ra trước, chữ *phán* là bở ra, chữ *tán* là tan đi. Ngài chẳng kể chuyện đã hỏng, ngài kể chuyện còn đang yên, rồi thêm một cặp: *vi chi vu vị hữu, trị chi vu vị loạn* —làm ở chỗ chưa có, sửa ở chỗ chưa loạn. Tôi nghe mà nhớ cái nắp vung bếp nhà tôi, nhấc lên đúng lúc nước vừa sôi thì hơi thoát nhẹ, chứ để thêm một nhịp là trào ra mép nồi.

Rồi ba cái ngài xếp hàng, đọc lên như ba lần bước chân: *hợp bão chi mộc, sinh vu hào mạt; cửu tầng chi đài, khởi vu luỹ thổ; thiên lý chi hành, thuỷ vu túc hạ* —cây ôm không xuể sinh từ đầu lông, đài chín tầng dậy từ nắm đất, đi ngàn dặm bắt ở dưới bàn chân. Chữ *hào mạt* là cái đầu lông, chữ *luỹ thổ* là đất đắp từng nắm, chữ *túc hạ* là ngay dưới chân mình. Chữ *vu* lại đứng ở cả ba, tôi vẫn đọc là *vu*, chẳng đổi, như đã ghi ở dòng chú dưới đây. Ngài chẳng bảo cái lớn bé đi, ngài bảo cái lớn vẫn đang mọc ra từ cái bé ngay lúc này, chẳng cần đợi đến lúc nó đủ lớn mới chịu tin.

Chữ tôi ngồi lâu nhất là *trì*, chữ đầu câu *kỳ an dị trì*. Bên trái nó là bộ *thủ*, nét vẽ bàn tay xòe ra; phần còn lại chỉ để cái nắm ấy

có chỗ mà tựa. Nghĩa cũ của nó là cầm, là giữ, mà không phải bóp chặt: nó là đặt lòng bàn tay lên một cái đang đứng yên cho khỏi nghiêng, kiểu bà tôi đặt tay lên vành nồi đất lúc bê từ bếp sang mâm. Ngài bảo cái còn yên thì dễ *trì*, thế mà chỉ mấy câu sau ngài lại viết *chấp giả thất chi* —kẻ cầm chặt thì mất. Cùng một bàn tay, một lần đặt nhẹ, một lần bóp lại; chữ *chấp* là nắm lấy không chịu buông, chữ *thất* là tuột mất. Tôi đọc hai câu ấy cạnh nhau mà thấy rõ cái khẽ của lòng bàn tay mình lúc đang giữ cái chén nóng: đặt nhẹ thì ấm, bóp chặt thì tay bỏng, chén lại trượt.

Mạch giữa chương chép: *vi giả bại chi, chấp giả thất chi, thị dĩ thánh nhân vô vi, cố vô bại, vô chấp, cố vô thất* —kẻ làm thì hỏng, kẻ cầm chặt thì mất; thánh nhân vô vi nên chẳng hỏng, chẳng nắm giữ nên chẳng mất. Soi ảnh quét Vương Bật, tôi mới hay bản điện tử từng chép nhầm *bái* (lạy) và *sư* (thầy) vào chỗ phải là *bại* và *thất*; đã sửa lại cho khớp kinh văn. Rồi *dân chi tòng sự, thường vu ky thành nhi bại chi; thận chung như thuỷ, tắc vô bại sự* —dân làm việc, thường ở chữ *ky* (幾, gần) mà gần xong thì lại hỏng; giữ cái cuối như cái đầu thì chẳng việc nào hỏng. Chữ *ky* ấy là chữ 幾, nghĩa gần, nghe như cái đang sắp xong mà còn dang một nhịp. Cuối cùng: *thị dĩ thánh nhân dục bất dục, bất quý nan đắc chi hoá; học bất học, phục chúng nhân chi sở quá. Dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi* —muốn cái chẳng muốn, chẳng quý cái hàng khó kiếm; học cái chẳng học, sửa lại chỗ mọi người lỡ đi qua; lấy mà đỡ cái tự nhiên của muôn vật, chẳng dám làm. Chữ *phụ* là đỡ, là tựa vào, chẳng phải đẩy tới. Ngài đặt nó ngay trước cái *bất cảm vi*, nghe như bàn tay vừa định đưa ra rồi thôi, vẫn còn để nguyên trên đầu gối.

Đọc hết chương dài nhất này tôi chẳng thấy ngài dặn thêm điều gì, chỉ thấy ngài lùi tay ra đúng lúc mọi thứ còn đang yên. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, cái chổi dựng ngay bậc thềm chẳng ai dời. Sang chương sau cái chẳng dám làm ấy sẽ được gọi bằng một cặp chữ đứng cạnh nhau,

minh với *ngu*, và tôi sẽ ngồi nghe cái lệch giữa chúng, chưa vội ngả về bên nào.

> Chỗ hay về bản văn (chương **dài nhất, 153 chữ Hán**): soi ảnh quét Vương Bật, bản điện tử chép nhầm ba chỗ ở chương này — 「為者拜之」(bái = lạy, vô nghĩa) đúng ra「為者敗之」; 「無執，故無師」(sư = thầy, vô nghĩa) đúng ra 「無執故無失」; 「常于几成」(几 là dạng giản) đúng ra 「常于幾成」. Cả ba đều là lỗi chép/gõ, **đã sửa** 拜 thành 敗, 師 thành 失, 几 thành 幾 và dòng Hán Việt bái thành bại, sư thành thất (ky giữ nguyên vì 幾 cũng đọc ky). Chữ「几」trong chương 69「輕敵几喪吾寶」cùng lớp, cũng **đã sửa** về 幾. Chữ 「于」 vẫn giữ như chương 63 (khớp Vương Bật, khác chữ không đổi nghĩa).

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: ông Tống nhổ mạ cho mau lớn.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Công Tôn Sửu thượng*, kể một ông nước Tống: (宋人有閔其苗之不長而揠之者，芒芒然歸。) —có người lo mạ chẳng chịu lớn, bèn đi dọc ruộng nhổ mỗi cây lên một tí, rồi về nhà mệt lử. Chữ *mẫn* là lo, dáng *mang mang* ấy là mệt nhọc mà vẫn còn hồ hởi, kiểu người vừa làm xong một việc mà tưởng mình đã giúp được ai. Về đến nơi ông khoe với con: hôm nay ta giúp mạ mau lớn đấy. Thằng con chạy ra ruộng thì mạ đã héo hết, gốc nhổ lên khỏi bùn, nắng trưa nằm trọn trên luống. Câu Hán chỉ chép đến lúc ông về nhà, còn cái héo ấy người đời sau kể tiếp bằng tiếng mình, tôi cũng chỉ kể lại thế, chẳng thêm một chữ.

Đem cạnh *vi giả bại chi* rồi *dĩ phụ vạn vật chi tự nhiên, nhi bất cảm vi*, ông Tống ấy cầm đúng cái tay mà ngài bảo đừng đưa ra: mạ chẳng cần được nhổ lên, nó chỉ cần được để yên đúng chỗ nó đang mọc, và cái *phụ* kia là đỡ lấy chỗ ấy chứ chẳng phải kéo nó lên cho mau.

Kinh Thi: ai cũng có lúc đầu, ít ai giữ đến cuối.

Kinh *Thi*, thiên *Đãng* trong *Đại nhã*, có hai vế ngắn đứng cạnh nhau: (靡不有初，鮮克有終。) —chẳng ai là không có lúc đầu, ít ai giữ được đến cuối. Chữ *mi* là chẳng, chữ *tiên* là ít,

chữ *khắc* là làm được. Hai vế chẳng trách ai, chúng chỉ kể một cái nhịp: cái khởi lúc nào cũng đầy, cái cuối lúc nào cũng dễ vơi đi một ít, như bát cơm bà tôi xới lúc đầu còn nóp, đến lúc gần hết thì chỉ còn vài hạt dính đáy.

Cầm lấy *dân chi tòng sự, thường vu ky thành nhi bại chi; thận chung như thuỷ*, tôi thấy đúng chỗ *ky* ấy: việc hỏng ngay lúc sắp xong, nên ngài bảo giữ cái cuối bằng đúng cái đầu, chứ chẳng thêm một sức nào vào phút cuối.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi kho cá trong nồi đất, đậy nắp vung rồi ngồi ngay bên bếp, chẳng đi đâu. Đến lúc hơi kêu khẽ ở mép nồi, bà nhấc nắp lên một tí cho hơi thoát, rồi đậy lại, đẩy cái nồi dịch đi nửa gang tay. Cá vẫn nguyên, nước kho chẳng trào, mép nồi chỉ có một vòng ướt mờ. Bà chẳng mở nắp thêm lần nào, cái muỗng gỗ gác ngang qua vành nồi, đầu còn dính một vệt màu nâu.

Cây khế con mới nhú trên bậu cửa sổ bếp, thân bé, hơi nghiêng về phía có nắng. Bà tôi buộc một sợi dây vải quanh thân rồi cắm cái cọc tre bên cạnh, nhưng chỉ buông lỏng, chẳng siết. Chiều gió nổi, thân cây ngả theo rồi đứng lại, sợi dây vẫn còn một khoảng hở bằng đầu ngón tay. Mấy lá non xanh ở đầu cành, chậu đất đặt nguyên trên bậu, vệt tưới hôm qua chưa kịp khô thành vòng.

Chiều mưa bất ngờ, chị hàng xóm chạy ra rút mấy cái kẹp gỗ trên dây phơi, gom cả vào cái rổ nhựa đặt dưới hiên. Áo còn ẩm ở vai, chị chẳng vắt lại, chỉ phủ cái khăn khô lên rồi lùi vào nhà. Mưa rơi xuống dây phơi trống, mỗi cái kẹp thừa nằm nghiêng trong rổ, cái bát sành đựng kẹp hôm trước vẫn úp dưới chân tường. Nước chảy dọc mái tôn, nhỏ xuống cái chậu sành đặt sẵn từ hôm qua, mỗi giọt một nhịp.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Nắp vung nhấc đúng lúc, vòng ướt còn mờ.
Sợi dây buộc lỏng, thân khế vẫn đứng lại.
Kẹp gỗ gom trong rổ, áo còn ẩm ở vai.
Chén úp, ấm còn ấm, mạ vẫn đứng yên.

第六十五章

Chẳng lấy sáng mà dạy dân

非以明民

古之善為道者，非以明民，將以愚之。
Cổ chi thiện vi Đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi.

民之難治，以其智多。
Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa.

故以智治國，國之賊；不以智治國，國之福。
Cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc.

知此兩者，亦稽式。
Tri thử lưỡng giả, diệc kê thức.

常知稽式，是謂「玄德」,「玄德」深遠；與物反矣，然后乃至大順。
Thường tri kê thức, thị vị huyền đức, huyền đức *thâm viễn; dữ vật phản hĩ, nhiên hậu nãi chí đại thuận.*

GẪM

Chương trước ngài khép bằng cái chẳng dám làm, lấy mà đỡ cái tự nhiên của muôn vật. Sang chương này ngài lùi lại một nhịp nữa, mở đầu bằng *cổ chi thiện vi Đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi* —người xưa khéo giữ Đạo, chẳng lấy cái sáng mà dạy dân, sẽ lấy cái ngu mà giữ lấy họ. Chữ *minh* là sáng,

chữ *ngu* là cái chưa được soi tới; tôi đọc đi đọc lại hai chữ ấy mà vẫn để chúng đứng nguyên cạnh nhau, chưa vội ngả về bên nào. Ngay sau đó *dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa* —dân khó trị, vì cái trí của họ nhiều. Chữ *trí* vừa ló ra đã được ngài nhắc lại mấy lượt ở câu sau, còn chữ *ngu* thì đứng lặng ở ngay câu đầu. Ngài kể ba câu liền bằng cùng một nhịp, rồi dừng, chẳng giải thêm. Tôi đặt ấm trà xuống bàn, chén úp trên khay, để nguyên cái im ấy trên mặt gỗ.

Hai vế tiếp xếp đối nhau, gọn như hai cái chén đặt hai đầu mâm: *cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc; bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc* —lấy trí mà trị nước là cái hại của nước, chẳng lấy trí mà trị nước là cái phúc của nước. Chữ *tặc* là kẻ làm hại, chữ *phúc* là cái còn đủ. Ngài chẳng gạch bỏ vế nào, ngài bảo biết cả hai đã là một cái: *tri thử lưỡng giả, diệc kê thức* —biết hai cái ấy, cũng là *kê thức*. Bản nguồn chép *kê thức*, tôi đọc đúng hai chữ đang in, chẳng đổi sang *giai thức* của bản thông hành, như đã ghi ở dòng chú dưới đây. Chữ *thức* là cái khuôn, cái để mà ngắm vào; ngài đặt nó ngay sau hai vế đối nhau, nghe như đặt cái thước ngang lên giữa hai đầu mâm, chứ chẳng cầm về một đầu.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *minh*. Bên trái nó là bộ *nhật*, vầng mặt trời; bên phải là vầng trăng, hai cái sáng đứng cạnh nhau trong cùng một chữ, sáng đến mức phải ghép hai vầng mới thành được nghĩa ấy. Nghĩa cũ của nó là soi rõ, là chỗ chẳng còn gì khuất. Ngài bảo *phi dĩ minh dân* —chẳng đem cái sáng ấy mà soi vào dân. Tôi ngồi lâu ở chữ này không phải để chọn một bên, chỉ để thấy nó sáng đến thế nào: hai vầng phải cạnh nhau mới đủ, vậy mà câu lại mở đầu bằng một cái *phi*, chẳng lấy. Còn chữ *ngu* đứng ngay sau nó trong cùng một nhịp, tôi cũng để nguyên, chẳng thêm một nét, chẳng sửa một dấu. Hai chữ ấy cứ đứng cạnh nhau như hai cái chén úp trên cùng một cái khay, cái nào cũng còn nguyên chỗ của mình.

Nửa cuối chương dài dần ra: *thường tri kê thức, thị vị huyền đức, huyền đức thâm viễn; dữ vật phản hĩ, nhiên hậu nãi chí đại thuận* —thường biết cái khuôn ấy, gọi là *huyền đức*, *huyền*

đức sâu xa; cùng muôn vật mà quay ngược lại, rồi mới tới cái thuận lớn. Chữ *huyền* là sẫm, là xa, bản điện tử thêm dấu ngoặc quanh hai lượt ấy, tôi vẫn giữ nguyên và chỉ in nghiêng như đã ghi. Chữ *phản* là quay về, vang lại đúng cái *phản giả Đạo chi động* của chương 40; chữ *nhiên hậu* bản nguồn chép bằng dạng giản, tôi vẫn phiên *hậu* mà chẳng sửa chữ ấy. Ngài chẳng bảo ai phải thuận, ngài chỉ kể cái quay ngược ấy rồi mới tới chỗ thuận, như hơi nước bốc lên gặp nắp vung mát thì đọng lại, chảy ngược xuống nồi, rồi mới yên. Tôi nghe tiếng ấy khẽ ở mép nắp, chẳng có lời nào đi kèm.

Câu cuối *nãi chí đại thuận* khép lại mà vẫn còn mở, ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, tôi chẳng châm thêm ngụm nào. Sang chương sau cái thấp ấy sẽ có một tên khác: ngài sẽ bảo sông biển làm vua trăm khe chỉ vì khéo nằm dưới, và tôi lại nhớ *đại giả nghi vi hạ* của chương 61, năm chương đi qua, vẫn là một chỗ nước chịu nằm xuống, chỉ khác là lần này nó mang tên một dòng sông.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử thêm 「」 quanh hai lượt 「玄德」 như đã làm ở ch55, ch56 — tôi **giữ nguyên** và chỉ in nghiêng. Chữ 「后」 trong 「然后乃至大順」 tiếp nối cái cờ 后 / 後 của ch30, ch38, nên vẫn phiên *hậu* mà không sửa chữ. Riêng 「稽式」 (đọc *kê thức*) có bản thông hành chép 「楷式」 (*giai thức*, nghĩa là khuôn mẫu) — tôi **giữ nguyên** 稽 của bản nguồn và gắn cờ thêm.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: để dân đi theo, chẳng giải thích hết.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Thái Bá*, có một câu bị đọc đi đọc lại mãi, và tôi vẫn còn nghe những lời bàn quanh nó: (民可使由之，不可使知之。) — có thể để dân đi theo, chẳng thể để dân biết hết. Chữ *do* là đi theo, chữ *tri* là biết. Câu ấy có người chấm khác đi, có người giải khác đi, có chỗ đứng ngay giữa những trang còn đang tranh nhau. Tôi đứng ngoài cái bàn ấy, chỉ ghi lại đúng mấy chữ đang in, như ghi lại một câu nghe được ngoài ngõ rồi để nguyên, chẳng mang vào mâm mà bàn tiếp.

Đặt cạnh *phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi*, tôi chỉ kể cái lệch giữa hai chữ *minh* với *ngu*: một bên là cái sáng đem ra soi, một bên là cái chưa được soi tới. Hai bên đứng cạnh nhau trong cùng một nhịp câu, tôi chẳng ngả về bên nào, cũng chẳng thêm một lời để chúng khỏi lệch thêm. Chén vẫn úp, ấm còn ấm, cái lệch ấy cứ nằm nguyên trên mặt gỗ.

Trang Tử: có máy thì có lòng máy.

Thiên *Thiên địa* trong sách *Trang Tử* kể ông lão làm vườn tưới ruộng bằng cái gàu gỗ, nhấc lên đổ xuống nhọc mà vẫn làm. Có người đi qua bảo sao chẳng dùng cái có trục có dây cho đỡ sức, ông lão cười mà chối, rồi câu ấy vang lên: (有機械者必有機事，有機事者必有機心。) —có đồ máy ắt có việc máy, có việc máy ắt có lòng máy. Chữ *cơ* đi ba lượt, từ cái gỗ ghép lại, sang cái việc, rồi sang cái lòng nằm trong ngực. Ông lão bảo lòng ấy còn đấy thì cái trắng trong chẳng đủ, rồi cúi nhấc gàu gỗ lên tiếp, chẳng giải thêm.

Soi vào *dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa*, cái *trí đa* ấy chẳng phải ai xui, nó mọc ra từ chính những cái tiện được đưa thêm vào, như cái gàu gỗ được thay bằng một cái có trục, có dây, có thêm một bàn tay phải ngó chừng.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi pha trà bằng cái ấm đất cũ, vẫn chắt qua cái rổ tre nhỏ đặt trên miệng chén. Cái ấm mới có lưới lọc mua hôm chợ vẫn nằm nguyên trong hộp, giấy lụa chưa bóc, để trên kệ cao. Bà rót chậm, lá trà dính lại trên rổ tre, nước chảy xuống chén trong, hơi bốc lên làm mờ một góc kính. Rồi bà úp mấy chén sạch lên khay, cái rổ tre gác ngang miệng ấm, chẳng ai đụng vào cái hộp trên kệ.

Sạp rau đầu chợ hôm nay có cái cân mới, mặt sáng hiện số, cô bán hàng thử đặt bó rau lên, số nhảy lên rồi đứng yên. Cái cân đòn cũ vẫn gác ngang hai đầu sạp, quả cân đồng nằm im ở một đầu, dây đeo còn quấn mấy vòng. Cô bán hàng ngó cái số một lát, rồi lại nhấc bó rau đặt sang cân đòn, vặn nhẹ quả

cân cho cán nằm ngang. Người mua đứng chờ, chẳng ai hỏi cái cân mới dùng thế nào, nắng chiều rời khỏi mặt sạp.

Chiều mưa, nhà bên cạnh mới gắn cái đèn ở cổng, có ánh sáng bật lên mỗi khi có người đi qua. Bà tôi vẫn gọi tôi ra hiên bằng một tiếng gõ nhẹ vào cánh cửa gỗ, hai cái, rồi thôi. Tiếng gõ ấy lẫn với mưa trên mái tôn, trong khi cái đèn ngoài kia bật lên rồi tắt đi, chẳng có ai đứng lại dưới nó. Cánh cửa gỗ còn ướt ở mép dưới, cái ô dựng ngay bậc thềm, quai được buộc thêm một sợi dây vải xanh từ hôm trước.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Ấm đất cũ vẫn trên bếp, cái lưới lọc còn trong hộp.
Cân đòn gác ngang, mặt số mới còn sáng.
Hai tiếng gõ vào cánh cửa gỗ, mưa ngoài ngõ.
Chén úp, ấm còn ấm, hai chữ còn đứng cạnh nhau.

第六十六章

Sông biển làm vua trăm khe

江海為百谷王

江海之所以能為百谷王者，以其善下之，故能為百谷王。

Giang hải chi sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi, cố năng vi bách cốc vương.

是以聖人欲上民，必以言下之；欲先民，必以身后之。

Thị dĩ thánh nhân dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi.

是以聖人處上而民不重，處前而民不害。

Thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại.

是以天下樂推而不厭。

Thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm.

以其不爭，故天下莫能與之爭。

Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.

GẪM

Chương trước ngài còn ngồi với cái khó trị của dân, để hai chữ sáng với chẳng-sáng đứng cạnh nhau rồi thôi, chẳng bênh bên

nào. Sang chương này ngài không thêm một lời nào về cách trị; ngài chỉ đem cái chỗ mình đang đứng mà đặt xuống thấp đi. Mở đầu là một câu dài, đọc lên nghe như nước đang chảy: *giang hải chi sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi, cố năng vi bách cốc vương*. Sông với biển sở dĩ làm vua trăm khe, là vì khéo ở dưới. Chữ *bách cốc* là trăm khe, chữ *vương* là làm vua, mà chữ *thiện hạ chi* mới là cái ngài muốn chỉ: *thiện* là khéo, *hạ* là xuống dưới, *chi* là đem mình đặt vào đấy. Ngài chẳng bảo sông biển khiêm, ngài bảo nó khéo đứng chỗ thấp. Cái khéo ấy chẳng có ý gì với ai, nước cứ thế mà tìm tới.

Rồi ngài đem cái thấp ấy đặt vào chuyện đứng trên người: *thị dĩ thánh nhân dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi; dục tiên dân, tất dĩ thân hậu chi*. Muốn ở trên dân, ắt lấy lời mà xuống dưới; muốn đi trước dân, ắt đem thân mà đặt sau. Hai vế chỉ đổi một chữ: *ngôn hạ chi* là lời nói xuống, *thân hậu chi* là thân mình lùi lại. Chữ *hậu* ấy bản nguồn chép bằng chữ của cái đến sau, không phải chữ của bước chân đi sau; ba chương liền nhau cùng một cách viết, tôi vẫn giữ nguyên như đã ghi ở dòng chú dưới kia. Nghe kỹ mới thấy lạ: ngài chẳng bảo đừng đứng trên, ngài bảo muốn đứng trên thì trước hết phải xuống, mà cái xuống ấy không nằm ở một cái gật đầu cho phải phép, nó nằm ngay ở lời mình nói và ở chỗ thân mình đứng. Như người lớn trong nhà giỗ, cứ ngồi xuống chiếu dưới, mâm trên tự có chỗ cho mình, chẳng cần ai đứng ra mời.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *cốc*, chữ đứng giữa *bách cốc vương*. Xưa người ta vẽ nó bằng hai nét chéo tách ra từ trên, như hai dòng nước từ hai sườn núi đổ xuống, rồi đặt một cái miệng hứng lấy ngay dưới cùng —chẳng phải cái miệng để nói, là cái miệng của cái khe mở ra giữa hai bờ, há ra không để đòi mà để chứa. Nghĩa cũ của nó là lòng suối, là chỗ trũng nhất giữa hai sườn, chỗ nước tự dồn tới mà chẳng ai dẫn. Ba chương trong quyển cùng đọc *cốc*: hai chương kia viết bằng chữ của hạt gạo, riêng chương này viết bằng chữ của cái khe; tôi vẫn giữ nguyên chữ ấy của bản nguồn, không quy về một, như lời ghi chú đã chép. Cái làm vua trăm khe, vậy mà tên nó lại là

cái trũng nhất. Tôi đọc đi đọc lại vẫn thấy lạ: ngài chẳng chọn một chữ cao để gọi cái đứng đầu, ngài chọn đúng chỗ mọi dòng đang tìm.

Đến hai câu sau ngài kể cái xảy ra khi đứng đúng chỗ ấy: *thị dĩ thánh nhân xử thượng nhi dân bất trọng, xử tiền nhi dân bất hại* —ngài ở trên mà dân chẳng thấy nặng, ngài ở trước mà dân chẳng thấy hại. Chữ *trọng* là nặng, là cái đè lên vai; chữ *hại* là vướng, là cái làm mình phải tránh sang một bên. Ngài không tả dân vui mừng, ngài tả một cái chẳng xảy ra: chẳng có sức nào đè xuống, chẳng có chỗ nào phải né. Rồi *thị dĩ thiên hạ lạc thôi nhi bất yếm*: thiên hạ vui mà đẩy ngài lên, chẳng chán. Chữ *thôi* là đẩy từ phía sau, nhẹ, như bàn tay đặt vào lưng; chữ *yếm* là chán, là muốn bỏ đi. Cái đẩy ấy chẳng phải ai tôn ai, nó giống cái nước trong rãnh sau bếp tôi cứ dồn về chỗ trũng, dồn mãi mà chẳng biết mình đang dồn, chẳng biết mình đang đẩy.

Câu cuối ngài buông gọn: *dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh* —vì chẳng tranh, nên thiên hạ chẳng ai tranh được với ngài. Chữ *tranh* tôi đọc lên thấy có hai bàn tay cùng chìa vào một món, còn *mạc năng dữ chi tranh* là chẳng ai tìm được cái món ấy để mà chìa vào. Ngài chẳng thắng ai, ngài chỉ chẳng đứng ở chỗ có thể bị tranh. Ấm trà trên bàn tôi đặt lệch sang phía thấp của khay, chén úp cạnh đó, tôi châm thêm một ngụm rồi quên mất mình vừa châm. Sang chương sau, cái chẳng tranh ấy thôi đứng ở sông biển, hiện ra bằng ba món nhỏ mang ngay trong người: một cái thương, một cái dè, và một cái chẳng chịu đi trước thiên hạ.

> Chỗ hay về bản văn:「百谷王」ở đây dùng chữ「谷」, cùng họ với「不穀」(ch39) và「不谷」(ch42) —ba chương, hai cách viết, cùng đọc *cốc*. Tôi **giữ nguyên** 谷 của bản nguồn, không quy về một chữ. Chữ「后」trong「必以身后之」cũng giữ như ch65, đã gắn cờ 后 / 後.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: dân quý hơn, vua nhẹ hơn.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Tận tâm hạ*, có một câu xếp ba cái theo thứ tự mà tôi đọc mãi vẫn thấy nó đứng ngược với cái quen: (民為貴，社稷次之，君為輕。) —dân là quý, xã tắc đứng sau, vua là nhẹ. Chữ *quý* ấy chẳng phải lời khen cho đẹp miệng, nó là chỗ đứng: cái được kể đầu tiên lại là cái nằm dưới cùng, cái được gọi là nhẹ lại là cái ngồi trên. Xã tắc là cái bàn thờ đất với thóc của một nước, đứng giữa hai đầu ấy, như cái rãnh nằm giữa hai sườn. Thầy chẳng đòi ai nhường ngôi, cũng chẳng đòi ai đứng dậy, thầy chỉ kể lại trình tự đang có sẵn, tỉnh queo như người liệt kê mấy món đã cân trên sạp chợ.

Đem đặt cạnh *dục thượng dân, tất dĩ ngôn hạ chi* rồi *xử thượng nhi dân bất trọng*, tôi thấy hai bên cùng chìa tay vào một chỗ: cái đứng trên chỉ đứng được khi nó tự đặt mình xuống dưới cái nó đang đứng trên.

Kinh Thi: bờ cao hoá khe, khe sâu hoá gò.

Trong *Kinh Thi*, bài *Thập nguyệt chi giao* thuộc *Tiểu nhã*, có hai vế ngắn mà đọc lên thấy mặt đất đang trở mình: (高岸為谷，深谷為陵。) —bờ cao hoá thành khe, khe sâu hoá thành gò. Chữ *ngạn* là bờ, chữ *lăng* là gò, hai cái cùng là đất, chỉ khác chỗ đang cao hay đang trũng. Bài ca ấy chẳng kể chuyện gì long trọng, nó kể một cái đảo: cái đang trên xuống, cái đang dưới lên, mà chẳng có ai xô, cũng chẳng có ai được hỏi trước. Tôi đọc mà nhớ luống rau sau bếp, chỗ bà tôi xới đất lên thành gò nhỏ để trồng, mưa một trận là gò lại lún, nước dồn về đúng vết chân bà đứng hôm trước.

Đặt cạnh *giang hải chi sở dĩ năng vi bách cốc vương giả, dĩ kỳ thiện hạ chi*, cái thấp ấy chẳng đứng yên để được tôn: nó là chỗ mọi dòng đều đang tìm tới, dù bờ còn cao hay đã hoá khe.

ĐỜI NAY 今

Chợ đầu ngõ họp trên cái nền lệch, phía trong cao, phía ngoài thấp chừng một gang. Cô bán rau không kê lại mặt sạp, cứ để mớ rau muống nằm nghiêng về phía cửa. Nước rửa rau chảy xuống đất, lần theo cái rãnh nhỏ dưới chân sạp, rồi đọng lại

đúng chỗ thấp nhất, cạnh cái rổ đựng hành. Một bà cụ đi qua đặt bó rau xuống, chẳng sửa lại chỗ nghiêng ấy, tay còn ướt, vạt áo dính mấy cọng rau. Nắng xiên qua mái tôn nằm ngang trên vũng nước, rổ hành vẫn đặt im ở đầu rãnh, chẳng ai dời nó vào chỗ cao hơn.

Nhà tôi có khách, bà tôi dọn mâm ra giữa nhà rồi tự ngồi xuống cái chiếu trải ngay bậc cửa, chỗ thấp hơn mặt nền một cái bậc. Chú tôi mời bà lên ngồi ghế trên, bà chỉ dịch cái chén trà sang phía mình, rót cho chú trước, rồi úp mấy cái chén sạch lên khay. Hơi bốc lên làm mờ mặt đồng hồ treo tường. Khách cứ ngồi vào ghế trên, câu chuyện tự chảy về phía bậc cửa, chẳng ai nhắc lại chỗ ngồi lúc nãy. Cái chiếu dưới bậc ấy vẫn còn vết lõm của bà đến lúc dọn mâm, khay chén úp đặt ngay cạnh vết lõm.

Chiều mưa, nước từ mái bếp chảy xuống, bà tôi đặt cái chậu sành ngay chỗ sân trũng, chẳng dịch đi đâu dù chỗ ấy vướng lối đi. Nước nhỏ xuống một nhịp một giọt, đầy dần, rồi tràn ra men theo vết gạch cũ về phía luống rau. Bà đang giã gạo ngoài hiên, chày nhấc lên dội xuống, đầu chày dính mấy vỏ trấu, cái cối gỗ kê trên hai viên gạch cũng lệch về một bên. Bà chẳng sửa viên gạch. Chậu đầy, nước cứ chảy qua mép, trấu từ miệng cối bay sang nằm lặng trên mặt nước, rồi cũng trôi ra đầu rãnh.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Rãnh nước dưới sạp vẫn dồn về chỗ trũng.
Vết lõm còn trên chiếu dưới bậc cửa.
Chậu sành đầy, trấu nằm lặng trên mặt nước.
Chén vẫn úp trên khay, khay còn đặt lệch.

第六十七章

Ba báu: thương, dè, chẳng đi trước

我有三寶

天下皆謂我道大，似不肖。夫唯大，故似不肖；若肖，久矣其細也夫！

Thiên hạ giai vị ngã Đạo đại, tự bất tiếu. Phù duy đại, cố tự bất tiếu; nhược tiếu, cửu hĩ kỳ tế dã phù!

我有三寶，持而保之。

Ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi.

一曰慈，二曰儉，三曰不敢為天下先。

Nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên.

慈故能勇；儉故能廣；不敢為天下先，故能成器長。

Từ cố năng dũng; kiệm cố năng quảng; bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng.

今舍慈且勇；舍儉且廣；舍后且先；死矣！

Kim xả từ thả dũng; xả kiệm thả quảng; xả hậu thả tiên; tử hĩ!

夫慈以戰則勝，以守則固。

Phù từ dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố.

天將救之，以慈衛之。

Thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi.

GẪM

Chương trước ngài đem sông biển xuống làm vua trăm khe, rồi khép bằng *dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh*. Sang chương này cái chẳng tranh ấy thôi đứng ở ngoài, ngài đem nó vào trong người mà gọi bằng một tiếng rất lạ: *ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi* —tôi có ba báu, cầm mà giữ lấy. Nhưng trước khi kể ba báu, ngài mở bằng một câu nghe như lời ai đó nhận xét mình: *thiên hạ giai vị ngã Đạo đại, tự bất tiếu* —thiên hạ đều bảo Đạo của tôi lớn, mà nó lại chẳng giống gì. Chữ *tự* là như, là ngỡ, chữ *tiếu* là giống, là cái khuôn đã có sẵn để đem ra so. Ngài đáp ngay: *phù duy đại, cố tự bất tiếu; nhược tiếu, cửu hĩ kỳ tế dã phù* —chính vì lớn nên chẳng giống; nếu giống, thì đã nhỏ đi từ lâu rồi. Câu ấy chẳng phải lời tự khen, nó là cái ngài nói để sửa lại cái khuôn người ta vừa đem ra đo.

Rồi ba báu hiện ra, đọc lên như ba lần đặt xuống bàn: *nhất viết từ, nhị viết kiệm, tam viết bất cảm vi thiên hạ tiên*. Một là thương, hai là dè, ba là chẳng dám đi trước thiên hạ. Chữ *từ* là cái thương đưa tay vào, chữ *kiệm* là dè, là chẳng lấy thêm, chữ *bất cảm vi thiên hạ tiên* dài nhất mà lại nhẹ nhất: chẳng dám làm cái đi đầu cho cả thiên hạ. Ngài xếp chúng không theo thứ tự to nhỏ, theo thứ tự dễ cầm: cái thương cầm được ngay bằng lòng bàn tay, cái dè cầm được bằng một lần bớt đi, cái thứ ba cầm được bằng một lần lùi lại. Tôi đọc mà nhớ bà tôi chia mâm cơm, bao giờ cũng múc bát cho người khác trước, bát mình để lại cuối, chẳng bao giờ bảo thế là nhường, cũng chẳng ngó lại xem ai đã để ý.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *từ*. Phần trên của nó xưa vẽ hai sợi tơ nhỏ quấn sát vào nhau, mảnh đến mức phải đưa lên gần mắt mới thấy; phần dưới đặt ngay chữ *tâm*, trái tim nằm ở dưới cùng, đỡ lấy hai sợi ấy. Nghĩa cũ chẳng phải lòng nhân rộng rãi với thiên hạ, nó là cái thương của người mẹ đưa tay vào lưng đứa con, nhỏ, ấm, chẳng cần gọi tên, chẳng cần đứa bé biết mình đang được thương. Vậy mà ngay sau đó ngài viết *từ cố năng dũng* —thương nên mới dũng. Chữ *dũng* ấy chẳng mọc từ chỗ gồng lên, nó mọc từ chính hai sợi tơ mỏng phía

trên. Tôi từng thấy bà tôi bế đứa cháu đang sốt đi ra trạm y tế đầu ngõ lúc trời mới mưa, tay gầy, bước nhanh, chẳng kịp lấy ô, vậy mà chẳng ai trong nhà bảo bà ấy mạnh mẽ gì cả.

Hai vế sau đi cùng một nhịp: *kiệm cố năng quảng* —dè nên mới rộng; *bất cảm vi thiên hạ tiên, cố năng thành khí trưởng* —chẳng dám đi trước nên mới thành cái đứng đầu mọi đồ. Chữ *quảng* là rộng, mà cái rộng ấy lại do một lần bớt; chữ *khí trưởng* là người đứng đầu các đồ dùng, mà cái đứng đầu ấy lại do một lần lùi. Ngài xếp ba cái *cố năng* cạnh nhau, mỗi cái đều lấy một cái tưởng như yếu làm gốc. Rồi câu trở gắt: *kim xả từ thả dũng; xả kiệm thả quảng; xả hậu thả tiên; tử hĩ!* —nay bỏ thương mà lấy dũng, bỏ dè mà lấy rộng, bỏ sau mà lấy trước, ấy là chết rồi. Chữ *hậu* trong *xả hậu thả tiên* lại chép bằng chữ của cái đến sau như ch65, ch66, ba chương liền một cách viết; tôi vẫn giữ nguyên như lời ghi chú dưới kia. Ngài chẳng dọa, ngài chỉ kể điều xảy ra khi người ta lấy ngọn mà quên mất gốc.

Câu cuối ngài đưa cái thương ấy ra tận chỗ người ta tưởng nó chẳng dùng được: *phù từ dĩ chiến tắc thắng, dĩ thủ tắc cố* — lấy thương mà đánh thì thắng, lấy thương mà giữ thì vững. Rồi *thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi*: trời sắp cứu, lấy cái thương mà che chở. Chữ *vệ* là che, là đứng quanh, chẳng phải đứng chắn trước bằng một cái khiên. Ngài không bảo cái thương thắng được ai, ngài bảo chính nó là cái còn lại để mà che, ngay cả lúc trời đem cứu tới. Tối nay tôi úp chén xong mới thấy mình đã châm nước cho ấm từ lúc nãy, chẳng nhớ lúc nào, vành ấm vẫn còn nóng. Sang chương sau, cái thương ấy sẽ bớt lời đi, đứng vào bốn cái *thiện* ngắn ngủi: người giỏi chẳng cần ra oai, chẳng cần nổi giận, chẳng cần chạm, và chịu đứng dưới.

> Chỗ hay về bản văn: câu 「舍后且先」 lại dùng 「后」 thay cho 「後」 như ch65, ch66 —ba chương liền nhau cùng một cách chép. Tôi **giữ nguyên**, phiên *hậu*, và gộp chung một cờ 后 / 後 cho cả ba.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: lòng xót xa là mầm của nhân.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Công Tôn Sửu thượng*, có một câu ngắn mà tôi đọc lên thấy nó đúng bằng cái hai sợi tơ ở chữ *từ* hồi nãy: (惻隱之心，仁之端也。) —lòng xót xa là mầm của nhân. Thầy kể chuyện một người bất chợt thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, trong lòng nhói lên một cái, chẳng phải để được ai khen, chẳng phải vì quen biết nhà đứa bé, chỉ là cái nhói ấy có trước mọi lý do. Chữ *đoan* là đầu mối, là đúng cái đầu sợi còn nhú ra, chứ chẳng phải cái cây đã mọc xong. Cái nhân lớn về sau, thầy bảo, khởi từ một cái nhói nhỏ không kịp tính toán ấy, rồi thôi, chẳng thêm một lời giải thích nào.

Đem cạnh *nhất viết từ* rồi *từ cố năng dũng*, tôi thấy hai bên cùng đặt cái mạnh vào đúng chỗ mềm: cái dũng chẳng mọc từ chỗ gồng, nó mọc từ cái nhói lên trước khi kịp nghĩ.

Tả truyện: kiệm là chỗ chung của đức.

Lời bình trong *Tả truyện*, năm Trang công thứ hai mươi tư, định nghĩa hai chữ gọn lỏn: (儉，德之共也；侈，惡之大也。) —kiệm là cái chung của mọi đức, xa hoa là cái lớn của mọi điều xấu. Chữ *cộng* là chung, là cùng một chỗ mà ai cũng đi qua, chẳng phải một đức riêng đứng riêng một góc. Còn chữ *đại* ở vế sau là lớn, mà cái lớn ấy lại là cái đứng đầu mọi điều chẳng lành. Đọc lên thấy lạ: thầy chẳng kể kiệm là đức đứng thứ mấy, thầy bảo nó là cái nền mà mọi đức đều nhờ vào đấy, như cái đáy cối gỗ nhà tôi, chẳng bao giờ được múc ra ăn mà chẳng lần giã gạo nào thiếu nó.

Câu ấy cầm lấy *nhị viết kiệm* rồi *kiệm cố năng quảng*: cái rộng chẳng do lấy thêm cho đầy, nó do chính một lần dè mà thành, đúng như cái *cộng* ấy đỡ mọi đức từ dưới.

ĐỜI NAY 今

Trưa nay bà tôi múc cơm, bát đầu tiên đặt sang phía ông tôi, bát thứ hai cho đứa cháu, bát cuối cùng mới là của bà, và bát ấy múc vơi đi một ít. Đứa cháu vừa sốt, bà đẩy cái chén nước ấm sang tận tay nó, rồi lấy muỗng xới vun thêm vào bát nó, chẳng nói câu nào. Nồi cơm úp vung, hơi còn bốc qua khe nắp, mấy

hạt cơm dính ở vành nồi khô dần. Bà ngồi xuống cuối mâm, đũa gác ngang bát mình, mắt vẫn ngó sang phía đứa bé đang cầm chén bằng hai tay.

Ngoài hiên, cái cối gạo kê trên hai viên gạch, bà giã xong chẳng đổ hết gạo ra rổ ngay, chừa lại một nắm dưới đáy cối để dành cho mẻ sau. Chày gác ngang miệng cối, đầu chày dính trấu. Con tôi hỏi sao không múc nốt, bà chỉ lấy tay vun nắm gạo ấy cho tròn lại rồi úp cái rổ lên che. Nắng lọt qua kẽ lá khế nằm thành vệt trên miệng cối, vệt ấy dịch đi một chút rồi đứng yên. Rổ vẫn úp, nắm gạo nằm im dưới đáy, chẳng ai đụng vào cho đến chiều.

Chiều mưa bất ngờ, mấy nhà trong ngõ cùng chạy ra dọn áo phơi. Chị hàng xóm đứng đầu dây phơi, định gỡ trước, thấy bà cụ ở nhà trong đang chới với cái kẹp gỗ tuột mất, chị lùi lại, để bà cụ gỡ xong rồi mới đưa tay vào dây mình. Mấy cái kẹp gỗ kẹp lệch hết, áo vẫn ướt, nước từ mái tôn chảy xuống rãnh, cuốn theo một cái kẹp trôi ra đầu ngõ. Chị cúi nhặt cái kẹp, đặt lên bậc cửa nhà bà cụ, rồi mới quay lại dây phơi của mình. Rãnh nước vẫn chảy, dây phơi còn rung nhẹ.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Bát cuối mâm múc vơi, đũa gác ngang.
Nắm gạo chừa lại dưới đáy cối, rổ vẫn úp.
Cái kẹp gỗ đặt lên bậc cửa, dây phơi còn rung.
Vành ấm còn nóng, chén vẫn úp trên khay.

第六十八章

Người giỏi chẳng cần ra oai

善為士者不武

> 善為士者不武；善戰者不怒；善勝敵者不與；善用人者為之下。
>
> *Thiện vi sĩ giả bất vũ; thiện chiến giả bất nộ; thiện thắng địch giả bất dữ; thiện dụng nhân giả vi chi hạ.*
>
> 是謂不爭之德，是謂用人之力，是謂配天古之極。
>
> *Thị vị bất tranh chi đức, thị vị dụng nhân chi lực, thị vị phối thiên cổ chi cực.*

GẪM

Chương trước ngài kể ba báu rồi khép bằng *thiên tương cứu chi, dĩ từ vệ chi* —trời sắp cứu, lấy cái thương mà che. Sang chương này cái thương ấy bớt lời đi, ngài đem nó xếp vào bốn câu ngắn đặt liền nhau, đọc lên như bốn lần gật đầu: *thiện vi sĩ giả bất vũ; thiện chiến giả bất nộ; thiện thắng địch giả bất dữ; thiện dụng nhân giả vi chi hạ*. Người giỏi làm kẻ sĩ chẳng ra oai, người giỏi đánh chẳng nổi giận, người giỏi thắng địch chẳng chạm vào, người giỏi dùng người thì đứng dưới. Chữ *thiện* lặp bốn lần mà ngài chẳng giải nó lần nào; nó là khéo, là cái làm được mà chẳng cần phô ra. Chữ *vũ* là cái oai đứng ngoài, chữ

nộ là cái giận bốc lên ở trong, chữ *dữ* là đưa tay vào, là chạm, là dự phần. Bốn câu, mỗi câu bớt đi đúng một cái mà người ta vẫn tưởng phải có mới làm được việc. Ngài chẳng bảo bốn hạng người ấy yếu, ngài bảo họ chẳng cần đến mấy cái ấy nữa.

Tôi dừng ở câu cuối của bốn câu ấy lâu hơn cả: *thiện dụng nhân giả vi chi hạ* —người giỏi dùng người thì làm cái ở dưới cho họ. Chữ *dụng* là đem mà dùng, mà ngài lại cho nó đi với *vi chi hạ*, đứng xuống dưới. Nghe thì lệch, mà tôi nhớ cái sạp rau đầu chợ: cô bán hàng chẳng bảo ai xếp rau giúp, cô chỉ kê lại viên gạch lệch dưới chân sạp, rồi mớ rau tự nằm yên, người mua tự cúi xuống mà chọn. Cô ấy chẳng đứng trên cái sạp, cô đứng ngay chỗ cái sạp đang chờ được sửa. Rồi ba câu khép chương đi liền, mỗi câu mở bằng *thị vị*, ấy gọi là: *bất tranh chi đức* — cái đức chẳng tranh; *dụng nhân chi lực* —cái sức dùng người; *phối thiên cổ chi cực* —sánh với cái cùng cực của trời xưa. Chữ *phối* là sánh, là đứng cặp, chữ *cực* là chỗ cùng, chỗ chẳng còn đi thêm được nữa. Ngài đem bốn cử động nhỏ lúc nãy mà đặt lên ngang cạnh cái cao nhất ấy, chẳng thêm một lời giải thích nào giữa hai bên.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *vũ*, chữ đứng ngay sau *bất* ở câu mở. Xưa người ta ghép nó bằng chữ *chỉ* —bàn chân đứng lại, dừng bước —đặt cạnh cái giáo dài; có người đọc gọn lại thành một câu: dừng binh ấy là *vũ*. Nghĩa cũ của cái mạnh mẽ ấy, lạ lùng thay, lại bắt đầu bằng một cái dừng chân, chứ chẳng phải bằng một nhát đâm. Tôi nhìn cái chổi dựng ở góc bếp nhà tôi: cán chổi là cái dài, mà nó đứng yên được là nhờ một cái bó rơm buộc chặt ở đầu dưới, chỗ tiếp đất. Bà tôi chẳng vung cái chổi để dọa ai, chỉ lặng lẽ quét mấy vỏ trấu từ miệng cối ra, rồi dựng lại đúng góc cũ. Thế mà sạch cả một lối đi. Cái *bất vũ* của ngài nghe như thế: chẳng phải cất mất cái giáo, là cái giáo ấy đã được đặt xuống đúng chỗ nên chẳng cần ngẩng lên nữa.

Ba cái bỏ đi kia tôi đọc lại mà thấy chúng chẳng đứng riêng: *bất nộ* là cái giận chẳng bốc lên, *bất dữ* là cái tay chẳng đưa vào, *bất vũ* là cái oai chẳng đứng ra, rồi tất cả dồn về *vi chi hạ*, đứng xuống dưới. Chữ *dữ* tôi đặc biệt ưa: nó chẳng phải

chạm mạnh, chỉ là dự vào một cái đang có, vậy mà ngài bảo người giỏi thắng chẳng cần đến nó. Như lúc hai người trong nhà đang giữ ý mình, tôi định đưa một câu vào cho rõ, rồi thôi, chỉ rót thêm chén nước đặt giữa bàn. Tiếng nước rót dứt đi, để lại một khoảng ngắn, rồi câu sau của người kia mềm hẳn câu trước. Chén ấy chẳng đụng vào ai, vậy mà *dụng nhân chi lực* xảy ra ngay trong cái khoảng ấy: sức của người kia tự chảy, chẳng cần tôi đứng ra kéo.

Câu cuối cùng *thị vị phối thiên cổ chi cực* nghe rất cao, mà ngài đặt nó ngay sau *dụng nhân chi lực*, chẳng có một bậc thang nào ở giữa. Chữ *cổ* là xưa, *thiên cổ* là cái xưa của trời, thứ chẳng ai sửa lại được từ hồi nào; vậy mà cái sánh được với nó lại là bốn cử động vừa rồi: không ra oai, không giận, không chạm, chịu đứng dưới. Tôi đọc đến đây thì ấm trà trên bàn đã nguội đi một chút, chén úp cạnh đó vẫn khô, tôi chẳng châm thêm ngụm nào, cũng chẳng dời chén đi cho ngay giữa khay. Sang chương sau, ngài sẽ mượn nguyên lời của người cầm binh mà lùi thêm một thước nữa, thà làm khách còn hơn làm chủ, và gọi cái lùi ấy bằng một cái tên rất lặng.

ĐIỂN TÍCH 典

Tôn Tử: chẳng đánh mà khuất được binh.

Sách *Tôn Tử*, thiên *Mưu công*, có một câu mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh bốn chữ *thiện* hồi nãy: (百戰百勝，非善之善者也；不戰而屈人之兵，善之善者也。) —trăm trận trăm thắng chưa phải khéo trong cái khéo; chẳng đánh mà khuất được binh người, ấy mới là khéo trong cái khéo. Chữ *khuất* là làm cho cúi xuống, chẳng phải làm cho gãy; chữ *thiện chi thiện giả* lặp lại hai lần, như người ta nói đến mức cùng rồi vẫn phải nói thêm một lần nữa. Ông ấy chẳng chê người thắng trăm trận, ông chỉ kể một cái khéo đứng cao hơn mà chẳng có một trận nào để kể. Tôi hình dung cái cối gạo ngoài hiên: chẳng cần dập mạnh hơn, hạt vẫn trắng dần dưới đáy, cái chày cứ nhấc lên rồi dội xuống đúng nhịp cũ.

Đem cạnh *thiện vi sĩ giả bất vũ; thiện chiến giả bất nộ*, tôi thấy cùng một cái bớt: cái oai với cái giận chẳng bị cất đi, chúng chẳng còn chỗ để đứng ra, nên việc vẫn xong mà chẳng có ai phải ra oai.

Mạnh Tử: thuận trời chẳng bằng thuận lòng người.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Công Tôn Sửu hạ*, xếp ba cái theo một thứ tự cứ dần đi vào trong: (天時不如地利，地利不如人和。) — thuận trời chẳng bằng được đất lợi, được đất lợi chẳng bằng lòng người hoà. Chữ *thiên thời* là tiết trời, là cái chẳng ai hỏi ý kiến mà vẫn cứ tới; chữ *địa lợi* là chỗ đất, là cái còn đứng yên ở ngoài; chữ *nhân hòa* là lòng người thuận nhau, là cái nằm trong cùng. Ba vế dùng đi dùng lại một chữ *bất như*, chẳng bằng, mà mỗi lần lại bớt đi một lớp vỏ. Thầy chẳng phủ nhận trời với đất, thầy chỉ kể cái đang lùi dần vào tận giữa, như vệt nắng trên mặt sạp rau dịch đi rồi đứng yên đúng chỗ mọi người vẫn cúi xuống chọn.

Đặt cạnh *thiện dụng nhân giả vi chi hạ* rồi *dụng nhân chi lực*, cái sức ấy chẳng lấy từ chỗ cao, nó lấy từ chính chỗ người giỏi dùng người chịu đứng dưới — đúng cái *hòa* ở vế cuối.

ĐỜI NAY 今

Buổi sớm ở đầu ngõ, ông bán bánh mì dừng xe, chẳng gọi rao. Mấy đứa trẻ trong xóm đã chạy ra từ lúc tiếng phanh còn chưa dứt, tay cầm sẵn cái bát nhỏ, xếp thành hàng trước khi ông kịp mở nắp thùng. Ông chỉ nhấc nắp, lùi người sang một bên cho đứa đầu hàng tự chỉ vào cái bánh nó muốn, rồi mới cắt. Dao đi một nhịp, vụn bánh rơi xuống mép thùng, nắng xiên qua kẽ lá rơi trên vành bát. Chẳng ai trong hàng bảo ai đứng trước, cái hàng tự đứng yên, ông vẫn đứng lệch sang phía ngoài, tay còn cầm cái dao.

Ngoài ruộng cuối xóm, ông lão mở bờ cho nước tràn vào luống mạ. Nước chảy một lát đã ngập tới gốc, ông khép bờ lại bằng một xẻng đất, rồi ngồi bệt xuống bờ cỏ, đặt cái cuốc nằm ngang qua hai đầu gối, chẳng bảo mạ phải đứng thẳng. Mạ còn non

đang nghiêng theo chiều nước, rồi tự thẳng dần. Mặt ruộng phẳng lại, in bóng đám mây đang trôi chậm về phía dòng sông. Ông ngồi dưới cái bờ mình vừa đắp, cuốc vẫn nằm ngang, vệt đất ướt quanh gốc khô dần thành vòng mờ.

Trong bếp, bà tôi đang kho cá, nồi đất đặt trên bếp lửa nhỏ. Con tôi sốt ruột, đòi nhấc nắp vung lên xem cá chín chưa, bà chỉ đẩy cái xoong dịch đi nửa gang tay cho lửa khỏi cháy một bên, rồi úp lại nắp như cũ, chẳng mở. Hơi bốc lên qua khe nắp, đọng thành hạt trên mép vung, rồi trượt ngược xuống. Một lát sau bà nhấc nắp, cá đã chín, da còn nguyên, nước kho sánh lại. Cái nắp vung gác nghiêng trên vành nồi, bà chẳng nói câu nào, con cũng thôi không hỏi nữa.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Tiếng phanh vừa dứt, cái hàng đã đứng yên.
Cuốc nằm ngang qua đầu gối, mạ thẳng dần.
Hạt nước do dự ở mép vung rồi về.
Ấm vẫn trên bàn, chén úp cạnh đó, chẳng ai dời.

第六十九章

Thà làm khách, lùi một thước

不敢為主而為客

用兵有言：「吾不敢為主而為客；不敢進寸而退尺。」是謂行無行；攘無臂；扔無敵；執無兵。

Dụng binh hữu ngôn: Ngã bất cảm vi chủ nhi vi khách; bất cảm tiến thốn nhi thoái xích. *Thị vị hành vô hành; nhương vô tí; nhưng vô địch; chấp vô binh.*

禍莫大于輕敵，輕敵幾喪吾寶。

Hoạ mạc đại vu khinh địch, khinh địch ky táng ngô bảo.

故抗兵相若，哀者勝矣。

Cố kháng binh tương nhược, ai giả thắng hĩ.

GẪM

Chương trước ngài xếp bốn cái *thiện* cạnh nhau rồi gọi là *phối thiên cổ chi cực*; sang chương này ngài mượn nguyên lời của người cầm binh mà nói tiếp, chẳng tự đặt ra câu nào: *dụng binh hữu ngôn*, người dùng binh có lời rằng. Lời ấy nằm trọn trong một cặp ngoặc, có cả một dấu chấm nằm bên trong, sườn bản nguồn đã gộp chung một dòng để cặp ngoặc khỏi bị tách; tôi vẫn giữ nguyên cái dấu ấy như lời ghi chú dưới kia. Ngài đọc lên: *Ngã bất cảm vi chủ nhi vi khách; bất cảm tiến thốn nhi*

thoái xích —tôi chẳng dám làm chủ mà làm khách, chẳng dám tiến một tấc mà lùi một thước. Chữ *chủ* là người đứng ra mời, người mở đầu, chữ *khách* là người được mời tới, chữ *thốn* là một tấc nhỏ, chữ *xích* là một thước dài hơn. Ngài mượn lời ấy mà đảo ngược hai chiều: vào cuộc thì chịu đứng phía được mời, định tiến lại lùi, mà lùi còn xa hơn cả cái định tiến.

Rồi bốn vế ngắn xếp theo đúng cái lùi ấy: *thị vị hành vô hành; nhương vô tí; nhưng vô địch; chấp vô binh* —ấy gọi là đi mà chẳng có cái đi, vén tay mà chẳng có cánh tay, kéo lại mà chẳng có địch, cầm mà chẳng có binh. Chữ *hành* là bước, *nhương* là vén tay áo, *nhưng* là kéo người ta lại, *chấp* là cầm lấy; bốn chữ đều là cử động có thật, vậy mà mỗi chữ lại đi với một cái *vô* đứng ngay sau. Ngài chẳng bảo người ta đừng làm, ngài bảo cái làm ấy chẳng tìm thấy chỗ mà đặt vào. Tôi nhớ chiều mưa hôm trước, tôi cầm ô ra đến bậc thềm định sang gõ cửa nhà mới dọn đến, thấy chị ấy đang phơi áo, tay ướt, mấy cái kẹp gỗ kẹp lệch hết, tôi đặt ô ngay bậc cửa rồi lùi về, chẳng gõ. Sáng sau ô dựng ngược trước cửa tôi, quai được buộc thêm một sợi dây vải xanh. Cái định sang ấy vẫn là một bước, mà chẳng có ai bước.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *ai*, chữ đứng ở cuối chương: *cố kháng binh tương nhược, ai giả thắng hĩ* —hai bên binh ngang nhau, kẻ *ai* ấy thắng. Xưa người ta lồng một cái miệng vào giữa chữ *y*, cái áo; tiếng ấy được bọc trong vạt áo nên chẳng vang ra ngoài sân, nó nghẹn lại ở trong ngực. Nghĩa cũ chẳng phải than khóc bi lụy, là cái còn thương, là cái đau còn giữ được mình, chưa kịp hoá thành giận. Chữ *tương nhược* ở trước là ngang nhau, là hai bên chẳng bên nào hơn, đúng cái chỗ mà mọi cái mạnh đều đã cạn. Vậy mà ngài bảo bên thắng lại là bên còn cái thương ấy. Tôi đọc mà nhớ bà tôi lúc đứa cháu sốt, tay gầy bế đi ra trạm y tế đầu ngõ, bước nhanh, chẳng kịp lấy ô, miệng chẳng kêu một tiếng; cái im ấy chẳng phải yên, nó là cái đang giữ chặt lấy đứa bé.

Trước khi tới chữ *ai*, ngài còn cắm một câu gắt: *hoạ mạc đại vu khinh địch, khinh địch ky táng ngô bảo* —hoạ chẳng có gì

lớn bằng coi thường địch, coi thường địch thì suýt mất báu của ta. Chữ *vu* trong *mạc đại vu khinh địch* tôi vẫn giữ nguyên (khớp Vương Bật, khác chữ không đổi nghĩa, như lời ghi chú dưới kia). Còn chữ *ky* trong *ky táng ngô bảo*, bản điện tử chép nhầm dạng giản「几」, soi Vương Bật thấy đúng là「幾」(gần); **đã sửa** 几 thành 幾 cho khớp kinh văn, dòng Hán Việt vẫn đọc *ky* vì 幾 cũng đọc ky. Chữ *khinh* là nhẹ, là cầm mà tưởng chẳng có gì đáng cầm; chữ *táng* là mất, mà ngài viết *ky táng*, suýt mất, chưa hẳn đã mất hẳn. Cái báu ấy chính là ba món chương 67 vừa kể, vang lại đúng *ngã hữu tam bảo, trì nhi bảo chi*. Ngài chẳng đổ lỗi cho bên kia mạnh lên, ngài chỉ chỉ đúng chỗ tay mình đã buông lỏng trước.

Nên câu cuối mới ngắn thế: *cố kháng binh tương nhược, ai giả thắng hĩ*. Chữ *kháng* là đưa lên mà chọi, *tương nhược* là hai bên còn ngang, vậy mà ngài chẳng bảo bên nào thêm được một cái gì, ngài bảo bên còn thương thì thắng. Cái thắng ấy chẳng có tiếng reo, nó giống cái ô dựng ngược trước cửa sáng hôm sau, quai còn buộc thêm sợi dây vải xanh, mùi nắng non dính trên vải. Ấm trà trên bàn tôi vẫn ấm, chén úp cạnh đó, tôi lùi tay ra khỏi ấm rồi ngồi yên. Sang chương sau, cái lùi ấy sẽ lặng hẳn lại thành một câu tự sự rất ngắn: lời ngài dễ biết, dễ làm, mà thiên hạ chẳng ai biết, chẳng ai làm.

> Chỗ hay về bản văn (soi lại với ảnh quét Vương Bật): cặp 「」 ôm **trọn một câu có dấu chấm bên trong**, tôi gộp hai câu chung một dòng để ngoặc nằm trọn, **giữ nguyên** dấu chấm trong ngoặc, ở dòng Hán Việt chỉ in nghiêng phần lời trích.「于」trong「禍莫大于輕敵」vẫn giữ (khớp Vương Bật, như ch63, ch64).「几」trong「輕敵几喪吾寶」là dạng giản của「幾」, soi Vương Bật thấy đúng là 幾, **đã sửa** 几 thành 幾 (đọc *ky*).

ĐIỂN TÍCH 典

Tôn Tử: tránh cái đang sắc, đánh lúc đã mỏi.

Cũng sách *Tôn Tử*, thiên *Quân tranh*, có một câu kể đúng cái chiều của cái lùi: (善用兵者，避其銳氣，擊其惰歸。) — người giỏi dùng binh tránh lúc khí bên kia đang sắc, đánh lúc

bên ấy đã mỏi muốn về. Chữ *duệ* là sắc, là cái còn nhọn ở đầu, chữ *đoạ* là mỏi, là cái đã chùng xuống, chữ *quy* là quay về. Ông ấy chẳng dạy đánh mạnh hơn, ông dạy đợi: cái đang sắc chẳng cần ai chạm vào, tự nó đã đứng ở chỗ chẳng thể chạm; chỉ đến lúc nó chùng đi và muốn về, việc mới xong. Tôi nhớ cái nắp vung bếp nhà tôi, nước đang sôi bốc mạnh thì bà tôi chẳng nhấc, đợi hơi dịu đi một nhịp mới đẩy nắp dịch sang nửa gang, vậy mà chẳng trào một giọt.

Đem cạnh *bất cảm vi chủ nhi vi khách; bất cảm tiến thốn nhi thoái xích*, tôi thấy cùng một cái lùi: chẳng phải né vì sợ, là đứng đúng chỗ cái đang sắc chưa tìm được cái gì để mà chạm, nên thà lùi một thước còn hơn tiến một tấc.

Mạnh Tử: sống từ lo, chết từ yên.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Cáo tử hạ*, khép một đoạn bằng sáu chữ mà tôi đọc mãi vẫn thấy nó lạnh đi giữa đang ấm: (生於憂患，而死於安樂也。) —sống từ cái lo, mà chết từ cái yên. Chữ *ưu hoạn* là cái lo còn đang thức, chữ *an lạc* là cái đã đặt xuống cho êm. Thầy chẳng bảo cái lo là tốt, cũng chẳng chê cái yên là xấu; thầy chỉ kể hai chiều: cái còn lo là cái còn ngó ra, cái đã yên quá là cái thôi ngó. Như luống rau cải sau bếp, hôm tôi tưới hơi nhiều, gốc úng đen, bà tôi chẳng nhổ đi, chỉ xới nhẹ cho đất hở ra rồi úp rổ che nắng, chẳng tưới thêm; chiều ngó lại mấy cây đã ngửng lên. Cái xới nhẹ ấy là một cái lo nhỏ, mà nó giữ được cả luống.

Câu ấy cầm lấy *hoạ mạc đại vu khinh địch* rồi *ai giả thắng hĩ*: chữ *khinh* là cái đã yên quá hoá ra nhẹ tay, còn chữ *ai* là cái còn thương, cái còn lo, nên hai bên ngang nhau mà bên ấy vẫn còn một nhịp để đứng.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi phơi áo ngoài dây, trời đang quang, vậy mà bà vẫn mang cái rổ sách ra úp sẵn lên mấy cái kẹp gỗ đầu dây, rồi mới đi vào bếp. Một lát mưa bất ngờ ập xuống, nước từ mái tôn chảy thành vệt, mấy cái kẹp vẫn kẹp chặt, áo chỉ ướt ở gấu.

Bà chẳng chạy ra, chỉ từ bếp ngó qua khe cửa, tay còn cầm cái gáo dừa. Mưa tạnh, bà ra nhấc rổ, vệt nước dưới dây phơi còn đọng, mấy cái kẹp gỗ dính hạt mưa, nắng non ló ra nằm trên vai áo.

Ngoài ngõ, hai người đang sửa cái cổng sắt bị lệch, một người giữ, một người vặn ốc. Người vặn ốc định siết thêm một vòng cho thật chặt, rồi thôi, nới lại nửa vòng, đẩy nhẹ cánh cổng thấy nó tự khép vào đúng khe. Chẳng ai bảo ai lùi tay. Cái cờ-lê đặt xuống bậc đá, vết sơn cũ bong ở mép bản lề, cánh cổng đứng yên, khe sáng hẹp lại thành một đường mỏng. Người giữ cổng buông tay ra trước, rồi mới cầm lấy cái cờ-lê cất đi.

Chiều ở sạp chợ cuối xóm, cô bán hàng thấy mớ rau đang bị nắng gắt chiều xiên vào, chẳng đem rau vào trong, cũng chẳng tưới thêm. Cô chỉ dịch cái rổ úp lên che nghiêng đi một chút, rồi ngồi xổm xuống chỗ thấp hơn mặt sạp, lưng quay vào phía nắng. Mớ rau nằm im dưới bóng rổ, vệt nước rửa rau hôm trước còn đọng ở rãnh dưới chân sạp, chảy chậm về phía cửa. Người mua đi qua, cúi xuống chọn mấy cây cải, chẳng ai nhắc đến cái rổ vừa được dịch.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Rổ úp sẵn trên kẹp gỗ, gấu áo còn ướt.
Cờ-lê đặt xuống bậc đá, khe sáng hẹp lại.
Vệt nước rửa rau chảy chậm về phía cửa.
Ô dựng ngược trước cửa, sợi dây vải xanh còn khô.

第七十章

Áo vải mà ôm ngọc

被褐而懷玉

吾言甚易知，甚易行。天下莫能知，莫能行。
Ngã ngôn thậm dị tri, thậm dị hành. Thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành.

言有宗，事有君。
Ngôn hữu tông, sự hữu quân.

夫唯無知，是以不我知。
Phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri.

知我者希，則我者貴。
Tri ngã giả hi, tắc ngã giả quý.

是以聖人被褐而懷玉。
Thị dĩ thánh nhân bị cát nhi hoài ngọc.

GẤM

Chương trước ngài lùi một thước, chịu làm khách, rồi khép bằng *ai giả thắng hĩ* —chữ *ai* ấy là cái còn thương, chẳng phải tiếng khóc. Sang chương này cái lùi ấy lặng hẳn lại, chỉ còn một câu tự sự mở đầu, ngắn đến mức đọc xong tôi cứ ngỡ mình nghe nhầm: *ngã ngôn thậm dị tri, thậm dị hành* —lời tôi rất dễ biết, rất dễ làm. Chữ *thậm* là rất, chữ *dị* là dễ, chữ *tri* là biết, chữ *hành* là làm. Ngài chẳng dùng một chữ khó nào, cũng

chẳng giấu một ý gì ở sau. Vậy mà câu ngay sau quay ngược lại: *thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành* —thiên hạ chẳng ai biết được, chẳng ai làm được. Chữ *mạc* là chẳng có ai, chữ *năng* là có thể. Hai câu đặt liền, chẳng có một chữ *nhưng* nào ở giữa; ngài cứ để cái dễ và cái chẳng-ai-làm đứng sát nhau, tỉnh queo như người đặt chén xuống rồi úp chén ngay cạnh ấm.

Rồi ngài giải bằng hai vế gọn: *ngôn hữu tông, sự hữu quân* —lời có gốc, việc có chủ. Chữ *tông* là gốc, là chỗ mọi lời còn quay về, chữ *quân* là cái đứng đầu, là chỗ việc còn nhờ vào. Ngài chẳng bảo lời mình sâu, ngài bảo lời mình có gốc; mà chính cái gốc ấy làm nên cái lạ ở câu sau: *phù duy vô tri, thị dĩ bất ngã tri* —chính vì chẳng biết, nên chẳng biết tôi. Chữ *vô tri* ấy không phải lời trách ai dốt, nó là cái chẳng-ngó tới cái gốc; người ta nghe lời dễ, rồi đi tìm một cái gì khó hơn ở đằng sau, nên cái dễ ngay trước mặt cứ bị bỏ trống. Tôi nhớ con tôi tập viết nét ngang, nó kéo đi kéo lại mãi vì tưởng phải có thêm một nét nữa cho đủ, cô giáo bảo viết chậm lại thôi, nét nằm yên, mà trang giấy còn thừa quá nhiều chỗ trắng, con ngồi nhìn chỗ trắng ấy lâu hơn cả lúc viết.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *hoài*, chữ đứng ở cuối chương: *thị dĩ thánh nhân bị cát nhi hoài ngọc*. Bên trái nó là bộ *tâm* viết đứng, trái tim; bên phải là một vạt áo mở ra mà bọc lấy một cái gì nhỏ đặt ngay giữa, chẳng buộc chặt, cũng chẳng phơi ra. Nghĩa cũ là ôm, là cất trong lòng, là cầm mà chẳng bóc ra cho ai xem. Nó vang lại đúng cái *hàm* hồi chương 55, chữ ngậm trong miệng của *hàm đức chi hậu*: một cái ngậm ở miệng, một cái ôm trước ngực, cùng một cử động chẳng phô lên. Chữ *cát* đi trước nó là áo vải thô, thứ áo mặc ở ngoài, chữ *ngọc* đi sau là viên ngọc nằm trong. Ngài xếp áo vải lên trên, ngọc giấu xuống dưới, rồi thôi, chẳng thêm một lời nào bảo ai phải lật áo ra mà ngó.

Hai câu trước khi khép còn kể thêm một cái đếm rất khẽ: *tri ngã giả hi, tắc ngã giả quý* —biết tôi là ít, theo tôi thì quý. Chữ *hi* là thưa, là hiếm, vang lại đúng *đại âm hy thanh* của chương 41 và *bất ngôn chi giáo, vô vi chi ích, thiên hạ hy cập chi* của

chương 43; chữ *tắc* ở đây là noi theo, là lấy làm khuôn, chữ *quý* là quý, là chẳng nhiều mà chẳng vì thế nhẹ đi. Ngài không than ít người nghe, ngài chỉ kể: cái biết ấy thưa, cái theo ấy quý, hai cái đứng cạnh nhau chẳng cái nào đòi thêm cho đầy. Như ấm trà đặt giữa bàn nhà tôi, chẳng mời, chẳng giải thích, ai khát thì tự rót; có chiều cả bàn chỉ một người chạm vào ấm, mà chén ấy vẫn ấm như mọi chiều.

Chương trước ngài lùi một thước rồi khép bằng cái còn thương; sang chương này cái lùi ấy lặng hẳn lại ở *bị cát nhi hoài ngọc*, áo vải phủ ngoài, ngọc nằm trong, chẳng giấu cũng chẳng chào. Tôi nghe lại *giang hải chi sở dĩ năng vi bách cốc vương giả* hồi đầu đợt này: sông biển chẳng gọi ai, nước cứ tìm tới; lời ngài ở đây cũng chẳng gọi ai, vậy mà *thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành*. Cũng như cái im giữa hai câu chuyện bên ấm trà hồi chương 43, nó có ích đấy mà chẳng ai ghi nhận, vì nó chẳng kể về mình. Nhịp đợt này khép lại ở chính viên ngọc ấy, chứ Hạ kinh vẫn còn đi tiếp, mười một chương phía sau còn để ngỏ — ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, và ngoài ngõ tiếng xe ai đó đi qua, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: làm suốt đời mà chẳng biết mình đi Đạo.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Tận tâm thượng*, có một câu dài mà tôi đọc lên thấy nó chính là cái lạ ở đầu chương này, chỉ kể thêm mấy nhịp: (行之而不著焉，習矣而不察焉，終身由之而不知其道者，衆也。) — làm mãi mà chẳng rõ, quen rồi mà chẳng xét, suốt đời đi theo mà chẳng biết mình đang đi Đạo, ấy là phần đông. Chữ *trước* là rõ lên, chữ *sát* là soi lại, chữ *do* là cứ đi theo. Ba vế đều là những cái đang xảy ra suốt, vậy mà cái thiếu lại nằm ở một chữ *tri* ở cuối. Thầy chẳng chê phần đông ấy, thầy gọi họ bằng một chữ *chúng*, là đông, là hầu hết, giọng tỉnh queo như người kể mấy người trong ngõ vẫn đi chợ đúng bậc cửa cũ mỗi sáng, chẳng ai bảo mình đang đi đúng lối.

Đem soi thẳng vào *ngã ngôn thậm dị tri, thậm dị hành* mà *thiên hạ mạc năng tri, mạc năng hành*, tôi thấy cái chẳng-biết ấy chẳng phải do lời khó: chính vì dễ quá, đi mãi quá, nên chẳng ai ngó lại mà gọi tên.

Luận ngữ: cứ bán đi, ta đợi người trả giá.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Hãn*, chép một lần Tử Cống hỏi: có viên ngọc đẹp thì cất trong hộp hay tìm người mà bán. Thầy đáp, và lời ấy được ghi lại nguyên hai tiếng lặp lên: (沽之哉！沽之哉！我待賈者也。) —bán đi, bán đi, ta đợi người trả giá đấy. Chữ *cô* là bán, chữ *giả* là người trả giá. Thầy chẳng giấu ngọc, cũng chẳng đem ra chào; thầy bảo bán, rồi bảo đợi. Hai câu *cô chi tai* đi liền nhau nghe như người gật đầu hai lần, mà cái đứng lại vẫn là chữ *đãi*, là đợi. Tôi hình dung cái rổ úp trên sạp chợ cuối xóm, mớ rau nằm dưới, chẳng ai mời, người mua cứ cúi xuống tự chọn đúng lúc mình cần.

Đặt cạnh *bị cát nhi hoài ngọc*, áo vải ngoài, ngọc trong, chẳng giấu cũng chẳng chào: cái *đãi* ấy chẳng phải im lặng khép kín, nó là cái vẫn còn để ngỏ cho người trả giá đi qua.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi chan nước vào ấm như mọi sáng, đặt ấm lên bếp, rồi ra ngõ mua mớ rau, chẳng nói với ai là mình vừa pha trà. Lúc bà về, ấm đã sôi, hơi bốc qua khe nắp, chén vẫn úp trên khay như hôm qua. Đứa cháu chạy vào, tự nhấc chén, tự rót một chén nhỏ, uống xong úp lại đúng chỗ cũ, chẳng hỏi trà gì, cũng chẳng khen. Bà cởi cái áo vải dính mấy hạt mưa ngoài ngõ, treo lên móc cửa, rồi ngồi xuống bàn, tay còn ấm từ quai rổ.

Ngoài sạp chợ, cô bán vải để viên ngọc bóng nằm lẫn trong cái rổ đựng khuy, dưới mấy lớp vải sáp. Chẳng ai hỏi, cô cũng chẳng nhắc. Một bà cụ đi qua, lật lớp vải lên, cầm viên ngọc lên gần mắt một lát, rồi đặt lại đúng vết lõm cũ, mua mấy cái khuy thôi. Cô cười, gói khuy vào tờ giấy báo cũ, buộc bằng sợi

dây gai. Nắng xiên qua mái tôn nằm ngang trên miệng rổ, viên ngọc vẫn nằm dưới lớp vải, bóng lên một tí rồi thôi.

Chiều mưa, tôi ngồi bàn bếp, ấm đặt lệch sang phía thấp của khay, chén úp cạnh đó. Tôi định ghi vào sổ một câu cho nhớ, cầm bút rồi thôi, đặt bút nằm ngang trên trang giấy còn trắng. Hơi nồi canh bốc lên làm mờ một góc kính, tiếng xe ngoài ngõ chạy qua, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn. Rèm cửa lay một cái rồi đứng yên. Trang giấy vẫn trắng, cái bút nằm ngang, ấm vẫn ấm, chén vẫn úp, tôi chẳng dời thứ gì đi.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Chén tự nhấc lên, tự úp lại đúng chỗ cũ.

Viên ngọc nằm dưới lớp vải, bóng lên rồi thôi.

Trang giấy còn trắng, cái bút nằm ngang.

Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第七十一章

Cái bệnh là tưởng mình biết

聖人不病

知，不知，上矣；不知，知，病也。
Tri, bất tri, thượng hĩ; bất tri, tri, bệnh dã.

聖人不病，以其病病。
Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh.

夫唯病病，是以不病。
Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.

GẪM

Chương trước ngài khép bằng *bị cát nhi hoài ngọc* —áo vải phủ ngoài, ngọc nằm trong, chẳng giấu cũng chẳng chào. Lật sang một trang ngài đã trở vào chính cái biết: *tri, bất tri, thượng hĩ; bất tri, tri, bệnh dã*. Bốn chữ ngắn đứng sát nhau, chẳng có chữ nối nào, đọc lên như người đặt chén xuống rồi úp ngay chén kế bên. Chữ *tri* là biết, *bất tri* là chẳng biết, *thượng* là trên, *hĩ* với *dã* là cái dấu đặt xuống rồi thôi. Ngài xếp hai vế quay ngược nhau: biết mà chẳng ngó lại mình là biết, ấy là cái trên; chẳng biết mà cứ tưởng mình đã biết, ấy là cái bệnh. Cái bệnh ấy chẳng phải cái chưa biết, nó nằm đúng ở chỗ cái chưa biết được đội lốt cái đã biết, nên bàn tay thôi không lật thêm lần nữa. Sáng nay ở sạp chợ, bà cụ lật lớp vải sáp lên, cầm viên

ngọc ngó một lát rồi đặt lại đúng vết lõm; giá bà bảo biết rồi rồi đi thẳng, viên ngọc vẫn nằm đấy, mà cái lật vải đã chẳng còn. Tôi để sách mở ngang, hơi trà bốc qua vung, ngó ra ngõ thấy cái kẹp gỗ kẹp lệch một nếp áo —rồi cái chỗ ấy sẽ hiện ở một chỗ ở bị ép, ở một cái lưới thưa, ở một bàn tay định cầm thay rồi khựng lại.

Rồi ngài kể một câu mà tôi phải đặt ấm xuống mới đọc tiếp được: *thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh*. Thánh nhân chẳng bệnh, vì ngài lấy cái bệnh làm bệnh. Chữ *bệnh* đi hai lượt trong bốn chữ cuối mà chẳng cùng một việc: lượt đầu là động từ, là cầm lấy, là ngó thẳng vào, là gọi đúng tên; lượt sau vẫn là danh từ, là chính cái đang đau, đang lệch, đang chưa kịp soi. *Dĩ kỳ* là vì chính nó, chẳng vì cái gì khác đứng thay. Tôi ngồi lại thật lâu ở chữ *bệnh* ấy. Người xưa vẽ nó bằng một cái giường nằm dựng đứng: một nét sổ dài làm thành giường, một nét ngang ngắn gối lên làm chỗ tựa vai, rồi hai chấm nhỏ rơi xuống mép trái như hai giọt mồ hôi lạnh; bên trong là một cái khung nhỏ, nét ngang trên, hai nét đứng, một nét gập ở giữa như cái then cài chưa kịp mở. Nghĩa cũ chẳng phải cái tật phải đem đi giấu, là cái đang nằm đấy, đang tự kể bằng một cơn đau nhẹ. Vậy mà ngài đem chính chữ ấy làm động từ: lấy cái đang nằm đấy mà đặt lại đúng chỗ nó đang nằm. Bà tôi hôm nay rửa cái chén men có vết rạn chạy từ vành xuống chân, bà chẳng úp vết rạn vào trong cho khuất, cũng chẳng cất chén đi, bà đặt nó ngay giữa mấy cái chén lành trên khay, vết rạn quay ra nắng, rồi vẫn rót trà vào đúng chén ấy.

Câu chót ngài lặp lại đúng hai chữ ấy, mà lặp kiểu đẩy nhịp đi thêm một nấc: *phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh*. *Phù duy* là chính vì, *thị dĩ* là bởi thế. Chính vì lấy cái bệnh làm bệnh, nên chẳng bệnh. Nghe như ngài vừa đóng một cái vòng: đầu bảo thánh nhân chẳng bệnh, giữa bảo ngài lấy cái bệnh làm bệnh, cuối bảo chính cái lấy ấy làm nên cái chẳng bệnh. Cái chẳng bệnh ấy chẳng phải một liều thuốc, cũng chẳng phải một lần sửa cho xong —nó là cái còn lại sau khi người ta chịu ngó đúng chỗ đang lệch, rồi thôi. Tôi nhớ cái cân đồng trên sạp rau đầu

chợ, hôm nay kim chỉ lệch một vạch mỏng. Cô bán hàng chẳng vặn lại cho ngay, cũng chẳng bảo nó đã đúng; cô đặt bó cải non lên đĩa, để kim đứng lệch đấy, rồi bó bằng sợi lạt, mấy hạt đất còn dính ở vành đĩa cân. Cái *bệnh bệnh* ấy chẳng nằm ở chỗ sửa được cái lệch, nó nằm ở chỗ cái lệch được phép đứng đúng là cái lệch.

Đọc đi đọc lại mới thấy chữ *thượng* ở đầu chương đứng lặng quá. *Tri, bất tri, thượng hĩ* —ngài chẳng bảo cái ấy là hay, là hơn, ngài chỉ đặt nó lên một nấc rồi thôi, như người đặt chén lên khay cao hơn mặt bàn một cái đếm. Cái biết ấy chẳng tự phô, nên nó vang lại đúng *bị cát nhi hoài ngọc*: viên ngọc chẳng cần ai lật áo ra mà ngó. Chiều mưa tuần trước, đứa cháu hỏi tôi hạt mưa rơi từ đâu, tôi đang định đáp một câu cho gọn, bà tôi ở bếp bảo thôi để nó hỏi thêm một lát. Đứa bé ngồi nhìn vệt nước chảy dài trên mái tôn, rồi tự quay đi nhặt cái kẹp gỗ rơi xuống bậc thềm. Câu đáp gọn ấy chẳng sai, mà nếu lỡ buông ra là cái ngó của nó đã khựng lại mất rồi. Ngài chẳng trách ai tưởng mình biết, ngài chỉ gọi cái ấy bằng đúng một chữ *bệnh*, rồi để nó nằm cạnh chữ *thượng*, tỉnh queo như hai cái chén úp cạnh nhau.

Tôi đặt ấm xuống đúng cái vòng mờ đã in trên mặt bàn, chén úp cạnh đó vẫn khô. Ba mươi sáu chữ mà ngài dồn vào một chữ *bệnh* rồi lật nó hai lượt, đọc xong vẫn còn dư một khoảng giữa hai lần châm nước —cái khoảng ấy là chính chỗ mình chưa kịp biết mà vẫn đang ngồi yên cạnh nó. Chương này chẳng khép lại đâu: cái chỗ ở của dân ở trang sau vẫn còn nguyên, chỉ là ngoài ngõ có tiếng xe đạp lăn qua viên gạch lệch, rồi còn lâu mới xa hẳn. Tôi khẽ dịch cái chén rạn ra thêm nửa gang cho vệt nắng khỏi đụng vào vành, rồi lật trang.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: biết là biết, chẳng biết là chẳng biết.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Vi chính*, chép một lần thầy gọi Tử Lộ lại mà bảo ngắn gọn: (知之為知之，不知為不知，是知也。) —biết thì nhận là biết, chẳng biết thì nhận là chẳng biết, ấy mới

là biết. Chữ *vi* ở đây là nhận, là để nó đúng là nó, chẳng đội thêm một lớp; chữ *thị* là ấy, và cái *tri* đứng cuối cùng lại chính là cái biết mà hai vế trước vừa dọn cho sạch chỗ. Thầy chẳng thêm một chữ nào về đức hạnh, chỉ lặp cái *tri* ba lượt rồi chấm xuống. Tôi hình dung trang thẻ tre đã mở sẵn, nét mực còn ướt ở chữ vừa viết vội, thầy đặt tay lên mép thẻ, bảo chép lại đúng hai vế ấy thôi. Cái đáng quý chẳng nằm ở chỗ biết nhiều, nó nằm ở chỗ cái chưa biết được phép đứng nguyên tên nó.

Đem cạnh *tri, bất tri, thượng hĩ; bất tri, tri, bệnh dã*, tôi thấy thầy Khổng và ngài Lão Tử cùng chìa tay vào một chỗ: cái bệnh chẳng phải cái chưa biết, mà là cái tưởng mình đã biết. *Thánh nhân bất bệnh, dĩ kỳ bệnh bệnh* —ngài chẳng bảo mình biết hết, ngài chỉ chịu để cái *bất tri* đứng đúng là *bất tri*, đúng như cái *bất tri* trong hai vế đầu chương này chẳng hề bị sửa thành *tri*.

Tôn Tử: biết người, biết mình.

Sách *Tôn Tử*, thiên *Mưu công*, có một câu gọn đến mức người ta đọc thuộc từ thuở còn cầm roi: (知彼知己，百戰不殆。) — biết người, biết mình thì trăm trận chẳng nguy. Chữ *bỉ* là bên kia, chữ *kỷ* là mình, chữ *bách chiến* là trăm lần ra quân, chữ *đãi* là nguy, là cái đứng chênh chao chưa ngã. Ông ấy xếp hai cái biết cạnh nhau trước khi nói đến cái thắng, và cái *tri* ấy là biết rõ thực địa, biết rõ binh mình, chẳng phải biết để mà tự tin. Tôi nhớ ông lão ngoài ngõ sửa cái cổng sắt, trước khi vặn ốc ông ngó kỹ cái bản lề một lát rồi mới cầm cờ-lê, cứ để cái lệch hiện ra đúng chỗ nó lệch đã.

Câu ấy cầm lấy *phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh* mà đỡ, nhưng ngặt hơn một nhịp: ông Tôn Tử bảo biết mình, ngài Lão Tử bảo biết ngay cái chỗ mình chẳng biết. *Dĩ kỳ bệnh bệnh* —lấy cái bệnh làm bệnh —tức là một lượt *tri kỷ* đi vào tận góc tối nhất của cái mình, chẳng dừng ở chỗ đã rõ. Nên *thị dĩ bất bệnh* chẳng phải thắng trăm trận, là chẳng còn chỗ nào trong mình được đội lốt cái đã biết nữa.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi bóc mấy hạt đậu xanh vào cái rổ cói đặt trên bậc cửa. Một hạt còn dính vỏ trôi lăn xuống khe bậc, bà chẳng cúi nhặt ngay, để nó nằm đấy, rồi tiếp tục bóc. Vỏ đậu rơi thành một vòng mỏng quanh rổ, nắng xiên qua kẽ lá khế nằm chéo trên mấy hạt đã bóc, hạt còn vỏ nằm lẫn vào, chẳng ai gạt nó ra riêng.

Ngoài sạp chợ, cô bán hàng cân mớ cải non, kim cân đồng đứng lệch một vạch mỏng. Cô đặt bó rau xuống, buộc sợi lạt, rồi cúi sửa mấy lá bị dập ở mép rổ. Đĩa cân còn dính mấy hạt đất, vệt nắng xiên qua tấm bạt dù rơi trên vành đĩa, người mua cầm túi cói đi rồi, cái kim vẫn đứng nguyên chỗ lệch ấy, chẳng ai vặn lại.

Chiều mưa mới tạnh, cái kẹp gỗ trên dây phơi bị gió xoay ngang, nếp áo vắt chéo. Tôi định đưa tay sửa, rồi thôi, đi vào bếp châm thêm nửa ca nước vào ấm. Hơi bốc qua vung làm mờ một góc kính, chén úp trên khay vẫn khô, nước từ mái ngói còn nhỏ xuống bậc thềm, nhịp sau thưa dần hơn nhịp trước. Ngoài ngõ, vành xe đạp kêu khẽ trên viên gạch lệch rồi đi qua.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hạt đậu còn vỏ nằm lẫn trong rổ cói.
Kim cân đứng lệch, hạt đất dính vành đĩa.
Cái kẹp gỗ xoay ngang, nếp áo còn ướt.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第七十二章

Đừng ép chỗ ở của dân

民不畏威

民不畏威，則大威至。
Dân bất úy uy, tắc đại uy chí.
無狎其所居，無厭其所生。
Vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh.
夫唯不厭，是以不厭。
Phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm.
是以聖人自知不自見；自愛不自貴。
Thị dĩ thánh nhân tự tri bất tự hiện; tự ái bất tự quý.
故去彼取此。
Cố khứ bỉ thủ thử.

GẪM

Chương trước ngài gọi tên cái bệnh bằng đúng hai chữ *bệnh bệnh*, rồi để nó nằm cạnh chữ *thượng* như hai cái chén úp trên cùng một khay. Lật trang ngài đã đưa cái chỗ ấy ra đứng giữa cái xóm: *dân bất úy uy, tắc đại uy chí*. Dân chẳng còn sợ cái uy, thì cái uy lớn tới. Chữ *úy* là sợ, là nép lại trước một cái đang đứng trên; chữ *uy* là cái đáng sợ ấy, chữ *tắc* là thì, chữ *chí* là tới, là đi tới nơi chứ chẳng mới đi. Ngài chẳng bảo ai dọa thêm,

ngài chỉ kể một cái tới: khi cái nép đã thôi, cái vốn đứng sau nó hiện ra ngay, chẳng cần ai đẩy. Cái cổng sắt ngoài ngõ hôm trước, người ta lỡ siết ốc thêm một vòng cho thật chặt, rồi nới lại nửa vòng, cánh cổng tự khép vào đúng khe; cái khe sáng hẹp lại thành một đường mỏng. Cái *bệnh* hôm trước là tưởng mình biết chỗ đang lệch; sang đây cái lệch ấy nằm ngay ở chỗ người ta đứng, ở bậc cửa, ở cái sạp đã kê từ hồi nào.

Rồi ngài dặn bằng hai vế ngắn, mỗi vế có một cái *vô* đứng trước: *vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh*. Chẳng ép chỗ ở của họ, chẳng bóp chỗ sống của họ. Chữ *sở* là chỗ, *cư* là ở, là nằm lại đấy qua đêm; *sinh* là sống, là cái còn mọc lên mỗi sáng. Hai chữ tôi ngồi lại lâu là *hiệp* và *yếm*. *Hiệp* xưa vẽ một con chó đứng sấn lại quá gần, bộ chó nằm sát bên, nên nghĩa cũ là sấn tới, là coi chỗ ấy thành chỗ mình có thể xô vào, quen quá hoá ra chẳng còn giữ kẽ. *Yếm* nặng hơn: người xưa vẽ một cái mái đá che lên trên, dưới nó là một con chó đã no nằm cạnh miếng thịt, cái no ấy đè xuống mà thành chán; rồi thêm một nét tay ấn cho đầy nữa, nên chữ ấy vừa là bóp, vừa là chán. Ngài xếp *hiệp* với *cư*, *yếm* với *sinh* — một cái đụng vào chỗ nằm, một cái đụng vào cái đang mọc. Sáng nay bà tôi xới luống rau cải sau bếp, mấy cây non hôm trước bị úng nằm nghiêng, bà chẳng nhổ đi cũng chẳng đắp thêm đất cho chặt gốc, chỉ xới nhẹ quanh cho đất hở ra rồi úp cái rổ che nắng gắt trưa. Chiều ngó lại mấy cây đã ngửng lên, vệt đất ướt quanh gốc khô dần thành một vòng mờ.

Câu giữa ngài lặp đúng chữ *yếm* ấy hai lượt trong một câu: *phù duy bất yếm, thị dĩ bất yếm*. Chính vì chẳng bóp, nên chẳng chán. Một chữ đứng ở tay người trên, một chữ ở lòng người dưới, mà ngài chẳng đổi chữ, cũng chẳng thêm chữ để phân biệt — cứ để cùng một cái *yếm* đi qua hai đầu. *Phù duy* là chính vì, *thị dĩ* là bởi thế, hai cái nối ấy nghe như người giải thích một cái đã xảy ra từ trước. Rồi ngài kể thánh nhân bằng bốn vế, mỗi vế có một chữ *tự*: *thị dĩ thánh nhân tự tri bất tự hiện; tự ái bất tự quý*. Chữ *tự* là tự nó, vang lại đúng bốn chữ *tự* hồi chương 57. Tôi dừng ở *tự tri bất tự hiện*: chữ đứng sau *bất tự* ấy bản

nhà tôi đọc là *hiện*, là phô ra, là đem mình đứng chỗ có nắng cho người khác ngó, chứ không phải *kiến* là ngó thấy. Người xưa vẽ chữ ấy bằng một con mắt nằm ngang đặt trên hai nét chân đang bước —mắt thì ngó, mà hai chân đang đứng ra giữa sân, nên nó vừa là thấy, vừa là hiện lên. *Ái* là thương, là cầm nhẹ, mà cái *bất tự quý* chẳng làm cái *tự ái* vơi đi một tí.

Chương khép bằng một câu ngắn đến mức đọc xong vẫn còn dư một nhịp: *cố khứ bỉ thủ thử* —bỏ cái kia, lấy cái này. Chữ *khứ* là bỏ, *thủ* là lấy, *bỉ* là bên kia, *thử* là bên này. Ngài chẳng gọi tên cái kia là gì, cũng chẳng tả cái này ra sao, chỉ đặt hai cử động cạnh nhau rồi thôi, tỉnh queo như người dời chén từ mép khay vào giữa khay. Mà cái *bỉ* ấy tôi nghe lại đúng *bị cát nhi hoài ngọc* hồi chương 70: một cái là cái phô ra, còn cái *thử* là chính cái đang nằm im dưới vạt áo. Chiều nay cái then cài cửa bếp bị ẩm phồng lên, đóng không khít, bà tôi chẳng bào lại cho vừa, cũng chẳng đóng thêm một cái đinh, chỉ kê cái gáo dừa úp vào chân cửa cho nó khỏi kêu. Gió lùa qua khe hở lay cái rèm, hơi nồi canh bốc lên làm mờ một góc kính, mấy hạt gạo rơi vãi dưới chân cối vẫn nằm đấy từ sáng.

Tôi đọc lại từ *dân bất úy uy* xuống tới *cố khứ bỉ thủ thử* mà thấy cả chương đứng trên một cái chỗ: chỗ ở, chỗ sống, chỗ úp chén, chỗ cái khe cửa còn hở một đường mỏng. Ngài chẳng bảo ai dời đi, cũng chẳng bảo ai ở lại, ngài chỉ chừa đúng cái chỗ ấy ra, rồi thôi. Cái *bất yếm* đứng hai lượt kia vẫn còn ngân ở đầu ngõ: sang trang sau nó sẽ ngược lên thành một cái lưới thưa, đứng im trên đầu mà chẳng cần ai giăng. Tôi đặt ấm xuống đúng cái vòng mờ đã in trên mặt bàn, khẽ đẩy cái gáo dừa úp sát thêm vào chân cửa, rồi lật trang; chén úp trên khay vẫn khô, tiếng xe ngoài ngõ chạy qua, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: coi dân như cỏ rác, dân coi lại như giặc.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Ly Lâu hạ*, có một cặp câu mà tôi đọc lên thấy lạnh đi giữa đang ấm: (君之視臣如土芥，則臣視君如寇讎。) —vua coi bề tôi như cỏ rác, bề tôi coi vua như kẻ thù. Chữ

thị là ngó, là coi, chữ *thổ giới* là cỏ rác, là cái dẫm lên rồi bỏ, chữ *khấu thù* là kẻ giặc, là cái đứng đối lại. Hai vế y hệt nhau, chỉ đổi hai đầu, vậy mà chiều của nó đã xong: cái ngó xuống sinh ra cái ngó lại, chẳng cần ai dọa thêm một câu. Thầy chẳng kể một cuộc nổi loạn, thầy chỉ kể một cái đổi chỗ của con mắt. Tôi nhớ mấy hạt gạo rơi vãi dưới chân cối ngoài hiên, sáng nào bà tôi cũng cúi nhặt từng hạt bỏ lại vào rổ, chẳng bao giờ quét phắt đi một chỗ; cái cúi ấy chẳng có ai bắt, mà cái sân cũng chẳng bao giờ có hạt nào nằm lại đến trưa.

Đem cạnh *dân bất úy uy, tắc đại uy chí*, tôi thấy cái đáng sợ chẳng phải do ai dọa thêm, mà do chỗ bị ép đã lâu. *Vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh* —chẳng ép chỗ ở, chẳng bóp chỗ sống —chính là cầm lấy cái *thị* ấy ngay từ đầu, trước khi nó kịp quay lại thành *khấu thù*.

Luận ngữ: cai bằng đức, ngồi yên như sao Bắc Đẩu.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Vi chính*, có một câu ví mà tôi vẫn ngó lên mỗi tối quang: (為政以德，譬如北辰，居其所而衆星共之。) —coi nước bằng đức, ví như sao Bắc Đẩu, cứ ngồi yên chỗ mình mà muôn sao tự xoay về. Chữ *vi* là làm, là coi, chữ *thí* là ví, chữ *bắc thần* là ngôi sao đứng giữa trời bắc, chữ *cư* là ở, là nằm yên đúng chỗ, chữ *cộng* là cùng xoay về, như mấy cái chén úp trên khay cùng quay miệng vào một phía. Thầy chẳng bảo ngôi sao ấy đi đâu, cũng chẳng bảo nó gọi ai; nó chỉ đứng đấy, và cái đứng đấy đã đủ để muôn sao tìm được chỗ của mình. Đêm qua trời quang, tôi ngồi hiên thấy mấy ngôi sao nhỏ nằm lệch dần về một đầu mái, chẳng cái nào bị ai kéo, mà sáng nay vẫn đúng chỗ cũ.

Đặt cạnh *vô hiệp kỳ sở cư, vô yếm kỳ sở sinh*, câu ấy đỡ lấy cả *tự tri bất tự hiện*: chẳng ép chỗ ở, chẳng bóp chỗ sống, mà chẳng vì thế rời đi. *Cố khứ bỉ thủ thử* —bỏ cái kia lấy cái này —cũng chẳng phải một lần dời chỗ, là cái *cư kỳ sở* ấy được phép đứng yên, đúng như ngôi sao chẳng cần nhúc nhích mà mọi cái vẫn xoay về.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay người ta đo lại cái bậc cửa trước hiên, định kê thêm một viên gạch cho hết cái chỗ lõm. Bà tôi bảo thôi, để nguyên viên gạch cũ đã mòn một góc, chân quen bước chỗ ấy từ hồi nào. Viên gạch mới được đặt xuống cạnh bậc, chẳng lắp vào, nằng xiên qua kẽ lá khế nằm chéo trên mặt gạch còn dính cát, vết chân đi qua vẫn in đúng chỗ lõm cũ.

Ngoài sạp chợ, cô bán hàng xếp lại mấy cái rổ úp chồng lên nhau, cái trên cùng đặt hơi lệch, chẳng ai chỉnh lại cho ngay. Một bà cụ cúi chọn mấy quả cà chua, rồi đặt trả lại đúng vết lõm trên mớ rau, mua mấy cái khuy thôi. Sợi lạt buộc bó rau còn thừa một đoạn ngắn nằm trên mặt sạp, vệt nước rửa rau chảy chậm về rãnh dưới chân, chẳng ai gọi ai.

Chiều mưa, cái dây phơi căng từ cột đầu ngõ sang cột nhà bên, mấy cái kẹp gỗ kẹp lệch hết một bên. Tôi định kéo dây cho căng thêm, tay đã nắm, rồi buông ra, đi vào bếp nhấc ấm khỏi bếp đặt xuống khay. Dây phơi vẫn chùng đúng chỗ cũ, nước từ mái tôn nhỏ xuống bậc thềm, nhịp sau thưa dần hơn nhịp trước. Chén úp trên khay vẫn khô, rèm cửa lay một cái rồi đứng yên.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Viên gạch mới nằm cạnh bậc, chưa lắp vào.

Cái rổ úp trên cùng đặt hơi lệch.

Sợi lạt thừa nằm trên mặt sạp.

Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第七十三章

Lưới trời thưa, chẳng cái nào lọt

天網恢恢

勇于敢則殺，勇于不敢則活。
Dũng vu cảm tắc sát, dũng vu bất cảm tắc hoạt.

此兩者，或利或害。
Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại.

天之所惡，孰知其故？
Thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố?

是以聖人猶難之。
Thị dĩ thánh nhân do nan chi.

天之道，不爭而善勝，不言而善應，不召而自來，繟然而善謀。
Thiên chi đạo, bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai, thiển nhiên nhi thiện mưu.

天網恢恢，疏而不失。
Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất.

GẪM

Chương trước ngài chừa đúng một cái chỗ ra rồi khép bằng *cố khứ bỉ thủ thử* —bỏ cái kia, lấy cái này, ngắn như người dời chén từ mép khay vào giữa. Lật sang trang ngài đã đưa hai

cái dũng đứng cạnh nhau: *dũng vu cảm tắc sát, dũng vu bất cảm tắc hoạt*. Dũng mà dám thì bị giết, dũng mà chẳng dám thì sống. Chữ *dũng* là cái gan đứng tới trước, *cảm* là dám, *tắc* là thì, *sát* là bị giết, *hoạt* là còn sống. Hai vế chỉ khác một chữ *bất* đứng giữa, vậy mà ngài xếp chúng cạnh nhau chẳng bên nào hơn, tỉnh queo như người đặt hai cái chén úp lên khay rồi lùi tay. Cái *vu* đi trước hai lượt *cảm* ấy tôi cứ đọc đúng âm đang có, hai lượt như nhau, rồi đi tiếp, chẳng đem chữ nào khác đặt vào chỗ nó. Sáng nay ngoài ngõ có người định bước qua rãnh nước đang chảy xiết, chân đã nhấc, rồi đặt xuống, đi vòng thêm mấy bước chỗ viên gạch lệch. Cái nhấc ấy vẫn là một cái dũng, mà chẳng có ai bước.

Rồi ngài gom hai vế ấy bằng một câu ngắn: *thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại*. Hai cái ấy, hoặc lợi hoặc hại. Chữ *lưỡng* là hai, *hoặc* là cái chưa đứng hẳn về bên nào; ngài chẳng gắn cái lợi vào bên chẳng dám, cũng chẳng gắn cái hại vào bên dám, ngài cứ để hai chữ ấy lơ lửng trên cả hai. Rồi một câu hỏi buông ra, chẳng đáp: *thiên chi sở ố, thục tri kỳ cố?* —cái trời ghét, ai biết được cớ ấy? Chữ *ố* là ghét, *thục* là ai, *cố* là cớ. Và ngài tự trả lời bằng một cử động chứ chẳng bằng lời giải: *thị dĩ thánh nhân do nan chi* —bởi thế thánh nhân vẫn còn lấy làm khó. Chữ *do* là vẫn còn, *nan* là khó, là chẳng dám đặt tay cho gọn. Tôi ngồi lâu ở chữ ấy: thánh nhân chẳng bảo mình biết cớ trời, ngài chỉ còn giữ cái khó trong tay, chẳng vội gỡ. Chiều nay bà tôi nấu nồi canh, lúc nước sôi bà chẳng nhấc vung ngay, đợi hơi dịu đi một nhịp mới đẩy nắp dịch sang nửa gang; hỏi bà sao đợi, bà chỉ bảo chưa biết lúc nào vừa, rồi cười, đặt cái vá gỗ nằm ngang miệng nồi.

Câu năm dài ra thành bốn vế đi song, mà ba vế đầu cùng một nhịp: *thiên chi đạo, bất tranh nhi thiện thắng, bất ngôn nhi thiện ứng, bất triệu nhi tự lai, thiển nhiên nhi thiện mưu*. Đạo trời chẳng tranh mà khéo thắng, chẳng nói mà khéo đáp, chẳng gọi mà tự tới. Chữ *tranh* là giành, *thiện* là khéo, *ứng* là đáp lại, *triệu* là gọi, *tự lai* là tự đi tới, vang lại đúng cái *tự* của chương 57. Ba vế đều mở bằng *bất* rồi nối bằng *nhi*, nghe như ba lần

nhấc tay lên rồi đặt xuống, chẳng lần nào có tiếng chạm. Đến vế cuối tôi khựng lại: *thiển nhiên nhi thiện mưu*. Chữ đứng đầu vế ấy là *thiển* —chữ 禪, nghĩa thong dong, nhàn nhã, chẳng vội vã, khác hẳn cái khéo của ba vế trước. Soi ảnh quét Vương Bật, tôi mới hay bản điện tử từng chép nhầm *thiện* (繕, vá sửa) vào chỗ phải là *thiển* (禪, thong dong); **đã sửa** 繕 thành 禪 và dòng Hán Việt thiện thành thiển. Đọc *thiển nhiên nhi thiện mưu*, tôi nghe một người thong dong đứng nhìn mà vẫn tính được đường đi nước bước, chẳng cần nhấc tay vội. Bốn vế ấy chẳng có cái nào thêm vào: chẳng tranh, chẳng nói, chẳng gọi, rồi thong dong mà vẫn khâu khéo —toàn là cái đang có tự xong.

Rồi câu chót buông xuống, mà tôi đọc mãi vẫn thấy nó phủ lên cả mấy câu trước: *thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất*. Lưới trời rộng rộng, thưa mà chẳng mất. Chữ *võng* là lưới, là những sợi đan bắt chéo nhau; *khôi khôi* là rộng, là mở ra chẳng có mép nào gập lại. Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *sơ*: xưa nó vẽ mấy hạt lúa đứng rời nhau trên ruộng, chẳng hạt nào dính vào hạt nào, nên nghĩa cũ là thưa, là những mắt lưới đứng xa nhau đủ để trông thấy trời qua đấy. Mà *bất thất* là chẳng mất, chẳng có cái nào rơi ra khỏi cái đang phủ ấy —chữ *thất* là rơi khỏi tay, là đánh rơi, chứ chẳng phải cái lọt qua một khe hở. Tôi nhớ cái giá phơi lưới ngoài hiên nhà bà tôi, mấy sợi gai đan bắt chéo thành những ô rộng đến mức đưa tay qua được, bà phơi mớ rau lên đấy từ sáng. Nắng xiên qua từng ô rơi xuống nền gạch thành những vệt sáng rời nhau, vậy mà đến trưa ngó lại chẳng lá nào rơi xuống đất, mớ rau vẫn nằm nguyên trên những sợi thưa ấy. Bà chẳng đan thêm một sợi cho khít, chỉ lật nhẹ mớ rau cho ráo mặt dưới.

Thị dĩ thánh nhân do nan chi —ngài vẫn còn lấy làm khó — ấy là cái còn lại sau khi mọi cái tay đều buông xuống, chẳng phải một cái vắng. Chiều nay tôi ngồi bên ấm trà, đọc tới *thiển nhiên nhi thiện mưu* rồi dừng ở *sơ nhi bất thất*, đặt ấm xuống đúng cái vòng mờ đã in trên mặt bàn, chén úp cạnh đó vẫn khô. Cái lưới thưa ấy chưa chịu nằm lại trong trang này đâu:

sang trang sau nó sẽ hiện ra ở một bàn tay định cầm thay cái đục, rồi khựng lại giữa chừng. Tôi khẽ lật mấy sợi gai trên giá phơi cho đúng nếp cũ, rồi lật trang; ngoài ngõ tiếng xe đạp lăn qua viên gạch lệch, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn.

> Chỗ hay về bản văn (soi lại với ảnh quét Vương Bật): 「于」 hai lượt trong 「勇于敢則殺，勇于不敢則活」 vẫn **giữ nguyên** và phiên *vu* (khớp Vương Bật, không đổi thành 於). Vế cuối nguyên chép 「繕然而善謀」—chữ 繕 (thiện, vá sửa) là lỗi chép/gõ, soi ảnh Vương Bật thấy đúng là「繟然」(thiển, thong dong); **đã sửa** 繕 thành 繟 và dòng Hán Việt thiện thành thiển. Câu chót vẫn 「疏而不失」 (khớp Vương Bật), không phải 「疏而不漏」 quen miệng đời sau.

ĐIỂN TÍCH 典

Kinh Thi: trời sáng, soi xuống đất.

Sách *Kinh Thi*, thiên *Tiểu Nhã*, bài *Tiểu Minh*, có một câu mà tôi vẫn đọc lên mỗi sớm trời quang: (明明上天，照臨下土。) —trời sáng sáng, soi xuống cõi đất. Chữ *minh minh* là sáng lặp lại hai lượt, chẳng phải sáng thêm một lần, là sáng có sẵn rồi vẫn sáng; chữ *thượng thiên* là cái trời đang ở trên, chữ *chiếu* là soi, chữ *lâm* là cúi xuống, chữ *hạ thổ* là cõi đất nằm dưới. Hai vế chẳng có một chữ nào kể về chuyện trời làm gì cho đất, nó chỉ kể một cái đang phủ: cái sáng ở trên, cái được soi ở dưới, chẳng cần ai đem đèn ra, cũng chẳng cần ai ngước lên mời.

Đem cạnh *thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất thất*, câu ấy đỡ lấy cái chẳng-cần-giăng: cái lưới trời cũng chẳng cần ai đan, nó vốn đã phủ như cái sáng vốn đã soi, thưa mà chẳng mất, chẳng có cái nào rơi ra khỏi chỗ đang được soi ấy. *Bất triệu nhi tự lai* —chẳng gọi mà tự tới —cũng đọc được ngay từ cái *chiếu lâm* này, chẳng cần một lời mời nào ở giữa.

Mạnh Tử: thuận trời còn, nghịch trời mất.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Ly Lâu thượng*, có sáu chữ gọn mà tôi đọc lên vẫn thấy lạnh đi giữa đang ấm: (順天者存，逆天者亡。) —thuận trời thì còn, nghịch trời thì mất. Chữ *thuận* là đi cùng chiều, là xuôi theo cái đang chảy, chữ *nghịch* là cưỡng lại, là

đứng ngang dòng, chữ *tồn* là còn, chữ *vong* là mất, là chẳng còn tìm thấy. Thầy chẳng kể một cái phạt, cũng chẳng kể một cái thưởng; thầy chỉ xếp hai chiều đi cạnh một chữ trời, rồi để mỗi chiều tự cầm lấy cái của mình.

Đặt cạnh *dũng vu cảm tắc sát, dũng vu bất cảm tắc hoạt*, tôi thấy cùng một cái dũng, khác ở chỗ có chịu đi cùng cái trời chẳng tranh hay không. *Thử lưỡng giả, hoặc lợi hoặc hại* — ngài chẳng gắn bên nào, mà cái *thiên chi đạo, bất tranh nhi thiện thắng ở* giữa chương đã kể sẵn chiều ấy: chẳng tranh mà vẫn khéo thắng, rồi *sơ nhi bất thất*, thưa mà chẳng mất.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi rửa mớ rau trong cái rổ cói đáy đan lỗ thưa đặt trên bể nước. Nước chảy qua từng lỗ xuống bể, kêu khẽ, vậy mà mấy hạt đất dính ở đáy rổ vẫn nằm lại, chẳng hạt nào đi cùng nước. Bà nhấc rổ úp lên bậc cửa cho ráo, vệt nước dưới bậc khô dần từ phía ngoài vào, mấy hạt đất còn dính thành một vòng mờ trên đáy cói.

Ngoài ngõ, hai người đang khiêng cái cổng gỗ qua rãnh nước, một người đi trước, một người đi sau, chẳng ai hô. Cái chân cổng chạm viên gạch lệch khựng lại một nhịp, rồi người đi sau nhấc nhẹ lên, cánh cổng qua khỏi, đặt xuống đúng chỗ cũ. Vệt ướt trên viên gạch còn đọng, mấy hạt mạt cưa từ lỗ đinh mới nổi lên rồi lắng xuống, chẳng ai dời viên gạch đi.

Chiều mưa mới tạnh, nước từ mái tôn còn nhỏ xuống bậc thềm, nhịp sau thưa dần hơn nhịp trước. Bà tôi đặt cái gáo dừa úp lên thành bể, rồi ngồi xuống bàn gỗ, tay gác lên thành ghế, chẳng nhấc ấm thêm lần nào. Hơi vẫn bốc qua vòi ấm, chén úp trên khay vẫn khô, vệt nắng non ló ra nằm mỏng trên mép khay, nhích đi một chút rồi đứng lại. Ngoài ngõ, tiếng chổi quét hiên bên nhà kêu một lát rồi thôi.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Mấy hạt đất còn dính thành vòng mờ trên đáy rổ.
Vệt ướt trên viên gạch lệch còn đọng.
Cái gáo dừa úp trên thành bể, nắng non nằm mép khay.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第七十四章

Dọa bằng cái chết, khi dân hết sợ

民不畏死

民不畏死，奈何以死懼之？
Dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi?

若使民常畏死，而為奇者，吾得執而殺之，孰敢？
Nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thục cảm?

常有司殺者殺。
Thường hữu ty sát giả sát.

夫代司殺者殺，是謂代大匠斲，夫代大匠斲者，希有不傷其手矣。
Phù đại ty sát giả sát, thị vị đại đại tượng trác; phù đại đại tượng trác giả, hy hữu bất thương kỳ thủ hĩ.

GẪM

Chương trước ngài buông cái lưới thưa xuống, *sơ nhi bất thất*, rồi tôi khẽ lật mấy sợi gai trên giá phơi cho đúng nếp cũ. Sang chương này cái bàn tay ấy chưa kịp rời khỏi trang: *dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi?* —dân chẳng còn sợ chết, thì lấy cái chết mà dọa họ làm gì? Chữ *úy* là sợ, vang lại đúng *dân bất úy uy*

hôm trước; *tử* là chết, *nại hà* là lấy gì mà, *dĩ* là đem, *cụ* là dọa, là làm cho run. Ngài mở đầu bằng một câu hỏi, mà cái hỏi ấy chẳng đợi trả lời: cái để dọa đã hết sợ, thì cái dọa còn cầm vào đâu. Tôi nhớ cái kẹp gỗ trên dây phơi hôm mưa, gió xoay nó ngang mãi, tôi định gọi bà tôi ra sửa, đã mở miệng, rồi thôi — bà đang cúi nhặt mấy hạt gạo rơi vãi dưới chân cối, xếp từng hạt trở lại vào rổ. Câu định gọi ấy chẳng còn tìm được chỗ để đặt xuống. Ngài chỉ chỉ đúng chỗ cái dọa đã đứng không còn chỗ bám.

Rồi ngài thử đặt ngược lại một nhịp: *nhược sử dân thường úy tử, nhi vi kỳ giả, ngô đắc chấp nhi sát chi, thục cảm?* —giá sử dân vẫn thường sợ chết, mà có kẻ làm điều lạ, tôi được cầm lấy mà giết đi, thì ai còn dám? Chữ *nhược sử* là giá sử, *thường* là vẫn, *vi kỳ* là làm cái lệch, vang lại đúng *dĩ kỳ dụng binh* hồi chương 57; *chấp* là cầm lấy, *thục cảm* là ai dám. Câu hỏi cuối làm cái cầm khựng lại: chẳng còn ai đứng ở chỗ ấy nữa. Ngay sau đó ngài buông một câu ngắn: *thường hữu ty sát giả sát*. Vẫn đã có kẻ coi việc ấy mà giết. Chữ tôi dừng lại thật lâu là *ty*: xưa nó là cái bàn con có người đứng sau, là chỗ giữ một việc riêng đã được giao, chẳng phải tự dựng ra, cũng chẳng phải đứng thay; thêm chữ *thường* phía trước thành đã có sẵn từ trước khi ai kịp đưa tay vào. Chữ *sát giả* đi sau là kẻ ấy, còn chữ *sát* cuối cùng là chính việc ấy được làm —ngài chẳng bảo kẻ ấy là ai, chỉ bảo đã có.

Câu cuối ngài kéo dài ra, mà càng dài càng khép lại đúng vào một bàn tay: *phù đại ty sát giả sát, thị vị đại đại tượng trác; phù đại đại tượng trác giả, hy hữu bất thương kỳ thủ hĩ*. Thay kẻ coi việc ấy mà giết, ấy gọi là thay ông thợ cả mà bổ; kẻ thay ông thợ cả mà bổ, ít có ai chẳng đau tay mình. Chữ *đại* đi đầu là thay, là đứng vào chỗ người khác; *đại tượng* đi sau là ông thợ cả, người cầm cái đục đã quen tay từ hồi nào. Còn chữ *trác* ấy hiếm, bản nhà tôi in đúng một chữ mà tôi phải ngồi lâu mới dám đọc tiếp: người xưa vẽ nó bằng một lưỡi rìu nhỏ đặt cạnh một mảnh gỗ đang bị bổ, nét cuối là lưỡi rìu giáng xuống, nét đầu là cái đẽo còn dính lại, chẳng có nét nào kể về bàn tay, vậy

mà đọc lên vẫn nghe tiếng gỗ vỡ. Tôi chẳng in chữ ấy ra đây, chỉ tả bằng lời thôi. Ngài ghép *đại* với *trác* hai lượt, lượt sau lặp lại nguyên cả vế trước rồi mới chốt bằng *hy hữu bất thương kỳ thủ hĩ* —ít có, chẳng phải chẳng bao giờ; *thương* là xước vào, *kỳ thủ* là bàn tay của chính kẻ ấy. Cái chương dài mấy câu về dân, về dọa, vậy mà khép lại bằng một đốt ngón tay. Tôi có lần đòi cầm thay cái đục của ông thợ ngoài ngõ, lưỡi đục trượt khỏi cái chốt, sượt qua đầu ngón tôi, chỉ một vệt mỏng; ông chẳng nói, lấy cái khăn lau rồi đặt đục lại đúng chỗ cũ, tự bổ tiếp nhịp sau, bàn tay ông đã có một vết sẹo cũ ở đốt ngón cái từ hồi nào chẳng ai nhớ.

Đọc đi đọc lại mới thấy chữ *hy hữu* ở cuối chương đứng nhẹ quá. *Hy* là thưa, là hiếm, vang lại đúng *tri ngã giả hi* hồi chương 70; ngài chẳng viết chẳng bao giờ đau, ngài viết *hy hữu bất thương*, ít có ai chẳng đau —vẫn còn một kẻ đứng thay mà tay lành, nhưng cái ấy thưa. Cái thưa ấy nối thẳng với *sơ nhi bất thất* hôm trước: lưới trời thưa mà chẳng mất, bàn tay đứng thay mà ít khi chẳng đau, cùng một cái chẳng cần siết thêm cho khít. Bốn chương vừa đi tôi đều nghe một cái bớt đi, chỉ đổi từ cái đầu sang cái chỗ ở, sang cái lưới, rồi sang chính bàn tay mình. Chiều nay bà tôi bổ cái dừa ngoài bậc cửa, lưỡi dao dội xuống đúng chỗ cũ đã mòn thành một vệt lõm, nước dừa văng ra mấy giọt dính trên cổ tay bà. Tôi định đưa tay cầm thay nhịp sau, bà chẳng gắt, chỉ dịch cái dừa đi nửa gang rồi tự bổ tiếp, để nguyên cái dao nằm ngang trên bậc.

Tôi đặt ấm xuống đúng cái vòng mờ đã in trên mặt bàn, chén úp cạnh đó vẫn khô. Cái dao bổ dừa nằm ngang trên bậc cửa, vệt lõm cũ còn ướt mấy giọt nước, đầu ngón tôi lúc nãy chỉ hồng một tí rồi thôi. Ngài chẳng kết luận gì ở câu *hy hữu bất thương kỳ thủ hĩ*, ngài chỉ để bàn tay ấy đứng yên đúng chỗ nó đang đau, rồi thôi, như người đặt chén xuống chẳng úp thêm một cái lên trên. Chương này chẳng khép lại đâu: Hạ kinh vẫn còn đi tiếp, cái bát cơm đặt đầu bàn ở trang sau còn đang bốc khói. Tôi khẽ đẩy cái dao nằm ngang vào sát bậc cho khỏi vướng chân, rồi lật trang; hơi vẫn bốc qua vung nồi, ngoài

ngõ tiếng xe đạp lăn qua viên gạch lệch, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn.

ĐIỂN TÍCH 典

Thượng thư: thà sót còn hơn giết oan.

Sách *Thượng thư*, thiên *Đại Vũ mô*, có một câu mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh cái dao nằm ngang trên bậc cửa: (與其殺不辜，寧失不經。) —thà để lọt kẻ đáng tội, còn hơn giết người vô tội. Chữ *dữ kỳ* là thà, là đem hai cái đặt cạnh nhau rồi chọn một; chữ *bất cô* là kẻ chẳng có tội, chữ *ninh* là thà chịu, chữ *thất* là sót, là đánh rơi mất một cái đáng giữ, chữ *bất kinh* là chẳng đúng cái phép vẫn làm. Lời ấy chẳng khen cái sót, nó chỉ xếp hai cái hỏng lên bàn rồi đặt tay về phía nhẹ hơn, tỉnh queo như người cầm hai cái chén, một cái đã sứt, một cái còn nguyên, rồi úp cái còn nguyên xuống trước.

Đặt cạnh *thường hữu ty sát giả sát*, câu ấy cầm lấy đúng chữ *thường*: đã có kẻ coi việc ấy rồi, đừng đứng thay mà cầm lấy dao. *Phù đại ty sát giả sát, thị vị đại đại tượng trác* —thay kẻ coi việc ấy mà giết, ấy gọi là thay ông thợ cả mà bổ —cái *thất* của sách *Thượng thư* là còn chừa một chỗ sót, còn cái *đại* của ngài Lão Tử là lấp ngay chỗ sót ấy bằng một bàn tay, nên *hy hữu bất thương kỳ thủ hĩ* mới khép bằng một đốt ngón tay chứ chẳng bằng một lời bàn.

Luận ngữ: xử kiện, thà làm cho chẳng còn kiện.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Nhan Uyên*, chép một câu thầy nói mà tôi cứ đọc lại mỗi lần thấy hai người đứng hai đầu ngõ: (聽訟，吾猶人也，必也使無訟乎！) —xử kiện thì tôi cũng như người ta, điều tôi muốn là làm cho chẳng còn kiện mà xử. Chữ *thính* là nghe, là ngồi nghe hai bên, chữ *tụng* là cái kiện, chữ *do* là cũng như, chữ *tất* là ắt, là cái chắc chắn còn lại, chữ *sử* là làm cho, chữ *vô tụng* là chẳng còn kiện. Thầy chẳng chê cái xử, cũng chẳng khoe mình xử giỏi hơn ai; thầy nhận mình cũng như người ta rồi đẩy thêm một nhịp sang chỗ chẳng còn việc để xử nữa.

Soi vào *dân bất úy tử, nại hà dĩ tử cụ chi?*, câu ấy đỡ lấy cái *nại hà*: dọa bằng cái chết là còn có việc phải dọa, còn có kẻ phải đứng ra cầm; hết việc rồi thì cái dọa tự cất đi, chẳng cần ai dỡ. *Nhược sử dân thường úy tử… thục cảm?* —ngài thử đặt cái vẫn-sợ xuống rồi vẫn để câu hỏi khựng lại —cũng đọc được từ cái *tất dã sử vô tụng* ấy: chẳng phải dọa cho đủ sợ, là chẳng còn chỗ nào cho cái dọa đứng vào.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi bổ cái dừa ngoài bậc cửa, lưỡi dao dội xuống đúng vệt lõm đã mòn từ hồi nào. Nước dừa văng ra mấy giọt dính trên cổ tay bà, mảnh vỏ nằm ngửa trên nền gạch, chẳng ai lật lại. Bà đặt dao nằm ngang trên bậc rồi đi vào bếp rửa tay ở bể, để nguyên hai nửa dừa úp cạnh nhau dưới bóng rào.

Ngoài ngõ ông thợ mộc đục cái chốt cho cánh cổng gỗ. Cái đục nhấc lên, giáng xuống, nhấc lên, giáng xuống, mỗi nhịp chẳng mạnh hơn nhịp trước, mạt gỗ rơi thành một vòng mỏng trên bậc cửa. Đầu đục còn dính nhựa cây, ông gác nó ngang miệng cái hộp đồ nghề lúc nghỉ, lấy cái nón úp lên đầu cọc tre cạnh đấy, rồi ngồi bệt xuống, tay gác lên đầu gối.

Chiều mưa, cái then cài cửa bếp bị ẩm phồng lên, đóng chẳng khít. Tôi định lấy cái đục sửa lại cho vừa, đã cầm, rồi đặt xuống cạnh cái gáo dừa úp ở chân cửa. Gió lùa qua khe hở lay cái rèm, hơi nồi canh bốc lên làm mờ một góc kính, mấy hạt gạo rơi vãi dưới chân cối vẫn nằm đấy từ sáng. Chén úp trên khay vẫn khô, tiếng xe ngoài ngõ chạy qua, chậm, rồi còn lâu mới xa hẳn.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Hai nửa dừa úp cạnh nhau dưới bóng rào.

Đầu đục gác ngang miệng hộp, nhựa cây còn dính.

Cái đục đặt xuống cạnh gáo dừa, khe cửa còn hở.

Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第七十五章

Dân đói vì bữa trên quá đầy

民之飢

民之飢，以其上食税之多，是以飢。
Dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ.
民之難治，以其上之有為，是以難治。
Dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị.
民之輕死，以其上求生之厚，是以輕死。
Dân chi khinh tử, dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử.
夫唯無以生為者，是賢于貴生。
Phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền vu quý sinh.

GẪM

Chương trước ngài khép bằng một bàn tay: kẻ đứng thay ông thợ cả mà bổ gỗ, hiếm khi chẳng đứt tay. Tôi còn đang nghe tiếng rìu đặt xuống bậc thềm thì sang chương này ngài đã đưa bàn tay ấy lên cái mâm: *dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ* —dân đói, vì bữa của kẻ trên ăn thuế nhiều, nên đói. Chữ *cơ* là đói, chữ *thượng* là kẻ ở trên, chữ *thực* là ăn, chữ *thuế* là cái gom lên. Ngài chẳng bảo ai tham, ngài chỉ kể một cái chiều: cái đang đầy ở trên chính là cái đang vơi ở dưới, như bát cơm bà tôi xới cho khách còn nóp, mà nồi trong bếp đã lõm đi đúng một vung. Tôi đặt ấm trà xuống bàn, chén úp

trên khay, cái muỗng gỗ gác ngang vành nồi còn dính một vệt nước, chẳng ai lau đi.

Ba vế ngài xếp song hàng, mỗi vế đi theo một cái *dĩ kỳ thượng*: *dân chi cơ* rồi *dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa, thị dĩ cơ*; *dân chi nan trị* rồi *dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị*; *dân chi khinh tử* rồi *dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử*. Vế một vì kẻ trên ăn thuế nhiều nên đói, vế hai vì kẻ trên có cái làm nên khó trị, vế ba vì kẻ trên cầu cái sống dày nên coi nhẹ cái chết. Chữ *hữu vi* là cái làm cứ đưa tay ra, chữ *cầu sinh chi hậu* là đòi cho mình được sống dày thêm một lớp, chữ *khinh tử* là coi cái chết nhẹ đi. Ngài chẳng thêm một lời trách nào, ba vế cứ lặp đúng một cái khuôn: ở trên có một cái được cầm lấy, ở dưới có một cái bị vơi đi, và hai cái ấy là một. Tôi ngồi đọc mà nhớ cái rổ đựng gạo ngoài hiên, bà tôi múc cho đầy rổ thì thùng gạo trong bếp lõm xuống đúng một chỗ, vết lõm ấy chẳng cần ai cân lại, hạt gạo còn dính ở mép rổ.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *cơ*, chữ mở đầu. Nghĩa cũ của nó là đói, vậy mà nhìn vào hình chữ chẳng có một nét nào là cái bụng rỗng: bên trái là bộ *thực*, nét vẽ một cái bát đựng cơm, phía trên có một nét chụp xuống như nắp đậy, bên dưới mấy chấm nhỏ như hạt còn dính đáy; bên phải chỉ là một nét đứng cong, cái ghế con, người xưa mượn nó để đỡ tiếng đọc thôi. Cái đói ấy được viết bằng chính cái bát cơm, chứ chẳng bằng cái vắng. Mà ngài lại đặt ngay cái *thực thuế chi đa* lên trên nó: hai chữ cùng một cái bát, một cái đang đầy, một cái đang vơi, chỉ khác ở chỗ bàn tay ai múc. Tôi ngồi lâu ở bộ *thực* ấy không phải để giảng về chữ, chỉ để thấy cái bát ấy vẫn còn nguyên trên mâm, chẳng bị ai lật úp đi cho khuất.

Đến câu cuối ngài rút cả ba vế về một chữ: *phù duy vô dĩ sinh vi giả*, rồi *thị hiền vu quý sinh* —chính vì chỉ có kẻ chẳng đem cái sống ra mà làm thành một việc, ấy mới khá hơn kẻ đang quý cái sống. Chữ *phù duy* là chính vì chỉ có, chữ *vô dĩ sinh vi* là chẳng lấy cái sống mà làm, chữ *hiền* ở đây là khá hơn, là hơn hẳn một nhịp, chữ *quý sinh* là quý cái sống, là chăm giữ lấy nó. Chữ *vu* đứng giữa câu tôi vẫn đọc là *vu*, chẳng đổi sang

chữ khác, như đã ghi ở dòng chú dưới đây. Ngài chẳng bảo ai phải bỏ cái sống đi, ngài chỉ kể một cái ngược mà đọc lên lại thuận: bà tôi sáng nay chẳng hề nghĩ đến chuyện giữ sức, vậy mà bà bê cái nồi đất từ bếp sang mâm, đặt xuống, rồi ngồi rót trà, tay vẫn chắc, chén vẫn úp. Cái *cầu sinh chi hậu* vừa kể ở vế ba bỗng hiện ra đúng chỗ ấy: càng đòi dày cho mình, cái dày ấy càng phải lấy từ một chỗ đang vơi.

Câu cuối bản điện tử chép dở ở *thị hiền vu quý sinh*, chẳng có một dấu nào đặt xuống sau nó; bản này tôi đặt thêm một dấu chấm như đã ghi ở dòng chú bên dưới. Dấu ấy dừng câu, chứ chẳng cân lại được cái bát đang đầy với cái bát đang vơi. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, cái rổ gạo ngoài hiên còn một vệt trắng dính ở mép. Sang chương sau cái dày với cái mỏng ấy sẽ đổi tên: ngài sẽ bảo người lúc sống thì mềm, lúc chết mới cứng, và cái cứng ấy sẽ nằm xuống dưới, cái mềm nằm lên trên — tôi sẽ ngồi nghe cái lệch ấy, chưa vội ngả về bên nào.

> Chỗ hay về bản văn: bản điện tử dùng làm nguồn kết thúc ở「是賢于貴生」, không có dấu chấm câu cuối — y hệt chương 50 kết thúc ở「以其無死地」và chương 61 ở「大者宜為下」. Bản này đã thêm dấu chấm cho đồng nhất với 78 chương còn lại; dòng Hán Việt cuối cũng theo đó. Chữ「于」ngay trong câu ấy lại nối vào cái cờ 于 / 於 của ch23, ch40, ch63, ch64, ch69.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: bếp có thịt mỡ, ngoài đồng có xác đói.

Sách *Mạnh Tử*, thiên *Lương Huệ Vương thượng*, có một câu kể thẳng mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh cái mâm chương này: (庖有肥肉，廄有肥馬，民有飢色，野有餓莩，此率獸而食人也。) — bếp có thịt mỡ, chuồng có ngựa béo, mà dân mặt đói, ngoài đồng có xác chết đói, ấy là cầm thú dẫn nhau ăn người. Chữ *phù* là cái bếp, chữ *cứu* là chuồng ngựa, chữ *phì* là béo, chữ *phu* là cái xác nằm ngoài đồng. Bốn cái đầu đều là những cái đang đầy, bốn cái sau đều là những cái đang vơi, và thầy chẳng thêm một lời nào ở giữa, chỉ đặt chúng cạnh nhau

rồi buông một câu *thử suất thú nhi thực nhân dã*. Tôi nhớ cái nồi kho cá nhà bà tôi, nắp vung đậy còn kêu khẽ, mà mấy đứa trẻ ngoài ngõ đã đứng chờ từ lúc nắng chưa xiên qua mái tôn; chẳng ai bảo ai, cái nồi cứ đầy, cái bát cứ úp.

Đem cạnh *dân chi cơ, dĩ kỳ thượng thực thuế chi đa*, câu ấy chẳng giải thêm một chữ: cái đói ở dưới và cái mỡ ở trên vốn là cùng một bữa, chỉ khác chỗ bàn tay múc.

Luận ngữ: dân đủ thì vua chẳng thiếu.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Nhan Uyên*, chép một lần thầy đáp về chuyện thuế má, mà lời ấy gọn thành một cặp hỏi ngược: (百姓足，君孰與不足？百姓不足，君孰與足？) —dân đủ thì vua lấy đâu mà thiếu, dân chẳng đủ thì vua lấy đâu mà đủ. Chữ *bách tính* là trăm họ, là dân, chữ *quân* là vua, chữ *thục dữ* là lấy ai mà cùng. Thầy chẳng bảo vua bớt đi cho dân, thầy chỉ lật cái câu hỏi lại: cái thiếu ở trên chẳng bao giờ đứng riêng, nó mọc ra từ chính cái thiếu ở dưới. Tôi đọc mà nhớ cái thùng gạo trong bếp bà tôi, rổ ngoài hiên đầy lên một mức nào là thùng lõm xuống đúng mức ấy, chẳng cần ai đem cân ra.

Đặt cạnh *dĩ kỳ thượng cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử*, cái *hậu* ấy hóa ra chẳng phải một cái được thêm vào riêng cho kẻ trên: nó là cái dày lên ở một đầu, nên cái mỏng đi ở đầu kia cứ nằm nguyên đấy, như vết lõm trong thùng gạo.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi xới cơm từ nồi đất ra mấy cái bát, bát nào cũng nóp, rồi úp mấy cái chén sạch lên khay. Cái nồi đặt lại trên bếp, vung gỗ đậy hờ, một vệt cơm dính ở vành, bà chẳng lau. Ngoài hiên cái rổ đựng gạo để hở, hạt gạo trắng nằm đầy đến mép, mấy hạt rơi vãi trên nền gạch, con gà mẹ dạo qua mổ lấy mấy hạt ấy rồi đi, chẳng ai xua.

Sạp rau đầu chợ hôm nay cô bán hàng đong gạo cho một bà cụ bằng cái ca sắt, ca nào cũng gạt ngang miệng cho phẳng. Bà cụ ngó cái ca một lát, rồi bảo thôi để dư một chút cho cô, cô cười, đổ trả lại mấy hạt vào bao. Bao gạo miệng đã buộc sợi

dây gai, cô đặt cái ca úp ngay lên miệng bao, sợi dây còn thừa một đoạn nằm dài trên mặt sạp, nắng chiều rời khỏi mép bao.

Chiều mưa, nước chảy dọc mái tôn xuống cái rãnh sau bếp, rãnh đầy lên rồi tràn sang cái chậu sành đặt sẵn ở chỗ thấp. Bà tôi chẳng múc bớt cái chậu đi, chỉ kê thêm một viên gạch dưới chân chậu cho nó nằm nghiêng đi một tí, nước trong chậu dâng đều, mấy lá bàng trôi vào rồi đứng yên ở mép. Rãnh vẫn chảy, chậu vẫn đầy, cái viên gạch ướt một mặt, chén trà úp trên bậc thềm chẳng ai dời.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Rổ gạo đầy đến mép, thùng trong bếp lõm một chỗ.
Cái ca gạt ngang, mấy hạt đổ trả lại bao.
Viên gạch kê dưới chân chậu, nước dâng đều.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, dấu chấm đã đặt xuống.

第七十六章

Cái mềm nằm trên, cái cứng nằm dưới

柔弱處上

人之生也柔弱，其死也堅强。
Nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường.

草木之生也柔脆，其死也枯槁。
Thảo mộc chi sinh dã nhu thuý, kỳ tử dã khô cảo.

故堅强者死之徒，柔弱者生之徒。
Cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ.

是以兵强則滅，木强則折。
Thị dĩ binh cường tắc diệt, mộc cường tắc chiết.

强大處下，柔弱處上。
Cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng.

GẪM

Chương trước ngài kể cái bát trên đầy thì cái bát dưới vơi, rồi khép bằng một câu còn bỏ ngỏ. Sang chương này ngài chẳng nói về bát nữa, ngài đưa tay sờ vào chính cái thân mình: *nhân chi sinh dã nhu nhược, kỳ tử dã kiên cường* —người lúc sống thì mềm yếu, lúc chết thì cứng chắc. Chữ *nhu nhược* là mềm mà yếu, chữ *kiên cường* là cứng mà chắc. Ngài chẳng tả một

cái chết, ngài chỉ kể cái độ của cái thân đang còn thở: lúc ấy nó ấm, nó xuôi, nó chịu uốn; đến lúc chẳng còn thở nữa thì mọi nét mới đứng lại. Tôi đặt ấm trà xuống, chén úp trên khay, rồi ngó xuống bàn tay mình đang cầm chén, mấy ngón còn khum theo quai, chẳng cái nào gồng lên.

Rồi ngài đem cây cỏ vào xếp ngay cạnh: *thảo mộc chi sinh dã nhu thuý, kỳ tử dã khô cảo* —cỏ cây lúc sống thì mềm giòn, lúc chết thì khô quăn. Chữ *nhu thuý* là mềm mà giòn, là cái bẻ nhẹ đã gập mà chưa gãy; chữ *khô cảo* là khô đi, là quăn lại, là cành gãy được một tiếng gọn. Hai cặp ấy đứng song hàng, người với cây cùng một nhịp, nên câu sau ngài gom lại gọn hơn: *cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ* —nên cái cứng chắc là kẻ đi cùng cái chết, cái mềm yếu là kẻ đi cùng cái sống. Chữ *đồ* ở đây là bọn, là kẻ cùng đi một lối, chẳng phải cái bị phạt, chẳng phải cái bị đuổi. Ngài chẳng bảo cứng là xấu, ngài chỉ chỉ đúng lối mà hai cái ấy đang đi. Chiều nay tôi bẻ thử một cọng rau muống ngoài luống, cọng non gập lại rồi bung ra ngay, cọng già gãy đánh một tiếng ở đốt, để lại một đầu khô rời trên nền gạch, chẳng ai nhặt.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *nhu*, chữ mềm. Trên nó người xưa đặt nét vẽ cái mâu, cây giáo có ngọn cong vút lên; dưới nó là bộ *mộc*, cái cây gỗ đứng thẳng. Ghép hai cái ấy lại không phải để tả một cây giáo đang đâm, mà để tả chính khúc gỗ phải uốn được mới làm nổi cán giáo: cái mềm ấy chẳng phải cái nhũn, nó là cái chịu cong mà chẳng gãy. Tôi ngồi nhìn lâu ở bộ *mộc* ấy, một nét ngang làm mặt đất, một nét đứng cắm xuống, một nét vươn sang hai bên làm cành, vậy mà mọi cái uốn đều nhờ nó còn ẩm. Sáng nay bà tôi buộc sợi dây vải quanh cây khế con ngoài hiên, thân cây ngả theo tay bà rồi đứng lại, sợi dây vẫn hở một khoảng bằng đầu ngón tay; cái cọc tre cắm bên cạnh thì thẳng, cứng, chẳng chịu ngả, mà cũng chẳng có lá nào mọc trên nó.

Mạch sau ngài kể tiếp bằng hai cái gãy: *thị dĩ binh cường tắc diệt, mộc cường tắc chiết* —nên binh mạnh thì diệt, cây mạnh thì chiết. Chữ *diệt* là tắt đi, chữ *chiết* là gãy làm đôi. Bản nguồn

chép đúng hai chữ ấy, tôi đọc đúng hai chữ đang in, chẳng đổi theo một bản nào, như đã ghi ở dòng chú dưới đây. Rồi câu cuối xếp hai cái nằm: *cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng* —cái mạnh lớn ở dưới, cái mềm yếu ở trên. Chữ *xử* là ở, là nằm, chẳng phải bị đẩy xuống hay được nhấc lên. Tôi đọc chậm để khỏi lật ngược hai cái ấy: cái cứng nằm dưới, cái mềm nằm trên. Cái chổi dựng ngay bậc thềm nhà tôi cũng thế, cán tre cứng nằm dưới, chùm rơm mềm nằm trên, chổi đứng được là nhờ cái cán, mà quét được là nhờ chùm rơm, chẳng cái nào đòi đổi chỗ cho cái kia.

Đọc hết chương này tôi chẳng thấy ngài dặn ai phải mềm đi, chỉ thấy ngài kể đúng chỗ cái cứng đang nằm, rồi thôi. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, cái chổi dựng nguyên ở bậc thềm chẳng ai dời. Sang chương sau cái trên với cái dưới ấy sẽ được đem ra mà kéo: ngài sẽ hỏi khẽ rằng đạo trời há chẳng như người đang giương cung, rồi hạ cái cao, nâng cái thấp, bớt cái dư, bù cái thiếu —tôi sẽ ngồi nghe bốn cử động ấy, chưa vội cầm lấy cái cung.

> Chỗ hay về bản văn: câu 「是以兵强則滅，木强則折」 của bản điện tử chép chữ 「滅」 và 「折」; các bản thông hành có chỗ chép khác hai chữ ấy. Tôi **giữ nguyên** chữ của bản nguồn, phiên *diệt* và *chiết*, không quy về một bản nào, và đã gắn cờ.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: rét cuối năm mới biết tùng bách chẳng rụng.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Tử Hãn*, có một câu thầy nói mà tôi vẫn đọc mỗi độ cuối năm: (歲寒，然後知松柏之後彫也。) —đến lúc rét cuối năm mới biết tùng với bách rụng sau mọi cây. Chữ *tuế hàn* là cái rét cuối năm, chữ *tùng bách* là hai cây lá chẳng rụng, chữ *hậu điêu* là rụng sau, là còn đứng lại khi mọi cành quanh đã trơ. Thầy chẳng tả cái rét, thầy tả cái còn lại sau rét, và cái còn lại ấy là một cái cứng, một cái chẳng chịu buông lá. Tôi nhớ cái cây bàng đầu ngõ, mỗi mùa gió bấc lá rụng hết, chỉ còn mấy cành khô đứng thẳng trên nền gạch ướt, sáng nay bà tôi quét lá vào một đống rồi để nguyên đấy, chẳng đốt.

Đặt cạnh *cố kiên cường giả tử chi đồ, nhu nhược giả sinh chi đồ*, tôi để hai câu ấy đứng cạnh nhau mà chẳng bắt chúng phải giống: bên kia cái còn lại sau rét là cây cứng, bên này cái đi cùng cái sống lại là cái mềm. Cái chổi ngoài hiên vẫn có cán tre đứng thẳng suốt mùa gió, vậy mà quét được vẫn là chùm rơm ở trên.

Kinh Thi: cây mềm non, dây tơ còn buộc được.

Kinh *Thi*, thiên *Ức* trong *Đại nhã*, có hai vế ngắn mà tôi đọc lên thấy nó cầm lấy đúng chữ *nhu* chương này: (荏染柔木，言緡之絲。) —cây non mềm mại, người ta lấy dây tơ mà buộc vào. Chữ *nhẫm nhiễm* là dáng mềm, là cái cành còn xanh chưa kịp cứng, chữ *man* là sợi dây xe lại, chữ *ti* là tơ. Người xưa chẳng buộc vào khúc gỗ đã khô, họ buộc vào đúng cây còn chịu uốn, vì cái chịu uốn ấy mới giữ được sợi dây. Chiều nay tôi thấy bà tôi quấn sợi dây gai quanh bó rau muống non, bó nằm gọn trong lòng rổ, mấy cọng già để riêng dưới gốc cứng quăn, chẳng sợi nào buộc vào chúng.

Cầm lấy *cường đại xử hạ, nhu nhược xử thượng*, cái chịu buộc ấy hóa ra chính là cái nằm trên: cán cứng nằm dưới, cành mềm nằm trên, và sợi tơ chỉ tìm tới chỗ còn mềm.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi hái rau muống trên luống sau bếp, ngắt mấy cọng non bằng hai ngón, cọng nào bẻ nhẹ cũng gập mà chẳng đứt, nhựa xanh dính ở đầu ngón. Mấy cọng già dưới gốc bà để nguyên, cứng, bẻ một cái được một tiếng khô rồi gãy làm đôi, bà vứt sang cái rổ riêng đặt dưới chân luống. Rổ rau non đầy dần, mấy cọng già nằm im dưới gốc, vệt đất ướt quanh luống còn chưa khô.

Chiều gió nổi, cây khế con trên bậu cửa sổ ngả hẳn sang một bên rồi đứng lại, sợi dây vải buộc quanh thân vẫn hở một khoảng bằng đầu ngón tay. Cái cọc tre cắm bên cạnh thẳng và cứng, chẳng ngả theo gió, cũng chẳng có lá nào mọc trên nó. Bà tôi ngó ra một lát, chẳng siết lại sợi dây, chỉ đẩy cái chậu

đất dịch vào trong bậu cho khỏi vướng mưa, mấy lá non xanh ở đầu cành rung rồi yên.

Ngoài sạp chợ, cô bán hàng bó mấy cọng hành non bằng một sợi rơm, buông lỏng, bó nằm gọn trên mặt sạp. Mấy cọng hành già để riêng trong cái rổ nhựa, cô dùng sợi dây ni lông siết chặt, đầu dây còn thừa quấn mấy vòng. Nắng xiên qua mái tôn nằm ngang trên hai bó, bó non nằm cao hơn một tí vì được kê trên cái rổ úp, bó già nằm thấp dưới mặt sạp, chẳng ai đổi chỗ cho chúng.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Cọng non bẻ gập, nhựa xanh còn dính đầu ngón.

Cọc tre đứng thẳng, cành khế ngả rồi đứng lại.

Sợi rơm buộc lỏng, bó hành non nằm trên rổ úp.

Chén úp, ấm còn ấm, tiếng xe đạp ngoài ngõ chưa xa.

第七十七章

Trời như người đang kéo cung

其猶張弓歟

天之道，其猶張弓歟？

Thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư?

高者抑之，下者舉之；有餘者損之，不足者補之。

Cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi.

天之道，損有餘而補不足。

Thiên chi đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc.

人之道，則不然，損不足以奉有餘。

Nhân chi đạo, tắc bất nhiên, tổn bất túc dĩ phụng hữu dư.

孰能有餘以奉天下，唯有道者。

Thục năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ, duy hữu đạo giả.

是以聖人為而不恃，功成而不處，其不欲見賢。

Thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xứ, kỳ bất dục hiện hiền.

GẪM

Chương trước ngài để cái cứng nằm dưới, cái mềm nằm trên, rồi khép bằng cái chổi dựng nguyên ở bậc thềm. Sang chương này ngài ngẩng lên mà hỏi một câu khẽ: *thiên chi đạo, kỳ do trương cung dư?* —cái đạo của trời, há chẳng như người đang giương cung ư. Chữ *trương* là căng, là kéo dây cho thẳng, chữ *cung* là cái cung, còn chữ *dư* đứng cuối câu ấy chẳng phải chữ dư của *hữu dư* ở mấy dòng sau, nó là cái ngữ khí hỏi, một cái hỏi đặt xuống nhẹ rồi chẳng đòi ai đáp. Ngài chẳng khẳng định trời giống cái cung, ngài hỏi, và cái hỏi ấy vẫn còn đứng trên bàn như hơi ấm chưa kịp tan. Tôi đặt ấm trà xuống, chén úp trên khay, để nguyên cái hỏi khẽ ấy giữa hai lần châm nước.

Rồi bốn cử động của cái cung ấy xếp liền một hơi: *cao giả ức chi, hạ giả cử chi; hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi* —cái cao thì ấn xuống, cái thấp thì nâng lên; cái dư thì bớt đi, cái thiếu thì bù vào. Chữ *ức* là ấn xuống, chữ *cử* là nhấc lên, chữ *tổn* là bớt, chữ *bổ* là bù, chữ *bất túc* là chẳng đủ. Bốn cái chẳng có cái nào kéo thêm về một đầu, chúng toàn đem hai đầu về giữa: hạ cái cao, nâng cái thấp, bớt cái dư, bù cái thiếu. Tôi nhớ cái dây phơi ngoài hiên hôm trước, đầu bên kia cao hơn một tí, bà tôi chẳng nối thêm một đoạn dây nào, chỉ buông cái kẹp ở đầu cao xuống, rồi kê cái cọc ở đầu thấp lên một viên gạch mỏng; dây nằm ngang, mấy cái áo vẫn treo nguyên chỗ cũ, chẳng cái nào phải dời.

Ngay sau bốn cử động ấy ngài lặp lại, gọn đi một nửa: *thiên chi đạo, tổn hữu dư nhi bổ bất túc* —đạo trời, bớt cái dư mà bù cái thiếu. Chữ tôi dừng lại thật lâu là *tổn*, chữ bớt. Bên trái nó là bộ *thủ*, nét vẽ bàn tay xòe ra, mấy ngón còn chìa; bên phải là một cái miệng tròn đặt trên cái vỏ sò, người xưa mượn để đỡ tiếng đọc. Cái bớt ấy được viết bằng một bàn tay, chứ chẳng bằng một cái vơi tự nhiên: có tay đưa ra, có tay lùi lại. Vậy mà ngài bảo trời *tổn hữu dư*, bàn tay ấy chẳng mang một cái ý định nào, nó chỉ làm đúng cái độ đang lệch của sợi dây. Tôi ngồi nhìn bàn tay mình đang cầm chén, đặt nhẹ xuống là

chén đứng yên, bóp thêm một tí là chén lại nghiêng; cái *tổn* ấy hóa ra chẳng phải lấy đi, là bớt đúng cái tay đang bóp thừa.

Câu tiếp ngài quay sang phía người, và tôi đọc chậm để hai chiều ấy khỏi lẫn vào nhau: *nhân chi đạo, tắc bất nhiên, tổn bất túc dĩ phụng hữu dư* —đạo người thì chẳng thế, bớt cái thiếu mà dâng cho cái dư. Chữ *bất nhiên* là chẳng phải vậy, chữ *phụng* là bưng lên mà đưa cho. Chiều của *thiên chi đạo* là bớt cái dư đem bù cái thiếu; chiều của *nhân chi đạo* lại bớt chính cái đang thiếu để đắp thêm vào cái đã dư. Ngài chẳng thêm một lời than, chỉ để hai chiều ấy đứng cạnh nhau trên cùng một trang. Rồi *thục năng hữu dư dĩ phụng thiên hạ, duy hữu đạo giả* —ai có cái dư mà đem dâng cho thiên hạ, chỉ kẻ có Đạo. Chữ *thục* là ai, chữ *duy* là chỉ có, chữ *phụng thiên hạ* là đem mà đưa cho muôn nhà, chứ chẳng phải đem cất đi. Tôi nhớ cái rổ rau cuối chợ, cô bán hàng đổ mớ hành còn dư vào rổ của bà cụ đứng cuối cùng, rồi úp cái rổ của mình lại, chẳng đếm lại xem mình còn thiếu bao nhiêu.

Câu cuối ngài kể bằng ba cái lùi tay: *thị dĩ thánh nhân vi nhi bất thị, công thành nhi bất xứ, kỳ bất dục hiện hiền* —nên thánh nhân làm mà chẳng cậy, việc thành mà chẳng đứng ở đấy, chẳng muốn phô cái hiền ra. Chữ *thị* mang bộ *tâm* viết đứng, trái tim co lại thành mấy nét, cái cậy ấy nằm ngay ở trái tim chứ chẳng nằm ở cái việc đã làm; chữ *xứ* là ở, là đứng lại một chỗ. Còn chữ *hiện* trong *kỳ bất dục hiện hiền* vốn là chữ người ta vẫn đọc *kiến*, nghĩa là trông thấy, mà ở đây ngài đọc *hiện*, là phô ra, là để lộ cho ai ngó —tôi đọc đúng cái *hiện* ấy, chẳng sửa lại. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, cái cung ấy tôi chẳng cầm thêm, để nguyên nó nằm ngang trên mặt gỗ. Sang chương sau cái mềm sẽ hiện ra bằng một chữ cụ thể hơn: ngài sẽ bảo trong thiên hạ chẳng gì mềm yếu bằng nước, vậy mà đánh vào cái cứng chắc thì chẳng gì thay nổi nó —tôi sẽ ngồi nghe cái biết đang đầy mà cái làm vẫn vơi ấy.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: chẳng lo ít, lo chẳng đều.

Sách *Luận ngữ*, thiên *Quý Thị*, có một cặp câu mà tôi đọc lên thấy nó chính là cái cung chương này, chỉ kể bằng giọng cửa nhà: (不患寡而患不均，不患貧而患不安。) —chẳng lo ít mà lo chẳng đều, chẳng lo nghèo mà lo chẳng yên. Chữ *hoạn* là lo, chữ *quả* là ít, chữ *quân* là đều, chữ *bần* là nghèo, chữ *an* là yên. Thầy chẳng bảo phải gom thêm cho đầy, thầy bảo cái đáng lo nằm ở chỗ lệch, ở chỗ chẳng đều, chứ chẳng nằm ở chỗ đang ít. Tôi nhớ cái mâm cơm chiều nay, bát canh đặt hơi lệch về một đầu, bà tôi chẳng múc thêm, chỉ đẩy bát vào giữa mâm cho mấy cái chén úp quanh nó cùng được một khoảng, rồi ngồi xuống.

Đem cạnh *tổn hữu dư nhi bổ bất túc*, cái *quân* ấy chẳng phải chia lại từ đầu cho bằng, nó là đẩy đúng cái đang lệch về giữa, y hệt bàn tay ấn đầu cung cao xuống rồi nâng đầu cung thấp lên.

Đại học: của gom thì dân tán, của rải thì dân tụ.

Sách *Đại học*, ở chương cuối, có hai vế ngắn đứng ngược nhau mà tôi vẫn đọc mỗi lần đi qua sạp chợ: (財聚則民散，財散則民聚。) —của gom lại thì dân tản đi, của rải ra thì dân tụ lại. Hai chữ ấy là *tụ* với *tán*: của mà *tụ* lại thì dân *tán* đi, của mà *tán* ra thì dân lại *tụ* về, cùng hai chữ mà chỉ đổi chỗ đứng, chiều đi đã ngược hẳn. Hai vế chẳng dặn ai phải rải, chúng chỉ kể cái chiều của một cái đang gom: càng gom về một đầu, cái ở đầu kia càng lỏng ra. Chiều nay cô bán gạo cuối chợ múc ca cuối cùng đổ vào bao của bà cụ, rồi úp cái ca lên miệng bao, mấy người đứng quanh sạp lùi ra, mà chẳng ai bảo ai đi.

Đặt cạnh hình ảnh *trương cung*, kéo cung là hạ cái cao, nâng cái thấp, bớt cái dư, bù cái thiếu, chứ chẳng phải kéo thêm tất cả về một đầu; cái *tán* ra ấy cũng là một lần buông sợi dây cho nó nằm ngang lại.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi căng lại cái dây phơi ngoài hiên. Đầu bên phải cao hơn một tí, bà chẳng nối thêm dây, chỉ tháo cái kẹp gỗ ở

đầu ấy đưa xuống một nấc, rồi kê viên gạch mỏng dưới chân cọc bên trái. Dây nằm ngang, mấy cái áo vẫn treo nguyên chỗ cũ, cái kẹp thừa nằm trong bát sành dưới chân tường, nắng lọt qua kẽ lá khế nằm dài trên sợi dây.

Sạp rau đầu chợ hôm nay có hai rổ hành, một rổ đầy úp lên, một rổ còn lưng. Cô bán hàng múc từ rổ đầy sang rổ lưng mấy nắm, chẳng đếm, rồi đặt hai rổ cạnh nhau, miệng rổ nào cũng ngang một mức. Cái cân đòn gác ngang hai đầu sạp, quả cân đồng nằm im ở một đầu, người mua cúi xuống bốc một nắm ở rổ bên trái, chẳng ai hỏi cô vừa san lại lúc nào.

Chiều mưa, nước ngoài ngõ chảy dồn về cái cống thấp cuối xóm. Chỗ cống gần cửa nhà tôi hơi cao, nước đọng lại một vệt, bà tôi chẳng đắp thêm cho chỗ cao ấy, chỉ lấy cái chổi đẩy nhẹ mấy lá bàng đang kẹt ở miệng cống sang một bên. Nước thoát, vệt đọng rút đi, rãnh chảy đều lại, cái chổi dựng ngay bậc thềm, đầu chổi còn ướt, tiếng nước kêu ở miệng cống đục rồi trong dần.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Kẹp gỗ dời xuống một nấc, dây phơi nằm ngang.
Hai rổ hành san lại, miệng rổ nào cũng ngang.
Lá bàng đẩy sang bên, rãnh nước chảy đều.
Chén úp, ấm còn ấm, cái cung để nguyên trên mặt gỗ.

第七十八章

Nước mềm, mà chẳng ai thay nổi

天下莫柔弱于水

天下莫柔弱于水，而攻堅强者，莫之能勝，以其無以易之。

Thiên hạ mạc nhu nhược vu thuỷ, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng, dĩ kỳ vô dĩ dịch chi.

弱之勝强，柔之勝剛，天下莫不知，莫能行。

Nhược chi thắng cường, nhu chi thắng cương, thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành.

是以聖人云：「受國之垢，是謂社稷主；受國不祥，是為天下王。」正言若反。

Thị dĩ thánh nhân vân: Thụ quốc chi cấu, thị vị xã tắc chủ; thụ quốc bất tường, thị vi thiên hạ vương. *Chính ngôn nhược phản.*

GẪM

Chương trước ngài hỏi khẽ bằng một cái cung đang kéo, rồi khép ở cái chẳng muốn phô ra. Sang chương này ngài đặt ngay một chữ cụ thể xuống bàn: *thiên hạ mạc nhu nhược vu thuỷ* —trong thiên hạ chẳng gì mềm yếu bằng nước. Chữ *mạc* là chẳng có gì, chữ *nhu nhược* là mềm yếu, chữ *vu* ấy tôi vẫn đọc là *vu*, chẳng đổi, như đã ghi ở dòng chú dưới đây. Rồi *nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng, dĩ kỳ vô dĩ dịch chi* —mà

đánh vào cái cứng chắc, chẳng gì thắng được nó, vì chẳng có gì để thay nó. Chữ *công* là đánh vào, chữ *dịch* là thay, là đổi lấy một cái khác. Ngài chẳng bảo nước mạnh, ngài bảo chẳng tìm được cái gì đứng thay chỗ nó. Tôi đặt ấm trà xuống, chén úp trên khay, vệt nước lau bàn còn mờ trên mặt gỗ, ngoài ngõ tiếng xe đạp ai đó lăn qua, chậm, chẳng ai lau tiếp.

Chữ tôi dừng lại thật lâu là *thuỷ*, chữ nước. Người xưa vẽ nó bằng một nét đứng cong làm dòng chảy, rồi ba chấm đặt sang hai bên, mỗi chấm là một giọt văng ra; chẳng có nét nào là cái góc, chẳng có nét nào là cái cứng. Ba chấm nước ấy tôi ngồi nhìn lâu hơn cả dòng: nước chẳng có hình của riêng mình, nó lấy hình cái chén, hình cái rãnh, hình cái lòng bàn tay bà tôi đang hứng dưới vòi, rồi buông đi là thôi, chẳng giữ lại một hình nào. Sáng nay bà tôi múc nước từ cái chậu sành sang cái ca, ca đầy thì chậu lõm xuống, nước trong ca nằm phẳng đúng miệng ca, chẳng hề đứng cao hơn thành một tí. Ngài bảo *nhược chi thắng cường, nhu chi thắng cương* —cái yếu thắng cái mạnh, cái mềm thắng cái cứng; hai chữ *cường* với *cương* đứng cạnh nhau, một cái là mạnh, một cái là cứng, ngài chẳng gộp chúng lại làm một.

Rồi câu làm tôi đặt chén xuống chậm hơn: *thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành* —thiên hạ chẳng ai chẳng biết, vậy mà chẳng ai làm được. Chữ *mạc bất tri* là chẳng có ai là không biết, chữ *mạc năng hành* là chẳng có ai làm nổi. Hai vế đặt sát nhau, chẳng có một chữ *nhưng* nào ở giữa; ngài cứ để cái biết đầy và cái làm vơi đứng cạnh nhau, tỉnh queo. Biết thì ai cũng biết, làm thì chẳng ai. Hai vế ấy vang lại đúng *mạc năng tri, mạc năng hành* hồi chương 70, chỉ khác là lần này cái biết đã đầy rồi, cái làm vẫn cứ vơi. Tôi đọc lên mà nhớ cái rãnh nước sau bếp, ai cũng biết nó chảy về chỗ thấp, vậy mà hôm mưa tôi vẫn cầm cái chổi định quét ngược nó lên bậc thềm, rồi thôi, đặt chổi lại đúng chỗ, để nước đi tiếp một mình.

Đoạn cuối ngài chép lại một lời, và lời ấy nằm gọn trong một cặp ngoặc: *thị dĩ thánh nhân vân* rồi *thụ quốc chi cấu, thị vị xã tắc chủ; thụ quốc bất tường, thị vi thiên hạ vương* —nên thánh

nhân nói: chịu cái nhơ của nước, ấy là chủ xã tắc; chịu cái chẳng lành của nước, ấy làm vua thiên hạ. Chữ *cấu* là cái nhơ, cái dơ, chữ *xã tắc* là bàn thờ đất với lúa, chữ *bất tường* là cái chẳng lành, cái dữ, chữ *vương* là vua. Ngài chẳng tả một cái ngai, ngài tả một cái chịu: cái dơ của cả nước được đem tới, và kẻ chịu lấy nó chẳng đẩy sang ai. Rồi ngay sau cái ngoặc đóng ấy là *chính ngôn nhược phản* —lời ngay mà nghe như ngược. Chữ *chính* tôi vẫn đọc là *chính*, chẳng đổi, như đã ghi ở dòng chú dưới đây; chữ *phản* là quay ngược, vang lại đúng cái *phản giả Đạo chi động* hồi chương 40. Tôi nghe câu ấy mà thấy nó chẳng cãi ai, nó chỉ đứng hơi lệch đi một nhịp so với cái tai mình vừa ngó tới.

Đọc hết chương này tôi chẳng thấy ngài bắt ai phải uốn theo nước, chỉ thấy ngài để nguyên một cái biết đang đầy bên một cái làm đang vơi. Ấm trà đặt xuống vẫn ấm, chén úp trên khay vẫn khô, vệt nước lau bàn đã khô từ lúc nào, cái chén ấy chẳng ai lật lên. Sang chương sau cái còn dư ấy sẽ được cầm lấy bằng nửa cái khế: ngài sẽ bảo hoà một cái oán lớn thế nào vẫn còn dư oán, rồi cầm nửa cái khế mà chẳng đem ra đòi ai —tôi sẽ ngồi nghe cái chẳng đòi ấy, chưa vội gặp cái khế lại.

> Chỗ hay về bản văn: cặp 「」 ở chương này ôm **trọn một câu có dấu chấm nằm bên trong**, rồi dấu đóng 「」 lại đứng ngay trước 「正言若反」—khi cắt dòng Hán theo câu, cái ngoặc bị đẩy sang dòng sau, y hệt ch69. Tôi gộp hai câu ấy chung một dòng để cặp ngoặc nằm trọn, **giữ nguyên** dấu chấm nằm trong ngoặc, và ở dòng Hán Việt chỉ in nghiêng phần lời trích. Thêm hai cờ: 「于」 trong 「天下莫柔弱于水」 và 「正」 trong 「正言若反」, soi cùng cặp 正 / 貞 đã cờ ở ch39, ch57, ch58.

ĐIỂN TÍCH 典

Trang Tử: nước lặng soi được cả lông mày.

Thiên *Thiên đạo* trong sách *Trang Tử* có một câu tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh cái chậu nước nhà bà tôi: (水靜則明燭鬚眉，平中準，大匠取法焉。) —nước lặng thì sáng soi rõ cả lông mày, mặt phẳng đúng làm cái thước, ông thợ cả lấy đó

mà làm phép. Chữ *tĩnh* là lặng, chữ *chúc* là soi, chữ *tu mi* là râu với lông mày, chữ *chuẩn* là cái thước. Ba vế chẳng tả một sức mạnh nào: nước chẳng đẩy, chẳng đẽo, chẳng cắt, nó chỉ nằm phẳng, vậy mà cái mặt phẳng ấy trở thành chỗ ông thợ cả ngó vào mà lấy phép. Cái ông thợ cả ấy làm tôi nhớ lại bàn tay chương 74, chỉ khác là lần này ông chẳng cầm rìu, ông cầm cái thước đặt lên mặt nước. Sáng nay bà tôi đặt cái ca lên bàn, nước trong ca đứng yên, bóng cái kèo cửa nằm ngay trên mặt ấy, chẳng một gợn.

Đem cạnh *dĩ kỳ vô dĩ dịch chi*, cái mềm ấy chẳng thắng bằng sức, nó thắng bằng chẳng có gì để thay: muốn soi thì phải có mặt phẳng, mà mặt phẳng ấy chẳng có cái cứng nào đứng thay được.

Tôn Tử: thế binh cũng uốn như nước.

Sách *Tôn Tử*, thiên *Hư thực*, có một câu dài vừa đủ một vòng mà tôi vẫn đọc mỗi lần mưa: (夫兵形象水，水之形避高而趨下，兵之形避實而擊虛。) —thế binh giống nước: nước tránh chỗ cao mà xuống chỗ thấp, binh tránh chỗ đặc mà đánh chỗ rỗng. Chữ *hình* là hình thế, là dáng đang đi, chữ *xu* là chạy tới, chữ *thực* là chỗ đặc, chữ *hư* là chỗ rỗng. Hai vế cùng một cái uốn: chẳng cái nào đâm thẳng vào chỗ đang cứng, cả hai đều lách chỗ đang hở rồi đi vào đấy. Chiều mưa nay nước trên mái tôn chẳng chảy qua chỗ gờ cao, nó lách theo một vệt tôn hơi lõm, rồi nhỏ xuống đúng cái chậu sành đặt sẵn ở chỗ thấp, mỗi giọt một nhịp.

Soi thẳng vào *thiên hạ mạc bất tri, mạc năng hành*, cái biết ấy ai cũng có, vậy mà uốn theo chỗ thấp thì ít ai chịu: người ta vẫn muốn đẩy thẳng vào chỗ cao, dù nước ngay trước hiên đã chỉ sẵn lối đi từ mấy chiều mưa trước.

ĐỜI NAY 今

Bà tôi múc nước từ cái chậu sành đặt dưới vòi sang cái ca sắt, ca đầy thì chậu lõm xuống một vòng. Nước trong ca nằm phẳng đúng miệng, bóng cái kèo cửa in ngay trên mặt ấy, bà đặt ca

xuống bàn gỗ, chẳng một gợn, rồi úp mấy chén sạch lên khay, vệt nước lau bàn còn mờ cạnh chân ca.

Mưa chiều chảy dọc mái tôn, nước lách theo một vệt tôn hơi lõm thay vì tràn qua chỗ gờ cao, rồi nhỏ xuống đúng cái chậu sành đặt sẵn ở chỗ thấp. Bà tôi chẳng dời cái chậu đi, chỉ đẩy nhẹ mấy lá bàng đang kẹt ở miệng máng sang một bên. Mỗi giọt một nhịp, chậu đầy dần, mép chậu ướt một vòng, cái chổi dựng ngay bậc thềm vẫn khô.

Ngoài sạp chợ cuối buổi, cô bán hàng tráng lại cái rổ nhựa bằng một gáo nước, nước chảy theo đáy rổ dốc về một góc rồi rỉ ra nền gạch. Cô chẳng úp ngược rổ lên cho nước chảy nhanh hơn, chỉ nghiêng nhẹ một tí rồi đặt lại ngay ngắn trên mặt sạp. Mấy vệt nước trên nền gạch nối thành một đường về cái rãnh thấp, nắng chiều rời khỏi mép sạp, cái gáo gác ngang miệng rổ, đầu còn dính một giọt.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Mặt nước trong ca nằm phẳng, bóng kèo cửa đứng yên.
Nước lách vệt tôn lõm, nhỏ đúng vào chậu sành.
Gáo nước gác ngang miệng rổ, một giọt còn dính.
Chén úp, ấm còn ấm, vệt lau bàn đã khô.

第七十九章

Cầm nửa cái khế, chẳng đòi ai

和大怨

和大怨，必有餘怨；報怨以德，安可以為善？
Hoà đại oán, tất hữu dư oán; báo oán dĩ đức, an khả dĩ vi thiện?

是以聖人執左契，而不責于人。
Thị dĩ thánh nhân chấp tả khế, nhi bất trách vu nhân.

有德司契，無德司徹。
Hữu đức ty khế, vô đức ty triệt.

天道無親，常與善人。
Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân.

GẪM

Chương trước ngài khép bằng *chính ngôn nhược phản* —lời ngay mà nghe như lật ngược lại—và bằng chính cái nước mềm chẳng có gì để thay thế, vậy mà thắng được cái cứng. Sang chương này ngài chẳng đưa thêm một hình ảnh nào cao hơn, ngài đưa một cái còn dư lại ngay trên mặt bàn: *hoà đại oán, tất hữu dư oán*. Dàn xong cái oán lớn, ắt vẫn còn oán dư. Chữ *hoà* ở đây là dàn, là xếp cho hai bên ngồi lại được với nhau, chẳng phải xong xuôi, chẳng phải sạch sẽ; chữ *dư* là cái còn lại, là cái chưa kịp tan, đúng như vệt nước rửa bát còn đọng dọc rãnh sau khi bà tôi đã lau khô mặt bàn. Ngài mở đầu bằng

một cái chưa xong, tỉnh queo, rồi mới hỏi tiếp: *báo oán dĩ đức, an khả dĩ vi thiện* —lấy đức mà báo oán, sao đã vội gọi là khéo được? Chữ *báo* là đáp lại, chữ *đức* là cái lành đem ra mà đáp, chữ *thiện* là khéo, là được. Ngài chẳng phủ nhận cái đáp ấy, ngài chỉ đặt một câu hỏi nhỏ ngay cạnh cái oán còn dư, rồi để nguyên đấy.

Câu sau ngài kể một cử động rất cụ thể: *thị dĩ thánh nhân chấp tả khế, nhi bất trách vu nhân* —bởi thế bậc thánh cầm nửa cái khế bên trái, mà chẳng đem ra trách người. Chữ *chấp* là cầm, là giữ lấy trong tay chẳng buông; chữ *tả* là trái, là nửa bên này của cái thẻ đã bẻ đôi; chữ *trách* là đòi, là hỏi cho ra nhẽ, là đem cái mình đang giữ mà đặt trước mặt người kia. Cái lạ nằm ở chữ *nhi*: cầm rồi, vậy mà chẳng đòi. Ngài chẳng bảo đừng cầm, cũng chẳng bảo vứt đi, ngài bảo cầm mà thôi. Chữ *vu* ấy bản nguồn chép bằng dạng riêng của nó, tôi vẫn đọc là *vu* và giữ nguyên, chẳng sửa lại cho giống chữ thường gặp ở mấy chương khác, như đã ghi ở dòng chú dưới kia. Sáng nay bà tôi lấy cái rổ sang nhà bên, lúc trả về quai rổ đứt một bên, bà chẳng hỏi, chỉ lấy sợi dây gai buộc lại rồi úp rổ lên đúng chỗ cũ, miệng rổ còn dính mấy cọng rau.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *khế*, chữ đứng ngay giữa *chấp tả khế*. Xưa người ta lấy một mảnh tre mỏng, dùng mũi dao khắc mấy vạch rãnh lên mặt, rồi bẻ làm đôi, mỗi bên giữ một nửa; lúc cần, ghép hai nửa lại, vạch nào khớp vạch ấy mới thành một cái khế. Phía trên chữ ấy là chính vết dao khắc ấy, mấy nét chéo nằm sát nhau; phía dưới là một người đứng dang hai tay mà ôm lấy nửa mảnh tre, chẳng giấu, cũng chẳng đưa ra. Nghĩa cũ của nó chẳng phải tờ giấy có chữ ký, nó là cái thẻ đã chia đôi, và cái chắc chắn nằm ở chỗ hai nửa còn tìm được nhau, chứ chẳng nằm ở chỗ một nửa đem ra mà đòi. Tôi nhớ ông tôi ngày trước có cái thẻ tre đựng trong túi áo, đưa nửa cho người mua rau, nửa mình cất đi, chẳng bao giờ thấy ông lấy nửa ấy ra đối chiếu lại; tới lúc người ta trả tiền, ông chỉ gật, rồi thả nửa thẻ vào cái hộp gỗ đặt trên kệ bếp, để đấy cho mẻ sau.

Rồi ngài xếp hai cái cầm cạnh nhau: *hữu đức ty khế, vô đức ty triệt* —người có đức coi cái khế, người chẳng đức coi cái triệt. Chữ *ty* là coi, là cầm giữ một việc; chữ *khế* vẫn là nửa cái thẻ lúc nãy; chữ *triệt* là cái đòi, cái thu, cái đứng ra đếm từng món mà lấy về. Cùng một chỗ đứng, một bên cầm nửa thẻ rồi thôi, một bên cầm cái đếm. Ngài chẳng kể bên nào được, bên nào mất, ngài chỉ kể hai cách cầm. Cụm *báo oán dĩ đức* ở đầu chương tôi đã gặp một lần ở chương 63, rồi ở điển tích dưới kia còn có câu của Luận ngữ bảo lấy cái ngay mà báo oán —hai câu ấy cùng đứng trước một cái oán dư, mỗi câu cầm lấy nó một kiểu, tôi đọc đi đọc lại vẫn chẳng dám thêm lời bênh bên nào. Như chiều nay ngoài sạp chợ, cô bán hàng cân mớ rau cho người đã lỡ lời hôm trước, chẳng bớt đi một cọng, cũng chẳng thêm vào một nắm cho êm, quả cân vẫn đứng ngang vạch cũ, và hai người chẳng ai nhắc lại câu hôm trước.

Câu cuối ngài buông thật xa mà vẫn gần: *thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân* —đạo trời chẳng riêng ai, vẫn thường đứng về người lành. Chữ *thân* là thân thích, là cái riêng đem ra mà thiên đi một bên; chữ *dữ* là cho, là cùng, là đứng chung một phía; chữ *thiện nhân* là người lành, chẳng phải người được khen. Ngài chẳng bảo trời thưởng ai, ngài bảo trời chẳng có chỗ riêng để mà thiên, vậy mà cái chẳng riêng ấy vẫn cứ ngả về phía người lành, tựa vệt nắng trên mặt bàn cứ ngả dần về phía cái chén đang úp, chẳng ai xê dịch nó. Ấm trà trên bàn tôi đặt xuống vẫn ấm, chén úp cạnh đó vẫn khô, vệt nước lau bát lúc nãy còn đọng một đường mỏng dọc rãnh, chưa khô hẳn. Sang chương sau, cái chẳng đòi ấy thôi đứng ở cái khế, hiện ra bằng một xóm nhỏ, người ở thưa, có thuyền có xe mà chẳng ai đi đâu.

Chỗ hay về bản văn: 「不責于人」 lại dùng 「于」 thay cho 「於」, nối tiếp chuỗi ch23, ch40, ch63, ch64, ch69, ch73, ch75, ch78 — tôi **giữ nguyên**, phiên *vu*, và gộp chung một cờ 于 / 於. Riêng 「報怨以德」 ở đây đã soi cùng ch63 và cùng câu đối đáp của Luận ngữ trong điển tích dưới. Đã gắn cờ.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: lấy ngay báo oán, lấy đức báo đức.

Trong *Luận ngữ · Hiến vấn* có một câu hỏi ngắn mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh cái oán dư đầu chương này: có người hỏi thầy có nên lấy đức mà báo oán, thầy đáp ngược lại bằng một câu hỏi, rồi chép lại gọn (以直報怨，以德報德。) —lấy cái ngay mà báo oán, lấy đức mà báo đức. Chữ *trực* là ngay, là thẳng, là chẳng uốn theo bên nào, cũng chẳng uốn thêm một lần cho êm; chữ *đức* ở vế sau là chính cái lành đã nhận, đem đáp lại cái lành. Thầy chẳng bảo cái đáp kia sai, thầy chỉ đặt thêm một cái đáp khác ngay bên cạnh, như người cầm cân ngoài chợ, chẳng thêm cho bên này, chẳng bớt cho bên kia, quả cân vẫn lơ lửng đúng vạch cũ. Tôi nhớ bà tôi xưa có lần bị hàng xóm trách nhầm, bà chẳng đáp lại bằng một câu dịu hơn để được xuôi, cũng chẳng đáp bằng một câu gắt, bà chỉ múc bát canh đặt sang như mọi bữa, rồi cất cái gáo dừa lên kệ, chẳng nói thêm.

Có người hỏi có nên lấy đức báo oán, thầy đáp: lấy cái ngay mà báo oán, lấy đức mà báo đức. Đặt ngay cạnh *báo oán dĩ đức* của chương này —hai câu cùng một chỗ, hai cách cầm lấy cái còn dư.

Trung Dung: chẳng oán trời, chẳng trách người.

Trong *Trung Dung · chương 14* có một câu kể cái đứng yên của người quân tử, ngắn đến mức đọc xong còn ngỡ thiếu một vế: (上不怨天，下不尤人。) —trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người. Chữ *oán* là cái còn giữ trong lòng, chữ *vưu* là đổ lỗi, là chỉ tay ra chỗ khác cho nhẹ mình đi; hai vế cùng dùng một chữ *bất*, mà chẳng vế nào cần nói mình đang nhịn. Thầy chẳng bảo trời đã đúng hay người đã sai, thầy chỉ kể một cái chẳng xảy ra: chẳng có lời nào bay lên, chẳng có ngón tay nào chỉ xuống. Sáng nay mưa bất ngờ ập vào luống rau mới xới, mấy cây non nằm nghiêng, bà tôi ra xới nhẹ quanh gốc cho đất hở, rồi úp cái rổ lên che nắng trưa, chẳng ngó lên trời một lần, cũng chẳng hỏi ai tưới hôm qua, tay còn dính đất ướt, vạt áo dính mấy cọng rau.

Trên chẳng oán trời, dưới chẳng trách người. Cái *chấp tả khế nhi bất trách vu nhân* ở chương này cũng vậy: cầm nửa cái khế mà chẳng đem ra đòi.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi chan nước vào ấm như mọi sáng, rồi ra ngõ mua mớ rau, chẳng nói với ai là mình vừa pha trà. Lúc bà về, ấm đã sôi, hơi bốc qua khe nắp, chén vẫn úp trên khay như hôm qua. Cái rổ sang nhà bên hôm trước đã về, quai buộc lại bằng sợi dây gai xanh, bà đặt nó úp lên đúng vết lõm cũ trên kệ gỗ, chẳng mở ra xem, cũng chẳng hỏi ai buộc.

Ngoài sạp chợ cuối xóm, cô bán rau cân mớ cải cho bà cụ đã lỡ lời hôm trước. Quả cân đứng ngang vạch cũ, chẳng dư một cọng, chẳng thiếu một lá. Cô gói rau vào tờ giấy báo cũ, buộc bằng sợi dây gai, rồi úp cái rổ sách lên che nắng xiên chiều. Bà cụ cầm gói rau đi, chẳng ai nhắc lại câu hôm trước, vệt nước rửa rau hôm qua còn đọng ở rãnh dưới chân sạp, chảy chậm về phía cửa.

Chiều tôi ngồi bàn bếp, ấm đặt lệch sang phía thấp của khay, chén úp cạnh đó. Tôi lau mặt bàn bằng cái khăn cũ, vậy mà vẫn còn một đường nước mỏng dọc rãnh gỗ, chưa khô hẳn. Tôi định lấy khăn lau thêm một lượt, rồi thôi, đặt khăn nằm ngang trên mép bàn. Hơi nồi canh bốc lên làm mờ một góc kính, rèm cửa lay một cái rồi đứng yên, tiếng xe ngoài ngõ chạy qua, chậm, rồi chưa xa.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Vệt nước lau bát còn đọng dọc rãnh gỗ.
Nửa cái thẻ tre nằm trong hộp gỗ, chẳng đem ra.
Quả cân đứng ngang vạch cũ, rổ vẫn úp chỗ cũ.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第八十章

Nước nhỏ, người ít

小國寡民

小國寡民。
Tiểu quốc quả dân.

使有什伯之器而不用；使民重死而不遠徙。
Sử hữu thập bá chi khí nhi bất dụng; sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ.

雖有舟輿，無所乘之，雖有甲兵，無所陳之。
Tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi, tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi.

使民復結繩而用之。
Sử dân phục kết thằng nhi dụng chi.

甘其食，美其服，安其居，樂其俗。
Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục.

鄰國相望，雞犬之聲相聞，民至老死，不相往來。
Lân quốc tương vọng, kê khuyển chi thanh tương văn, dân chí lão tử, bất tương vãng lai.

GẪM

Chương trước ngài cầm nửa cái khế mà chẳng đòi ai, rồi khép bằng *thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân* —đạo trời chẳng

riêng ai. Sang chương này ngài chẳng nhắc đến oán nữa, ngài đem cái chẳng riêng ấy đặt xuống thành một chỗ ở: *tiểu quốc quả dân* —nước nhỏ, người ít. Chữ *tiểu* là nhỏ, chữ *quả* là ít, là thưa. Ngài mở bằng bốn chữ đứng yên. Rồi ngài kể tiếp: *sử hữu thập bá chi khí nhi bất dụng; sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ* —có những món đồ đếm đến mười, đến trăm, vậy mà chẳng đem dùng; để dân coi nặng cái chết mà chẳng dời đi xa. Chữ *sử* là để cho, chữ *khí* là đồ dùng; *trọng tử* là coi nặng cái chết, *viễn tỉ* là dời đi xa. Riêng cụm *thập bá chi khí*, tôi phiên *thập bá*, giữ nguyên hai chữ đang in như đã ghi ở dòng chú dưới kia, chẳng sửa, cũng chẳng chọn lấy một dạng khác thay vào. Sáng nay tôi ngó mấy món ngoài hiên nhà bà, bà chẳng đem thêm cái gì vào.

Rồi ngài kể tiếp bằng hai vế đi đôi, mỗi vế đều có mà chẳng dùng: *tuy hữu chu dư, vô sở thừa chi, tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi* —dẫu có thuyền có xe, chẳng có chỗ mà đi; dẫu có áo giáp có binh khí, chẳng có chỗ mà bày. Chữ *tuy* là dẫu, *chu dư* là thuyền với xe, *thừa* là cưỡi đi, *trần* là bày ra thành hàng cho ai ngó. Ngài chẳng bảo đập thuyền đi, cũng chẳng bảo cất giáp đi; thuyền vẫn có, xe vẫn có, chỉ là chẳng có việc gì bắt chúng phải đem ra. Cái thuyền gỗ vẫn úp trên bờ mương, dây buộc còn quấn ở mũi, chẳng ai đẩy xuống nước. Câu nối theo sau ngắn hơn cả: *sử dân phục kết thằng nhi dụng chi* —để dân lại thắt dây mà dùng. Chữ *phục* là trở lại, *kết thằng* là thắt nút trên sợi dây để ghi nhớ, chẳng phải lui đi đâu cả. Bà tôi vẫn buộc một nút dây gai ở quai rổ để phân rổ đi chợ với rổ phơi thóc, hai nút đặt lệch nhau một đốt ngón tay, chẳng cần ghi chữ nào thêm.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *an*, chữ đứng thứ ba trong bốn vế ngài xếp ngay sau đó. Phía trên nó là một mái nhà, nét cong úp xuống như mái ngói cũ; người xưa gọi cái mái ấy là bộ *miên*, xếp nó vào hàng những chữ vẽ bằng mái che. Phía dưới, ngay dưới mái ấy, là một người ngồi xếp chân, hai tay đặt gọn trong lòng, chẳng đứng dậy, chẳng ngó ra cửa. Nghĩa cũ của cái yên ấy chẳng nằm ở khoá, ở rào; nó nằm ngay ở một người đang

ngồi yên dưới chính mái nhà mình, đủ che, đủ ấm, nên chẳng cần thêm gì đứng canh ở ngoài. Tôi đọc mà nhớ cái bậc cửa nhà bà tôi, chiều nào bà cũng ngồi đấy, lưng tựa cột gỗ, mái hiên thấp che vừa tới vai, nắng lọt qua kẽ lá khế nằm thành vệt trên vạt áo, bà chẳng dời chỗ, vệt nắng dời đi một chút rồi cũng đứng yên.

Bốn vế ấy ngài xếp cạnh nhau, chẳng thêm một chữ nối: *cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục* —ngọt cái ăn, đẹp cái mặc, yên chỗ ở, vui cái nếp. Chữ *cam* là ngọt, chữ *mỹ* là đẹp, chữ *an* là yên lúc nãy, chữ *lạc* là vui, chữ *tục* là nếp đã quen, là cái cứ lặp lại mỗi bữa chẳng cần ai đặt tên. Lạ ở chỗ bốn chữ ấy đều tả cái đang có, chẳng có chữ nào đòi thêm: chỉ bảo ngọt, đẹp, yên, vui ngay tại cái đang ngọt, đang đẹp, đang yên, đang vui. Trưa nay bà tôi dọn cơm trên chiếu cũ, bát canh cải luộc, đĩa cá kho nhỏ, nồi cơm úp vung còn bốc hơi; chẳng ai bảo ngon mà bát nào cũng vơi hết, bà úp vung lại đúng chỗ cũ, chẳng thêm món nào cho chiều.

Khép chương bằng một cảnh, ngài chẳng gọi tên nó là gì hết: *lân quốc tương vọng, kê khuyển chi thanh tương văn, dân chí lão tử, bất tương vãng lai* —nước láng giềng ngó thấy nhau, tiếng gà tiếng chó nghe thấy nhau, dân tới già tới chết, chẳng đi lại với nhau. Chữ *vọng* là ngó từ xa, *tương văn* là nghe sang bên kia, *vãng lai* là đi qua rồi về. Ngài chỉ kể: mái nhà bên kia vẫn nhô lên khỏi hàng rào, tiếng gà gáy vẫn lọt qua, tiếng chó sủa chiều vẫn rõ, vậy mà chẳng ai bước qua bậc cửa mình để sang. Chẳng có lời nào bảo cấm, cũng chẳng có lời nào khen: khói bếp bên này bay lên, khói bên kia cũng bay lên, hai làn ngang qua nhau trên ruộng, rồi mỗi làn về mái mình. Tối nay tôi ngồi bàn, ấm đặt xuống vẫn ấm, chén úp cạnh đó vẫn khô. Sang chương sau, cái chẳng thêm ấy sẽ bớt cảnh đi, chỉ còn một câu mở ngắn đến mức chẳng sửa cho đẹp: lời thật chẳng đẹp.

Chỗ hay về bản văn: bản điện tử chép 「什伯之器」—chữ 「什伯」 có bản đọc là *thập bá*, có bản giải là mười với trăm, lại có bản chép 「十百」. Tôi **giữ nguyên** hai chữ đang in, phiên *thập bá*, không quy về một cách viết nào. Câu 「使民復結繩而用之」 cũng đã soi với ảnh quét Vương Bật 1980.

ĐIỂN TÍCH 典

Mạnh Tử: năm mẫu nhà, trồng dâu dưới tường.

Trong *Mạnh Tử · Lương Huệ Vương thượng* có một câu kể cái đủ ngay quanh nhà, đọc lên thấy nó đứng sát bốn vế chương này: (五畝之宅，樹之以桑，五十者可以衣帛矣。) —năm mẫu đất quanh nhà, đem dâu trồng vào đấy, người năm mươi đã có lụa mà mặc. Chữ *mẫu* là thước đất, chữ *thụ* là trồng, chữ *tang* là cây dâu, chữ *y bạch* là mặc lụa. Thầy chẳng kể một xưởng dệt, chẳng kể một chuyến xe chở vải đi đâu, thầy chỉ kể một gốc dâu đặt ngay dưới chân tường, rồi một cái áo đủ ấm cho người đã đứng tuổi, gọn trong một câu. Cái tuổi năm mươi ấy chẳng phải con số để tính, nó là lúc lụa vừa kịp tới, như bà tôi vẫn bảo cây dâu sau bếp trồng hồi tôi chưa biết đi, giờ lá đã đủ che cả cái rổ phơi thóc đặt dưới gốc. Sáng nay bà hái mấy lá dâu non bỏ vào rổ, chẳng nói trồng từ bao giờ, chỉ vun lại nắm đất quanh gốc rồi úp rổ lên che nắng, vệt nắng lọt qua kẽ lá nằm im trên miệng rổ.

Năm mẫu đất quanh nhà, trồng dâu vào đấy, người năm mươi đã có lụa mà mặc. Cái *cam kỳ thực, mỹ kỳ phục* của chương này chẳng cần thêm gì ở ngoài bờ rào.

Kinh Thi: mười mẫu dâu, người hái thong thả.

Trong *Kinh Thi · Ngụy phong · Thập mẫu chi gian* có một bài ngắn mà tôi đọc lên thấy chính là cái cảnh cuối chương này, còn đang đứng yên chưa ai đặt cho nó một cái tên gì: (十畝之間兮，桑者閑閑兮，行與子還兮。) —giữa mười mẫu dâu, người hái dâu thong thả, đi rồi cùng nhau về. Chữ *nhàn nhàn* ấy là thong thả, là chẳng vội, chẳng phải rảnh việc, là tay cứ hái đúng nhịp của nó; chữ *hoàn* là về, mà bài thơ bảo về cùng nhau, chẳng ai đi trước, chẳng ai ở lại một mình. Bài ca chẳng

kể được mấy lá dâu, cũng chẳng kể ai hái giỏi hơn ai, nó chỉ kể một bước chân đi rồi một bước chân về, và cái *cùng* ấy nằm ngay ở chữ cuối. Chiều qua tôi đi ngang ruộng dâu cuối xóm, hai bà cụ gánh rổ ra về, dừng lại ở bờ rào đứng nói mấy câu rồi cùng bước tiếp, bóng hai cái rổ úp lệch nhau một chút trên mặt đường đất, tiếng gà bên kia bờ vọng sang, chẳng ai quay lại ngó.

Giữa mười mẫu dâu, người hái dâu thong thả, đi với nhau rồi cùng về. Đây là *lân quốc tương vọng, kê khuyển chi thanh tương văn* trước khi ai kịp gọi tên nó.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay bà tôi đếm mấy món ngoài hiên: cái cối gạo kê trên hai viên gạch, cái chày gác ngang miệng cối, cái rổ sách úp che nắng, cái chậu sành đặt chỗ sân trũng. Bà chẳng đem thêm cái gì vào, cũng chẳng cất bớt cái gì đi, chỉ dịch cái rổ úp nghiêng đi một chút cho bóng che trọn mớ rau. Cái thuyền gỗ của chú tôi vẫn úp trên bờ mương, dây buộc còn quấn ở mũi, rong khô dính dọc mạn, chẳng ai đẩy xuống nước.

Trưa, bà dọn cơm trên cái chiếu cũ đặt ngay bậc cửa: bát canh cải, đĩa cá kho nhỏ, nồi cơm úp vung hơi còn bốc qua khe nắp. Bà múc cho tôi rồi múc cho mình, cái áo vải phơi từ sớm còn mùi nắng khô dính ở vai. Bát nào cũng vơi hết, chẳng ai bảo ngon, bà úp vung lại đúng chỗ cũ, vệt nắng lọt qua mái hiên nằm ngang trên mặt chiếu, dịch đi một chút rồi đứng yên.

Chiều tôi ra bờ rào cuối xóm, mái nhà bên kia nhô lên khỏi hàng cau, tiếng gà gáy lúc gần sáng còn vọng lại trong tai, tiếng chó sủa đâu đó nghe rõ mà chẳng ai bước sang. Khói bếp bên này bay lên, khói bên kia cũng bay lên, hai làn ngang qua nhau trên ruộng rồi mỗi làn về mái mình. Tôi đứng một lát rồi quay vào, ấm trên bàn vẫn ấm, chén úp cạnh đó vẫn khô, tôi chẳng dời thứ gì đi.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Thuyền vẫn úp trên bờ, dây buộc còn quấn ở mũi.
Hai nút dây gai đặt lệch nhau một đốt ngón tay.
Vệt nắng nằm ngang mặt chiếu rồi đứng yên.
Chén vẫn úp, ấm còn ấm, tiếng xe ngoài ngõ chưa xa.

第八十一章

Lời thật chẳng đẹp

信言不美

信言不美，美言不信。
Tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín.

善者不辯，辯者不善。
Thiện giả bất biện, biện giả bất thiện.

知者不博，博者不知。
Tri giả bất bác, bác giả bất tri.

聖人不積，既以為人己愈有，既以與人己愈多。
Thánh nhân bất tích, ký dĩ vi nhân kỷ dũ hữu, ký dĩ dữ nhân kỷ dũ đa.

天之道，利而不害；聖人之道，為而不爭。
Thiên chi đạo, lợi nhi bất hại; thánh nhân chi đạo, vi nhi bất tranh.

GẪM

Chương trước ngài khép bằng tiếng gà tiếng chó nghe được mà chẳng ai bước qua, khói hai bên bếp bay lên rồi mỗi làn về mái mình. Sang chương này ngài bớt cảnh đi, mở bằng một câu ngắn đến mức đọc xong cứ ngỡ mình nghe nhầm: *tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín* —lời thật chẳng đẹp, lời đẹp chẳng thật. Chữ *tín* là thật, là lời còn nằm đúng chỗ người nói; chữ *ngôn*

là lời; chữ *mỹ* là đẹp, là được sửa cho vừa mắt. Hai vế chỉ đổi chỗ hai chữ ấy cho nhau, chẳng có một chữ nhưng nào chen giữa, ngài cứ để cái thật và cái đẹp đứng sát nhau rồi lùi lại, tỉnh queo như người đặt chén xuống rồi úp chén ngay cạnh ấm. Ngài chẳng chê cái đẹp, cũng chẳng khen cái thật, ngài chỉ kể: lời còn đang thật thì chưa kịp sửa cho đẹp, lời đã sửa cho đẹp rồi thì cái thật ấy đã đứng dời đi một nhịp. Sáng nay bà tôi bảo nước sôi rồi, chỉ một câu ấy, chẳng thêm câu nào cho êm, cũng chẳng khen trà gì, rồi bà nhấc ấm xuống khỏi bếp, hơi còn bốc qua khe vung.

Rồi ngài xếp tiếp hai cặp nữa, mỗi cặp cũng chỉ đổi chỗ hai chữ: *thiện giả bất biện, biện giả bất thiện* —người lành chẳng biện, kẻ biện chẳng lành; *tri giả bất bác, bác giả bất tri* —người biết chẳng rộng, kẻ rộng chẳng biết. Chữ *biện* là lời lẽ khéo đưa ra để phân phải trái, là cái miệng sửa đi sửa lại cho câu được tròn; chữ *bác* là rộng, là nhiều, là ôm đủ mọi đầu mối vào một chỗ. Ngài chẳng bảo cái biện là xấu, cũng chẳng bảo cái bác là hỏng, ngài chỉ kể một cái lệch rất nhỏ: cái lành đang đứng yên thì chẳng cần đem lời ra gỡ, cái biết đang đúng chỗ thì chẳng cần ôm thêm cho đầy. Ba cặp ấy cùng một nhịp, chẳng cặp nào thêm được một chữ giải thích ở giữa, cứ để hai vế tự soi vào nhau. Tôi nhớ con tôi tập kể lại chuyện ở lớp, lúc đầu nó kể ngắn, đúng mấy cái nó thấy; được một lúc nó thêm dần mấy câu cho câu chuyện nghe xuôi hơn, rồi tự nó ngưng lại, bảo thôi chỉ có thế thôi, rồi cầm bút vẽ tiếp vào trang giấy còn trắng. Trang giấy vẫn thừa một nửa, cái bút nằm ngang, con tôi chẳng vội gọi ai đến xem.

Chữ tôi ngồi lại thật lâu là *tín*, chữ mở đầu chương. Xưa người ta ghép nó bằng một người đứng nghiêng đặt ngay sát một cái miệng đang mở, mấy vạch hơi thở bay lên từ miệng ấy; người với lời đứng chung một chỗ, lời còn nằm ngay trong miệng người đang nói, chưa kịp đem ra sửa cho bóng bẩy, chưa kịp chuyền sang một miệng khác. Bên trái là bộ *nhân* đứng nghiêng, chỉ một nét nghiêng đặt tựa vào nét đứng; bên phải là bộ *ngôn*, cái miệng há ra với mấy vạch ngắn xếp trên nhau.

Nghĩa cũ của cái thật ấy chẳng nằm ở một lời thề, nó nằm ở chỗ người nói với lời nói chưa hề tách ra: còn đứng sát nhau thì lời chưa cần đẹp, vì nó chưa có chỗ nào để sửa. Tôi đọc mà nhớ bà tôi lúc nãy, bà bảo nước sôi rồi, rồi chính tay bà nhấc ấm xuống; câu với việc ấy dính lấy nhau như hai nét của chữ ấy, chẳng có một nhịp nào ở giữa để bà thêm vào cho êm hơn. Vệt nắng trên mặt bàn nằm im, cái chấm nước đầu tiên rơi xuống mép khay còn đứng đấy, chưa kịp loang. Nó đứng đấy một lát, mới loang đi một chút, rồi thôi.

Cặp cuối ngài kể bằng một cái rót, chứ chẳng bằng một lời răn: *thánh nhân bất tích, ký dĩ vi nhân kỷ dũ hữu, ký dĩ dữ nhân kỷ dũ đa* — bậc thánh chẳng gom, đã đem làm cho người thì mình càng có, đã đem cho người thì mình càng thêm. Chữ *tích* là gom, là chứa lại một chỗ cho đầy; chữ *ký* là đã, chữ *dũ* là càng, chữ *hữu* là có, chữ *đa* là nhiều. Ngài chẳng bảo ai phải cho, ngài chỉ kể cái xảy ra ở cái ấm: rót chén này sang, rót chén kia sang, mà ấm vẫn còn nước. Có chiều chú tôi ghé, bà tôi rót một chén đẩy sang, rồi rót thêm chén nữa cho đứa cháu, tôi lắc nhẹ cái ấm thấy vẫn nặng tay, bà chẳng ngó vào trong ấm, cũng chẳng châm thêm, cứ đặt ấm xuống đúng vòng mờ đã in sẵn trên mặt bàn. Hai chén cùng bốc hơi, chú tôi uống một ngụm rồi đặt chén xuống, đứa cháu úp chén nó lại ngay cạnh, chẳng ai nói câu nào về cái còn lại trong ấm. Hơi hai chén bay lên, gặp nhau rồi tan. Bà tôi lau một vệt nước trên mặt bàn bằng tay áo, rồi để tay ấy nằm yên trên đùi. Ấm đứng im. Chén đứng im. Chẳng ai rót thêm, cũng chẳng ai cất đi. Tôi ngồi nhìn vành ấm hơi ấm, chợt thấy mình chẳng cần gọi cái ấy là gì cả.

Rồi ngài buông hai vế cuối, gọn như hai lần đặt xuống: *thiên chi đạo, lợi nhi bất hại; thánh nhân chi đạo, vi nhi bất tranh* — đạo trời, lợi mà chẳng hại; đạo thánh nhân, làm mà chẳng tranh. Chữ *lợi* là làm cho được, chữ *hại* là làm cho hư đi, chữ *vi* là làm, chữ *tranh* là đưa tay vào giành cùng một chỗ. Đạo trời cứ cho mưa xuống, cho nắng lên, chẳng hỏi ai được ai mất; đạo thánh nhân cứ rót, cứ sửa cái lệch, cứ dọn bát, rồi chẳng đứng

ra nhận lấy việc ấy về mình. Vẫn làm, chẳng tranh, rồi thôi. Trước mặt tôi cái chén đang úp vẫn đứng yên, vệt nắng nằm ngang qua vành chén, vòng mờ trên mặt bàn còn nguyên, ấm đặt xuống chẳng dời đi đâu.

ĐIỂN TÍCH 典

Luận ngữ: lời khéo, mặt đẹp, ít có nhân.

Trong *Luận ngữ* · *Học nhi* có một câu ngắn mà tôi đọc lên thấy nó đứng ngay cạnh câu mở chương này: (巧言令色，鮮矣仁！) —lời khéo, nét mặt sửa cho đẹp, ít có nhân. Chữ *xảo* là khéo, là lời đã được gọt đi gọt lại cho vừa tai; chữ *lệnh* là sửa, chữ *sắc* là nét mặt, chữ *tiên* là ít, chữ *nhân* là cái thương còn nguyên chỗ của nó. Thầy chẳng bảo người nói khéo là giả, thầy chỉ kể một cái vơi đi: lời càng được gọt, nét mặt càng được sửa, thì cái còn nằm nguyên ở trong càng ít đi. Câu ấy chép gọn, có cả một tiếng cảm ở cuối, mà chẳng thêm một lời giải thích nào sau nó. Ngoài chợ sáng nay có người rao hàng, câu nào cũng tròn, cũng êm; rồi cô bán rau cạnh đấy bảo người mua một câu hôm nay cải hơi già, rồi thôi, đặt mớ rau xuống, tay còn dính đất, chẳng sửa lại câu ấy cho dễ nghe hơn, người mua vẫn cúi xuống chọn mấy cây.

Lời khéo, nét mặt sửa cho đẹp, ít có nhân. Câu *tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín* mở chương này cũng đứng ngay chỗ ấy, chẳng thêm một lời giải thích.

Luận ngữ: quân tử chẳng có gì mà tranh.

Trong *Luận ngữ* · *Bát dật* có một câu mà tôi vẫn đọc mỗi lần rót chén cho ai đó: (君子無所爭，必也射乎！揖讓而升，下而飲，其爭也君子。) —quân tử chẳng có gì mà tranh; nếu có, ắt là lúc bắn cung: vái nhường rồi lên, xuống rồi cùng uống, cái tranh ấy vẫn là quân tử. Chữ *vô sở tranh* là chẳng có chỗ nào để đưa tay vào giành; chữ *tập nhường* là vái rồi nhường nhau bước trước; chữ *thăng* là lên thềm bắn, chữ *ẩm* là uống. Điều lạ nằm ngay ở chữ cuối: sau khi bắn xong, chẳng ai đứng lại đếm ai trúng hơn, hai người cùng xuống, cùng cầm chén, cùng uống, rồi thôi. Cái còn lại chẳng phải phần thắng, là cái chén

đang được cùng cầm. Chiều nay chú tôi ghé, bà tôi pha ấm trà từ lúc nãy, rót một chén đẩy sang, rồi rót một chén cho mình, hai chén đặt cạnh nhau trên mặt bàn, cùng bốc hơi, chẳng ai bảo ai uống trước, cũng chẳng ai chờ ai, hơi bốc qua vung ấm rồi thôi.

Quân tử chẳng có gì mà tranh; nếu có, là lúc bắn cung: vái nhường rồi lên, xuống rồi cùng uống, cái tranh ấy vẫn là quân tử. Khép lại đúng *vi nhi bất tranh*: vẫn làm, chẳng tranh, rồi thôi.

ĐỜI NAY 今

Sáng nay ngoài ngõ có người rao hàng, câu nào cũng tròn, cũng êm. Cô bán rau cạnh đấy bảo bà cụ một câu hôm nay cải hơi già, rồi đặt mớ rau xuống, chẳng sửa lại cho dễ nghe hơn. Bà cụ vẫn cúi xuống chọn mấy cây, cô gói vào tờ giấy báo cũ, buộc bằng sợi dây gai, nắng xiên qua mái tôn nằm ngang trên miệng rổ, chẳng ai nhắc lại câu vừa nói.

Có chiều chú tôi ghé, bà tôi rót một chén đẩy sang, rồi rót thêm chén cho đứa cháu. Tôi lắc nhẹ cái ấm thấy vẫn nặng tay, bà chẳng ngó vào trong, cũng chẳng châm thêm, cứ đặt ấm xuống đúng vòng mờ đã in sẵn trên mặt bàn. Hai chén cùng bốc hơi, vành ấm còn ấm, chén úp cạnh đó vẫn khô.

Rồi hai người ngồi bàn bếp, cùng uống chén trà đã pha từ lúc nãy, chẳng ai bảo ai uống trước, chẳng ai chờ ai. Chú tôi đặt chén xuống, đứa cháu úp chén nó lại ngay cạnh, rèm cửa lay một cái rồi đứng yên. Trang giấy để trên bàn vẫn trắng, cái bút nằm ngang, bà tôi đứng dậy đi ra hiên, tay còn ấm từ quai ấm.

• • •

KHOẢNG LẶNG

Bàn tay chạm chén, vệt nắng nằm im, cái chấm nước đầu tiên còn đứng trên mép.

Ấm đặt xuống, chén úp lại đúng vòng mờ đã in sẵn trên mặt bàn, hơi bốc qua vung rồi thôi.

Rèm đứng yên, bà tôi đi ra hiên, trang giấy vẫn trắng.

Tiếng xe ngoài ngõ xa hẳn.